NĂM THỨ MƯỜI CHÍN • # 219 • JULY 2007

THẾ KỶ 21

14771 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: tapchitheky21@yahoo.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 139
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

SÔNG MEKONG
VÀ
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

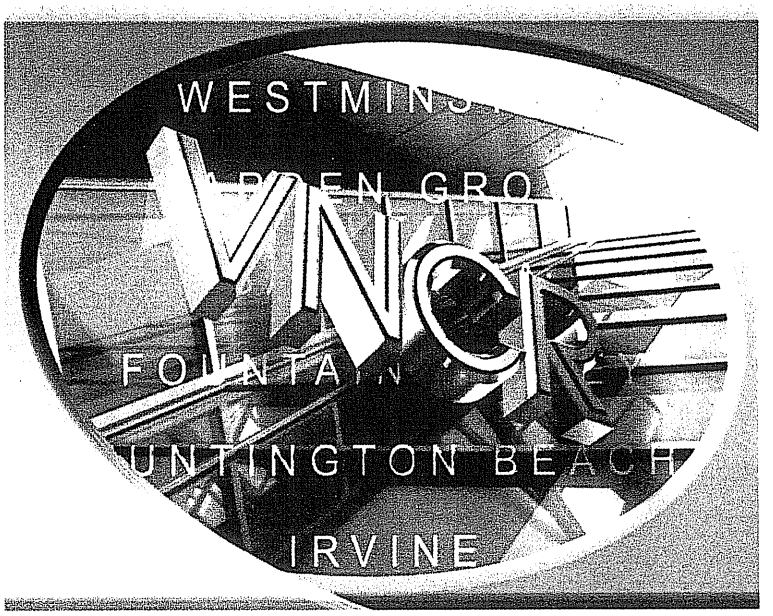

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!

QUẢNG CÁO NGAY TRÊN

WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

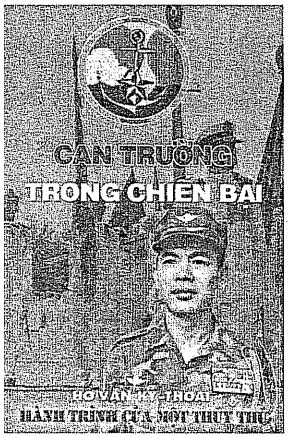

CAN TRƯỜNG TRONG CHIẾN BẠI
HỒ VĂN KỲ THOẠI

Hồ Văn Kỳ Thoại là một Đô đốc hải quân của Quân lực VNCH. Ông đã phục vụ trong hải quân Việt Nam suốt cuộc chiến chống lại sự bành trướng của cộng sản lấn chiếm xuống miền Nam. Cuốn sách này đã ghi chép các sự kiện xảy ra với nhiều chi tiết chính xác, ví dụ trận chiến chống Trung Cộng xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa đã được ông mô tả tỉ mỉ, cho thấy sự quyết tâm gìn giữ đất nước của quân đội miền Nam rất khác với thái độ đồng tình với kẻ thù của cộng sản miền Bắc. Giá 15 Mỹ kim.

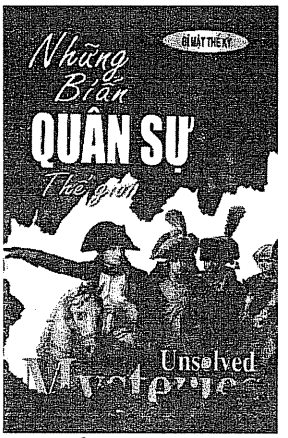

NHỮNG BÍ ẨN QUÂN SỰ THẾ GIỚI
Nhóm biên soạn DSC

Những trận chiến trong lịch sử nhân loại tuy đã chính thức đi vào sử sách nhưng vẫn còn rất nhiều bí mật liên quan đến con người, sự kiện, phương tiện... khiến người đời mãi mãi nghi vấn mỗi khi nhắc đến lịch sử chiến tranh. Những bí ẩn mang đậm màu sắc thần bí và truyền thuyết này chưa hề được làm sáng tỏ, vẫn đang cuốn hút tâm trí của nhiều nhà nghiên cứu lịch sử quan sự ngày nay. Giá 16 Mỹ kim.

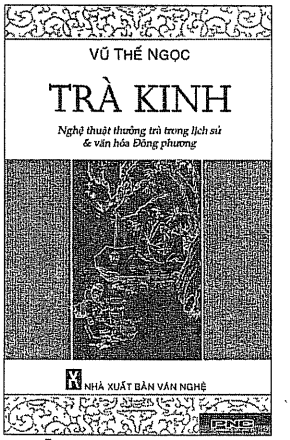

TRÀ KINH
VŨ THẾ NGỌC

Đây là một cuốn sách về nghệ thuật thưởng trà trong lịch sử và văn hóa Đông phương. Người Việt Nam đã biết uống trà từ hàng ngàn năm trước. Các quốc gia Đông phương khác như Trung Hoa, Nhật Bản cũng đã biết uống trà từ thời xa xưa, và đã nâng việc uống trà lên thành nghệ thuật, và có thể hơn nữa, một "đạo." Có lẽ đây là cuốn sách đầu tiên bằng Việt ngữ đầy đủ hơn cả trong việc tìm hiểu về trà, mà tác giả đã nâng lên thành một cuốn... kinh. Giá 9 Mỹ kim.

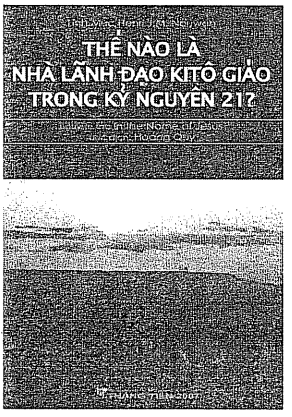

THẾ NÀO LÀ NHÀ LÃNH ĐẠO KITÔ GIÁO TRONG KỶ NGUYÊN 21?
HENRY J.M. NOUWEN; Hoàng Quý lược dịch.

Linh mục Henri J.M. Nouwen được coi là một tác giả lớn về tâm linh của thời đại mới, và đã là giáo sư của các Đại học danh tiếng như Notre Dame, Harvard, Yale. Trong sách này ông đã cảnh cáo ba cái cám dỗ đối với lớp lãnh đạo tôn giáo: muốn trở thành sáng giá, muốn nổi bật và ham muốn quyền lực. Không tránh xa được những cám dỗ ấy mà dấn thân hành đạo thì cũng giống như một chiếc xe chữa lửa mà không có giọt nước nào để xịt vào đám cháy. Giá 7 Mỹ kim.

TÌNH ĐIÊN
NGUYÊN HOÀNG NGÔN

Với tập truyện ngắn này, tác giả muốn bày tỏ rằng người đang yêu chính là người điên và người đang điên chính là người đang yêu. Nhưng Tình Điên sẽ cho chúng ta thấy dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người luôn luôn hy vọng, vượt qua khỏi đau khổ cay nghiệt của định mệnh. Tình yêu có một sức mạnh vô hình, mà cuộc sống con người không thể thiếu. Giá 11 Mỹ kim.

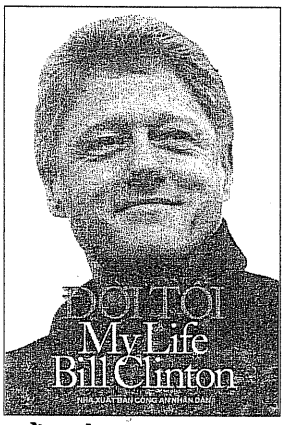

ĐỜI TÔI (MY LIFE)
BILL CLINTON;
bản dịch của **Trần Hà Nguyên.**

Hồi ký của Tổng thống Bill Clinton, một trong các tổng thống trẻ nhất Hoa Kỳ. Ông kể chuyện một cách khéo léo và trôi chảy, chuyện của đời tư lẫn với chuyện đời công. Câu chuyện của ông đúng là một điển hình của nước Mỹ mà một người Mỹ bình thường có thể thấy mình trong đó. Một cuốn sách những chính trị gia tương lai phải đọc, và người Mỹ bình thường cũng như công dân của thế giới trong thời toàn cầu hóa phải đọc. Giá 35 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: *Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

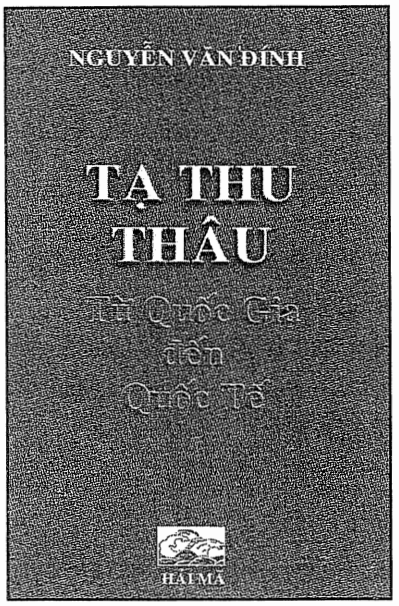

TẠ THU THÂU
Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế
NGUYỄN VĂN ĐÍNH
Giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: **Nhà xuất Bản Hải Mã**
P.O. Box 19543
Amarillo, Texas 79114 – USA
E-amil: phieutran@sbcglobal.net

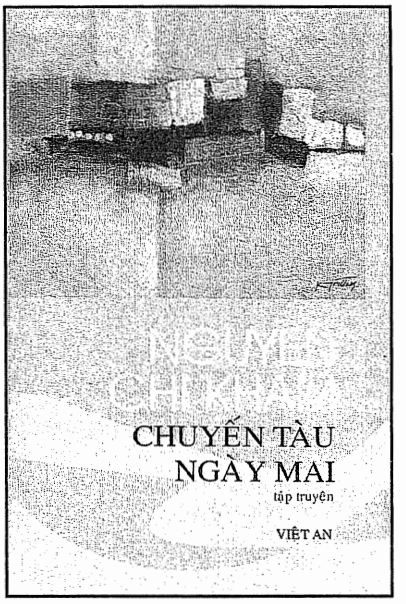

CHUYẾN TÀU NGÀY MAI
Tập truyện của NGUYỄN CHÍ KHAM
giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: **Nguyễn Chí Kham**
515 South Jackson St.
Santa Ana CA 92704 – USA
Điện thoại: (714) 531-3126

Ổ TÌNH LẬN LƯNG
Tập họp thơ LUÂN HOÁN
Liên lạc: **Nhà xuất bản Nhân Ảnh**
3359 Scotch Pine Gate
Mississauga, Ont L5N 7M9 Canada.
E-mail: lehan3359ca@yahoo.com

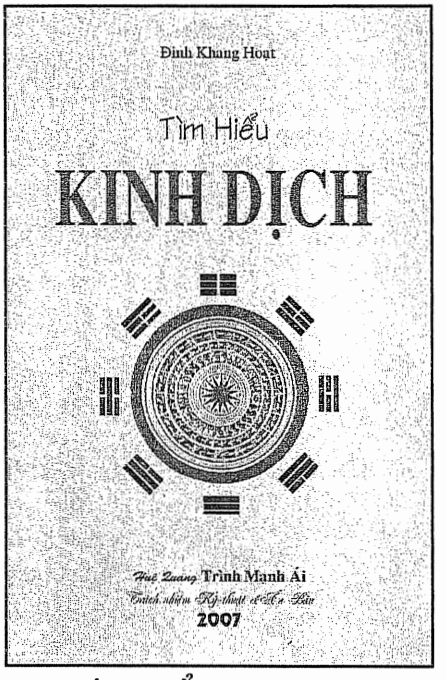

TÌM HIỂU KINH DỊCH
ĐINH KHANG HOẠT
(Không ghi giá tiền,
tên nhà xuất bản và địa chỉ liên lạc)

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **tapchitheky21@yahoo.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Liên lạc với Ban Trị Sự
(714) 892-9414 Ext. 141
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: **Sông nước miền Nam**, ảnh của nhiếp ảnh gia **Trần Tuấn.**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Tôn Nữ Thu Nga, Trần Tuấn, Ngô Thế Vinh**, tư liệu.

MỤC LỤC
Số 219 – Tháng Bảy 2007

CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
7. Hệ thống phòng thủ phi đạn – **Nguyễn Anh Tuấn**
13. Hội nghị Liễu Châu then chốt – **Tiền Giang; Tam Dương** dịch

SÔNG MEKONG VÀ CHÂU THỔ SÔNG CỬU LONG
6. Thư Tòa soạn
19. Từ đồng bằng sông Cửu Long đến châu thổ Nam California – **Phạm Phan Long**
23. Từ Ủy ban đến Ủy hội sông Mekong – **Ngô Thế Vinh**
30. RFI phỏng vấn Kỹ sư Nguyễn Hữu Chung – **Ánh Nguyệt** *phỏng vấn*
33. Môi trường động và thực vật đồng bằng sông Cửu Long – **Nguyễn Đức Hiệp**
39. Nhà ở cho nông dân đồng bằng sông Cửu Long – **Nguyễn Trần Đạt**
44. Sông Mekong qua thời gian – **Tâm Bình**
70. Ngược dòng vạn dặm trường giang – *thơ* **Trần Văn Nam**
71. Thảm kịch môi sinh trên sông Tùng Hoa và cách ứng xử của Trung Quốc – **Ngô Thế Vinh**
75. Vùng đất ngập Đồng Tháp Mười – **Trần Nguơn Phiêu**
78. Nhớ có lần, trên bến bắc khuya, nghe một ông lão đàn hát – *thơ* **Tô Thùy Yên**
80. Người Chăm nơi đồng bằng sông Cửu Long – **Dohamide**
88. Phái đoàn thám hiểm sông Mekong Doudart de Lagrée – **Trần Anh Tuấn**
95. Đạo Hòa Hảo trong lịch sử – **Trần Gia Phụng**
101. Bài hát Cửu Long – *thơ* **Nguyên Sa**
102. Tiếng hò trong đêm vắng – **Phi Vân**
104. Rừng mắm – **Bình Nguyên Lộc**
108. Bao giờ ta hết ngạc nhiên– *thơ* **Đạm Thạch**
111. Bắt sấu rừng U Minh Hạ – **Sơn Nam**
112. Hương rừng Cà Mau – *thơ* **Sơn Nam**
114. Dì Mười – **Huỳnh Hữu Cửu**
115. Lời dạy của Mẹ về thời gian và văn minh – *thơ* **Trang Thế Hy**
117. Lý con sáo sang sông – **Nguyễn Ngọc Tư**
118. Chợ nổi Cà Mau – **Nguyễn Ngọc Tư**

MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết, Hộp thư Trị sự
57. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
63. Trang Chuyện Phiếm – **Song Thao**

Có oan gì đâu mà giải

Tôi nghe nói khi ban lãnh đạo của Làng Mai "thương thuyết" với sứ quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Paris để về nước lập Đàn Giải Oan thì đụng phải một khó khăn về danh xưng: phía nhà nước Việt Nam không chịu hai tiếng Giải Oan, trong khi phía Làng Mai thì theo truyền thống dân tộc, xem những cái chết vì chiến tranh đều là chết oan cả, và làm đàn tràng giải oan thì chẳng qua cũng là lặp lại công việc mà cha ông đã làm từ xa xưa.

Lập luận chính của phía chính quyền Việt Nam là chết cho chính nghĩa thì không có gì là oan cả, do đó không việc gì để giải hết. Về phương diện lý luận hình thức thì nói thế nghe cũng xuôi tai. Càng xuôi tai nếu đứng trên lập trường vô thần, hoàn toàn không tin có một "cõi bên kia," và coi những cảnh "tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt" như Nguyễn Du tả trong Văn tế Thập loại Chúng sinh là những thứ mê tín của một thời kỳ con người còn tối tăm, chưa được thuyết vô thần Mác Lê soi sáng.

Nhưng tôi tin lập trường đó của phía chính quyền Việt Nam chẳng qua là một thứ sĩ diện hão mà thôi. Đã lỡ tuyên bố theo thuyết vô thần thì phải làm ra vẻ vô thần thực thụ, chứ thực tế họ đang sống trong một nước Việt Nam đầy rẫy tín ngưỡng về tâm linh đang trỗi dậy mà họ biết có đàn áp cũng chẳng được. Không lâu sau khi chiến tranh chấm dứt, chính người dân miền Bắc đã khởi xướng lên phong trào tìm mồ mả, xương cốt của người thân đã bỏ mình trong suốt nửa thế kỷ chém giết. Theo duy vật thì chết là hết, người không có hồn, do đó làm gì có cõi âm cho hồn ẩn trú, làm gì có nỗi oan khuất, và hài cốt chẳng qua chỉ là một mớ vật chất vô dụng chỉ còn vai trò làm phân bón cho đất thôi. Như thế việc gì phải tìm kiếm, lại bày đặt vụ ngoại cảm ngoại kiếc cho mất công. Lại còn đưa ra cái vụ giải oan thì càng tào lao hơn nữa. Đảng ta là đảng mác xít, ai lại thả lỏng cho dân đi làm những chuyện trời ơi đất hỡi như vậy?

Chính quyền cộng sản từ năm 1945 đã từng phá đình, chùa, đền thờ..., đã từng đả phá tập tục tín ngưỡng của dân tộc chúng ta một cách hết sức là mạnh mẽ. Rõ ràng họ muốn thay thế thần Phật, thánh hiền, thậm chí ông bà tổ tiên bằng một hệ thống các đấng bậc khác có tên Các Mác, Lê Nin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh.

Thế mà ngày nay chính quyền cho thầy Nhất Hạnh về cúng kiến trong nước là họ đã chịu thuận theo dân tộc nhiều rồi. Họ chỉ làm bộ làm khó về chuyện "lính phe tôi có oan gì đâu mà giải" thì chỉ là lấy chút hình thức chữ nghĩa để ra vẻ "giữ vững lập trường," chứ thực tế đau thương của dân tộc thì chúng ta giải quyết theo cách của dân tộc mình, từ bao thế kỷ trước ông cha đã làm, bây giờ con cháu lại noi gương cũ để tự giải cho mình những oán hờn chất chứa trong suốt thế kỷ 20.

Trần Văn Sang, *Paris*

Giải oan và đòi giải oan

Trong tờ THẾ KỶ 21, số 6/2007, ngoài những bài chính trị, kinh tế, xã hội giá trị, còn có hai loạt bài đáng chú ý.

Khi đang đọc 11 bài trong loạt bài **Thiền sư Nhất Hạnh và Đàn tràng Giải oan**, trong THẾ KỶ 21, số kể trên, tôi cứ tưởng mình đang cầm tờ THẾ KỶ 12. Ngoài những ý tưởng, tư tưởng trong các bài viết, còn có những hiện tượng được nêu ra như: mưa cam lộ (bài tin tổng hợp, trang 10); "Tấm phướn (bằng vải mỏng) nhúng xuống sông [Rạch Chiếc: nv] để vớt vong đã trở nên trĩu nặng. Phải tám người dùng hết sức lực mới kéo tấm phướn đó lên&" ; rồi, "Cây đèn của thầy khi được thả xuống sông, đã quay nhiều vòng trước khi trôi theo giòng nước [sông Hương: nv]; khác hẳn với các cây đèn khác, chỉ quay một nửa hay một vòng là trôi đi ngay.", (bài của Tiểu Huyền, trang 114). Ấy là chưa kể 3 bài thơ: *Du mộng* của Tô Thùy Yên, bài *Mai về* của Bùi Giáng, và bài *Bình minh* của Tuệ Sỹ, cũng ngầy ngật, quyền quyện như các bài viết kể trên. Đầu óc tôi cứ đòi giải oan.

Ngoài ra còn có loạt bài **Tưởng niệm Thanh Nam**. Quý giá vô cùng. Và tôi không ngờ Thanh Nam viết truyện ngắn hay đến như vậy. Lại còn bài *Nghìn trùng Thanh Nam* của Tuý Hồng, (vợ của Thanh Nam). Tôi nghĩ bài này là bài văn mẫu cho những người Việt nào muốn viết hồi ký, hay viết về những nhân vật mà mình biết, những nhân vật có tăm tiếng, hay tai tiếng, hay cả hai. Đầu óc nặng trĩu của tôi đã được giải oan, là nhờ lá phướn (bằng vải dày) này của Túy Hồng, được phơi phới là nhờ cơn mưa cam lộ này. Hạnh tai! Hạnh tai!

Nguyễn Văn Thà,
Oslo, Na Uy.

Độc Giả Mới

Trần Mặc Hoa Huyền – MO.

Độc Giả Gia Hạn

Thúy Amstrong – New Zealand; Westminster Lib – CA; Đoàn Hữu Phương – PA; Danny Bùi – CA; Dinh Thi Minh – Canada; Giao Vu – IA; Nguyen Kim Viet – CA; Medex Drug – CA; Quýnh Nguyễn – CA; Minh Cong Tran – CA; Nguyen Van Son – TX; Hoàng Huy Khánh – MA; Nguyen Di – France; Thach Nguyen – FL; Trịnh Hiếu Chánh – TX; Hong T Mai – CA; Tran Vance – CA; Radio Free Asia – DC; Hung Xuan Phan – WA; To Ngoc Bui – CA; Hung Da Ngo – CA; Buu Doan – CA; Nguyễn Tường Việt – VA; Bùi Quyền – CA.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Linh Do – TX.

THƯ TÒA SOẠN

Năm nay đánh dấu Nửa Thế Kỷ 1957 – 2007 từ ngày thành lập Ủy Ban Sông Mekong của Liên Hiệp Quốc. Nhân thời điểm ý nghĩa ấy, tạp chí Thế Kỷ 21 quyết định chọn số báo Tháng Bảy cho chủ đề "Sông Mekong, Đồng Bằng Sông Cửu Long trước nguy cơ" do những bước khai thác hủy hoại và phát triển không bền vững của các quốc gia ven sông.

Chúng tôi đã nhận được sự đáp ứng rất tích cực của những cây bút uy tín trong nhiều lãnh vực môi sinh, khoa học xã hội và văn hóa. Những bài viết giá trị ấy đủ cho một cuốn sách chuyên đề về sông Mekong – nhưng do số trang giới hạn, tòa soạn Thế Kỷ 21 rất tiếc đã không thể sử dụng tất cả những bài viết ấy cho một số báo chủ đề và rất mong sẽ có dịp phổ biến các tài liệu ấy trong những dịp khác.

Mở đầu là một bài viết của kỹ sư Phạm Phan Long, cũng là người có tiếng nói sớm nhất và đầu tiên cách đây hơn một thập niên, báo động về sông Mekong và ĐBSCL trước nguy cơ. Tiếp đến là bài phỏng vấn kỹ sư Nguyễn Hữu Chung của Phóng viên RFI Ánh Nguyệt, về vai trò Ủy Hội Sông Mekong – phát biểu của Ks Chung vẫn còn nguyên giá trị thời sự tới hôm nay.

Bài viết của kỹ sư Nguyễn Đức Hiệp, thành viên của EPA/ NSW Environment Protection Agency, Úc Châu với một cách nhìn mới và lạc quan về môi sinh của ĐBSCL. Kiến trúc sư Nguyễn Đạt viết về vấn đề nhà ở cho nông dân vùng ĐBSCL với quan niệm chung sống với lũ.

Về Văn Minh Miệt Vườn, có bài của hai tác giả sinh ra hoặc lớn lên từ ĐBSCL viết về sắc thái của hai địa phương rất khác nhau: Bác sĩ Trần Ngươn Phiêu với vùng đất ngập Đồng Tháp Mười, ông Dohamide với cộng đồng Chăm Islam khép kín ở Châu Đốc. Riêng Giáo sư Trần Gia Phụng trình bày về đạo Hòa Hảo, một nét văn hóa đặc thù của dân chúng đồng bằng sông Cửu Long.

Thêm một bài viết của Bác sĩ Ngô Thế Vinh – như một Bài Học Trung Quốc, viết về tấn thảm kịch môi sinh liên quốc gia trên sông Tùng Hoa phía bắc Trung Quốc sang tới con sông Amur của Nga [11/2005] và cung cách ứng xử của Bắc Kinh sau đó. Từ sự kiện này, người đọc không thể không liên tưởng tới khả năng một thảm họa môi sinh với quy mô lớn hơn, ảnh hưởng tới mạch sống của sáu quốc gia trong lưu vực Mekong kể từ khi Trung Quốc bắt đầu sử dụng sông Mekong để vận chuyển dầu khí.

Phần văn nghệ gồm thơ, truyện, tạp bút... cũng mang màu sắc "sông Mekong và đồng bằng sông Cửu Long," góp phần tạo nên một không khí chung cho chủ đề này. Hầu hết tác giả là người miền Nam, thuộc nhiều thế hệ khác nhau, từ Phi Vân phản ảnh sinh hoạt, tập tục của miền Lục Tỉnh của đầu thập niên 1940 trở về trước, cho đến Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, mà tác phẩm của họ từ thập niên 1950, 60 đã mang lại cho độc giả những hiểu biết và tình cảm mênh mang đối với lớp người đi khai phá vùng này từ thuở còn bị "hùm tha sấu bắt"; từ các dòng thơ cuồn cuộn viết về những cảm xúc đối với sông Cửu Long và miền Nam của Nguyên Sa, Tô Thùy Yên, Trần Văn Nam cho đến ngòi bút rất là "miệt vườn" của người con gái Cà Mau ngày hôm nay là Nguyễn Ngọc Tư... Đụng chạm đến chủ đề này mới thấy số trang của một tạp chí thật chẳng thấm vào đâu, những vấn đề, những tình cảm về đồng bằng sông Cửu Long nó cũng mênh mông và phong phú như chính hình thể và tính chất của vùng đất này. Trong cái cảm giác bất toàn về công việc mình đang làm, Thế Kỷ 21 xin gửi đến bạn đọc số báo này như một đề nghị, một dẫn nhập vào một đề tài mà tầm vóc của nó lẽ ra phải là do cả một quốc gia đứng ra đảm đương.

Tòa soạn Thế Kỷ 21 xin đặc biệt cám ơn Bác sĩ Ngô Thế Vinh đã nhận trách nhiệm thu thập bài vở về mặt khảo cứu cho chủ đề "sông Mekong và đồng bằng sông Cửu Long," một vấn đề mà từ nhiều năm qua Bác sĩ đã đặc biệt lưu tâm và nhiều lần lên tiếng. Xin cám ơn các văn hữu đã sưu tầm và đóng góp những sáng tác liên quan đến vùng sông nước Cửu Long. Và cũng xin cám ơn anh chị Trần Tuấn – Tôn Nữ Thu Nga đã gửi tặng các tấm ảnh mà anh chị đã chụp trong những dịp về thăm vùng sông nước này. Đây đúng là một số báo được thành hình bởi những thiện chí và những tấm lòng.

THẾ KỶ 21

Hệ thống phòng thủ phi đạn:
Một cuộc chạy đua vũ khí mới giữa Hoa Kỳ và Nga?

NGUYỄN ANH TUẤN

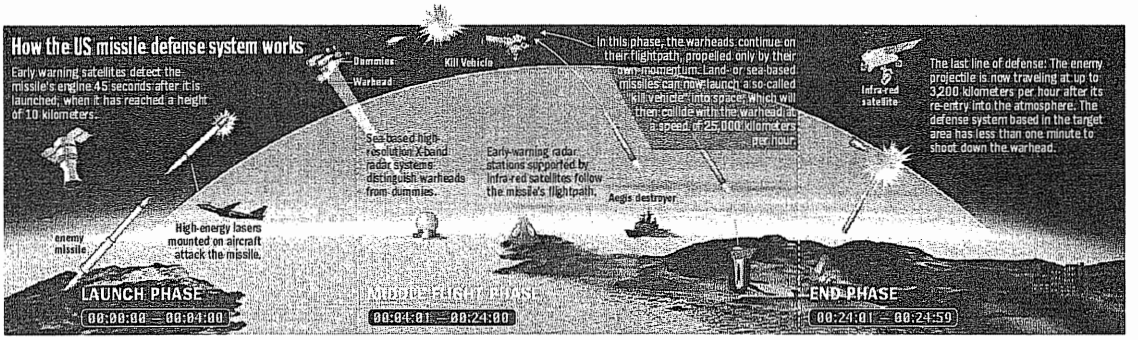

Khi Tổng thống Bush gặp gỡ riêng với lãnh tụ của Nga, ông Vladimir Putin, nhân chuyến công du họp thượng đỉnh của khối G-8 vào đầu tháng Sáu tại thị trấn du lịch Heiligendamn ở vùng bờ biển Baltic, không biết ông đã phải cần nhìn kỹ hơn nữa hay không trong đôi mắt của người đối tác để biết rõ về con người của họ? Ngoài những phiên họp chung quy tụ tám vị lãnh tụ đại diện của các quốc gia thành viên, thông thường tổng thống của đệ nhất siêu cường Hoa Kỳ cũng mượn dịp này để có những cuộc họp tay đôi với lãnh tụ của các quốc gia khác để bàn về những đề tài riêng biệt mà hai bên cùng quan tâm. Đây là một kỳ họp thường niên được luân phiên tổ chức bởi các thành viên trong tổ chức G-7, tức là bảy nước kỹ nghệ giầu mạnh nhất trên thế giới là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Gia Nã Đại. Gần đây, nhóm này có mời thêm nước Nga tham dự, vì tầm ảnh hưởng quan trọng đặc biệt, cho dù Nga vẫn chưa đạt được tiêu chuẩn của một quốc gia kỹ nghệ giầu mạnh thực sự. Và trong năm nay, bà Thủ tướng Angela Merkel đứng ra chủ trì cuộc họp ở quốc gia chủ nhà là Đức quốc.

Sở dĩ có câu hỏi ở đầu bài như trên là vì ông Bush thường vẫn bị giới truyền thông ở Âu Châu chế riễu và đánh giá thấp về mức khôn ngoan cũng như tinh tế trong cách ứng xử và xã giao thường thức, nhất là ở cương vị một vị nguyên thủ quốc gia của đệ nhất siêu cường. Lúc ông mới lên nhậm chức vào năm 2001, và trước khi ông sang Âu Châu gặp gỡ vị tổng thống của Nga, ông Vladimir Putin, nhiều người muốn biết là TT Bush sẽ đánh giá thế nào về nhân vật đối tác, một lãnh tụ cứng rắn với một thành tích đặc biệt, đã từng là đại tá công an KGB. Thế nhưng sau cuộc gặp gỡ đầu tiên đó, ông Bush đã trả lời một cách rất ư là hồn nhiên và vô tư, khoe rằng mình đã nhìn thẳng vào sâu trong đáy mắt của người đối tượng, để từ đó có thể an tâm rằng mình đọc được hết tâm can của họ. Và do đó ông Bush kết luận một cách hết sức đơn giản rằng ông hoàn toàn tin tưởng vào sự hợp tác chân thành của người đối tác, TT Putin của Nga.

Có lẽ lịch sử sau này sẽ đánh giá về ông Bush, như là một kẻ đóng kịch đại tài hay đóng phim xuất sắc xứng đáng đoạt giải Oscar, hay chỉ là một lãnh tụ khá ngây thơ và non kém trong bản lãnh, để không thấy rằng giữa hai quốc gia đã từng là cựu thù và đối thủ cực kỳ lợi hại, nguy hiểm nhất trong cuộc Chiến tranh Lạnh kéo dài cả bốn thập niên, khó có thể hy vọng rằng hai vị lãnh tụ quốc gia có thể thực sự coi nhau như là bạn bè thân tình.

Nhiều người giải thích về sự lạc quan vội của ông Bush chỉ là vì ông có nỗi ám ảnh to lớn nhất lúc bấy giờ là cuộc chiến chống khủng bố, sau vụ tấn công 9/11. Ông chỉ mong được dịp rửa hận để thoả mãn tự ái muốn phục thù của đa số dân chúng Mỹ, và do đó rất mong các quốc gia khác trên thế giới đừng cản ngăn ông

trong cuộc chiến đánh Iraq để phục hận này. Khi thấy các quốc gia đồng minh lâu đời như Pháp và Đức lại mạnh miệng chống đối, ông giận dữ và bực tức không ít. Nhưng rồi khi thấy Trung Cộng và Nga Sô không phản đối, tuy là hai kẻ cựu thù đáng ngại hơn hết và vẫn còn đeo đuổi những tham vọng chiến lược không phù hợp với quyền lợi của Hoa Kỳ, ông Bush đã tỏ vẻ vui mừng vội vì đã bớt đi được một mối lo. Chứ ông không chịu suy xét kỹ để thấy rằng cả hai nước đó chẳng phải thiết tha ủng hộ gì cho cái gọi là cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của ông Bush, mà thực ra chỉ là khéo lợi dụng tình cảnh "thừa gió bẻ măng." Nga Sô thì muốn nhân cơ hội đó để có thể thẳng tay đàn áp các nhóm quân dân Chechnya gốc Hồi-giáo đòi độc lập; còn Trung Cộng thì cũng muốn mượn dịp này để đè bẹp các phong trào đòi tự trị tại Nội Mông và Tân Cương của người Uighur.

Vì thế cho nên về sau này khi các hành động đàn áp các phong trào đòi tự do dân chủ tại hai nước Tầu và Nga được báo chí phanh phui và chỉ trích mạnh mẽ, chính quyền Bush phải lúng túng và không biết cách nào để đối phó, một mặt không dám công khai chỉ trích các chính quyền này như trong quá khứ, mặt khác thì cũng không thể nào biện minh cho những hành động đó. Cho dù rằng đôi lúc một vài nhân vật như ông phó tổng thống Dick Cheney hay bà ngoại trưởng Condoleezza Rice cũng lên tiếng đả kích hay phàn nàn về thái độ của các nước này.

Vụ căng thẳng mới đây nhất gây khó chịu cho Hoa Kỳ, cũng như tạo sự lo lắng, cảm giác thiếu thoải mái của các đồng minh ở Âu Châu là phản ứng khá mạnh mẽ và bất ngờ của Nga trước quyết định của Hoa Kỳ muốn thiết lập một hệ thống phòng thủ phi đạn tại hai nước Đông Âu thuộc khối Liên Sô cũ: đó là Ba Lan và Tiệp. Trước ngày sụp đổ khối Liên Sô, quốc gia này có tên là Tiệp Khắc (Czechkoslovakia) nhưng sau đó bị tách rời thành hai nước là Cộng hoà Tiệp (Czech Republic) và Slovakia. Đây là kế hoạch của Hoa Kỳ để thiết lập một mạng lưới mang tên là Sáng Kiến Phòng Thủ Phi Đạn (*Missile Defense Initiative, MDI*) ở Đông Âu, có mục đích chính là nhằm ngăn chặn các phi đạn của những quốc gia hung hãn và ngổ ngáo (ám chỉ Ba Tư và Bắc Hàn) có thể nhắm tấn công vào các nước Âu Châu. Nhiều chuyên gia và các nhà báo gọi kế hoạch MDI này là một thứ con đẻ của kế hoạch mẹ SDI, tức là Sáng Kiến Phòng Thủ Chiến Lược (*Strategic Defense Initiative*), do TT Reagan lần đầu đề ra vào năm 1983.

Kế hoạch SDI, thường được quen biết với một cái tên khá bình dân hơn là Star Wars (Chiến tranh Các Vì Sao), dựa trên lý thuyết cho rằng những hệ thống dùng các tia sáng *laser*, và được thiết lập ngoài không gian, có thể có khả năng làm tê liệt các phi đạn của khối Sô Viết, không khác gì những cảnh trong bộ phim giả tưởng cùng tên rất nổi tiếng và ăn khách thời đó. Đến khi đi vào chương trình hành động, người ta mới nhận ra rằng đây là một kế hoạch rất tốn kém, với kinh phí hàng chục tỷ Mỹ-kim, mà kết quả thì vẫn chưa thể nào bảo đảm chắc chắn. Do đó, trong thời gian đầu, kế hoạch này chỉ tạm giới hạn trong việc nghiên cứu để phát triển một hệ thống các giàn phi đạn dưới đất bắn lên để có thể huỷ diệt được ở ngoài không gian các phi đạn tấn công từ đối phương. Dưới thời TT Clinton, kế hoạch SDI coi như bị xếp xó, một phần có lẽ vì nguy cơ chiến tranh bị giảm mạnh sau khi Chiến Tranh Lạnh chấm dứt. Nhưng đến khi TT Bush lên cầm quyền thì kế hoạch này lại được đem ra để kích động trở lại, mặc dù cho đến nay các cuộc thử nghiệm vẫn chưa đưa ra những kết quả khả quan. Trong nhiều vụ thử nghiệm từ đó đến nay, các phi đạn phòng chống đã không bắn trúng được vào mục tiêu, cho dù mục tiêu là các phi đạn giả, gọi là "trá hình" từ phía địch, tức là có gốc gác và đặc điểm đã được biết trước rất đích xác. Trong thực tế, khi một quốc gia kẻ thù bắn phi đạn tấn công Hoa Kỳ, chắc chắn là nguồn gốc cũng như đặc điểm của nó là một điều bí mật cho đến khi khai hoả, đến chừng ấy thì không ai biết rõ là khả năng đối phó của Hoa Kỳ có hiệu năng đến mức nào.

Trong kế hoạch MDI mà Hoa Kỳ đề nghị, bắt đầu từ tháng Giêng năm nay, có việc thiết lập khoảng 10 giàn phóng phi đạn chôn sâu dưới đất (*silo*), đặt tại Ba Lan, cùng với một hệ thống *radar* đi kèm, đặt tại nước Tiệp, để theo dõi đường đi các phi đạn bắn lên từ kẻ thù. Nếu như kế hoạch này được thành tựu, một tiến trình có thể kéo dài cho đến năm 2013 mới có thể hoạt động được, thì đây là một hệ thống phòng chống phi đạn lớn nhất nằm ngoài Hoa Kỳ. Hiện nay, hệ thống phòng thủ chính của Hoa Kỳ gồm các giàn phóng đặt tại hai tiểu bang Alaska và California, chưa kể đến nhiều địa điểm radar đặt tại nhiều nơi trên đất liền,

hoặc các tầu chiến, hoặc kể cả một vài địa điểm bí mật nào đó ngoài không gian.

Phản ứng đầu tiên của Nga là cực lực lên tiếng chống đối, cho rằng các giàn phóng phi đạn này không phải chỉ có mục đích ngăn ngừa bắn hạ các phi đạn từ Ba Tư muốn nhắm tấn công các nước ở Âu Châu. Trung tướng Vladimir Popovkin, tư lệnh lực lượng quốc phòng không gian của Nga, cho rằng sự có mặt của hệ thống phi đạn nằm tại Ba Lan là một "mối hiểm hoạ" thực sự cho Nga. Ông nói: "*Nếu như Hoa Thịnh Đốn thực sự muốn kiểm soát Ba Tư, thì họ đáng lẽ phải thiết lập hệ thống ra-dar ngay ở nước Thổ Nhĩ Kỳ (sát cạnh với Ba Tư) mới phải.*" Ba Lan và Tiệp là hai nước trong Hiệp ước Warsaw của khối cộng sản Đông Âu trước đây, được coi như là lực lượng đối trọng với liên minh NATO của khối các quốc gia tự do tại Tây Âu. Sau khi Liên Sô tan rã, hai quốc gia này, và nhiều nước Đông Âu khác, cũng xoay chiều, đổi thù thành bạn, quay sang xin hợp tác với NATO để mong được sự viện trợ và bảo vệ của Hoa Kỳ.

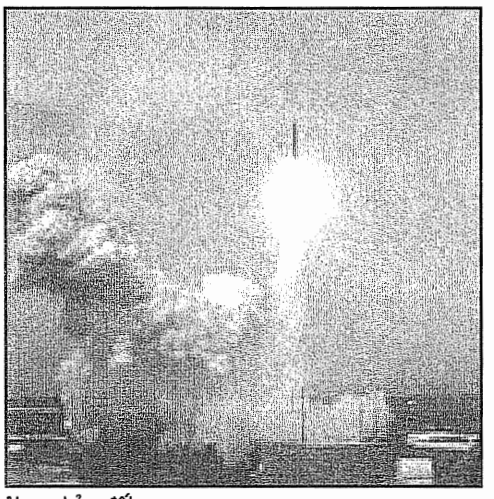
Nga phản đối

Phía Hoa Kỳ đã phản đối những lời chỉ trích của Nga. Ông Daniel Fried, thứ trưởng ngoại giao của Mỹ, đã nói với tờ nhật báo Rzeczpospolita của Ba Lan rằng: "*Tôi muốn nhấn mạnh rằng hệ thống phòng thủ này không nhắm vào phía Nga.*" Ngoài mục đích chính bảo vệ sự an nguy của lính Mỹ đồn trú tại nhiều căn cứ ở Âu Châu, nó cũng giúp hình thành một màng lưới an ninh cho các nước đồng minh của Hoa Kỳ ở Âu Châu.

Các chuyên gia cho rằng mối lo lớn nhất của Nga là hệ thống chống phi đạn này có thể sẽ làm thay đổi cán cân quyền lực tại Âu Châu và có thể dẫn đến một cuộc chạy đua vũ khí mới giữa hai kẻ cựu thù của thời Chiến Tranh Lạnh. Do đó mà Nga đã không ngần ngại cảnh cáo thẳng thừng Ba Lan với những biện pháp trừng trị nếu như nước này chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ. Sau đó, Nga cũng bắn tiếng luôn cho Hoa Kỳ và các quốc gia Âu châu khác biết về sự khó chịu và bực tức của mình. Trong cuộc họp thượng đỉnh về an ninh trong vùng tổ chức tại thành phố Munich ở Đức hồi đầu tháng Hai, tổng thống Nga, ông Vladimir Putin, đã lớn tiếng cảnh cáo Hoa Kỳ là không nên có những cố gắng muốn áp đặt một sự thống trị toàn cầu. Ông mạnh miệng đả kích cái thái độ của Hoa Kỳ mà ông gọi là "*gần như hoàn toàn tự do sử dụng vũ lực,*" cũng như phong cách "*coi thường tất cả những nguyên tắc cơ bản về luật pháp quốc tế.*" Theo ông Putin thì Hoa Kỳ đã "*vượt quyền ra ngoài lãnh thổ của mình trên đủ cách khác nhau.*"

Đây là những lời chỉ trích mạnh mẽ và rõ rệt nhất của tổng thống Nga, không khác gì những lời kết án của các lãnh tụ Sô Viết cũ như Khrustchev, Brezhnev. Đặc biệt, ông Putin chĩa mũi dùi tấn công nặng nhất liên quan đến tình trạng tài giảm binh bị giữa hai khối, được coi như là nền tảng cho tình trạng hoà bình tại Âu Châu từ nhiều thập niên qua. Theo ông thì nước Nga đã tuân thủ theo những điều kiện tài giảm binh bị trong tinh thần của Hiệp ước về Quân đội Chính quy tại Âu Châu (*Conventional Armed Forces in Europe, CFE*), trong khi Tây phương và Hoa Kỳ thì lại xem thường, và còn cố ý vi phạm rõ rệt, bằng cách dồn binh đến sát các vùng lân cận với nước Nga. Trong bài diễn văn, ông Putin tỏ ý lo ngại về những chương trình gọi là "*vũ khí tối tân với kỹ thuật cao,*" hoặc là "*chủ trương quân sự hoá vùng ngoài không gian*" cũng như kế hoạch thiết lập hệ thống chống phi đạn ở ngay tuyến đầu tại Ba Lan và Tiệp, phải chăng là một tiến trình tất yếu của một cuộc chạy đua vũ khí mới?

Liệu những lời nói mạnh mẽ và cứng rắn của ông Putin phải chăng là một hình thức biểu dương sức mạnh để lấy cảm tình và sự hậu thuẫn của những người dân Nga trong nước? Hay lại là một cố gắng để chiêu dụ một số các quốc gia khác đang hoài nghi trước những chính sách của phương Tây? Hoặc giả nó có thể là dấu hiệu của một thái độ cởi mở để nói chuyện thẳng thừng mà ông Putin đã hứa hẹn trước khi ông đến dự hội nghị tại Munich? Dẫu gì đi nữa

thì những lời chỉ trích mạnh bạo như thế của ông Putin chắc chắn cũng tạo nên một bầu không khí căng thẳng, gợi lại những ấn tượng trong quá khứ về một cuộc tranh giành âm ỉ giữa hai kẻ cựu thù trước đây, nhất là trong bối cảnh Hoa Kỳ ngày nay đang bị dồn chân ở chiến trường Iraq mà vẫn còn lúng túng chưa biết cách nào để thoát ra. Và nhiều người đâm ra lo ngại rằng những hiệp ước đã thoả thuận trong quá khứ liệu có còn đủ sức mạnh để bảo đảm cho việc ngăn chặn một cuộc chạy đua vũ khí mới có thể xảy ra.

Theo nhận định của sử gia Michael O'Hanlon, trong một bài phân tích đăng trên tờ New York Times số đề ngày 17-05, thì kế hoạch MDI của Hoa Kỳ lần này có thể là một sáng kiến hay nhưng không thích hợp vì xảy ra quá sớm, tức là chưa cần thiết. Trên nguyên tắc, kế hoạch đó có thể rất hay để Hoa Kỳ đầu tư nỗ lực và tiền bạc vào, nhưng những lợi ích quân sự cụ thể trong ngắn hạn chẳng có là bao trong khi lại có thể gây thêm bất mãn với một quốc gia đáng ngại là Nga. Nói tóm lại, đó là một tình trạng "lợi bất cập hại." Bởi vì với mối nguy từ các phi đạn tầm xa có thể bắn từ Trung Đông sang được coi như là chưa thực sự hình thành, vấn đề thiết lập một hệ thống chống phi đạn tại Âu Châu có thể được hoãn lại trong tương lai gần để cho các vị tổng thống mới sẽ đề cập đến.

Nga phản đối

Theo kế hoạch dự trù thì Hoa Kỳ sẽ cho đặt 10 phi đạn phòng chống tại Ba Lan. Để trấn an mối lo ngại từ phía Nga và để chứng tỏ rằng mục đích phòng chống này không nhắm vào các phi đạn của Nga, các viên chức của Hoa Kỳ đề nghị là sẽ mời các sĩ quan tình báo của Nga cùng tham dự trong những buổi thuyết trình quân sự liên quan đến kế hoạch MDI cũng như sẵn sàng chia sẻ những thông tin thu lượm được. Tuy nhiều quốc gia trong liên minh NATO có ý ủng hộ một cách tổng quát về kế hoạch MDI, nhưng họ lại nêu thắc mắc rằng tại sao Hoa Kỳ chỉ bàn về vấn đề này với Ba Lan và Tiệp, hai quốc gia hạng trung và chỉ mới được gia nhập vào NATO gần đây.

Câu hỏi lớn hơn nhiều người muốn đặt ra là tại sao Hoa Kỳ lại có vẻ như nôn nóng muốn thực hiện kế hoạch trong lúc này, nhất là khi biết trước rằng hiệu quả của nó thật ra cũng rất giới hạn. Trên lý thuyết, 10 phi đạn đặt ở Ba Lan có thể bắn trúng để ngăn chặn được 10 phi đạn tấn công từ phía địch. Nhưng trong thực tế, nếu phóng ra để bắn trúng được hai trong số 10 phi đạn của địch thì đã coi như là thành công lắm rồi. Hơn nữa, nếu như phi đạn tấn công được bắn lên từ Trung Đông, thời gian để trả đũa, tức là phóng phi đạn lên để ngăn chặn, sẽ rất ngắn, có thể chỉ khoảng có 20 phút, và như vậy thì có lẽ phải phóng hàng chục phi đạn khác nhau thì mới mong có một cái trúng đích, bởi vì không thể nào có đủ thời gian để chờ xem phi đạn đầu tiên bắn ra có trúng đích hay không trước khi phóng phi đạn thứ hai. Những cuộc thử nghiệm trong thời gian qua tại vùng Thái Bình Dương đã cho thấy là kết quả còn quá tầm thường để có thể tin tưởng vào sự hiệu nghiệm của nó. Trong khi đó thì những phi đạn dự tính đặt tại Ba Lan lại chưa được tối tân bằng các phi đạn thử nghiệm của Hoa Kỳ trước đây.

Trước khi đi sâu thêm nữa, tưởng cũng nên mở một dấu ngoặc ở đây để nói về những thuật ngữ quân sự thường bị sử dụng lẫn lộn, dễ gây hoang mang hay lầm lẫn giữa những từ ngữ như phi đạn, hoả tiễn và tên lửa. Nói một cách tổng quát, phi đạn (*missile*) được coi như là một quả bom biết bay, được trang bị bằng một loại hoả tiễn (*rocket*) để tạo ra sức mạnh bắn nó đi xa, cũng như nhiều hệ thống điều chỉnh để tìm ra đúng mục tiêu, và sau cùng là một đầu đạn (*warhead*). Còn hoả tiễn là một loại động cơ bay được nhờ ở phản ứng hoá học của khí lỏng bị đốt cháy trong buồng máy, tạo ra một sức đẩy rất mạnh. Trong các loại vũ khí quy ước, hoả tiễn cũng là một loại vũ khí để bắn đạn đi

xa. Ở tầm mức lớn hơn, hoả tiễn có nhiều công dụng khác, như việc dùng để tạo lực đẩy phóng các phi thuyền rời khỏi mặt đất, hoặc dùng để phóng các phi đạn khi chiếc hoả tiễn này được gắn kèm theo một đầu đạn. Còn chữ "tên lửa" chỉ là một cách nói nôm na để thay thế cho từ Hán Việt "hỏa tiễn."

Do đó mỗi khi muốn nói đến các loại *missiles*, có lẽ nên dùng từ ngữ "phi đạn" có phần chính xác hơn là "hoả tiễn" hay "tên lửa." Trong các loại phi đạn, cũng chia ra hai loại chính, thường được nhắc đến. Thứ nhất là "phi đạn bình phi" (*cruise missile*) như loại Tomahawk của Hoa Kỳ, thường bay thấp để tránh bị radar phát giác, với vận tốc cũng rất nhanh, cho dù là bình phi, tức là đều đặn. Loại thứ hai là "phi đạn đạn đạo" (*ballistic missile*), tức là được phóng ra theo một chiều hướng tự nhiên, sau khi rời khỏi nơi khai hoả, liền bay nhanh ra ngoài không gian để, trước khi trở về vùng khí quyển, tấn công vào mục tiêu mong muốn. Để có thể bay thật xa, các phi đạn này thường được phóng lên rất cao, vượt ra ngoài quỹ đạo không gian để đạt được vận tốc cao. Trong các loại phi đạn đạn đạo này cũng chia ra thành nhiều nhóm khác nhau, tuỳ theo khoảng cách nhắm đến: từ tầm ngắn (*short range*) dưới 1000 km, cho đến tầm trung (*intermediate range*) từ 1000 đến 3500 km, và tầm xa (*long range*) từ 3500 trở lên, hoặc còn được gọi là phi đạn liên lục địa (*Intercontinental ballistic missile, ICBM*) nếu như trên 5500 km. Các phi đạn tầm ngắn hay trung thường được gọi là phi đạn chiến thuật, trong khi các loại ICBM thường mang đầu đạn nguyên tử nên được gọi là vũ khí chiến lược.

Trở về với đề tài hệ thống phòng chống phi đạn, nhiều chuyên gia cũng đồng ý với quan điểm của Hoa Kỳ khi cho rằng những lời đả kích của phía Nga đối với kế hoạch MDI này xem ra có phần hơi quá đáng, thổi phồng lên để kích động tự ái của những thành phần quá khích trong nước, chứ không phải vì mối nguy thực sự của các giàn phóng phi đạn này có thể ảnh hưởng lên sự an nguy của Nga. Thật vậy, với khoảng vài ngàn phi đạn khác nhau trong kho vũ khí, cho dù đã tự huỷ diệt đi khá nhiều trong thời gian qua, Nga thực ra sẽ không hề bị nao núng gì trước hệ thống phòng chống phi đạn MDI này, nếu như một cuộc chiến tranh nguyên tử nổ ra giữa hai siêu cường, chẳng khác gì như trò chơi dùng cái quạt đập muỗi để chống lại đạn đại bác.

Thế nhưng theo lời của sử gia O'Hanlon, cũng như theo ý kiến của nhiều chính khách lãnh tụ ở Âu Châu, sự kiện Nga bực mình trước hành động đơn phương của Hoa Kỳ cũng là điều dễ hiểu, và cần phải được lắng nghe để tìm cách giải quyết cho êm thấm. Hơn nữa, hành động của Hoa Kỳ lại càng cô đọng thêm một ấn tượng không lấy gì làm lành mạnh về hình ảnh của Hoa Kỳ, một quốc gia lúc nào cũng bị ám ảnh bởi các đề tài quân sự, một siêu cường chỉ thích tự tung tự tác, bất kể gì đến sự lo ngại hay quan tâm của những người khác.

Nhà báo Fred Kaplan, trong một bài phân tích đăng trên diễn đàn Slate đề ngày 23-04, đã cho rằng đây là một thí dụ điển hình cho thành tích bết bát và thất bại của chính quyền Bush trong lãnh vực ngoại giao. Hiện nay, Hoa Kỳ vốn đã gặp nhiều hồ sơ khó nuốt tại nhiều nơi trên thế giới, từ cuộc chiến sa lầy ở Iraq với tốn kém về tiền bạc và nhân mạng càng ngày càng tăng, cho đến vụ căng thẳng về vũ khí hạch tâm tại Bắc Hàn cũng chưa có dấu hiệu gì gọi là thực sự khả quan, rồi đến vụ căng thẳng với chương trình phát triển hạch tâm tại Ba Tư, bất chấp những biện pháp trừng phạt của Liên Hiệp Quốc. Do đó, việc tạo nên một sự bực tức và chống đối mới từ phía Nga Sô, một cựu thù chiến lược đáng ngại nhất, trong một kế hoạch mà kết quả nhất thời, tuy rất khiêm nhường và cũng chưa lấy gì làm bảo đảm, quả tình là một hành động hồ đồ thiếu suy xét của những người lãnh đạo hiện nay ở Bạch Cung.

Theo ông Kaplan, bài học sơ đẳng về đường lối đối ngoại của các chính quyền Hoa Kỳ là lúc nào cũng phải để ý hay đề phòng trước nhất đến Nga. Nhất là trong các hồ sơ liên quan đến các loại vũ khí cũng như tình hình tại Âu Châu. Có thể là trong thời gian đầu, lúc mới lên cầm quyền vào năm 2001, ông Bush có thể tự cao tự đại khi phác thảo những chương trình quốc phòng mạnh bạo hơn như kích động lại kế hoạch phòng thủ phi đạn. Do đó, ông đã tự ý xoá bỏ Hiệp ước Chống Phi đạn Đạn đạo (*Anti-ballistic missile, ABM*), vì coi đó là một tàn tích của hơn 30 năm về trước, không còn thích hợp nữa trong bối cảnh của thiên niên kỷ mới. Sau đó, ông chỉ chịu nghe theo lời khuyên của ngoại trưởng Colin Powell là nên có đôi lời thương thuyết với phía Nga để cho họ không phải lo ngại trước ý đồ của Hoa Kỳ. Và vì thế cho nên khi TT Bush chính thức rút tên ra khỏi hiệp ước

ABM vào tháng 12 năm đó, phía Nga và ông Putin đã không có một lời chống đối nào. Nhất là lúc bấy giờ quân đội của Nga đã kiệt quệ, không dẹp nổi các toán quân nổi loạn giành độc lập ở Chechnya, và nền kinh tế của Nga còn èo uột, phải nhờ đến Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) trợ giúp bằng các ngân khoản cho vay.

Thế nhưng tình hình ngày nay, và sân khấu chính trị địa dư của sáu năm sau đã hoàn toàn đổi khác. Nhờ ở lợi lộc bất ngờ của giá dầu thô tăng vọt từ 30 Mỹ-kim lên đến trên 60 Mỹ-kim cho một thùng trong nhiều năm qua, nền kinh tế nước Nga bỗng nở rộ, giúp cho quốc gia này trả sớm cho xong hết nợ của IMF, ấy là chưa kể còn bắt ép được nhiều nước chư hầu cũ như Ukraine, Belarus và nhiều nước Âu Châu khác lúc nào cũng phải trông mong vào nguồn cung cấp khí đốt từ nước Nga. Nhờ có những mối liên lạc thương mại to lớn với Ba Tư, nhất là trong lãnh vực thiết lập các nhà máy nguyên tử cũng như việc bán vũ khí, Nga đã tạo được một thế lực và ảnh hưởng lớn trên diễn đàn của Hội đồng Bảo An tại Liên Hiệp Quốc, khi Hoa Kỳ và các nước Tây Âu đang cần sự trợ giúp trong việc áp lực hay chế tài Ba Tư để từ bỏ tham vọng hạch tâm. Do đó, hơn lúc nào hết, nếu như TT Bush muốn có tham vọng thiết lập một hệ thống phòng thủ phi đạn mới tại Âu Châu, ông cần phải quan tâm nhiều hơn nữa về phản ứng của Nga. Theo lời thuật lại với phóng viên của báo New York Times, một viên chức cao cấp trong chính quyền Bush xin được giấu tên cũng đã thú nhận sơ hở này từ phía Hoa Kỳ: "*Chúng ta quả tình có hơi chậm trễ. Đúng ra thì chúng ta phải tìm cách thuyết phục từ trước, chứ đừng để đến khi người ta chỉ trích thì đã khá muộn.*"

Trong một chừng mực nào đó thì sự lo ngại của Nga cũng có phần hữu lý. Trong một cuộc phỏng vấn, ông Thomas Christie, một cựu viên chức cao cấp của Bộ Quốc Phòng Mỹ đặc trách về thử nghiệm vũ khí, đã kể lại nhiều chi tiết trong các cuộc thương thuyết về hồ sơ phòng chống phi đạn này vào thời gian đầu ở những năm 2003-2004. Theo ông thì trọng tâm của kế hoạch này là tìm cách bắn hạ cho được các phi đạn trên vùng trời Âu Châu trước khi nó có thể bay đến Hoa Kỳ. Do đó kế hoạch này cũng gián tiếp tạo một sự bảo vệ cho Âu Châu, nhưng điều đó không phải là mục tiêu chính.

Điều mà phía Nga lo sợ và bực tức nhất là kế hoạch này có thể dẫn đến một sự hiện hữu to lớn của quân đội Mỹ đến sát nách với nước Nga. Thật vậy, tuy chỉ là con số nhỏ 10 giàn phóng phi đạn, nhưng đây là những phi đạn khổng lồ, chôn sâu ở dưới đất, với nhiều hệ thống an ninh chặt chẽ bao quanh. Muốn thiết lập các giàn phóng này, cùng với một hệ thống *radar* tối tân khác tại nước Tiệp, quân đội Mỹ sẽ phải huy động một lực lượng đông đảo nhân viên và quân cụ, không khác gì một căn cứ quân sự to lớn, cùng với nhiều thành phần yểm trợ và tiếp liệu cố hữu, cũng như là với sự trợ lực của Không quân Mỹ. Nói một cách tóm gọn, với kế hoạch MDI này, coi như Hoa Kỳ có thể bắt đầu đặt chân lên vùng đất Đông Âu, gần sát đến biên giới của Nga hơn bao giờ hết.

Nếu như về phía Hoa Kỳ còn có nhiều thành phần dân chúng cũng như các chính khách cao cấp lúc nào cũng hoài nghi về thực tâm của Nga, như trường hợp của ngoại trưởng Rice, thì ngược lại về phía Nga, sự hoài nghi về ý đồ bá quyền của Hoa Kỳ trên thế giới càng lớn mạnh hơn nữa trong thời gian qua, nhất là sau chiến dịch đơn phương tấn công Iraq của chính quyền Bush, bất chấp sự chống đối khắp nơi trên thế giới. Do đó, sự hiện hữu của Hoa Kỳ ở gần sát nách với Nga không thể nào là một điều có thể chấp nhận được.

Ngay cả những nước đồng minh với Hoa Kỳ trong liên minh NATO cũng có thái độ khó chịu trước quyết định đơn phương của Hoa Kỳ. Giữa lúc mà các nước Âu Châu trong NATO phải cật lực để hy sinh hơn trong chiến dịch đưa quân sang để hỗ trợ cho Hoa Kỳ qua việc giúp an ninh tại chiến trường A Phú Hãn, thì người bạn đồng minh to lớn này lại đi đường ngoại giao xé lẻ, nói chuyện riêng với hai nước Ba Lan và Tiệp, vốn là những thành viên nhỏ, và cũng chỉ mới được gia nhập vào NATO sau này, để đạt những quyền lợi riêng rẽ, không đoái hoài gì đến mối nguy gây chia rẽ lớn trong Liên Hiệp Âu Châu, cũng như tạo thêm căng thẳng trên toàn lục địa này.

Để kết luận, nhà báo đã cho rằng ông Bush và bộ tham mưu ở Bạch Cung muốn thử lửa trong những trò chơi lớn với những tham vọng táo bạo, nhưng tiếc thay lại chưa biết rành về luật chơi. Chẳng trách nào mà khi vừa mới ra quân thì đã bị khán giả khắp nơi la ó phản đối, và nhiều phần là sẽ cuốn gói ra về trong thất bại nhục nhã.

Houston, Texas
nguyenanhtuan@sbcglobal.net

Hội nghị Liễu Châu then chốt

Nguyên tác Hoa văn: TIỀN GIANG
Người dịch: TAM DƯƠNG

LTS. *Tháng Bảy năm 1954, các bên lâm chiến trong trận chiến tranh Việt Nam và đồng minh đã họp tại Thụy Sĩ và đã ký kết Hiệp định Genève chia đôi đất nước Việt Nam. Suốt nửa thế kỷ qua, tài liệu liên quan đến Hội nghị này từ các nước Tây phương thì chúng ta đã được biết nhiều, nhưng từ phe Cộng sản thì rất hiếm. Gần đây, vào năm 2005, Trung Cộng Đảng Sử Xuất Bản Xã của Trung Quốc phát hành cuốn sách "Chu Ân Lai và Hội Nghị Genève" của Tiền Giang, trong đó chương 27 nói về Hội nghị Liễu Châu, một cuộc họp có tính cách nội bộ giữa đại diện hai đảng cộng sản Trung và Việt để thống nhất lập trường đối với hội nghị Genève đang diễn tiến. Qua hội nghị này, chúng ta thấy được ảnh hưởng của Trung Cộng có tính cách quyết định đối với Cộng sản Việt Nam như thế nào.*

Mời bạn đọc theo dõi bản dịch của chương này sẽ đăng làm hai kỳ trên Thế Kỷ 21.

Đang lúc giữa hè nóng nực nhất, lãnh đạo hai bên Trung Việt tiến hành tám lần họp trong ba ngày tại Liễu Châu, đưa ra quyết định trọng đại cho số phận tương lai của Việt Nam, điều hòa lập trường của hai bên tại Genève được nhất trí. Chu Ân Lai là người định ra luận cứ cho Hội nghị Liễu Châu, sự lý giải và ủng hộ của Hồ Chí Minh cũng có tác dụng then chốt. Hoàn toàn thực hiện dự tính của Chu Ân Lai, Hội nghị Liễu Châu đã lát con đường cho hội nghị Genève cuối cùng giải quyết được vấn đề Đông Dương.

Ngày 30 tháng 6 [1954], Chu Ân Lai (1) đáp chuyên cơ "Công chúa" do Ấn Độ cung cấp, trở về Quảng Châu, rồi tập trung tinh lực chuẩn bị cho cuộc gặp mặt Hồ Chí Minh, điều hòa lập trường của hai nước Trung Việt tại Genève (2), bởi vì tại Genève, ý kiến của Phạm Văn Đồng, đại biểu Việt Nam chưa thể thống nhất với ý kiến của hai Ngoại trưởng Trung Xô.

Truy ngược lại thời gian thì rõ, khi chuẩn bị tham gia Hội nghị Genève, ba phía Trung, Xô, Việt chưa hoàn toàn nhất trí ý kiến về dự án đàm phán vấn đề Việt Nam; rốt cuộc là vạch một giới tuyến quân sự Nam Bắc hay là xác định vùng tập kết quân sự của hai bên Việt Pháp, phương án nào là lợi nhất, còn đang trong thương lượng. Chu Ân Lai nghiêng về vạch giới tuyến Nam Bắc và cho rằng vĩ tuyến 16 là thích hợp. Lúc này chiến dịch Điện Biên Phủ còn đang gay go quyết liệt, chưa phân thắng bại; vì vậy, mặt trận phương Đông (3) quyết định sau khi đến Genève, sẽ căn cứ vào kết cục của chiến dịch Điện Biên Phủ mà xác định phương án đàm phán.

Tại Genève, phương án giới tuyến dần dần rõ thêm. Ngày 7 tháng 5, quân đội Việt Nam toàn thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thái độ của Phạm Văn Đồng nhanh chóng cứng rắn lên, đưa ra ý tưởng to gan, vạch giới tuyến quân sự tại vĩ tuyến 13. Như thế Việt Minh có thể khống chế hai phần ba lãnh thổ cả nước. Các cường quốc phương Tây, phản đối dữ dội phương án này.

Phạm Văn Đồng phản đối mạnh mẽ việc rút quân đội Việt Nam ra khỏi Lào và Campuchia. Thái độ của nhà đương cục Việt Nam như vậy đã làm cho Chu Ân Lai, Molotov (4) cảm thấy vô cùng tế nhị, không tiện nói. Sau nhiều lần khuyên can của Chu Ân Lai, Phạm Văn Đồng mới đồng ý rút quân đội Việt Nam ra khỏi Lào và Campuchia; nhưng trên vấn đề vạch giới tuyến, Phạm Văn Đồng chỉ đồng ý lùi có giới hạn. Ngày 19 tháng 6, khi hội nghị Genève thông qua quyết nghị về việc trước tiên rút quân đội ra khỏi Lào và Campuchia; sau hội nghị, Phạm văn Đồng đã biểu thị có bảo lưu với đại biểu Trung Xô.

Trước việc giữa đoàn đại biểu Liên Xô và đoàn đại biểu Việt Nam xuất hiện bất đồng, ngày 19 tháng 6, Chu Ân Lai gửi điện cho Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Trung ương Đảng Cộng sản (TƯ ĐCS) Trung Quốc, chỉ ra nếu trong vấn đề Lào và Campuchia có nhượng bộ thì tại Việt Nam có thể yêu cầu được nhiều hơn một chút, "tình hình trước mắt là, nếu trong hội đàm quân sự ta đưa ra phương án cụ thể, hợp lý thì có thể

tranh thủ Pháp nhanh chóng giải quyết vấn đề, đạt được đình chiến. Như vậy có thể thúc đẩy chính phủ mới của Pháp chống lại sự can thiệp của Mỹ, lại vừa có thể kéo dài vấn đề quân đội châu Âu. Điều này có lợi cho cả Đông, Tây. Vì thế, những vấn đề có tính quan trọng như vậy cần phải bàn cho rõ." Do đó, nhân dịp Ngoại trưởng các nước rời hội nghị Genève, tôi "cần phải, sau khi thăm Ấn Độ và trên đường về nước, giữa đường cùng đoàn đi Nam Ninh, Quảng Tây, mời mấy vị phụ trách TƯ Đảng Lao động Việt Nam để tôi báo cáo tình hình với họ, thuyết minh trọng điểm phương châm chia vùng." (5)

Ngày 20 tháng 6, Chu Ân Lai gửi điện cho Đặng Tiểu Bình (6), chuyển Mao Trạch Đông (7), Lưu Thiếu Kỳ (8) và TƯ ĐCS Trung Quốc, nói đã bàn và được sự đồng ý của Molotov và Phạm Văn Đồng, sau khi thăm Ấn Độ trên đường về nước sẽ đến Nam Ninh gặp Hồ Chí Minh, Trường Chinh (9), Võ Nguyên Giáp (10), và La Quí Ba (11), Vi Quốc Thanh (12), giới thiệu "tình hình đàm phán và vấn đề chia vùng, mong được nhất trí ý kiến nhằm làm cho đàm phán Genève tiến triển" Chu Ân Lai dự tính trong ngày sẽ được phê chuẩn.

中国赴越南军事顾问团4首长。左起：梅嘉生、邓逸凡、罗贵波、韦国清在越南北部丛林中。

Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại núi rừng Việt Bắc. Từ trái: Mai Gia Sinh, Đặng Dzật Hoàng, Lã Quý Ba, Vi Quốc Thân.

Lúc này trong nước [Trung Quốc] đã chuẩn bị nơi hội đàm lãnh đạo Trung Việt tại Nam Ninh (13). Thế nhưng khi về tới Quảng Châu, Chu Ân Lai lại một lần nữa tỏ ra thận trọng, cho rằng Nam Ninh cách biên giới Trung Việt quá gần, lại đông dân, khó bảo mật, nên chuyển lên phía bắc thì tốt hơn. Tuân theo ý kiến của ông, địa điểm gặp gỡ lãnh đạo Trung Việt lần này tạm thời được đổi đến Liễu Châu (14).

Lãnh đạo Việt Nam đồng ý việc đổi địa điểm hội nghị của phía Trung Quốc. Hồ Chí Minh cử Võ Nguyên Giáp đến Trung Quốc trước. Trung Quốc cử La Quí Ba, Vi Quốc Thanh cố vấn chủ yếu ở Việt Nam, ngoài ra còn có Giải Phương, nguyên Tham mưu trưởng chí nguyện quân Trung Quốc tại Triều Tiên, vừa đến Việt Nam không lâu, trợ giúp lãnh đạo quân sự Việt Nam tiến hành đàm phán quân sự [với Pháp tại] Trung Giã, và Phùng Mục Minh, cán bộ Bộ Ngoại giao Trung Quốc, đã tham gia đàm phán đình chiến Triều Tiên cũng theo đoàn về Quảng Tây.

Giải Phương là Tham mưu trưởng rất được Bành Đức Hoài, Tư lệnh quân chí nguyện tín nhiệm, sinh năm 1908, vốn tên là Giải Bái Nhiên. Ông sớm gia nhập quân Đông bắc, biết rất rõ hai anh em Trương Học Lương, Trương Học Minh (15); sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông được hai người này bảo đảm, đưa tới học tập tại Trường Sĩ quan lục quân Nhật Bản, sau khi tốt nghiệp lại trở về quân Đông Bắc, nhanh chóng được thăng là thiếu tướng. Ông bí mật gia nhập ĐCS Trung Quốc năm 1936, là một trong những đảng viên hoạt động bí mật đầu tiên trong quân Đông Bắc. Sau khi cuộc kháng chiến bùng nổ toàn diện, ông gia nhập Bát lộ quân, từng công tác tại Bộ tham mưu Diên An, sau đó ra mặt trận. Trong chiến dịch vượt biển giải phóng đảo Hải Nam, ông là phó quân đoàn trưởng kiêm tham mưu trưởng quân đoàn 40, Dã chiến quân thứ tư, trợ giúp quân đoàn trưởng Hàn Tiên Sở chỉ huy quân đội giải phóng Hải Nam. Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, ông giữ chức Tham mưu trưởng quân chí nguyện, phò tá Bành Đức Hoài xuất mưu tính kế. Bành Đức Hoài (16) kiêu dũng thiện chiến gọi ông là "Gia-cát Lượng (17) trong quân." Sau khi tham gia chỉ huy "năm chiến dịch" trên chiến trường Triều Tiên, Giải Phương được cử làm đại biểu đàm phán của phía Trung-Triều. Ông giỏi tiếng Nhật, hơi hiểu tiếng Anh, đầu óc nhanh nhạy, trí tuệ hơn người, ngoan cường kiên định trên bàn đàm phán, từng làm cho đại biểu đàm phán phía Mỹ trực tiếp nếm đủ những lợi hại của ông. Sau khi chiến trường Triều Tiên yên tĩnh dần, Bành Đức Hoài đã nhiều lần nói: "Sau khi về nước tôi phải giới thiệu Giải Phương với Thủ tướng Chu, để

anh ta làm ngoại giao, nhân tài ngoại giao như thế không nhiều!"

Vì thế, vào đêm trước của cuộc đình chiến Triều Tiên năm 1953, sau khi về nước, Giải Phương cứ đi ở không quyết giữa việc lưu lại quân đội hay sang ngoại giao. Hội nghị Genève quyết định tiến hành cuộc gặp gỡ Tư lệnh hai bên tại mặt trận Việt Nam thảo luận vấn đề cụ thể của đình chiến, Hồ Chí Minh đề xuất với TƯ ĐCS Trung Quốc, đề nghị cử cán bộ hiểu biết về đàm phán quân sự sang Việt Nam giúp đỡ, thế là Giải Phương tự nhiên trở thành nhân vật đầu tiên có tên trong danh sách. Nhưng ban đầu, lãnh đạo Quân uỷ còn có chút chưa muốn để Giải Phương vừa mới rời khỏi chiến trường Triều Tiên phải tới ngay chiến trường Việt Nam, nên đã từ chối, ngay cả Chu Ân Lai đang ở Genève cũng gửi điện về nước nói, các tướng lĩnh quân sự quan trọng như Đặng Hoa, Đỗ Bình, Giải Phương có kinh nghiệm quân sự tại Triều Tiên không thể điều đi, "nếu cần thiết chỉ có thể điều đồng chí Phùng Mục Minh tương đối có kinh nghiệm đàm phán tại Triều Tiên đi công tác [tại Việt Nam]" (18).

Lưu Thiếu Kỳ phê chuẩn Phùng Mục Minh đi Việt Nam. Không ngờ phía Việt Nam kiên trì mời Giải Phương đi, kết quả là vào tháng 6, Giải Phương và Phùng Mục Minh cùng đi Việt Nam, rồi lại cùng về nước tham gia hội nghị Liễu Châu.

Về đoạn thời gian đã qua này, Phùng Mục Minh còn nhớ như in. Ông là người Thiên Tân, sinh năm 1913, tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Bắc Kinh, trong kháng chiến tới Diên An, sau khi thành lập nước công tác tại Phòng Ngoại vụ Thiên Tân. Ông tham gia đàm phán Bàn Môn Điếm (19), sau đình chiến vẫn tiếp tục ở lại Bàn Môn Điếm giải quyết vấn đề tù binh.

Đầu tháng 6 năm 1954, ông và Giải Phương tới Việt Nam. Khi hội kiến họ, Hồ Chí Minh đã biểu thị hoan nghênh nhiệt liệt. Hồ Chí Minh nói, Việt Nam đã đánh nhau nhiều năm, đã học được cách đánh nhưng chưa học được cách đình chiến, cho nên mời các đồng chí đến giúp đỡ.

Theo ấn tượng của Phùng Mục Minh thì Tham mưu trưởng Giải Phương tự coi mình là khách nợ về ngoại giao. Trên đường từ căn cứ địa Việt Nam trở về Liễu Châu, khi chợt thấy những ngọn núi nhô cao, như Thạch Lâm xinh đẹp của Quế Lâm, mọi người đều vui vẻ, đua nhau nói ngọn núi đó giống nơi nào, nơi nào. Không ai ngờ, Giải Phương đã bất thình lình nói xen vào một câu: "Ngọn núi này không có giá trị quân sự."

Thế nhưng đối với vấn đề đình chiến ở Việt Nam sẽ phải đối mặt, Giải Phương hiểu biết vô cùng sâu sắc, trên đường đi xe lửa tới Liễu Châu, ông chậm rãi nói với Phùng Mục Minh: "Các đồng chí Việt Nam có chút miễn cưỡng đối với đình chiến."

Trên đường đi Liễu Châu, Hồ Chí Minh thường cùng ngồi với các cố vấn Trung Quốc; dọc đường các địa phương đều chiêu đãi, ăn thịt gà rất nhiều. Võ Nguyên Giáp thường gắp thức ăn cho Hồ Chí Minh, đủ thấy quan hệ thân thiết của họ (20).

Sau khi về Quảng Châu, do tiết trời nóng bức, ăn uống kém nên sức khoẻ của Chu Ân Lai có chút không tốt, nên đã nghỉ một ngày, đến trước trưa ngày 2 tháng 7 mới đáp máy bay rời Quảng Châu (21), buổi trưa đến Liễu Châu. Ông không kịp nghỉ ngơi, lập tức đến thăm Hồ Chí Minh vừa đến trước, trao đổi ý kiến bước đầu.

Lúc này các trợ thủ thân cận chủ yếu của Chu Ân Lai là Kiều Quán Hoa (22), Chương Văn Tấn (23), phiên dịch chủ yếu của Hội nghị Liễu Châu là Trương Dực. Thư ký đối ngoại của Chu Ân Lai là Mã Liệt (24) cũng tới. Mã Liệt tham gia công tác tại nhóm quân sự của Hội nghị Genève, tương đối nắm được tình hình. Cộng thêm các cố vấn từ Việt Nam trở về và Trần Mạn Viễn, Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân [tỉnh] Quảng Tây, phụ trách viện trợ Việt Nam, nhân tài của Hội nghị Liễu Châu rất đông.

Phiên họp thứ nhất của hội nghị bắt đầu lúc 9 giờ sáng ngày 3 tháng 7, phía Trung Quốc tham dự có Chu Ân Lai, Vi Quốc Thanh, La quí Ba, Giải Phương, Trần Mạn Viễn, Kiều Quán Hoa, phía Việt Nam là Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan. Phùng Mục Minh làm nhiệm vụ ghi chép.

Trước tiên Hồ Chí Minh mời Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình thực chiến trường của cuộc chiến tranh Đông Dương.

Võ Nguyên Giáp lấy ra bản đồ tình hình hai bên giao chiến ở Đông Dương, báo cáo về bốn bộ phận: tình hình chung của chiến tranh, so sánh lực lượng địch ta, tình hình Việt Nam, tình hình Lào và Campuchia.

Võ Nguyên Giáp chỉ ra: sau chiến dịch Điện Biên Phủ, tình hình rất có lợi. Trước mắt vùng Tây Bắc Việt Nam đã được giải phóng hoàn toàn và đang được củng cố, chiến trường Lào cũng phát sinh thay đổi trọng đại. Tại Liên khu Năm, hơi nằm về phía nam Trung bộ Việt Nam, lực lượng quân đội Việt Nam vốn tương đối yếu,

nhưng hiện nay kẻ địch đã rút chạy khỏi nhiều nơi, quân đội Việt Nam đã giành được quyền chủ động chiến tranh.

Trên toàn Đông Dương, tổng binh lực quân Pháp và quân đội của Bảo Đại (25) ước khoảng hơn 400.000 người, trong đó gồm cả hương dũng (26) địa phương. Do bị chiến tranh tiêu hao, nước Pháp đã tăng thêm binh lực từ trong nước, trong tổng số 190.000 quân viễn chinh Pháp có khoảng 120.000 quân Âu, Phi. Quân đội của Bảo Đại vào khoảng 240.000, quân đội Vương quốc Lào [thân Pháp] ước khoảng 17.000 người. Quân đội của chính phủ Campuchia [thân Pháp] ước khoảng 15.000 người. Trong số quân trên, gồm quân chính qui và quân bổ sung, lính hậu cần và hải quân, không quân. Quân Pháp phân tán cao, quân cơ động không quá 110.000 người. Tại vùng đồng bằng sông Hồng, tổng binh lực của địch có khả năng đạt 180.000 người.

Võ Nguyên Giáp nói, tổng binh lực của chúng ta khoảng 300.000 người (bao gồm bộ đội địa phương, đội du kích) trong đó 295.000 người là bộ đội Việt Nam, có sáu sư đoàn bộ binh và hai sư đoàn pháo binh do Tổng bộ chỉ huy. Ngoài ra còn có 4.000 bộ đội Lào và khoảng 3.000 bộ đội Campuchia, nhưng trong những bộ đội này, phân đội cấp đại đội biên chế hỗn hợp cả người Việt Nam, người Lào, người Campuchia.

Chiến trường Việt Nam là chiến trường chính của Đông Dương, 90% lực lượng của đối phương ở tại Việt Nam. Hiện nay các trung tâm kinh tế đều đang dưới sự khống chế của quân Pháp, như Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Đà Nẵng v.v.. Xem xét từ lực lượng kinh tế thấy, một phần ba là ở Bắc Bộ, chủ yếu là công nghiệp than, xi măng. Thực lực kinh tế Nam Bộ chiếm hai phần ba.

Lào đất rộng người đông, ven bờ sông Mekong sản xuất nhiều lúa gạo. Hiện nay liên quân Việt, Lào khống chế một vùng rộng 130.000 km2, miền bắc đã được củng cố, nhưng vùng mới khống chế miền nam còn chưa nối liền thành một mạng. Quân đội Việt Nam đã tiến vào Lào là 14.000 người, cộng thêm mấy ngàn bộ đội của Souphanuvong (27), tình hình quân sự tương đối có lợi. Nhưng nếu quân đội Việt Nam rút khỏi đây, thì bộ đội của Souphanuvong sẽ lâm vào khó khăn. Hiện nay ở Lào số người tham gia ĐCS Đông Dương ước khoảng 220 người, có cơ cấu lãnh đạo.

Võ Nguyên Giáp cho rằng, hoàng thân Sihanouk còn có ảnh hưởng ở Campuchia. Trong lịch sử Việt Nam và Campuchia thường xuyên có chiến tranh, nước Pháp thường dùng cái đó để xúi giục quan hệ hai bên. Hiện nay quân đội Việt Nam có khoảng 1.000 người đã vào Campuchia. Có khoảng hơn 100 người là đảng viên Campuchia của ĐCS Đông Dương.

Vì báo cáo của Võ Nguyên Giáp cần phải phiên dịch, nên trình bầy cả buổi sáng vẫn chưa xong, buổi chiều còn phải bổ sung. Sau đó đến Trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc, Vi Quốc Thanh phát biểu. Vi Quốc Thanh chỉ ra, những số liệu nêu trong báo cáo của Võ Nguyên Giáp tương đối mới, có thể thấy quân Pháp đã bổ sung binh lực vì vậy không giảm bớt về tổng số nhưng chất lượng thì thấp. Do quân đội Pháp đang rút gọn lớn ở vùng đồng bằng sông Hồng, bây giờ nếu tấn công vào đó sẽ khó khăn tương đối lớn.

Trong khi Vi Quốc Thanh phát biểu, Chu Ân Lai đã hỏi xen vào: nếu Mỹ không can thiệp, Pháp gia tăng binh lực như cũ, tiếp tục đánh nhau thì phải bao lâu nữa chúng ta mới lấy được toàn Đông Dương?

Vi Quốc Thanh cho rằng: trong tình hình sửa chữa tốt đường sá, vẫn còn cần hai, ba năm, mà cũng chưa có căn cứ tuyệt đối. Ông nói thêm, La Quí Ba cũng đồng ý quan điểm này.

Hồ Chí Minh cũng đồng tình nói, trong điều kiện nói trên, phía Việt Nam phải đánh thêm từ ba đến năm năm nữa mới có thể giành thắng lợi.

Buổi chiều khi kết thúc hội nghị, Chu Ân Lai đã trình bầy tóm tắt cách nhìn về tình hình quốc tế. Ông chỉ ra, vấn đề Đông Dương đã quốc tế hoá, Mỹ và Liên Xô chưa bị cuốn vào cuộc chiến tranh Đông Dương, nên đều muốn cục bộ hoá vấn đề. Vấn đề Đông Dương cũng ảnh hưởng đến cả Đông Nam Á, ảnh hưởng đến tình hình châu Âu và thế giới. Hội nghị Genève có ảnh hưởng tới nội các Pháp khiến nước Pháp phải thay đổi nội các, có thể thấy có mối liên hệ giữa địa vị của nước Pháp tại châu Âu và mâu thuẫn trong nước. Vấn đề Đông Dương cũng ảnh hưởng tới nước Anh. Nước Anh có liên hệ với bảy lãnh thổ như Pakistan, Ấn Độ, Sri Lanca, Malaysia, Hồng Kông, Australia và New Zealand. Vấn đề Đông Dương cũng ảnh hưởng tới Mỹ. Nước Mỹ đang đặt ra tuyến phong tỏa trên toàn thế giới mà Đông Dương là một khâu quan trọng. Đông Dương đã trở thành sợi dây xích nối liền ba châu Á, Phi, Âu.

Chu Ân Lai nói, chúng ta nên tranh thủ hòa bình, mở rộng lực lượng hòa bình. Phải phát triển hòa bình khiến Mỹ không thể tìm được cớ gây chiến. Phải đề phòng Mỹ can thiệp vũ trang vào

ba nước Đông Dương. Ông chỉ ra, vấn đề Triều Tiên phức tạp hóa là do Mỹ tăng viện, mà tăng viện của họ nhanh như vậy là ngoài dự kiến. Nhân lúc Liên Xô không có mặt tại Hội đồng Bảo an, Liên Hiệp quốc tiến hành can thiệp. Nếu không có tăng viện của Mỹ, phía Triều Tiên đã đuổi Lý Thừa Vãn (28) xuống biển từ lâu. Bây giờ Đông Dương lại là một vấn đề như vậy. Những nhà đương cục thường bị cục bộ hạn chế. Gần đây Mỹ, Xô họp hội nghị Washington, Mỹ cũng chuẩn bị hai con đường, nếu Đông Dương không hòa bình được, Mỹ sẽ tiến hành can thiệp. Từ điểm đó cho thấy, chúng ta còn chưa có khả năng ngay lập tức được cả Đông Dương.

Chu Ân Lai đề xuất, nếu như tại Việt Nam lấy vĩ tuyến 16 làm giới tuyến; Lào, Campuchia trung lập, cô lập Bảo Đại, hai năm sau do Liên Hiệp quốc giám sát bầu cử, Đảng Lao Động có khả năng thành công trong bầu cử. Làm tốt công tác, có khả năng giành được cả Việt Nam, xu thế này có thể khẳng định. Vì thế hiện nay chỉ có một nhiệm vụ, đó là tranh thủ Đông Dương hòa bình, dùng phương thức hòa bình giành được cả Việt Nam, tiến hành cạnh tranh hòa bình, khiến tình hình thế giới phát sinh thay đổi có lợi cho chúng ta.

Tám giờ tối, cử hành phiên họp lần thứ ba. Chu Ân Lai đã phát biểu dài về đề tài "Vấn đề chiến tranh và hòa bình." Tư tưởng trung tâm của bài nói là, phải toàn lực tranh thủ giải quyết hòa bình vấn đề Đông Dương. Nếu không làm được điểm này, cuộc chiến Đông Dương có nguy cơ mở rộng. Nếu như vậy là nguy hiểm, sẽ phải trả giá nặng nề.

Ông chỉ ra, áp dụng mô hình Triều Tiên vào vấn đề Việt Nam, vạch ra một giới tuyến tạm thời, xem ra phải cắt miền Nam, miền Nam tạm thời không có lợi. Nhưng có thể chờ đợi bầu cử, và có thể giành thắng lợi trong bầu cử. Vấn đề là phải nhìn về lâu dài, nếu Mỹ tiến hành can thiệp thì có khả năng mọi cái đều mất hết. Nếu Mỹ xây căn cứ ở Xiêng Khoảng, Bảo Đại ngả vào lòng Mỹ thì miền Nam Việt Nam cũng sẽ chịu ảnh hưởng, thậm chí bị tàn phá. Cho nên phải xem xét vấn đề từ trong thay đổi và phát triển. Dù cho không thay đổi, tiếp tục đánh cũng phải ba năm. Nếu Mỹ tiến hành can thiệp thì khu đỏ sẽ biến thành trắng. Kinh nghiệm của Trung Quốc về mặt này quá nhiều. Hồng quân công nông Trung Quốc khi trường chinh đã từng để lại [ở khu Xô viết Giang Tây] mấy ngàn người địa phương, sau này không còn ai.

Nếu như theo phương châm của TƯ ĐCS Liên Xô và TƯ ĐCS Trung Quốc, tranh thủ Đông Dương hòa bình vạch đường giới tuyến, đối với Việt Nam mà nói, đã có thể củng cố được địa phương, vùng giải phóng có 12, 13 triệu dân, so với Bắc Triều Tiên còn nhiều hơn, lại có cửa biển, có thể thành một cục diện ở Đông Nam Á. Tương lai khi Trung Quốc và Việt Nam sửa thông đường sắt, cho dù miền Nam Việt Nam nhất thời chưa thể tuyển cử, chúng ta vẫn có thể ảnh hưởng tới nó. Lào, Campuchia cho dù có lạc hậu một chút thì vẫn tốt hơn là biến thành căn cứ của Mỹ.

Lật ngược lại vấn đề mà nói, nếu tình hình Đông Dương bước đầu không lợi, nếu Mỹ can thiệp, trước tiên Đông Dương sẽ bị tàn phá. Có khi một địa phương chậm giải phóng, nhưng lại có lợi cho toàn cục, cho nên có khi phải biết chờ đợi một chút. Phải căn cứ vào khả năng mà làm việc. Điểm này phải nói cho rõ. Trung Quốc đã có ví dụ như vậy, chúng tôi rút khỏi vùng đã chiếm, như Đại Biệt sơn, Đông Giang, Quảng Đông v.v... Chúng tôi rút đi, cách một, hai năm hoặc bốn năm, rồi chúng tôi lại trở lại. Phải nói rõ cho cán bộ, đại bộ phận cán bộ sẽ rút đi, để lại một bộ phận cán bộ, tương lai sẽ tốt. Cũng nên nói rõ với dân chúng, sau này không nên oán trách. Nên nói rõ với Uỷ viên Trung ương, cán bộ cao cấp, cán bộ trung cấp và cấp dưới, thuyết minh nếu đánh nhau nữa, về quân sự không thể giành được cả Việt Nam, mà lợi ích trước mắt cũng không thể giữ nổi. Còn nếu sử dụng phương thức hòa bình thì có khả năng giành được cả Việt Nam, nhưng cũng không phải là nói nhất định giành được, phải xem sự phát triển.

Chiến dịch Điện Biên Phủ chứng minh chúng ta đang có sự thay đổi về chất, mặc dù còn chưa thể nói rằng chúng ta có thể giành được thắng lợi trên toàn Việt Nam. Thế nhưng chiến dịch này đã làm quân địch kinh hoàng tỉnh ngộ, thúc đẩy nó hạ quyết tâm can thiệp. Nhưng phương pháp can thiệp của kẻ địch có khó khăn. Kẻ địch sợ Trung Quốc "bành trướng" cho nên không muốn để một nước Việt Nam giành được thắng lợi qui mô lớn. Vì vậy, muốn dựa vào thắng lợi quân sự để giành được toàn Việt Nam, xét từ mặt nào cũng đều không có khả năng. Nhưng tồn tại khả năng hòa bình thì giành được toàn Việt Nam. Thế nhưng giành được vào lúc nào phải có bước đi. Đường số Chín hiện nay dường như không có vấn đề, chúng ta có thể bảo trì. Cảng Đà Nẵng có thể suy tính để cho nước Pháp

một, hai năm, cũng có thể coi là một biện pháp. Vĩ tuyến 16 trở ra bắc là nơi Việt Nam hưng quốc, có 13 triệu dân, có thể xây dựng, có cảnh biển lại có thể sửa chữa đường sắt, cán bộ cũng có thể ra nước ngoài huấn luyện quân sự, chí ít có thể tăng cường vũ trang đã có, tương lai lưu lại ở vùng du kích làm công tác.

Vấn đề Đông Dương cần tham chiếu tình hình Triều Tiên. Bầu cử ở Triều Tiên cần hai bên hiệp thương, chế định biện pháp bầu cử. Hiệp thương hai bên Triều Tiên làm không tốt, Việt Nam cũng sẽ không thành, nói chung cần một, hai năm phát triển tình hình.

Chu Ân Lai chỉ ra thêm, hòa bình có thể làm tăng thêm mâu thuẫn Pháp, Mỹ, thậm chí Mendès-France (29) cũng đã nói, nếu như không thể hòa bình chỉ có quốc tế hóa, nếu như Mendès-France thất bại, Đảng Cộng hòa Nhân dân hoặc Đảng Xã hội lên cầm quyền đều không có lợi đối với vấn đề Đông Dương.

Còn về điều kiện ngừng bắn tại Việt Nam, Chu Ân Lai chỉ ra, sau khi lên cầm quyền, Mendès-France tranh lấy Hải Phòng. Trong điều kiện ngừng bắn làm tốt, cuối cùng có thể lấy vĩ tuyến 16 làm giới tuyến. Vạn nhất còn chưa được có thể tính tới việc lấy đường Chín làm giới tuyến. Cảng Đà Nẵng, Thuận Hoá (?) có thể coi là đặc biệt lưu lại cho Pháp một, hai năm, như thế chúng ta có thể đòi các điều kiện khác.

Điều kiện ngừng bắn ở Đông Dương là: một, ngừng bắn đồng thời; hai, vạch vùng; ba, không đưa vào quân đội mới và vũ khí đạn dược. Như vậy có thể bịt chặt Mỹ. Trước khi ngừng bắn, quân đội Việt Nam còn cần bao nhiêu vũ khí, chúng tôi có thể vận chuyển trước, sau đó trong nửa năm không vận chuyển vào bất kỳ vũ khí nào. Đề nghị các đồng chí làm một kế hoạch để tiện vận chuyển vào. Có thể vận chuyển vào những thứ mà 10 sư đoàn bộ binh cần thiết.

Về vấn đề bầu cử. Khi thuyết minh với cán bộ và nhân dân, không nên nói bầu cử rất dễ, vấn đề này phải trải qua đấu tranh lâu dài. Tất nhiên Đông Dương không thể chia ra mà cai trị lâu dài.

(Còn tiếp một kỳ)

Chú thích

1. (1898-1976), Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949-1976). Từ 1949 đến 1958, kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Ngoại giao. Trưởng đoàn Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Hội nghị Genève 1954.

2. Thành phố thuộc Thụy Sĩ, nơi ký Hiệp định Genève về Đông Dương năm 1954.

3. Chỉ Việt Trung Xô.

4. Vyacheslav Mikhailovich Molotov (1890-1986), khi đó là Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô.

5. "Niên phổ Chu Ân Lai năm 1949-1976." Trung ương Văn hiến Xuất bản Xã, 1997, quyển thượng tr 386. TG (Ngoài các chú thích của tác giả-TG là chú thích của người biên tập).

6. (1904-1997), một lãnh tụ của đảng Cộng sản Trung Quốc. Khi đó đang là Phó Tổng lý Chính vụ viện (sau đổi là Quốc vụ viện), tức Phó Thủ tướng nước CHND Trung Hoa.

7. (1893-1976) là Chủ tịch đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 1943 đến khi qua đời.

8. (1898-1969), một lãnh tụ của đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước CHND Trung Hoa (1959-1968). Khi đó là Bí thư Ban Chấp hành TƯ ĐCS Trung Quốc.

9. (1907-1988), tên thật là Đặng Xuân Khu, nhà cách mạng và chính trị gia Việt Nam. Khi đó đang là Tổng Bí thư đảng Lao động Việt Nam (1951-10/1956), Trưởng ban cải cách ruộng đất Trung ương (từ 1953).

10. Võ Nguyên Giáp (1911-) đại tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, người chỉ huy chiến thắng trận Điện Biên Phủ. Khi đó đang là Ủy viên Bộ Chính trị – Bí thư Quân ủy Trung Ương đảng Lao động Việt Nam, Tổng Tư lệnh quân đội, Bộ trưởng bộ Quốc phòng.

11. (1908-1995) khi đó là Đại sứ (đầu tiên) kiêm Trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam.

12. (1913-1989) trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc ở Điện Biên Phủ.

13. Thành phố tỉnh lị Khu tự trị Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

14. Thành phố Khu tự trị Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

15. Các con của Trương Tác Lâm, quân phiệt vùng Đông-bắc Trung Quốc. Trương Học Lương nổi tiếng với sự biến Tây An năm 1936.

16. (1898-1974) tướng lĩnh quân sự xuất chúng của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, một trong mười Nguyên soái của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.

17. (Theo từ điển Hán Việt của Thiều Chửu và một số từ điển khác thì tên ông là Chư-cát Lượng) (181-234) là vị quân sư và đại thần của nước Thục Hán thời Tam Quốc (220-280). Ông là một chính trị gia, nhà quân sự, học giả, kỹ sư lỗi lạc.

18. "Niên phổ Chu Ân Lai năm 1949-1976" Trung ương Văn hiến Xuất bản Xã, 1997, quyển thượng, tr 384. TG.

19. Nơi Hiệp định ngừng chiến tranh Triều Tiên được ký kết năm 1953.

20. Ghi chép của tác giả trong lần phỏng vấn Mã Liệt ngày 28 tháng 9 năm 1995 tại Bắc Kinh. Mã Liệt còn cho biết, tại hội nghị ông ghi chép rất nhiều, nhưng sau khi xem lại, Chu Ân Lai bảo không cần ghi chi tiết quá và cầm bút xóa đi rất nhiều. Đại bộ phận phần xóa bỏ là những điểm bất đồng của hai bên. Do vậy phần lưu trữ của bộ Ngoại giao và người ghi chép đương thời có khác biệt nhất định. TG.

21. Thành phố tỉnh lị tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

22. (1913-1983) Bộ trưởng bộ Ngoại giao Trung Quốc (11/1974 - 12/1976).

23. (1914-1991) Thứ trưởng bộ Ngoại giao Trung Quốc (1978-1982).

24. Ma Lie.

25. Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy (1913-1997), là vị vua thứ mười ba và cuối cùng của triều Nguyễn. Khi đó đang là Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam (thân Pháp).

26. Dân vệ.

27. (1909-1995) Ông Hoàng Đỏ, sau trở thành Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1975-1991).

28. (1875-1965) Tổng thống đầu tiên của Đại Hàn Dân Quốc (Nam Triều Tiên) từ năm 1948 đến khi đó.

29. (1907-1982) Thủ tướng Pháp trong thời gian hội nghị Genève năm 1954.

Từ Đồng Bằng Sông Cửu Long đến Châu Thổ Nam California

PHẠM PHAN LONG

Thử Thách Xưa và Nay trên Châu Thổ Sông Cửu Long

Các thông tin và dự báo về nguy cơ của các đập thủy điện vĩ đại của Trung Quốc giáng xuống hạ nguồn sông Mekong đã được bàn thảo qua ba kỳ Hội Thảo về Sông Mekong tại Nam California, qua những bài khảo cứu trên các tạp chí như Thế Kỷ 21, nhật báo Người Việt, Việt Báo, Ngày Nay và Đi Tới. The 1999 Mekong Papers, The 1999 Mekong River Declaration, các thông tin của International Rivers Network, World Commission on Dams đã gây chú tâm cho người Việt hải ngoại và dần dần vang vọng về nước. Những tác phẩm văn học của nhà văn Ngô Thế Vinh, các phóng sự của RFI, RFA, BBC, và gần đây là tường trình The Global Water Crisis trên Newsweek số tháng 7, vấn nạn nguồn nước không chỉ cam go cho Việt Nam mà là mối đe dọa sự no ấm của cả địa cầu.

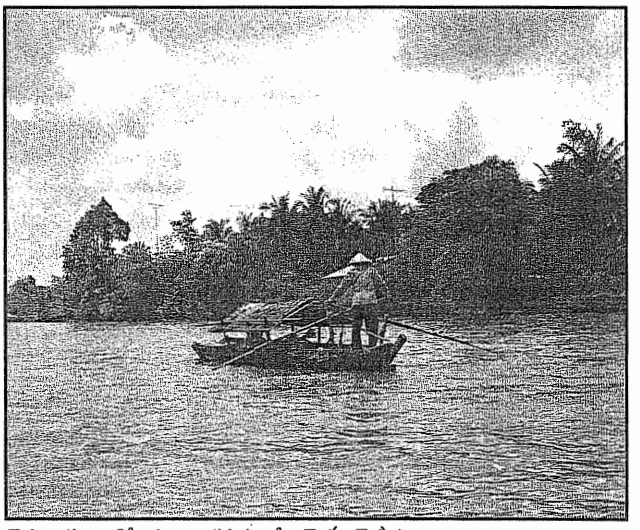

Trên dòng Cửu Long (hình của Tuấn Trần)

Kỹ Sư Nguyễn Hữu Chung, một dân biểu từ ĐBSL trước 1975 và thành viên sáng lập Mekong Forum đã cho rằng Việt Nam phải tìm một liên kết quốc tế và hậu thuẫn chính trị quốc gia để tìm ra giải pháp bền vững cho ĐBSCL và ông khẳng định rằng Hiệp Ước Sông Mekong 1995 của Mekong River Commission đã không bảo vệ được quyền lợi sống còn của các dân tộc và hệ sinh thái hạ nguồn. Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến đã góp phần biên soạn Bản Tuyên Ngôn Sông Mekong 1999 và ông chú tâm đến những hệ lụy dân cư ĐBSCL sẽ phải gánh chịu. Mekong Forum, Vietnamese Science and Technology Society, Liên Hội Tiền Giang Hậu Giang, Cambodian American Association và Viet Ecology Foundation, đã nỗ lực đem mối quan tâm cho kế sinh nhai và an toàn thực phẩm của dân cư ĐBSCL và cả lưu vực sông Mekong lên hàng quốc tế.

Người Việt trong nước cùng nhận thức được những nguy cơ trên và tìm cách bảo vệ sinh thái châu thổ và lưu vực. Nhìn lại quá khứ thật đáng khâm phục, dân cư ĐBSCL đã tồn tại qua 60 năm chiến tranh; sau đó họ đã gánh chịu thêm hơn 15 năm lầm than dưới chính sách khắt khe của chính sách kinh tế xã hội chủ nghĩa; mãi đến thời kỳ "kinh tế đổi mới" họ mới được nới lỏng để canh tác; từ đó họ đánh phèn, rửa mặn, khai phá sâu vào các cánh đồng chua nước mặn; họ chống lại những cơn hạn hán kỷ lục của thế kỷ, họ sống chung cùng lũ lụt dồn dập đến, chưa kể vì địa thế, những thiệt thòi ảnh hưởng chính trị so với cả nước.

Nông dân ĐBSCL đã nâng cao thu hoạch lúa, nâng Việt Nam lên quốc gia đứng hạng thứ hai về xuất cảng gạo trên thế giới. Họ đã đổ mồ hôi cày cấy bằng những bàn tay không, những gót chân đất, họ đã đắp ra một mạng kinh đào ngăn mặn và trị thủy 250 km trên khắp châu thổ. Họ đã có những thành công, cũng có thất bại, nhưng tựu chung họ đã viết ra những trang bi hùng sử về khả năng sinh tồn và bất

khuất của dân cư châu thổ.

Nhưng nhìn về tương lai, họ còn rất nhiều mối thử thách cam go to lớn. Từ thượng nguồn sẽ bị các đập Vân Nam Trung Quốc cản dòng ngăn chặn phù sa, một phần dòng Mekong sẽ bị chuyển nước khỏi dòng chính, một phần chảy bị bơm đi tưới tiêu nơi khác, phần còn lại sẽ mang ô nhiễm chất thải sinh hoạt và kỹ nghệ xuống hạ nguồn. Các đập thượng nguồn đe dọa hệ sinh thái duyên hải và chế độ thủy vận của sông Tiền sông Hậu. Việc gia tăng đào giếng và bơm nước để canh tác và sinh hoạt tại châu thổ ĐBSCL sẽ làm tầng nước ngầm thêm sa sụt. Mặt khác nước biển dâng lên do hâm nóng toàn cầu sẽ đưa nước mặn lấn sâu vào các cửa sông và thấm sâu vào tầng nước ngầm trong thềm lục địa.

Những yếu tố này kết hợp lại có khả năng đảo lộn hệ sinh thái, cướp đi kế sinh nhai truyền thống nông ngư của dân cư và viễn ảnh duyên hải bị biển nuốt dần, châu thổ dần dần dìm xuống so với mặt biển là những tiên liệu của khoa học địa cầu.

Vài nét Lịch Sử về Châu Thổ Nam California

Sau đây vài nét lịch việc sử về các công trình bảo vệ châu thổ Nam California và những dữ kiện chung quanh, để minh chứng rằng, phương án bảo vệ một châu thổ như ĐBSCL tại Việt Nam sẽ cần liên kết thành các đại công trình quốc gia với tầm nhìn xa hàng niên kỷ. Do một ngẫu nhiên hay tiền định nào đó, người Việt tập trung ở hải ngoại nhiều nhất về vùng Nam California chung quanh khu vực Orange County và trong châu thổ sông Santa Ana. Nơi đây nguy cơ nhiễm mặn, khan hiếm nước sinh hoạt đến độ tranh chấp bạo động. Phương án bảo vệ châu thổ Nam California đã được hình thành trên 50 năm trước và liên tục cả thế kỷ.

Kế hoạch bảo vệ lưu vực này đã được thai nghén trong khó khăn và chuẩn bị đối phó từ năm 1933, đến năm 1975, nguồn nước vùng này, đúng như dự đoán, đã hóa mặn không đủ tiêu chuẩn để dùng sinh hoạt. Dân cư Nam California may mắn nhờ có một tổ chức xã hội dân chủ và tiến bộ, một guồng máy quản lý môi sinh độc lập và một cơ chế trong sáng với viễn kiến khoa học, họ đã đối phó kịp thời và phát triển Orange County, cái nôi của Disneyland và nếu là một quốc gia, GDP của Orange County 179 tỉ USD sẽ đứng thứ hạng 36 trên

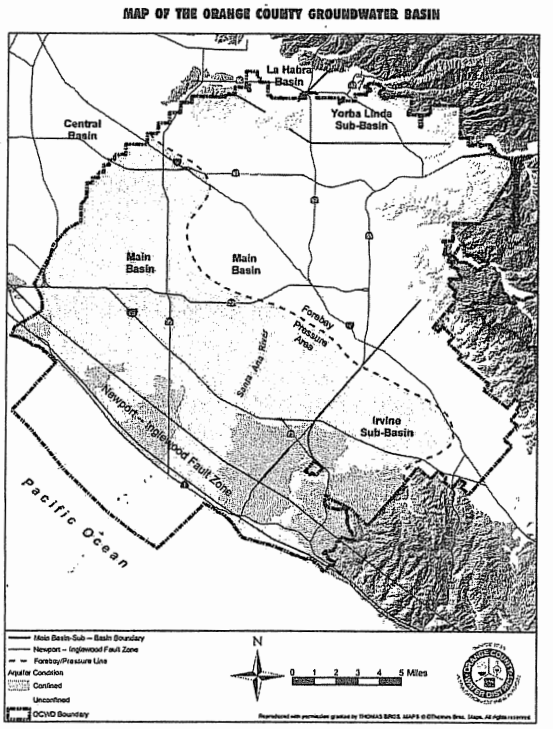

Lưu vực nước ngầm

thế giới.

Thật vậy, ngược dòng lịch sử, vào năm 1933, nước Mỹ đang chìm đắm ở cực điểm thấp của thảm họa kinh tế [Great Depression], nạn thất nghiệp lên tới 25%, có đến 11.000 ngân hàng đã đóng cửa, mực nước ngầm Nam California đã hạ xuống 77 feet thấp hơn chỉ trong vòng 10 năm. Tranh chấp pháp lý nguồn nước, bạo động dùng chất nổ phá hoại, mưu sát tất cả vì xung đột giữa thượng và hạ nguồn, tình hình căng thẳng gay go, không tạo ra thêm một giọt nước nào khi hạn hán vẫn liên tục.

Tháng 6 năm 1933, Thống Đốc James Rolph đã ký một đạo luật thành lập Orange County Water District (OCWD) mục đích tìm kiếm, bảo vệ nguồn cung cấp nước và phẩm chất nước sinh hoạt cho châu thổ Nam California.

Đến năm 1954, mực nước ngầm đã xuống dưới mặt biển 15 feet, chi phí và thuế nước phải tăng nhanh, OCWD phải mua 28,000 afy (acre-feet per year) từ sông Colorado chuyển về để chống nguồn nước thâm hao (overdraft) mà vẫn không kham. OCWD phải theo dõi độ xâm mặn, lượng nước bơm lên, thâu dữ kiện phân tích tìm biện pháp làm đầy lại nguồn nước (replenishment).

Đến năm 2002, dọc theo ven bờ biển, từ phía Nam của xa lộ 405 ra Newport Beach, mực nước ngầm đã hạ thấp xuống 50 feet dưới mặt biển.

Độ mặn trên 250 mg/l (MCL) lấn thêm 2.5 dặm sâu vào thềm lục địa trong trong thập niên 1992 đến 2002.

OCWD đã vượt qua nhiều thử thách về pháp lý để dành quyền quản trị nguồn nước trên lưu vực và thuyết phục công dân đóng thuế để thực hiện những dự án to lớn và tiên phong về kỹ thuật với tầm vóc quốc gia và thế giới.

Đến năm 1941, khi nước Mỹ đang chuẩn bước vào thế chiến, OCWD đã hoàn thành hai dự án quy mô: Prado Dam và Colorado River Aqueduct.

Prado Dam cách biển 32 dặm nằm trong lãnh địa của Riverside County là một hồ chứa đa dụng, rộng 568 km2 có khả năng điều hòa dòng chảy sông Santa Ana chống lụt, dự trữ nước cho một lưu vực to lớn nhất tiểu bang, cung cấp nước sinh hoạt, là nơi kiểm soát và giải khử ô nhiễm ni trát. Năm 2004, dự án tu bổ Prado Dam đã tăng khả năng hồ chứa để chống kỷ lục lũ từ 70 năm (9000 cfs) đến kỷ lục lũ 190 năm (30.000 cfs) với kinh phí kém 450 triệu USD. Prado Dam tuy nằm trong Riverwside County, nhưng OCWD đã mua làm chủ vùng đất ấy để xây đập bảo vệ lũ lụt cho hạ nguồn.

Colorado River Aqueduct

Colorado River Aqueduct (CRA) được kỹ sư William Muholland đề bạt. OCWD âm thầm mua đất từ Colorado/Arizona về Riverside County để thiết lập đường ống, vượt qua những tranh chấp dành nguồn nước (Califorina Water War), CRA cũng xây xong vào năm 1941 và được công nhận là một trong bảy "kỳ quan" xây dựng công phu nhất của Hoa Kỳ. Công trình CRE đã phải mất tám năm, do 30.000 nhân công, dài 242 dặm, chuyển 1.3 triệu acrefeet/năm từ Colorado River về Nam Califfornia. Nhờ có CRA, vùng Nam California đã phát triển kỹ nghệ và góp phần giúp nước Mỹ phương tiện tham dự và khải hoàn trong thế chiến.

Water Factory 21

Năm 1975, OCWD hoàn tất Water Factory 21. Đây là một dự án tiên phong và táo bạo, tinh khiết hóa 5 triệu gallon/ngày nước thải đã khử rồi (treated sewer) để góp bơm đẩy lại tầng nước ngầm. WF21 bao gồm một hệ thống bơm nước Talbert Injection Barrier (TIB) để chống nhiễm mặn. TIB có 26 dàn máy, với tổng công suất 12 triệu gallon/ngày qua các giếng dọc theo 2.5 dặm theo tuyến đường Talbert. Sau 25 năm WF21 hoạt động, sức khỏe dân cư và sinh thái trong vùng đã được theo dõi nhưng không có tác động tai hại nào. WF21 vượt qua được nỗi lo ngại ban đầu và được chấp thuận của dân cư lẫn cơ quan y tế công cộng để thành mô hình cho tương lai.

Ground Water Replenishment

Châu thổ của OCWD bao trùm diện tích 229.000 mẫu (acres) và dân số trên 2.3 triệu người trong đó có trên đến 130.000 người Việt định cư. Sản lượng nước dùng cung cấp OCWD tăng dần từ 150.000 afy vào năm 1955 lên đến 350,000 afy vào năm 2002. Làn sóng tỵ nạn của người Việt về vùng này là một phần của con số này. Hiện nhu cầu nước đã lên đến 500,000 afy và dự đoán sẽ tăng lên 600,000 afy vào năm 2020.

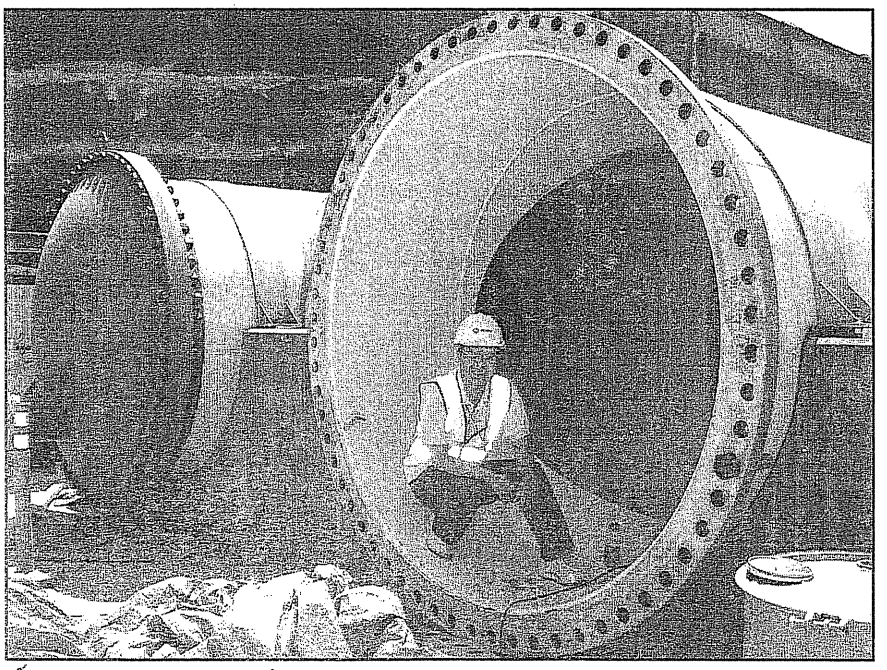

Ống Nước GWR trước khi lắp. Vùng Little Saigon cũng sẽ dùng nước này.

Để đáp ứng nhu cầu trên, vào năm

2001 OCWD và Orange County Sanitation District (OCSD) hợp tác tiến hành dự án chung Ground Water Replenishment (GWR) Project nhằm các mục đích:

1) Giảm bớt lưu lượng nước thải ra biển ngày gia tăng từ các nhà máy khử ô nhiễm tại Foutain Valley vì đà quá tải của ống thoát ra biển (ocean outfall).

2) Tăng khả năng cung cấp nước chống nhiễm mặn (seaswater intrusion barrier).

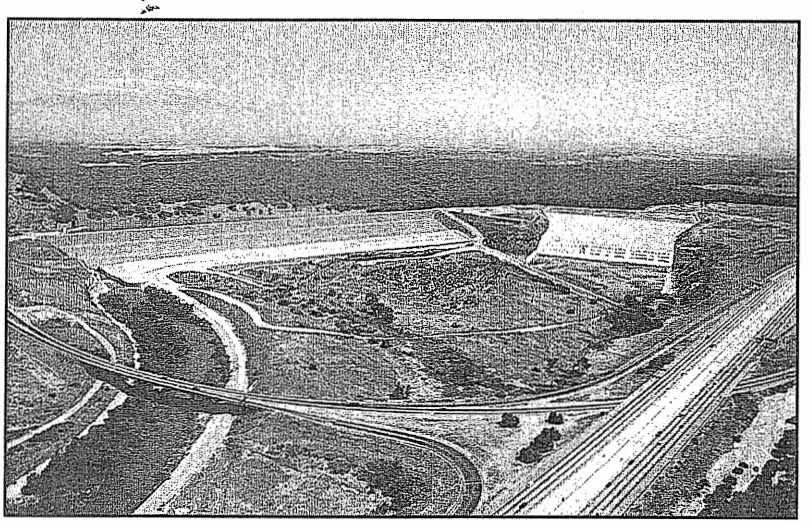

Colorado River Aqueduc.

3) Giảm lượng nước và chi phí phải nhập cảng nước từ sông Colorado.

4) Tăng nguồn nước chống hạn hán.

5) Thỏa mãn nhu cầu dân số và giảm chi phí nước sinh hoạt.

GWR được xây ngay bên cạnh nhà máy nước thải tại Fountain Valley, sử dụng ba kỹ thuật tinh khiết hóa nước. Dòng nước thí dụ thải ra từ Little Saigon sẽ phải chảy qua chu trình thanh lọc tại nhà máy khử nước tại Fountain Valley, sau đó hoặc ra biển qua Ocean Outfall hay chuyển qua GWR để được tinh khiết hóa thêm qua hệ thống "micro filtration" có độ lọc 0.2 micron (1/30 sợi tóc) dưới áp suất nhẹ để loại ra các vi trùng, các chất rắn mịn (fine suspension solid), protozoa, và các vi khuẩn bám vào chúng.

Sau microfiltration nước được chuyển qua chu trình thẩm nghịch "reverse osmosis" để loại đi những chất rắn hòa tan (TDS), khoáng chất và ô nhiễm. Sau cùng là qua hệ thống khử trùng bằng ánh sáng cực tím (ultraviolet) và hóa chất hydrogen peroxide.

Dự án GWR chia ra làm hai giai đoạn, Phase I tốn 487 triệu USD đã bắt đầu xây vào năm 2004 và sẽ hoàn thành trong năm 2007 với dung suất 70,000 gallon/ngày (72000 acy), đủ cho 144.000 gia đình sử dụng, và dung suất có thể tăng lên gấp đôi vào Phase 2.

GWR sẽ giúp OCWD cung cấp nước tinh khiết (tiêu chuẩn uống được) để bơm xuống dọc 12 dặm nước ngầm qua các dàn giếng TIB, hoặc chuyển đến các hồ và để thấm xuống đất ngầm (aquifer) cách tự nhiên, cung cấp cho các giếng tiêu thụ trong vùng. GWR cung cấp nước với giá $223/acrefoot thay vì $500/acrefoot như nước nhập cảng từ Colorado, hay đắt hơn đến $800/acrefoot nếu phải dùng kỹ thuật lọc nước biển (desalination).

Kết Luận

Người Việt sống tại Orange County thật may mắn được sống trong khí hậu ôn hòa lại có sự đùm bọc an toàn về nguồn cung cấp lẫn phẩm chất nước, có thể chịu đựng bốn năm liền hạn hán, có thể chống lũ kỷ lục 190 năm, mà họ chỉ trả chi phí rất nhỏ, dù họ đã đầu tư rất nhiều vào những công trình cơ sở hạ tầng tiến bộ nhất mà khoa học có thể cống hiến. Họ đã nhìn xa hàng 100 năm, biết dùng đầu óc và tổ chức chính trị độc lập và tự quản lý môi sinh của mình.

Người Việt tại ĐBSCL đang đứng trước những thử thách cam go nhiều hơn thế, họ sẽ phải xây dựng một một kế hoạch hạ tầng trong hoàn cảnh khó khăn và thiếu thốn hơn. Thành quả của họ, dù ít dù nhiều đều sẽ đáng khâm phục.

Phạm Phan Long
Viet Ecology Foundation
2131 Palomar Airport Road, Suite 120
Carlsbad CA 92692 - USA

Phạm Phan Long, kỹ sư là thành viên Mekong Forum, Viet Ecology, hội viên International River Network, Principal Engineer công ty MPA (Morales /Pham & Associates) và MPA là một trong 10 công ty thành viên kỹ thuật của công trình GWR. Viết cho các tạp chí Đi Tới, Thế Kỷ 21.

NỬA THẾ KỶ 1957 - 2007

TỪ ỦY BAN TỚI ỦY HỘI SÔNG MEKONG

NGÔ THẾ VINH

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

LTS. Năm 2007, kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Ủy Ban Sông Mekong của Liên Hiệp Quốc. Cũng là thời điểm đánh dấu con sông Mekong trước dồn dập những nguy cơ. World Wide Fund for Nature, đã ghi nhận: Mực nước con sông Mekong tụt thấp xuống tới mức báo động kể từ 2004 và trở thành những hàng tin trang nhất trên báo chí. "Trung Quốc làm kiệt mạch sống sông Mekong_ New Scientist"; "Sông Mekong cạn dòng vì các con đập Trung Quốc_ Reuters AlertNet"; "Xây đập và con sông chết dần_ The Guardian"; "Sông cạn do các con đập Trung Quốc_ Bangkok Post". Hầu hết đều mạnh mẽ quy trách cho việc xây các con đập thủy điện của Trung Quốc trên khúc thượng nguồn sông Mekong. Và cũng chính WWF đặt câu hỏi: Thế nhưng bức tranh toàn cảnh thì sao? Thế Kỷ 21 gửi tới bạn đọc bài viết dưới đây của nhà văn Ngô Thế Vinh, tác giả cuốn sách mới xuất bản: Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch_ như một cái nhìn tổng quan về diễn tiến 50 năm khai thác và cả hủy hoại hệ sinh thái của con sông Mekong mà cho đến nay Việt Nam là quốc gia cuối nguồn, nhưng lại tỏ ra rất thụ động với thái độ "chờ xem".

*

TỪ ỦY BAN SÔNG MEKONG 1957-1976

Năm 1957, giữa thời kỳ chiến tranh lạnh, với bảo trợ của Liên Hiệp Quốc, chủ yếu là Mỹ, một Ủy Ban Sông Mekong *(MRC/ Mekong River Committee)* được thành lập bao gồm bốn nước Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Nam Việt Nam và một văn phòng thường trực đặt tại Bangkok; với kế hoạch phát triển toàn diện vùng Hạ Lưu sông Mekong *(Lower Mekong Basin)* nhằm cải thiện cuộc sống cho toàn thể cư dân sống trong lưu vực. Trong những bước ban đầu, Ủy Ban Sông Mekong đã được sự hướng dẫn và hỗ trợ của Ủy Hội Kinh Tế Á châu và Viễn Đông [ECAFE / Economic Commission for Asia and the Far East] và Cơ Quan Phát Triển Liên Hiệp Quốc [UNDP].

Cho dù có một nửa chiều dài sông Mekong chảy qua Vân Nam nhưng Trung Quốc lúc đó còn là một quốc gia toàn trị và khép kín nên ít được nhắc tới.

VỚI NHỮNG KẾ HOẠCH VĨ MÔ

Ủy Ban Sông Mekong đã có "viễn kiến" đánh giá được tiềm năng thủy điện vô cùng phong phú của con sông Mekong – trước Trung Quốc tới hai thập niên, nên đã phác thảo kế hoạch xây các đập thủy điện lớn trên dòng chính sông Mekong nơi vùng Hạ Lưu. Thử điểm qua mấy dự án được coi là ưu tiên trong "giấc mộng lớn" ban đầu ấy:

- **Dự án Pa Mong:** cách thủ đô Vạn tượng 15 dặm trên dòng chính sông Mekong như ranh giới thiên nhiên giữa Thái và Lào. Pa Mong là đập chứa nước chính, sẽ kiểm soát lưu lượng toàn con sông Mekong ra tới Biển Đông và dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng tới những kế hoạch phát triển vùng hạ lưu. Nó có khả năng tiêu tưới hai triệu rưỡi mẫu Anh cho vùng đông bắc Thái, cung cấp nguồn điện khoảng 2,000 MW [lớn hơn con đập Mạn Loan 1,500 MW]. Hồ nước với chiều dài khoảng 210 dặm sẽ dìm sâu trong đáy nước một vùng rộng lớn đất đai và nhà cửa của khoảng 60 ngàn dân cư nhưng sẽ cải thiện thủy lộ lưu thông trên sông, nâng cao mức sống và phát triển của toàn miền đông bắc Thái Lan.

- **Dự án Sambor:** cách thủ đô Nam Vang 140 dặm về hướng bắc trong lãnh thổ Cam Bốt. Công trình sẽ khiến mức nước dâng cao, làm ngập suốt 50 dặm ghềnh thác và cải thiện thủy lộ trên thượng nguồn, mở ra triển vọng giao thông giữa hai nước Lào và Cam Bốt. Lượng điện cung cấp sẽ lên tới 1000 MW, đủ cung cấp cho nhu cầu kỹ nghệ và dân dụng, đồng thời dùng cho việc bơm tưới các vùng đất đai thuộc Cam Bốt và Nam Việt Nam.

- Dự án Tonle Sap: là một đập chắn giữa

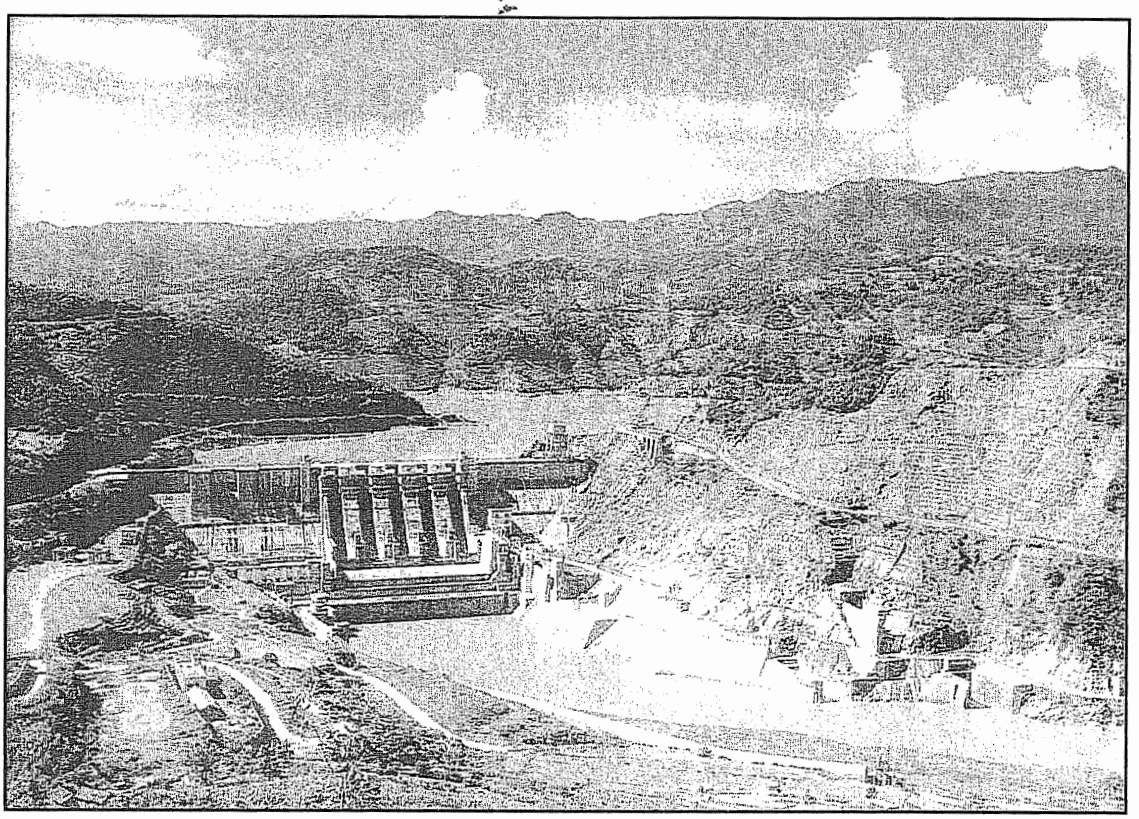

Đập thủy điện Trung Quốc trên sông Mekong

Nam Vang và Biển Hồ. Biển Hồ là một hồ chứa thiên nhiên của con sông Mekong, bởi vì sông Tonle Sap suốt 5 tháng mùa lũ chảy ngược về Biển Hồ. Như vậy cửa đập sẽ mở trong mùa lũ để nước chảy ngược vào Biển Hồ tới mức dự trữ cao nhất và như vậy sẽ giảm thiểu nạn lụt. Đến mùa nước thấp, cửa đập sẽ được mở ra từng phần, duy trì mức sông sâu cho tàu biển vẫn có thể ra vào sông Mekong và đồng thời giảm thiểu lượng nước mặn xâm nhập vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long [ĐBSCL], từ đó có thể gia tăng thêm hai triệu rưỡi mẫu Anh đất bỏ hoang vì muối phèn, vì hạn hán hay lũ lụt. Theo dự tính mực nước hồ sẽ luôn luôn được giữ cao hơn mức thấp khoảng một mét, có hiệu quả làm gia tăng lượng tôm cá trong Biển Hồ đang có nguy cơ bị sa sút và đây cũng là nguồn chất đạm chính cho người dân Cam Bốt. Sau cùng, do nguồn sản xuất điện từ Tonle Sap sẽ theo mùa, nên nguồn thủy điện từ đập Sambor sẽ là phần hỗ trợ cho dự án Tonle Sap.

Ngoài ra còn một số địa điểm khác trên dòng chính sông Mekong cũng được nghiên cứu cho những con đập khác như: đập Pak Beng, đập Pak Lay và đập Luang Prabang cũng nhằm sản xuất điện, mở thêm thủy lộ giao thông...

VÀ CẢNH ĐỒNG SÀNG DỊ MỘNG

Khi mà trong mỗi kế hoạch đã ẩn chứa những mâu thuẫn sâu xa về quyền lợi giữa các nước thành viên nếu chỉ đứng trên quan điểm quốc gia hạn hẹp của riêng mình. Không dễ gì vượt qua trở ngại này nếu không có được một không khí cởi mở đối thoại dẫn tới sự tin cậy cùng với những tính toán thận trọng.

Một ví dụ liên quan tới dự án Pa Mong rất được Thái Lan nhiệt tình cổ võ không phải chỉ do tiềm năng thủy điện lớn lao cung cấp cho kỹ nghệ và dân dụng mà còn do kế hoạch dẫn thủy bơm tưới cho cả một vùng đông bắc Thái Lan rộng lớn khô cằn. Nhưng còn hậu quả môi sinh của Pa Mong đối với hai nước hạ nguồn Cam Bốt và Việt Nam sẽ ra sao? Như làm trầm trọng thêm nạn nhiễm mặn từ biển vào sâu trong vùng ĐBSCL. Nếu đây là mối e ngại của Việt Nam thì đó thực sự không phải là mối quan tâm của Thái Lan!

Một ví dụ thứ hai, trong khi kế hoạch Tonle Sap và Sambor rất được Việt Nam tha thiết quan tâm, do hai hồ chứa này (một thiên nhiên và một nhân tạo) ngoài mục đích sản xuất điện, còn có khả năng điều hòa mực nước theo hai mùa lũ lụt và khô hạn đồng thời ngăn chặn được

nạn nhiễm mặn lấn sâu vào vùng ĐBSCL; nhưng dự án ấy đã bị Cam Bốt nhìn với con mắt nghi kỵ – do bắt nguồn từ ám ảnh lịch sử vốn thiếu thân thiện nếu không muốn nói là thù nghịch giữa hai nước. Cam Bốt đã không coi vấn đề tăng lượng hải sản trong Biển Hồ Tonle Sap và việc ngăn lũ là quan trọng nên đã từng tỏ ý không hợp tác và cũng đã nhiều lần dọa rút ra khỏi Ủy Ban Nghiên Cứu Dự án.

Nhưng rồi, sau đó cuộc chiến tranh Việt Nam kinh hoàng đã lan rộng ra cả ba nước Đông Dương qua hơn ba thập niên, [Thái Lan tuy không trực tiếp tham chiến nhưng cũng đã là một hậu cần của Mỹ trong suốt cuộc chiến], nên kế hoạch xây dựng các đập thủy điện lớn chắn ngang sông Mekong vùng Hạ Lưu hoàn toàn bị gián đoạn, khiến cho con sông Mekong còn giữ được vẻ hoang dã và cả sự nguyên vẹn thêm một thời gian nữa.

Và để rồi sau đó, những kế hoạch khai thác "vĩ mô" nguồn thủy điện phong phú của sông Mekong được chuyển lên phương bắc với dự án một chuỗi 14 con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam của Trung Quốc.

RỒI ỦY BAN MEKONG LÂM THỜI 1978 – 1992

Chiến Tranh Việt Nam chấm dứt năm 1975, nhưng vẫn còn một cuộc chiến tranh diệt chủng diễn ra trên Xứ Chùa Tháp. Không có Cam Bốt, một Ủy Ban Mekong Lâm Thời *(IMC/ Interim Mekong Committee)* được thành lập năm 1978 với hoạt động hạn chế.

Cũng trong thời gian này, Thái Lan bắt đầu có kế hoạch chuyển dòng sông Mekong nhằm đưa một lượng nước lớn bơm tưới cho cao nguyên Isan, là cả một vùng đông bắc Thái luôn luôn bị khô hạn. Đó là một dự án của riêng Thái Lan, không có trong kế hoạch ban đầu của Ủy Ban Sông Mekong. Khi gặp sự chống đối của Việt Nam, Thái Lan đi tới phủ nhận tính cách pháp lý của Ủy Ban Sông Mekong, viện lý do là tổ chức này đã không còn phù hợp với những thay đổi về chánh trị, kinh tế và xã hội trong vùng. Trong điều kiện phân hóa như vậy, Ủy Ban Mekong Lâm Thời hầu như bị tê liệt.

TỚI ỦY HỘI SÔNG MEKONG 1995 NHƯ MỘT XUỐNG CẤP

Bước vào thời bình với nhu cầu phát triển, con sông Mekong đã trở thành mục tiêu khai thác của cả 6 quốc gia trong Lưu Vực Lớn Sông Mekong hay còn được gọi là Tiểu Vùng Mekong Mở Rộng *(GMS/ Greater Mekong Subregion)*.

Cùng là những nước ven sông nhưng mỗi quốc gia lại có những ưu tiên về phát triển khác nhau với những quyền lợi mâu thuẫn. Do đó, phục hồi một tổ chức điều hợp liên quốc gia tương tự như Ủy Ban Sông Mekong trước đây là cần thiết.

Ngày 05 tháng 04 năm 1995, 4 nước hội viên gốc của Ủy Ban Sông Mekong đã họp tại Chiang Rai, bắc Thái Lan cùng ký kết một *"Hiệp Ước Hợp Tác Phát Triển Bền Vững Lưu Vực Sông Mekong"* và nay đổi sang một tên mới là Ủy Hội Sông Mekong *(MRC/ Mekong River Commission)*, không còn lệ thuộc vào ECAFE và UNDP nữa mà thuộc trách nhiệm của một Hội Đồng Bộ Trưởng [Council of Ministers] các quốc gia thành viên và quan trọng hơn hết là đã có một thay đổi cơ bản trong Hiệp Ước mới này – thay vì như trước đây theo điều lệ của Ủy Ban Sông Mekong, mỗi hội viên có quyền phủ quyết *(veto power)* bất cứ một dự án nào bị coi là có ảnh hưởng tác hại tới dòng chính sông Mekong – thì nay, theo nội quy mới không một thành viên nào có quyền phủ quyết như vậy và trong ngôn từ để chuẩn y các dự án cũng rất là mơ hồ như chỉ qua thông báo và tham khảo. Đại diện cho Việt Nam là Ngoại Trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đặt bút ký cho Hiệp Ước Hợp Tác Phát Triển – có thể nói là "Không Bền Vững" này, với những di lụy không ít cho tương lai vì Việt Nam là một quốc gia cuối nguồn.

Có thể nói Ủy Hội Sông Mekong là *"biến thể và xuống cấp"* của Ủy Ban Sông Mekong trước kia; và nay có văn phòng đặt tại Vạn Tượng.

Và mỗi quốc gia thành viên đều có một Ủy Ban Mekong Quốc Gia *(NMC/ National Mekong Committee)*, và riêng Ủy Ban Sông Mekong Việt Nam với một địa chỉ khá nghịch lý: 23 phố Hàng Tre, Hà Nội – nơi châu thổ sông Hồng cách xa ĐBSCL với Đại Học Cần Thơ, Đại Học An Giang hơn 1,600 Km.

Khác với tham vọng chiến lược ban đầu của Ủy Ban Sông Mekong nhằm khai thác tiềm năng sông Mekong – như một con sông quốc tế, cho sự thịnh vượng chung của toàn lưu vực, thì nay mục tiêu của Ủy Hội Sông Mekong có phần khiêm tốn và thu hẹp hơn bao gồm: 3 Chương Trình Nòng Cốt [Chương Trình Sử Dụng

Hình 2: Các Dự Án Thủy Điện Mekong

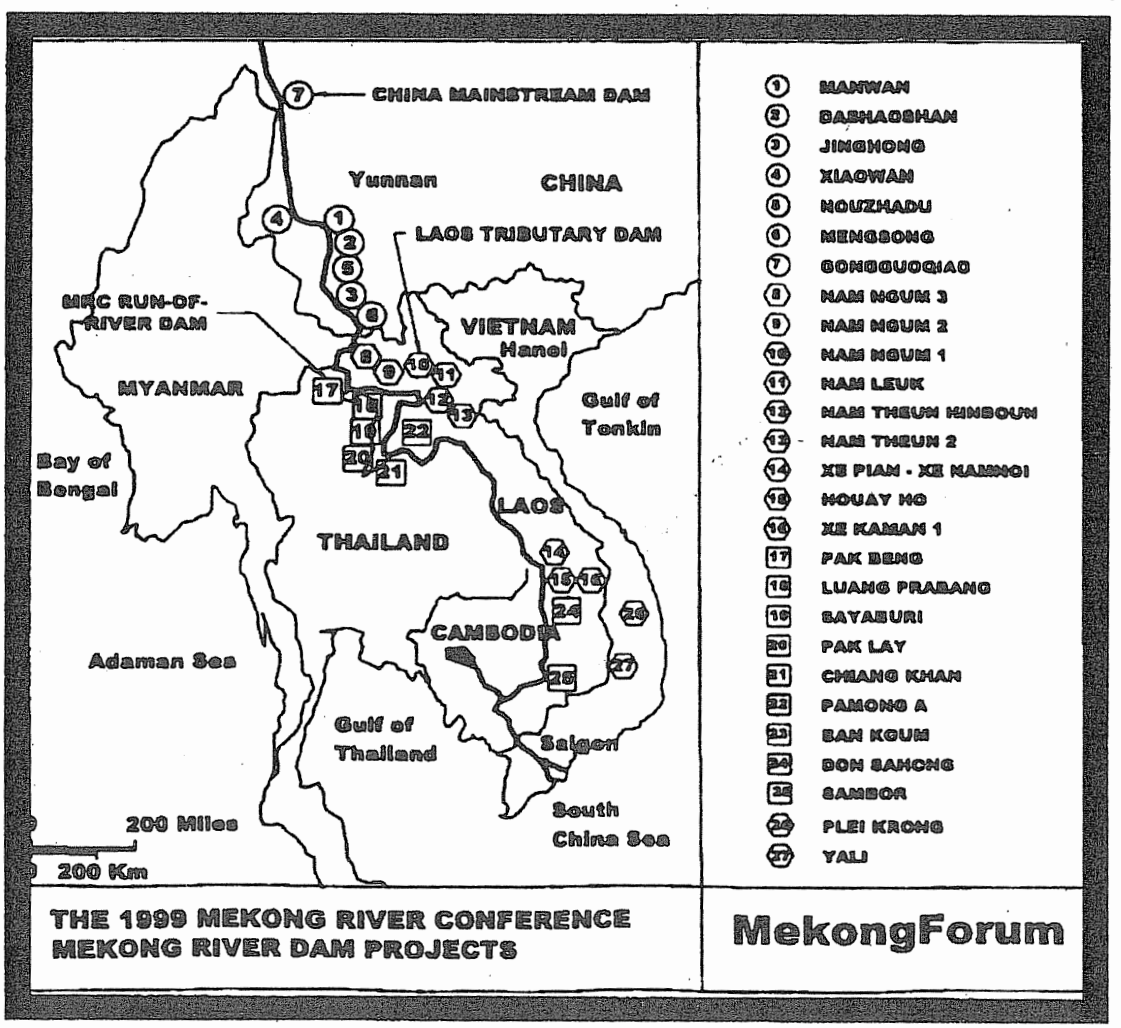

Nước, Chương Trình Phát Triển Lưu Vực; Chương Trình Môi Trường]; năm Chương Trình Khu Vực [Canh Nông, Thủy Lâm, Ngư nghiệp, Giao Thông, Du lịch]; và 1 Chương Trình Yểm Trợ. (3)

Ủy Hội Sông Mekong được bảo trợ bởi các tổ chức quốc tế, các tổ chức quốc gia, các viện nghiên cứu, và cả hội tư nhân. Ủy Hội đã trải qua những bước khởi đầu chậm chạp do sự yếu kém trong quản trị, các cơ quan bảo trợ tỏ ra thiếu tin tưởng vào Ủy Hội, sự thờ ơ của các nước thành viên. Nhưng rồi từng bước, Văn Phòng Thường Trực của Ủy Hội Sông Mekong đã được cải thiện, tạo dựng được một hình ảnh mới tích cực hơn, đón nhận được sự tài trợ cũng lớn hơn, lên tới 28 triệu Mỹ kim năm 2000.

Ủy Hội Sông Mekong đã hoàn tất được vài thành quả ban đầu như : đạt được thỏa thuận chia xẻ thông tin giữa bốn nước thành viên, thiết lập đưa vào sử dụng *"mạng lưới internet"* tiên đoán lũ lụt và theo dõi dòng chảy mùa khô; và nhất là đạt được thỏa ước [ký kết tháng 4, 2002] có thể gọi là lịch sử về trao đổi dữ kiện thủy văn [hydrological data exchange agreement] giữa Trung Quốc và Ủy Hội Sông Mekong. (7)

YẾU TỐ TRUNG QUỐC NHƯ MỘT NHÂN TAI

Qua thời kỳ chiến tranh lạnh, Trung Quốc đã thực sự mở cửa ra với thế giới bên ngoài và vươn lên như một siêu cường. Không còn ảnh hưởng thống trị của Mỹ ở Đông Nam Á, Trung Quốc nghiễm nhiên trở thành yếu tố mới năng động với ảnh hưởng bao trùm trên toàn Lưu Vực Lớn Sông Mekong.

Sự thịnh vượng cho Lưu Vực là điều hứa hẹn nhưng chưa tới, và đã tới những hậu quả nhãn tiền của các bước khai thác tự hủy nguồn

tài nguyên sông Mekong, ảnh hưởng trực tiếp tới 60 triệu dân cư sống trong lưu vực.

Năm 1986, Trung Quốc bắt đầu xây con đập thủy điện lớn đầu tiên trong dự án 14 con đập bậc thềm Vân Nam, chắn ngang dòng chính sông Lan Thương – tên Trung Quốc của con sông Mekong: [1] Đập Mạn Loan / Manwan cao 126 m, công suất 1,500 MW hoàn tất 1993; tiếp theo là [2] Đập Đại Chiếu Sơn / Daichaosan cao 118 m, công suất 1,350 MW hoàn tất 2003. Thêm hai con đập khác cũng đang được xây cất [3] Đập Tiểu Loan / Xiaowan cao như tháp Eiffel 292 m, công suất 4,200 MW, [chỉ sau con đập Tam Hiệp / Three Gorges Dam trên sông Dương Tử], dự trù hoàn tất năm 2010; thêm con đập thứ tư [4] Đập Cảnh Hồng / Jinghong cao 107 m 1,500 MW tương đương công suất với con đập Mạn Loan, cũng đang được thi công.

Và thêm 4 dự án đập lớn Vân Nam khác cũng đang được triển khai: trong đó phải kể tới con đập "khủng long" Nọa Trác Độ / Nuozhadu công suất 5,500 MW [lớn hơn gấp ba lần công suất đập Mạn Loan] với dung lượng hồ chứa còn lớn hơn nữa: 22,740 MCM.

Cũng vẫn theo Fred Pearce, thì vào đầu thập niên tới, chuỗi đập bậc thềm Vân Nam sẽ có khả năng giữ lại hơn nửa lưu lượng dòng chảy của con sông Mekong trước khi ra khỏi Vân Nam. (4)

(Để độc giả có ý niệm về tầm vóc của chuỗi đập Vân Nam, ta hãy so sánh với một công trình khác được coi là "rất vĩ đại" của Mỹ: TVA / Tennessee Valley Authority với hệ thống các đập thủy điện trên sông Tennessee và phụ lưu. Số đập Vân Nam là 14, trong khi TVA chỉ có chín. Độ dốc của chuỗi đập Vân Nam là 1,500m 12 lần cao hơn TVA; tổng công suất chuỗi đập Vân Nam gấp 13 lần tổng công suất TVA. Như vậy đối chiếu với chuỗi đập Vân Nam thì đại công trình TVA nổi tiếng bấy lâu của Mỹ nay đã trở thành một bóng mờ. (5)

Cụ thể hơn, khi Bạn đi Las Vegas, có dịp đến thăm con đập thủy điện khổng lồ Hoover của Mỹ cao 221 m với công suất 2,080 MW trên sông Colorado, nhưng chỉ lớn hơn con đập Mạn Loan và chưa bằng nửa công suất của riêng con đập Tiểu Loan/ Xiaowan 4,200 MW. Tưởng cũng nên ghi lại đây là do người Mỹ đã tận dụng nguồn nước khúc sông thượng nguồn nên đã khiến con sông Colorado khô cạn không còn nước để ra tới biển gây thảm cảnh cho bao nhiêu triệu cư dân Mễ sống nơi cuối nguồn).

Rõ ràng trong mấy thập niên vừa qua, Trung Quốc đã ào ạt khai thác con sông Mekong, không ngừng (I) xây thêm những con đập thủy điện khổng lồ ngang dòng chính (II) phá đá và khai thông các khúc sông ghềnh thác để mở thủy lộ cho các con tàu 700 tấn đi về phương Nam và (III) mới đây dùng sông Mekong làm con đường vận chuyển dầu khí từ Chiang Rai bắc Thái lên Vân Nam (2). Tất cả đã và đang làm ảnh hưởng tới nguồn nước, nguồn cá, nguồn phù sa và cả gây ô nhiễm cho hạ nguồn.

(Trước đó, vào tháng 4 / 2006, Bắc Kinh cũng đã âm thầm ký kết với chánh quyền quân phiệt Miến Điện một thỏa ước xây dựng ống dẫn dầu từ cảng Sittwee vịnh Bengal vượt đồi núi băng qua các vùng sắc tộc đông dân cư để lên thẳng tới thủ phủ Côn Minh thay vì phải diệu vợi đi qua eo biển Malacca. Ảnh hưởng phá hủy môi sinh và cư dân phải di dời ra sao là điều chưa được xét tới).

SÔNG MEKONG CẠN DÒNG

Chưa bao giờ trong Mùa Khô, mực nước con sông Mekong lại có thể xuống thấp đến như vậy từ ngày có những con đập Vân Nam. Ở một số nơi có những khúc sông đã trơ đáy và hầu như cạn dòng. Nguồn cá và nông nghiệp đã trực tiếp bị ảnh hưởng.

Không chỉ đơn giản vì "thiếu mưa", sự kiện sông Mekong cạn dòng với mực nước đột ngột tụt thấp xuống nơi vùng hạ lưu xuống xa tới tận Biển Hồ năm 1993 và 2003 mà không vào mùa khô, trùng hợp với thời điểm Trung Quốc bắt đầu lấy nước vào hồ chứa của hai đập thủy điện Mạn Loan và Đại Chiếu Sơn trên Vân Nam. (4)

Rồi vào nửa năm đầu 2004, mực nước đã xuống thấp hơn nữa trong toàn Vùng Hạ Lưu, không phải chỉ ở Thái, Lào mà cả ở Cam Bốt và ĐBSCL Việt Nam. Khi mà độ mưa đã bị giảm trong mùa mưa 2003, nước bị giữ lại trong các hồ chứa khổng lồ Vân Nam _ để duy trì hoạt động cho các nhà máy thủy điện, thì ảnh hưởng và hậu quả dây chuyền khiến con sông cạn dòng là điều không thể tránh được.

Odd Bootha, 38 tuổi, anh lái đò bến Chiang Khong Bắc Thái Lan, đã than thở : *"Nếu Trung Quốc cứ xây thêm đập thì sông Mekong chỉ còn là một con lạch."* Tình cảm bài Trung Quốc rất mạnh ở vùng Bắc Thái, chính dân làng đã công khai chống lại kế hoạch phá đá phá ghềnh thác khai thông sông Mekong của Trung Quốc.

Với Cam Bốt, ai cũng biết rằng trái tim Biển Hồ chỉ còn đập khi sông Mekong còn đủ nước chảy ngược vào Biển Hồ trong mùa lũ, như một bảo đảm cho nguồn cá và vựa lúa của người dân xứ Chùa Tháp. Và chưa hề có bảo đảm nào cho một tương lai như vậy nếu không muốn nói là đã có những dấu hiệu xấu về một Biển Hồ đang chết dần.

Fred Pearce, tác giả cuốn sách *"Khi Những Con Sông Cạn Dòng, Nước – Khủng Hoảng của Thế Kỷ 21"* mới xuất bản 2006, trong chương sách viết về con sông Mekong đã có ghi nhận:

...*"Cuối năm 2003 và đầu năm 2004 là thời gian tuyệt vọng trên Biển Hồ. Cơn lũ mùa hè thấp hơn. Thời điểm con sông Tonle Sap chảy ngược vào Biển Hồ đến trễ hơn và cũng chấm dứt sớm hơn. Thay vì 5 tháng con sông đổi dòng nay chỉ còn có 3 tháng. Rừng lũ thiếu ngập lũ và cá thì không đủ thời gian để tăng trưởng... Và mùa thu hoạch cá chưa bao giờ thấp như vậy. Tại sao? Đa số ngư dân đổ tại con sông cạn dòng."* (4)

Để có đủ nước vận hành các đập thủy điện Vân Nam, Trung Quốc đã thường xuyên đóng các cửa đập khiến mực nước sông đã xuống tới mức thấp nhất. Phía tả ngạn bên Lào, chỉ riêng trong tháng 3/2004 , tổ chức du lịch đã phải hủy bỏ 10 chuyến du ngoạn trên sông chỉ vì những khúc sông quá cạn. Chainarong Sretthachau, giám đốc Mạng Lưới Sông Đông Nam Á [*Southeast Asia Rivers Network*] cho rằng "Trung Quốc đã có quyền lực để kiểm soát dòng sông Mekong." (10)

Sự chối từ của Trung Quốc tham gia vào Ủy Hội Sông Mekong khiến tổ chức này trở nên vô nghĩa trong nỗ lực điều hợp khai thác và phát triển bền vững nguồn tài nguyên của con sông Mekong.

Do nhu cầu điện của Trung Quốc tăng 5-6% / năm, để đáp ứng tốc độ phát triển kinh tế, trước viễn tượng nguồn dầu khí ngày càng cạn kiệt, rõ ràng không có dấu hiệu nào Trung Quốc sẽ dừng bước hay chậm lại kế hoạch khai thác nguồn thủy điện phong phú của con sông Mekong.

Nhận định về các kế hoạch khai thác sông Mekong của Trung Quốc, Tyson Roberts thuộc Viện Nghiên Cứu Nhiệt Đới Smithsonian [Mỹ] đã phát biểu: *"Xây các đập thủy điện, khai thông thủy lộ, với tàu bè thương mại quá tải sẽ giết chết dòng sông... Các bước khai thác của Trung Quốc sẽ làm suy thoái hệ sinh thái, gây ô nhiễm tệ hại, khiến con sông Mekong đang chết dần, cũng giống như con sông Dương Tử và các con sông lớn khác của Trung Quốc."* (9)

Như một điệp khúc, phía chánh quyền Trung Quốc lúc nào cũng khăng khăng với lập luận là ảnh hưởng chuỗi đập Vân Nam trên sông Mekong là không đáng kể và còn có lợi nữa. Các con đập sẽ tạo thuận cho chu kỳ lũ - hạn hàng năm, khai thông dòng sông sẽ làm gia tăng trao đổi thương mại trong vùng và giúp giảm nghèo. Nhưng cũng không thiếu tiếng nói chỉ trích ngay tại Trung Quốc như Xu Xiaogang, chuyên viên nghiên cứu hậu quả các con đập đã phát biểu: *"Trên con sông quốc tế, không một quốc gia nào có thể vị kỷ. Họ phải quan tâm tới ảnh hưởng trên các quốc gia khác và trên con sông như một toàn thể."* (9)

Lại thêm hiện tượng hâm nóng toàn cầu khiến con sông Mekong thêm cạn dòng. Tổ chức WWF đã đưa ra lời cảnh báo là hiện tượng Hâm Nóng Toàn cầu [Global Warming] đã khiến những khối băng trên rặng Hy Mã lạp Sơn, đang bị thu nhỏ lại với vận tốc từ 10 tới 15 mét / năm. Với hậu quả ban đầu là gia tăng lưu lượng nước sông, nhưng theo Jennifer Morgan, giám đốc Chương Trình Biến Đổi Khí Hậu Toàn Cầu, thì chỉ vài thập niên sau đó, tình hình sẽ đảo ngược; mực nước 7 con sông lớn của Châu Á sẽ xuống rất thấp trong đó có con sông Mekong. (6)

GIẢI PHÁP NGẮN HẠN ĐỂ SỐNG CÒN

Với Việt Nam, trong cuộc phỏng vấn của phóng viên Ánh Nguyệt / RFI [12/2004] khi được hỏi về tình trạng nhiễm mặn ngày càng trầm trọng nơi ĐBSCL từ ngày Trung Quốc không ngừng tiến hành xây những con đập khổng lồ Vân Nam, Giáo sư Võ Tòng Xuân một tên tuổi được biết tới trước 1975 như cha đẻ của giống lúa cao sản Thần Nông, hiện là viện trưởng Đại Học An Giang, đã phát biểu:

"Nông dân ĐBSCL thích nghi nhanh, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp: bỏ hẳn giống lúa cổ truyền chuyển sang trồng lúa cao sản, nên chủ động tránh được lũ cũng như hạn hán. Ở những vùng bị nhiễm mặn, vùng nước lợ, thay vì trồng lúa thì chuyển qua những loại cây khác hay chuyển qua sản xuất nuôi tôm xú chịu được nước lợ; rồi phong trào nuôi cua biển đang phát triển mạnh, người nông dân sẽ dùng nguồn nước mặn này để nuôi thủy sản với giá thành cao hơn là trồng lúa. Hiện nay Viện Lúa ĐBSCL đang vận dụng công nghệ sinh học, tìm những genes chịu

mặn nhằm lai tạo những giống lúa cao sản tương đối chịu mặn hơn các giống lúa thường. Xa hơn nữa, Việt Nam đang cùng với nhóm MEREM / Mekong Resources Economic Management do Nhật tài trợ, nhằm nghiên cứu những thay đổi môi trường nước cũng như của đa dạng sinh học trên sông Mekong để từ đó có thể khuyên cáo những chánh phủ liên hệ nên sử dụng nguồn nước sao cho an toàn hơn." (8)

MẠCH SỐNG MEKONG, MÁU CỦA ĐẤT

Nói gì đi nữa thì Bắc Kinh vẫn cứ đi thênh thang trên con đường đã vạch ra của mình, vẫn không ngừng xây hàng loạt những con đập thủy điện khổng lồ trên dòng chính sông Mekong. Ủy Hội Sông Mekong chưa hề là một tổ chức đoàn kết có tầm vóc để được coi là đối trọng đối với nước lớn Trung Quốc.

Tất cả sáu nước ven sông với những định chế chánh trị xã hội và văn hóa khác nhau, nhưng cùng có chung một nhu cầu khẩn thiết là khai thác con sông Mekong để phát triển. Vẫn có đó những mâu thuẫn quyền lợi và tranh chấp khi tới với nguồn nước và tài nguyên đã tới mức giới hạn và bắt đầu cạn kiệt của dòng sông.

Thực tế cho thấy dễ dàng để thỏa thuận với nhau trên một số nguyên tắc khái quát như *"sử dụng nước và các nguồn tài nguyên phải đáp ứng với nhu cầu bảo vệ, bảo tồn, thăng tiến môi sinh và duy trì cân bằng hệ sinh thái"* nhưng đi vào thực hiện với chi tiết còn cả một "khoảng cách đại dương".

Chẳng hạn ai sẽ thực sự trách nhiệm *"duy trì dòng chảy tối thiểu"* của con sông Mekong trong mùa khô cũng như dòng chảy mùa lũ để có dòng chảy ngược từ con sông Mekong vào Biển Hồ, để nước mặn từ ngoài Biển Đông không tiếp tục lấn vào sâu và xa hơn nữa nơi ĐBSCL ?

Dĩ nhiên sẽ có những diễn dịch khác nhau và phản ứng hành động khác nhau theo hoàn cảnh của mỗi nước ven sông.

Rồi nhìn về Việt Nam với hình ảnh ước lệ của hơn nửa thế kỷ trước về một ĐBSCL với ruộng vườn thẳng cánh cò bay, tôm cá thì đầy đồng – thì nay tất cả đã đi vào quá khứ. Chỉ mới đây thôi có dịp trở lại viếng thăm, để chỉ thấy trên toàn cảnh là một ĐBSCL đang suy thoái và cứ nghèo dần đi."

THAY LỜI KẾT

Kể từ sau hội nghị về Môi Sinh và Phát Triển Rio de Janeiro 1992, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã quyết định chọn ngày 22 tháng 03 hàng năm là Ngày Nước Thế Giới [World Water Day] với chủ đề cho năm nay 2007 là *"Nạn Khan Hiếm Nước – Water Scarcity"* đang diễn ra trên toàn cầu với những con sông đang cạn dòng trong đó có sông Mekong.

Năm 2007 còn là một thời điểm ý nghĩa đánh dấu đúng nửa thế kỷ [1957 – 2007] từ ngày Liên Hiệp Quốc thành lập Ủy Ban Sông Mekong và nay với hóa thân là Ủy Hội Sông Mekong vẫn chỉ gồm bốn quốc gia vùng hạ lưu: Thái Lan Lào Cam Bốt và Việt Nam; trong khi Trung Quốc thì vẫn đứng ngoài và tận dụng khai thác khúc thượng nguồn mà không kể gì tới ảnh hưởng hủy hoại môi sinh nơi các quốc gia khác ven sông.

Nước thì càng ngày càng khan hiếm, với kinh nghiệm của người xưa về *"thượng nguồn tích thủy hạ nguồn khan"* tưởng như là hiển nhiên nhưng vẫn cứ bị Bắc Kinh phủ nhận. Rồi ra thời gian sẽ cho chúng ta "một bài học" nhưng sẽ là quá trễ nếu hệ sinh thái con sông Mekong đã suy thoái tới mức không còn có thể đảo nghịch. Nói tới sông Mekong và ĐBSCL trước nguy cơ là chúng ta còn thời gian phấn đấu để "giảm thiểu tổn thất" nhưng đó là khoảng thời gian phải chạy đua với vòng xoay của chiếc kim đồng hồ.

California, 06/2007

Tham Khảo:

1/ Phnom Penh Declaration, 1st GMS Summit, 03 Nov 2002; Kunming Declaration, 2nd GMS Summit, 4-5 July 2005

2/ Sparks fly as China moves oil up Mekong, Marwaan Macan-Makar, Bangkok 01-09-2007; IPS and Asia Times Online

3/ Agreement on the Cooperation for the Sustainable Development of The Mekong River Basin, Chiang Rai, Thailand 05 Apr 1995

4/ When The Rivers Run Dry, Water – The Defining Crisis of The Twenty First Century. Fred Pearce, Beacon Press, Boston, Massachusetts 2006

5/ Hiroshi Hori. The Mekong: Environment and Development. United Nations University Press, Tokyo 2000.

6/ Global Warming is causing Hymalayan glaciers retreat, threatening to cause water water shoratges, Geneva, Mar 14, 2005, [AFP]

7/ Progress In Water Management at the Mekong River Basin, MRC Presentation at Third WWF, INBO Official Session 20 Mar 2004

8/ Ánh Nguyệt, phóng viên RFI Phỏng vấn Giáo Sư Võ Tòng Xuân 03-12-2004

9/ Chinese Dam Project may spell disaster for mighty Mekong River, Denis Gray, Nov 2, 2002, [AP]

10/ Mekong River At Risk, Bary Wain, FEER, Aug 26, 2004

RFI PHỎNG VẤN KỸ SƯ NGUYỄN HỮU CHUNG

ÁNH NGUYỆT

Tháng 12/2002, ban Việt ngữ RFI thực hiện tạp chí đặc biệt hai kỳ với chủ đề Đồng Bằng Sông Cửu Long trước thảm họa hệ sinh thái bị huỷ hoại. Tạp chí có phần đóng góp, trả lời phỏng vấn của tiến sĩ Nguyễn Đức Hiệp, chuyên viên Viện Bảo vệ môi trường New Southwales (Úc), giáo sư Lê Thạch Cán, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, giáo sư Lê Quang Minh, Viện Đại học Cần Thơ, nhà địa lý học Christian Taillard, Viện nghiên cứu khoa học quốc gia CNRS (Pháp) và kỹ sư Nguyễn Hữu Chung (Canada).

Dưới đây là phần trả lời phỏng vấn RFI Việt ngữ của Kỹ sư Nguyễn Hữu Chung, thành viên nhóm Mékong Forum, Ánh Nguyệt đặt câu hỏi.

*

RFI : Thưa ông, với tư cách là một chuyên viên, ông đánh giá thế nào về các chương trình khai thác sông Mekong của Trung Quốc từ các đập thủy điện cho đến các công trình phát triển lưu thông trên sông này?

KS NGUYỄN HỮU CHUNG (NHC): Về phương diện lý thuyết thì bất cứ một công trình thủy lợi nào cũng làm thay đổi trạng thái cân bằng đã có từ lâu của một con sông. Có nghĩa là, nó sẽ thay đổi môi trường của con sông, nghĩa là những cây cỏ, tôm cá sống trong môi trường đó phải chịu ảnh hưởng và con người sống theo dòng sông, với những con sông, chài lưới, trồng trọt hay là chăn nuôi, cũng sẽ phải chịu ảnh hưởng. Những hậu quả xấu gây ra bởi sự thay đổi trạng thái thăng bằng của một con sông như thế nào, nặng hay nhẹ, thì cái đó tùy thuộc vào mỗi con sông và tùy theo mỗi công trình xây cất. Có nghĩa là không trường hợp nào giống trường hợp nào. Vì vậy trước khi thực hiện một công trình thủy lợi, người ta phải nghiên cứu các hậu quả. Nếu thấy các hậu quả tác hại nhiều, người ta phải sửa đổi cách thiết trí và đôi khi người ta phải sửa đổi nhiều lần; ở trong vài trường hợp phải hủy bỏ dự án nếu tác hại quá nhiều. Hiện tại thì Trung Quốc đã xây hai đập thủy điện trên sông Mekong (thời điểm 2002*) trong số tám đập mà họ sẽ xây cất. Thế giới chỉ biết sơ lược về những chi tiết thủy học và thủy lượng của hai đập nước như là dung tích các hồ chứa, lưu lượng, chiều cao thủy lực, công xuất của các nhà máy... và chỉ có thế thôi. Không ai được biết kết quả về cuộc nghiên cứu môi trường và nhiều người nghi ngờ Trung Quốc không có làm những cuộc nghiên cứu này vì họ không cần biết đến những hậu quả tác hại của những công trình thủy lợi của họ đối với vùng hạ lưu. Vấn đề lớn là ở chỗ đó. Bốn nước hạ lưu là Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam không biết gì cả. Ủy Hội Sông Mekong là một cơ quan do Liên Hiệp Quốc lập ra để giúp bốn nước này quản lý sông Mekong cũng không biết gì hết. Trong hiện tại thì người ta chỉ có thể suy đoán những hậu quả tai hại của những đập thủy điện của Trung Quốc nhưng không ai có số liệu chính xác. Ngay một chi tiết kỹ thuật căn bản là những mô hình khác nhau của các hồ nước, của các nhà máy như thế nào, tôi muốn nói chữ mà người Pháp thường nói là cái *modèle de tractation,* cái modèle ấy cũng không ai biết. Trên nguyên tắc bang giao quốc tế thì mô hình khai thác nhà máy điện cũng như những dự án thiết kế phải có được sự thỏa hiệp của các nước hạ lưu sông trước khi xây dựng, nhưng mà điều đó không có. Đó là phần nhận định của riêng tôi về hai công trình của Trung Quốc.

RFI: Thưa ông, nói về những tác hại, xin ông cho thính giả được biết cụ thể về tác hại của những đập nước do Trung Quốc xây cất đối với các nước hạ lưu sông Mekong?

Ks NHC: Về một cái thí dụ, thì như tôi đã nói, không biết những phương diện kỹ thuật của

các nhà máy thì sẽ không biết rõ những ảnh hưởng xấu về thủy học đối với vùng hạ lưu là bao nhiêu. Cũng như không có nghiên cứu về môi sinh thì cũng không biết rõ những thủy sản của vùng hạ lưu là cái gì là bao nhiêu, cái gì còn cái gì mất. Nhưng chúng ta cũng có thể thấy rõ những thiệt hại không thể tránh được, thí dụ cái lượng phù sa trên nguồn đổ xuống hằng năm để bồi đắp những ruộng đồng của miền Nam Việt Nam sẽ bị các hồ chứa của Trung Quốc giữ lại. Và chúng ta cũng thấy là sự thay đổi môi trường chắc chắn sẽ làm giảm sản lượng tôm cá của sông Mekong. Đáng lo là cái Biển Hồ bên Cam Bốt. Diện tích Biển Hồ vào mùa nước cao to gấp mấy lần diện tích Biển Hồ vào mùa nước cạn. Cái diện tích Biển Hồ mênh mông vào mùa nước cao đó là cái nôi cho cá sinh sản và cá con có thức ăn để lớn lên. Trong tương lai khi mà Trung Quốc hoàn tất tất cả những hồ chứa đập nước của họ thì Trung Quốc sẽ giữ nước để làm đầy các hồ chứa nước vào mùa mưa và hậu quả đương nhiên là mặt nước Biển Hồ vào mùa nước cao sẽ bị giảm sút. Và hậu quả là số tôm cá sinh ra và lớn lên chắc chắn sẽ bị giảm sút, sẽ bị ít đi rất nhiều. Sự giảm sút này chắc chắn sẽ bị xảy ra, chắc chắn vì đó là những định luật môi trường. Người dân Cam Bốt và người dân Nam Việt Nam sẽ phải chịu những tai hại đó. Nhưng tai hại bao nhiêu phải có những dữ kiện, có số liệu, phải có nghiên cứu môi sinh thì mới biết rõ là bao nhiêu. Hiện tại thì không có ai có những dữ kiện và những số liệu đó.

RFI: Thưa ông, khi Trung Quốc xây dựng hệ thống đập nước khai thác sông Mekong, thì về mặt chính thức Trung Quốc cho biết đó là họ nhằm mục đích phát triển kinh tế nhưng mà theo đánh giá của nhiều nhà phân tích thì Trung Quốc muốn sử dụng những công trình này để khống chế các nước hạ lưu sông Mekong. Ý kiến của ông như thế nào đối với các nhận xét của các phân tích như tôi vừa trình bày?

Ks NHC: Tôi thấy vấn đề này khá phức tạp. Nhưng theo tôi thì mục đích chánh của Trung Quốc là phát triển kinh tế của đất nước họ khi cho xây dựng những nhà máy thủy điện nhất là để phát triển vùng Vân Nam vốn là một vùng nghèo đói . Tôi không nghĩ là các đập thủy điện được lập ra vì mục tiêu chiến lược quân sự hay chiến lược kinh tế để khống chế các nước hạ lưu. Nhưng bây giờ nếu có xảy ra chiến tranh thì Trung Quốc vẫn có thể dùng các đập nước này để gây thiệt hại cho các nước hạ lưu, nhất là Cam Bốt và Việt Nam.

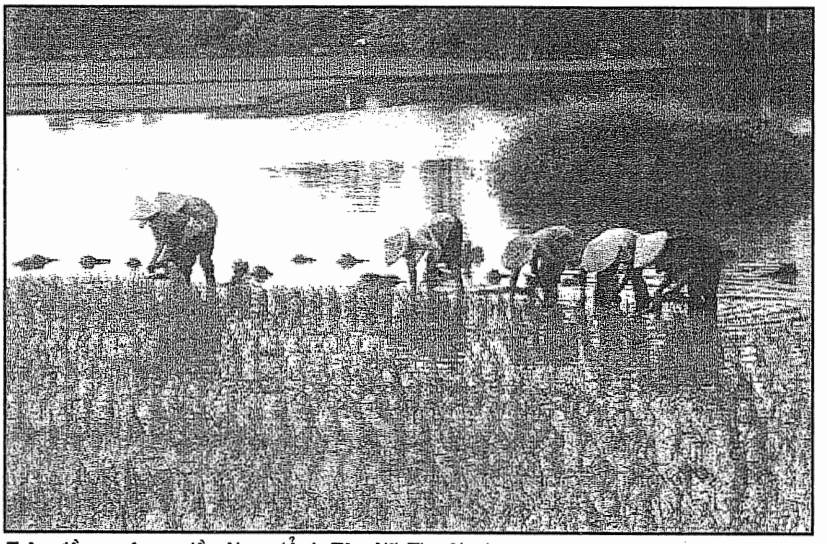

Trên đồng ruộng miền Nam (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

Tôi lấy thí dụ, vào mùa nước lũ, nếu Trung Quốc mở tối đa các cổng nước trong các nhà máy thủy điện thì chắc chắn cái mức gây ngập lụt ở hạ lưu sẽ vô cùng trầm trọng, trầm trọng hơn bất cứ cơn lụt thiên nhiên nào đã có thể xảy ra trên sông Mekong. Thí dụ khác, chẳng hạn vào mùa khô, họ cho xả cạn cái hồ nước cuối cùng rồi sau đó cho chạy nhà máy trên thượng nguồn, sản xuất điện. Nước chảy vào cái hồ nước cuối cùng và được giữ ở đó, nhà máy cuối cùng ngưng hoạt động và như vậy sẽ không có một giọt nước nào được tháo chảy xuống hạ lưu. Nếu họ làm như vậy trong vòng một hai tuần lễ thì nước sông sẽ cạn dòng và ở miền Nam Việt Nam nước mặn sẽ vào rất xa ở trong đồng bằng và gây nhiều thiệt hại. Đó là những thiệt hại mà họ có thể gây ra bằng cái cách khai thác lưu lượng của con sông. Ngoài ra tôi cũng được biết là họ đang đặt chất nổ để phá các ghềnh đá trên sông để cho những tàu

trọng tải một hai ngàn tấn có thể đi lại từ Vân Nam đến Lào. Và nếu như vậy thì dòng sông này sẽ giúp họ vận chuyển tiếp liệu súng đạn, lương thực, xăng nhớt... trong trường hợp quân đội của họ tấn công bán đảo Đông Dương. Đó, theo tôi thấy là những chuyện khống chế họ có thể có được như sản phẩm phụ có tính cách quân sự của những công trình mà họ đang thực hiện.

RFI: Thưa ông, vừa rồi ông có đề cập tới Ủy Hội Sông Mekong, trong bối cảnh khai thác sông Mekong như hiện nay ông đánh giá thế nào về vai trò của Ủy Hội Sông Mekong?

Ks NHC: Tôi có trình bày nhiều lần trong các cuộc hội thảo ở California về Ủy Hội này, thì Ủy Hội Sông Mekong nó chỉ có một vai trò ngất ngơ, chẳng làm được gì quan trọng hết. Bởi vì lý do đầu tiên là nó không có ngân sách lớn, ngân sách của nó chỉ vừa đủ để điều hành và trả lương cho mấy công chức của Liên Hiệp Quốc. Tôi thấy từ lúc thành lập cho tới bây giờ, nó chỉ là chạy đi chạy lại và tổ chức hội nghị hay làm trung gian giữa bốn nước thành viên khi có tranh chấp nhưng mà kết quả, nó cũng chẳng làm được gì hết. Trong khi mấy năm trước khi Việt Nam hoàn tất đập nước Yali trên sông Sesan ở vùng Kontum và khi Việt Nam xả nước, làm ngập lụt và làm chìm ghe xuồng, gây thiệt mạng cho nhiều người Cam Bốt thì Cam Bốt phản đối, thì cái Ủy Hội này cũng chỉ tuyên bố lơ ngơ, một cách ngơ ngác, vô tích sự, chẳng biết gì cả. Đáng lý ra có một Ủy Hội như vậy thì nó phải giúp Cam Bốt và Việt Nam đạt được một thỏa hiệp về mô hình khai thác của đập Yali trước khi đập nước này được xây cất và đáng lý nó cũng phải giúp Việt Nam và Cam Bốt thiết lập một hệ thống báo động cho dân Cam Bốt ở hạ lưu khi có những điều kiện bất thường xảy ra nơi đập Yali. Còn đối với quốc tế thì Ủy Hội Sông Mekong chẳng có trọng lượng gì hết, chẳng biết gì về chuyện Trung Quốc làm. Gần đây thì có chút tiến bộ là nó bắt đầu thương lượng chi đó với Trung Quốc và có kết quả là Trung Quốc vừa mới hứa là họ sẽ cung cấp những dữ kiện thủy học của khúc sông Mekong chảy qua Vân Nam trong những năm tới. Tôi thì tôi thấy không có hy vọng gì nơi cái Ủy Hội này để bảo vệ quyền lợi của người dân đồng bằng miền nam Việt Nam hết.

Ngoài ra nhân dịp này tôi cũng cần lập lại điều mà tôi đã nói nhiều lần trước đây rằng cái thỏa ước sông Mekong giữa bốn nước Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam là do Ủy Hội Sông Mekong này sáng tác ra và nó bảo trợ, thì cái thỏa ước ấy là một thiệt hại rất lớn cho Việt Nam như tôi đã nói nhiều lần. Thành ra, tôi thấy cái Ủy Hội này không có lợi mà chỉ có hại cho Việt Nam thôi.

RFI: Xin ông câu hỏi cuối cùng là trước thái độ của Trung Quốc hiện nay là họ xem con sông Mekong như là của riêng họ và họ tự do khai thác bất kể những tác hại có thể có đối với các nước ở vùng hạ lưu, thì có nhiều người đề nghị là các nước như Việt Nam Lào Cam Bốt chẳng hạn sẽ nêu vấn đề ra trước quốc tế mà báo động thì riêng ông có ý kiến nào về đề nghị này?

Ks NHC: Cái vấn đề này thì... vấn đề là các chánh phủ ở Việt Nam, Lào và Cam Bốt trước hết là họ có ý thức về cái hiểm nguy trên sông Mekong này hay không cái đã. Tôi không biết, tôi thấy là dường như các chính phủ phải bận lo các chuyện khác, tới giờ phút này chẳng ai nói gì về cái chuyện Mekong. Rồi còn vấn đề thứ nhì nữa là bây giờ, nếu các chính phủ họ ý thức thì họ có dám thách thức Trung Quốc hay không. Tôi cho rằng không vì các chính phủ này là của những đảng Cộng sản đàn em của đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng này chịu áp lực nặng nề của Trung Quốc. Vì thấy như vậy nên tôi và nhiều bạn khác ở hải ngoại có lập ra cái Mekong Forum để nói lên cho dư luận quốc tế về những tác hại trên môi trường sông Mekong trước việc xây đập bừa bãi của các nước mà không có nghiên cứu gì cả. Chúng tôi không chống lại một cách hệ thống cái việc khai thác sông Mekong, cái việc xây đập, nhưng cái điều mà chúng tôi muốn là phải có nghiên cứu, phải có thỏa hiệp giữa các nước. Chứ còn bây giờ, ở đó như cái chợ hoang, ai muốn làm gì thì làm, tôi thấy cái đó không ổn.

ÁNH NGUYỆT

Phóng viên RFI 12 / 2002

Nguyễn Hữu Chung (1939-2004), sinh tại Bến Tre, tốt nghiệp kỹ sư, nguyên dân biểu nhóm đối lập Hạ viện VNCH, ký giả các báo Sài Gòn và hải ngoại. Tỵ nạn sang Canada từ 1975, tốt nghiệp MS - Cao Học khoa học Canada, là chuyên viên về môi sinh, quan tâm tới hệ sinh thái sông Mekong và Đồng Bằng Sông Cửu Long. Nội dung bài trả lời phỏng vấn của ông với Pv Ánh Nguyệt RFI 2002 vẫn giữ nguyên tính cách thời sự tới hôm nay.

Môi trường động và thực vật đồng bằng sông Cửu Long

NGUYỄN ĐỨC HIỆP

Môi trường sinh học ở Việt Nam là môi trường đa dạng với nhiều động và thực vật quý, từ vùng núi phía Bắc, Trung và Tây Nguyên cho đến các vùng dọc biển và đồng bằng đến các rừng ngập nước tiếp nối giữa đất và nước. Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có hệ sinh thái phong phú và đa dạng, chủ yếu là hệ sinh thái nước (sông và biển) và rừng ngập nước ở vùng trũng và ven biển.

Đồng bằng sông Cửu Long được tạo ra bởi phù sa sông Cửu Long ít nhất là từ 6000 năm trước đây. Con người định cư ở đồng bằng sông Cửu Long từ lâu đời, bắt đầu được biết đến từ thời Phù Nam cách đây khoảng hai ngàn năm qua di chỉ Óc Eo ở Long Xuyên và Kiên Giang. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, thì hiện nay (2007) mật độ dân cư ở đồng bằng là 435 người/km2, cao thứ hai sau đồng bằng sông Hồng (5). Khoảng 17 triệu (20% dân số cả nước) sống ở đồng bằng sông Cửu Long và tăng trưởng 2.5% mỗi năm.

I- Tổng quan về môi trường đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích đồng bằng sông Cửu Long 39000km2 trong đó hiện nay đất canh tác và định cư là 24000km2 còn lại là 5000km2 rừng (đa số là ngập nước). Ba vấn đề môi trường quan tâm chính mà con người tác động đến là: nước, đất ruộng, rừng.

1. *Nước*

Lưu lượng sông Cửu Long tuỳ vào khí hậu do gió mùa nhiệt đới mang đến qua hai mùa mưa và khô ở Đông Nam Á. Mặc dù có biển hồ Tonle Sap là hồ chứa thiên nhiên điều hòa một phần lưu lượng chảy của sông Cửu Long nhưng vũ lượng trong mùa mưa nhiệt đới ở khắp lưu vực sông Cửu Long từ thượng nguồn ở các phụ lưu và sông chính đến hạ nguồn rất lớn so với mùa khô, vì thế thủy văn của sông Cửu Long có thể được mô tả như sau:

- Mùa nước nổi (lũ) chiếm khối lượng 85% lượng nước đổ ra biển mỗi năm, mà đỉnh cao là từ tháng 8 đến tháng 10 (4). Đây là lúc nước ngập gây khó khăn trong hoạt động dân sinh và ô nhiễm từ thành phố chảy thoát ra sông nước. Ở những vùng có đê ngăn nước lụt một phần, nước ô nhiễm không thoát được vì bị đê ngăn nước chảy thoát ra, nước ô nhiễm bị tù hãm làm nguy hại đến vệ sinh y tế công cộng. Nước lũ lụt đa số (85% đến 90%) là từ sông Tiền và sông Hậu, phần còn lại là nước lũ từ đồng bằng ở Cambodia chảy vào. Đồng Tháp Mười là nơi nước lũ từ Cambodia tràn vào nhiều nhất so với từ sông Cửu Long (sông Tiền). Trong hai thập niên của cuối thế kỷ 20, hệ thống kinh rạch, đê đập, cửa ngăn nước đã được phát triển ở nhiều nơi. Một số kênh ở An Giang nối với các kênh Rạch Giá, Kiên Giang đổ ra biển ở vịnh Thái Lan trong mùa nước nổi. Sự thay đổi thủy văn ở một số nơi dẫn tới vấn đề quản lý lưu lượng nước ở địa phương và giữa chính quyền các tỉnh trong mùa lũ và mùa khô.

- Mùa khô, từ tháng 12 đến tháng 5, nước mặn xâm lấn từ biển - đất phèn (acid sulphate). Rừng tràm dọc biển ngập nước biển do thủy triều và sản lượng thủy sản thâu nhập ít so với mùa nước nổi. Với lưu lượng giảm, nước mặn từ biển có nơi vào đến 40km sâu trong đất liền (7). Hơn 40% đất phía đồng bằng gần biển ở bán đảo Cà Mau, tứ giác Long Xuyên, và Đồng Tháp Mười là bị acid phèn do đó chỉ có thể canh tác một vụ mùa lúa mỗi năm. Nhiều công trình với sự trợ giúp quốc tế như MRC (Ủy ban sông Mekong), UNESCO... thiết lập và quản lý tối ưu có hiệu quả các cửa ngăn nước mặn ở các kênh rạch và giải quyết vấn đề đất phèn, acid sulphate. Tổng cộng có 12 cửa ngăn nước đã được xây bắt đầu từ năm

Phù sa và cây cối tươi tốt. (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

1992 và hoàn tất năm 2001. Nhiều vùng vì thế đã tăng sản xuất lúa với hai vụ mùa một năm. Tuy nhiên ở một số vùng khác gần biển, sản lượng cá tôm thuỷ sản ít đi và vì thế các vùng ở đồng bằng gần biển nhất là bán đảo Cà Mau, Bạc Liêu đã có sự tranh chấp trong kế hoạch quản lý các cửa ngăn nước mặn. Ngoài ra vào mùa khô có sự khó khăn là thiếu nước cung cấp trong đời sống dân chúng ở một số nơi đông dân cư. Nước ngầm được coi là nguồn tài nguyên quan trọng. Giải quyết vấn đề cung cấp nước cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Với mực độ dân tăng trưởng cao, giếng nước cung cấp hiện nay cung ứng không đủ.

Ô nhiễm môi trường nước chưa phải là vấn đề đáng quan tâm (trừ một số vùng dân cư, khu công nghiệp mới và gần các công trình xây dựng như cầu Cần Thơ), nhưng đang có chiều hướng tăng trưởng trong tương lai gần. Sự phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, quản lý nước thải và chất thải rắn chưa tốt đã và đang ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước.

- Dùng phân bón nhiều, thuốc trừ sâu ảnh hưởng đến môi trường nước và thuỷ sản (nhất là tôm).

- Phá rừng làm đất canh tác ảnh hưởng đến lượng phù sa và do đó ảnh hưởng đến thu hoạch thuỷ sản.

- Đào kênh, nước ngập để xả acid trong những vùng đất bị acid gây acid ở môi trường thoát nước ảnh hưởng đến tôm, cá và rừng ngập nước. Đã có nhiều bài báo cáo khoa học về vấn đề này. Do đó cần quản lý, quan tâm tổng thể tác động vào môi trường khi thực hành dự án chống acid phèn. Hết sức thận trọng cân bằng phát triển tăng thêm đất canh tác và tăng thu hoạch với bảo vệ hệ sinh thái rừng nước ngập.

- Dùng nhiều nước cho hai vụ lúa, nhất là vào mùa khô, và phát triển nhiều kênh rạch. Hậu quả là làm giảm lưu lượng chảy của sông vào mùa khô, dẫn đến nước mặn lấn sâu vào đồng bằng.

2. *Đất và tài nguyên rừng*

Từ những năm đầu khẩn hoang, khai thác ĐBSCL, lưu dân đã biến đất rừng thiên nhiên giữa các sông rạch thành đất định cư và canh tác. Với vùng đất phì nhiêu, màu mỡ ở đây, dân số lần lần tăng nhanh kéo theo sự nới rộng đất ruộng canh tác. Dân phát triển định cư lấn rừng tràm, vùng nước ngập (wetlands). Trong lịch sử phát triển thì đa số thành phố gần sông và từ đó đến nay phát triển ra các vùng khác còn hoang sơ.

Vào những năm cuối thế kỷ 19, miền Nam còn nhiều rừng rậm, dân cư vẫn còn thưa thớt. Các thú vật như hổ, bò tót, nai... còn nhiều và hiện diện từ Đồng Nai, Gia Định đến Sóc Trăng, Bạc Liêu (cù lao Dung ở Sóc Trăng xưa còn được gọi là cù lao Hổ). Như ta biết thì nay chúng đã biến mất.

Trong những năm vừa qua, sự phát triển kỹ nghệ nuôi tôm ở các vùng đất ngập gần biển đã biến các rừng tràm, đước thành đất nuôi tôm, làm ô nhiễm môi trường nước và đất. Tốc độ phá rừng tăng nhanh, huỷ hại sinh học còn có nguy cơ làm đất xói mòn, biển lấn vì lợi ích kinh tế ngắn hạn là giá quá đắt mà kinh nghiệm vừa qua cho thấy. Để bảo vệ những vùng thiên nhiên đa dạng sinh học còn sót lại, Việt Nam đã thiết lập ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) các vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển (biospheres). Vườn quốc gia Tràm Chim ở Đồng Tháp, rừng nước ngập Trà Sư ở An Giang, rừng quốc gia nước ngập mặn Cà Mau U Minh Thượng, rừng nước ngập Kiên Lương gần Hòn Chồng ở Kiên Giang là khu dự trữ sinh quyển (UNESCO Biosphere Reserve). Tất cả có nhiều sinh vật quý hiếm như chim sếu, cá rái có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Giải quyết quản lý đất xử dụng là quan tâm hàng đầu để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, sinh vật, bảo tồn đa dạng sinh học.

3. *Tài nguyên rừng*

(a) Rừng tràm Kiên Lương (tỉnh Kiên Giang)

Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, rộng 11 triệu hecta, gồm khu rừng tràm Kiên Lương-Kiên Hải, Vườn quốc gia U Minh Thượng, Vườn quốc gia Phú Quốc được công nhận bởi UNESCO vào năm 2006. Đây là khu dự trữ sinh quyển lớn nhất Đông Nam Á và là một trong năm khu dự trữ sinh quyển quan trọng ở Việt Nam, rất đa dạng về môi trường như san hô, cỏ biển, bò biển (dugong), rùa biển (ở các hòn và đảo Phú Quốc), tràm, sếu đầu đỏ. Cách đây mấy năm (khoảng thời gian từ 2001 đến 2005), khi khu rừng phòng hộ Hòn Chông được cho phép phá để làm đất nuôi tôm, số lượng sếu đầu đỏ đến vùng đất rừng tràm ngập nước thuộc huyện Kiên Lương đã bị giảm đi. Ngày nay nuôi tôm đã bị cấm trong khu rừng tràm ngập nước còn lại ở Kiên Lương thuộc khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang.

(a) Sếu đầu đỏ

Sếu đầu đỏ (Grus antigone sharpii, eastern sarus crane), một loài chim quí hiếm, nằm trong sách đỏ Việt Nam, có nguy cơ tuyệt chủng. Vào mỗi đầu mùa khô, sếu đầu đỏ bay đến từ bắc Cambodia và các khu rừng khộp Tây nguyên xuống các rừng ngập nước ở phía nam như Tràm Chim, Hòn Chông (Kiên Lương) và biển Hồ Tonle Sap. Hiện nay còn khoảng 300 sếu đầu đỏ thường lui tới mỗi năm các vùng ngập nước ở Tràm Chim, Kiên Lương. Năm 2004, các nhà khoa học đã tìm được các tổ sếu ở khu rừng khộp trong Vườn quốc gia Yokdon thuộc tỉnh DakLak, cho thấy sếu vẫn còn sinh sản ở Tây Nguyên.

(b) Vườn quốc gia U Minh Thượng

Hệ sinh thái rừng U Minh ở bán đảo Cà Mau với con sông Trẹm chảy giữa rừng, chia rừng thành hai khu vực U Minh Thượng (thuộc tỉnh Kiên Giang) và U Minh Hạ (thuộc tỉnh Cà Mau). Rừng nguyên sinh chủ yếu tập trung ở U Minh Thượng, có hàng trăm loại thực vật, chủ yếu là tràm, móp, mật cật, nhiều loài dương xỉ, tảo... nhiều loài bò sát và lưỡng thê (trăn, kỳ đà, cá sấu, rùa, rắn...), các loài chim (như cò, chim trích...) và côn trùng... Năm 2001, các nhà khoa học phát hiện ra rừng U Minh có loài cá lông mũi (rái cá, Lutra sumatrana) quý hiếm nằm trong sách Đỏ Việt Nam và sách Đỏ thế giới. Cá lông mũi trước đây còn có phân bố ở Thừa Thiên, An Giang, Cần Thơ và Cà Mau nay thì chỉ còn ở rừng U Minh. Kế hoạch bảo tồn loài rái cá quý hiếm này, cũng là một lý do để rừng U Minh trở thành vườn quốc gia.

Diện tích rừng vào những năm trước 1950 là khoảng 400000 ha, đến năm 1970 còn gần 200000 ha và ở thời điểm 1990 còn khoảng 100000 ha. Số liệu điều tra kiểm kê rừng năm 1995 cho biết rừng có giá trị bảo tồn thiên nhiên ở U Minh Hạ thuộc tỉnh Cà Mau là 4200 ha (tập trung ở khu vực Vồ Dơi), và Khu bảo tồn thiên nhiên U Minh Thượng thuộc tỉnh Kiên Giang có diện tích rừng là 8053 ha. Rừng U Minh Thượng được chính thức trở thành Vườn quốc gia vào đầu năm 2002.

Vụ cháy rừng U Minh năm 2002 vừa qua trong vòng 21 ngày đêm là một thảm họa môi sinh. Dưới lớp đất ở rừng U Minh là lớp than bùn nên sức cháy rất dai dẳng và khó dập tắt. Khoảng 2460 ha rừng tự nhiên đã bị thiêu trụi. Diện tích rừng ở U Minh Thượng chỉ còn lại hơn năm ngàn hecta, trong đó rừng tự nhiên chỉ còn khoảng một ngàn hecta. Hiện nay một phần

rừng tràm đã tái sinh qua quá trình tự nhiên và tái trồng nhưng vẫn còn cần một thời gian dài để phục hồi. Nguyên nhân cháy rừng là do dân sống chung quanh rừng U Minh Thượng, chủ yếu là người dân ba huyện An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, lén vào vào rừng săn thú, bắt cá, đốt ong, đó là tác nhân gây lửa. Theo các nhà nghiên cứu, sau vụ cháy rừng năm 2002, số lượng cá giảm, nên rái cá muốn tồn tại được buộc phải ra ngoài ăn cá nuôi trong ao ruộng của dân. Nhiều con rái cá đã bị dân đặt bẫy bắt, bị chết và bị thương, làm công tác bảo tồn loài cá rái hiếm này càng khó khăn.

(c) Rừng đặc dụng Trà Sư

Giữa những cánh đồng lúa bát ngát thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, là rừng tràm ngập nước Trà Sư, được trồng thêm và tái tạo lại rừng từ những năm đầu thập niên 1980. Rừng Trà Sư được xếp loại là rừng đặc dụng (special-use forest) được bảo vệ. Rừng có diện tích 845ha và vùng đệm 645 ha. Đây là vùng đất acid phèn, ngập nước quanh năm trong khu vực Tây sông Hậu, quy tụ nhiều loài cây cỏ, các loài chim, thú quý hiếm như cò trắng, cò đen, điên điển, le le, dơi... và đôi khi sếu đầu đỏ đến trong vài năm gần đây. Chưa phải là rừng quốc gia, nhưng rừng thuộc loại được bảo vệ. Đây là khu du lịch sinh thái mới đặc sắc vừa được khuyến khích mở để du khách học hỏi về cảnh quan môi trường rừng tràm ngập nước ở hạ lưu sông Cửu Long trước khi con người đến khai hoang lập nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh vẫn chưa có kế hoạch quản lý du lịch sinh thái một cách chặt chẽ để giảm tác động vào hệ sinh thái rừng nước ngập Trà Sư.

(d) Vườn quốc gia Tràm Chim - Đồng Tháp Mười

Rừng ngập nước Tràm Chim, cách thị xã Cao Lãnh 40km, là khu rừng duy nhất còn lại của vùng trũng ngập nước rộng lớn Đồng Tháp Mười. Qua các hệ thống kênh rạch, và dân đến lập nghiệp, từ năm 1975 đến 1995, khoảng 700000 hecta đã được chuyển thành đất canh tác. Năm 1998, Tràm Chim, rộng khoảng 7600 hecta, được công nhận là vườn quốc gia để bảo vệ hệ sinh thái đặc trưng của vùng trũng Đồng Tháp Mười. Đây là vùng đất quan trọng cho nhiều loài chim hiếm như sếu đầu đỏ đến trú ẩn, kiếm ăn và nghỉ trong mùa khô. Thủy văn của vườn quốc gia Tràm Chim đã thay đổi nhiều so với tình trạng thiên nhiên do sự thay đổi đất canh tác chung quanh và hệ thống kênh đào, rạch do con người xây dựng. Cháy rừng hiện nay vào mùa khô thường xảy ra do sự bất cẩn và dân xâm nhập vào rừng là hệ quả của sự thay đổi thủy văn qua các hệ thống đập, rạch, kênh.

Tỉnh Đồng Tháp là tỉnh phát triển với dân số tăng nhanh. Vừa rồi nhiều hộ dân đã lấn đòi trả lại đất ở khu vực rừng quốc gia Tràm Chim. Với hơn 40000 dân sống chung quanh mà đa số chưa ý thức được tầm quan trọng của hệ sinh thái vùng trũng Đồng Tháp Mười và đội ngũ chỉ có 50 nhân viên kiểm lâm thì vấn đề quản lý và bảo vệ Tràm Chim là vấn đề đáng quan tâm hiện nay ở Vườn quốc gia Tràm Chim.

Nói tóm lại vấn đề môi trường ở đồng bằng sông Cửu Long tập trung vào chính vào các vấn đề sau

- Quản lý hoạt động cửa ngăn nước mặn để giảm hệ quả qua sự tăng acid, phèn và hải sản ít đi.
- Ô nhiễm do chất thải, phân bón, thuốc trừ sâu và biện pháp xả chất acid ra môi trường nước qua kênh rạch, làm ảnh hưởng đến lượng thủy sản và hệ sinh thái.
- Rừng nước ngập và hệ sinh thái bị lấn chiếm, gây nguy cơ cho sự bảo tồn đa dạng sinh học. Quản lý bảo vệ rừng chưa được chặt chẽ gây ra cháy rừng, lấn rừng, bắt sinh vật trái phép...

II- Thay đổi khí hậu và đồng bằng sông Cửu Long

Một vấn đề lớn về môi trường có ảnh hưởng lớn lao sau này mà Việt Nam sẽ đối diện là hệ quả của sự thay đổi khí hậu do con người gây ra trên trái đất. Khoa học cho ta biết gì về tác động môi trường do sự thay đổi khí hậu gây ra? Trong các bản tường trình mới nhất của Ủy ban Liên chính phủ về Thay đổi Khí hậu (Intergovernmental Panel on Climate Change, IPCC) trong năm 2007 về sự thay đổi khí hậu, hệ quả và biện pháp để giảm sự tăng trưởng nhanh chóng của khí nhà nóng do con người tác động đến môi trường thiên nhiên cho thấy sự khẩn trương của nguy cơ thay đổi môi trường lớn lao ảnh hưởng trực tiếp vào xã hội, kinh tế của nhiều nước trên thế giới. Một trong những nước bị ảnh hưởng với tác hại nhiều nhất là Việt Nam. Biến cố và cường độ thiên tai bão sẽ tăng lên gây thiệt hại nhất ở Trung Việt Nam

và mực nước biển dâng sẽ phá hoại môi trường sống, đất ở hai vùng đồng bằng sông Hồng ở miền Bắc và đồng bằng sông Cửu Long ở phía Nam.

Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa của Việt Nam và là nơi hơn 40% dân số tập trung, vì thế ảnh hưởng khí hậu qua mực nước biển dâng lên vào nơi đây sẽ có hệ quả xã hội và kinh tế lớn lao cho cả nước Việt Nam.

Qua bản tường trình của Cơ quan Nghiên cứu Khoa học và Kỹ nghệ của Úc (Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation, CSIRO) ở hội nghị Hobart cuối năm 2006 (3) (9), cho thấy là tỉ lệ khí CO2 thải ra là mỗi năm tăng gấp đôi so với những năm trước đây. Trong bốn năm vừa qua, tỉ lệ tăng mỗi năm là 2.5%, trong khi tỉ lệ trung bình từ thập niên 70 ở thế kỷ trước đến nay là 1% tăng trưởng. Bốn năm liên tục trên mức trung bình là điều chưa từng thấy từ các dữ kiện đo được từ trạm quan trắc Cape Grimm ở Tasmania (một tiểu bang ở cực nam nước Úc) trong 30 năm từ khi khi CO2 được đo ở đấy, do cơ quan nghiên cứu khoa học và kỹ nghệ CSIRO của Úc quản lý.

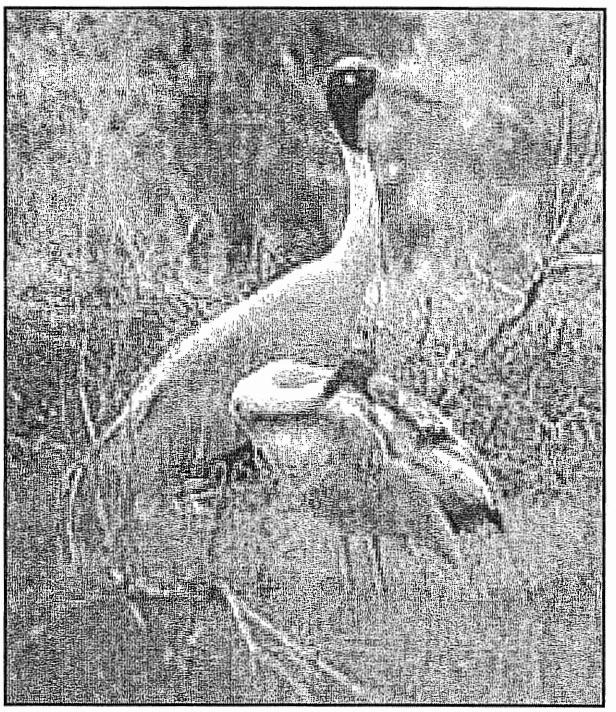

Chim sếu đầu đỏ

Khó có thể nói là hậu quả trước mắt đã xảy ra trong các năm vừa qua là do sự tăng tỉ lệ gấp đôi khí CO2 trong các năm vừa qua. Nhưng ta chắc rằng khí hậu trên trái đất sẽ có những thay đổi lớn và có ảnh hưởng trực tiếp vào xã hội con người do khí CO2 tích tụ trong bầu khí quyển gây ra. Nhiều hiện tượng xảy ra gần đây là do sự thay đổi khí hậu của hiện tượng khí nhà nóng lồng kính gây ra từ khi CO2 có quá nhiều trong bầu khí quyển. Ở Nam cực, các băng lớn đã tan rã ở một số nơi và băng (glacier) biến dần trên các thượng nguồn của các sông trên thế giới (như vùng Hi Mã Lạp Sơn), là hệ quả của sự thay đổi khí hậu.

Nghiên cứu về ảnh hưởng của sự thay đổi khí hậu vào các vùng duyên hải Việt Nam đã bắt đầu từ năm 1994 (6). Tuy nhiên sự khẩn trương và kế hoạch quản lý đối phó chưa được quan tâm đúng mức cho đến khi gần đây, sau khi bản tường trình mới nhất của IPCC và bản báo cáo của World Bank về hệ quả đến các nước đặc biệt là các nước ở Đông Á (8).

Các nghiên cứu về ảnh hưởng thay đổi khí hậu cho ta thấy viễn tượng như sau: hạn hán thường xảy ra và kéo dài trong nội địa trong khi ở vùng duyên hải thì mực nước biển sẽ tăng cao dần. Mực nước biển dâng 1m sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến 11% dân số và 3m sẽ ngập 12% diện tích, ảnh hưởng đến 25% dân số, 17% sản xuất nông nghiệp và 25% sản lượng kinh tế GDP (8). Đồng bằng sông Cửu Long sẽ bị ảnh hưởng nặng nề về kinh tế và xã hội. Qua các số liệu về nhiệt độ và vũ lượng từ các trạm đo thời tiết ở Việt Nam, thì nhiệt độ trung bình hàng năm đã tăng từ 24oC đến 24.65oC (1901-1998) nhưng vũ lượng trung bình hàng năm thì giảm đi 180mm (1901-1998). Riêng ở đồng bằng sông Cửu Long, thì nhiệt độ trung bình mỗi năm tăng 0.5oC và 0.2oC ở hai trạm Cà Mau và Sóc Trăng từ năm 1976 đến 2000, và vũ lượng trung bình mỗi năm cũng tăng khắp các trạm ở đồng bằng sông Cửu Long (với Sóc Trăng tăng 340mm, Bạc Liêu 365mm, Mỹ Tho 410mm) (1). Điều này cho thấy, với mực nước biển dự đoán tăng và vũ lượng hiện đang tăng ở đồng bằng sông Cửu Long thì ảnh hưởng của thuỷ văn đến môi trường và xã hội sẽ lớn hơn hết so với các nơi khác.

Khi mực nước biển tăng lên, vào mùa khô nước mặn sẽ lấn sâu thêm vào nội địa, mực

nước ngầm dưới đất sẽ tăng làm một số vùng đất trước đây đã thoát nước trở lại vùng nước ngập. Và qua hệ thống kênh rạch, đê chắng chịt như hiện nay thì ảnh hưởng của mực nước biển tăng sẽ có tác hại nhiều lần so với hệ thống thủy văn tự nhiên lúc chưa bị con người thay đổi. Thích ứng của hệ thống tự nhiên lúc nào cũng dễ dàng hơn hệ thống nhân tạo phức tạp. Trong hai thập niên cuối ở thế kỷ 20, qua sự phát triển của hệ thống kênh, rạch để phát triển đất canh tác và để tháo và dẫn nước trong mùa nước lũ ra biển vịnh Thái Lan, khi mực nước biển dâng lên sẽ dẫn tới nước mặn đi vào nhiều vùng. Với diện tích đồng bằng thu lại và dân số sẽ cao so với hiện nay thì ô nhiễm và sức ép vào môi trường sống còn lại sẽ là một vấn đề nan giải và cần phải có kế hoạch giải quyết.

Cần có biện pháp gì để đối phó

Hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan có trách nhiệm chính trong lãnh vực đưa ra chính sách về khí nhà nóng, kế hoạch để đối phó với hệ quả do sự thay đổi khí hậu gây nên bởi khí nhà nóng mà con người thải ra trên trái đất. Bộ nên kết hợp với các cơ quan chính phủ liên hệ để lập ra một uỷ ban nghiên cứu về hệ quả kinh tế, môi trường của sự nâng cao mực biển và thay đổi khí hậu và những kế hoạch khả thi thích ứng với khí hậu và thủy văn trong tương lai ở Việt Nam nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Những gì chúng ta có thể làm bây giờ chỉ có kết quả 30, 40 năm về sau vì hệ thống địa cầu và hệ sinh thái không thể có phản ứng ngay được. Hiệp ước Kyoto (protocol) cũng chỉ là bước rất nhỏ không có kết quả nhiều. Cơ chế thị trường carbon, phát triển trong sạch đang hoạt động nhưng hiện nay chỉ có hiệu quả nhất định.

Tất cả các nước trên thế giới đã phát triển và đang phát triển, cần phải cùng chung một nỗ lực thực thi những chính sách và biện pháp cắt giảm lớn hơn nữa khí thải CO2. Chính sách năng lượng sạch, chôn khí CO2 (sequestration) vào những túi dầu đã cạn, hay trong lòng đất, trồng nhiều cây, bảo vệ rừng... là những biện pháp khả thi. Hạn chế khí thải độc hại là biện pháp chống ô nhiễm chứ không phải làm giảm sự thay đổi khí hậu.

Riêng về đồng bằng sông Cửu Long, rừng tràm ngập nước dọc duyên hải các tỉnh phải được phục hồi và phát triển vì đó là tuyến đầu mà biển lấn sẽ ảnh hưởng để giảm đi tác hại của mực nước biển tăng lên. Sự đối đầu và sức sống phát triển của rừng tràm tuỳ thuộc vào sự quản lý và lượng phù sa bồi đắp từ sông Cửu Long dọc cửa sông xuống bán đảo Cà Mau. Các đập trên thượng nguồn vì thế có ảnh hưởng không ít đến kế hoạch thích ứng vào sự thay đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long.

Vài nét về tác giả:

Nguyễn Đức Hiệp, sinh 1956, Saigon. Tốt nghiệp kỹ sư điện (B.E), Đại học Western Australia. Master of Engineering Science, Tiến sĩ (Ph.D), Đại học Sydney. Thiết lập hệ thống quan trắc môi trường khí ở thành phố Sydney (1990-1997). Đã viết nhiều bài báo cáo khoa học trên các tạp chí khoa học như Mathematical Biosciences, Atmospheric Environment...Hiện nay là nhà khoa học về ô nhiễm và khí quyển. Viết bài về môi trường, khoa học, lịch sử liên quan đến Việt Nam cho các báo tạp chí trong và ngoài nước.

Tham khảo:

(1) Dirk Schaefer, Recent Climate Change and possible impacts on Agriculture in the Mekong Delta, Vietnam, German Vietnam-Seminar in Ho Chi Minh City; Vietnam, on Sustainable Utilisation and Management of Land and Water Resources in the Mekong Delta, Vietnam, December 17 — 19, 2002.

(2) Reiner Wassmann, Nguyen Xuan Hien, Chu Thai Hoanh, To Phuc Tuong, Sea Level Rise Affecting the Vietnamese Mekong Delta: Water Elevation in the Flood Season and Implications for Rice Production, Journal of Climate Change, Volume 66, Numbers 1-2 / September, 2004, p. 89-107

(3) M. Raupach, G. Marland, et al., Global and regional drivers of accelerating CO2 emission, Proceeding of National Academy Sciences (PNAS), online version, May 22, 2007

(4) Takehiko 'Riko' Hashimoto, Environmental Issues and Recent Infrastructure Development in the Mekong Delta, June 2001, Australian Mekong Resource Centre, Working Paper no. 4, http://www.mekong.es.usyd.edu.au/publications/working_papers/wp4.pdf

(5) Tổng cục Thống kê, Việt Nam, http://www.gso.gov.vn, 2007

(6) Nguyen Ngoc Huan, Vietnam coastal zone vulnerability assessment,
www.survas.mdx.ac.uk/pdfs/3huan.pdf

(7) Wolanski E., Nguyen Ngoc Huan, Le Trong Dao, Nguyen Huu Nhan (1996). Fine Sediment dynamics in the Mekong River estuary. J. Estuarine Coastal and Shelf Science. No3

(8) World Bank, The Impact of Sea Level Rise on Developing Countries: A Comparative Analysis", World Bank Policy Research Working Paper (WPS4136), February 2007.

(9) CSIRO, http://www.csiro.au/news/ps2im.html

NHÀ Ở CHO NÔNG DÂN
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN TRẦN ĐẠT

Việt Nam hầu như đã chấp nhận để cho người dân vùng ngập lụt thường xuyên nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long [ĐBSCL] *"sống chung với lũ."* Điều mà tôi quan tâm hơn hết là việc quy hoạch vùng ngập lụt và cần tìm kiếm những mô hình khác nhau cho việc thiết kế các kiểu nhà ở cho nông dân vùng ĐBSCL. Ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc căn bản về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị chúng ta còn phải:

- Nghiên cứu và phân tích (site analysis) cẩn thận hoàn cảnh / điều kiện thiên nhiên (như địa hình, thổ nhưỡng- địa chất, sông rạch, khí hậu,v.v...), kinh tế, chính trị, xã hội (dân cư, dân số, các thành phần dân tộc-kinh tế v.v.... với những phong tục tập quán, đời sống, sinh hoạt thường nhật của cư dân từng địa phương, v.v...). Dữ liệu có chính xác, đầy đủ thì thiết kế / quy hoạch mới có thể đáp ứng nhu cầu thực tế và hữu ích.

- Quy hoạch và thiết kế làm sao cho khu vực được gọn (trật tự) + sạch (vệ sinh) + đẹp (thẩm mỹ) + thuận lợi nhất trong khả năng hiện hữu để từng bước phát triển bền vững trong tương lai, đáp ứng được yêu cầu phát triển toàn diện mà không phá vỡ môi sinh và sự ổn định trong đời sống cư dân địa phương.

QUY HOẠCH

Có thể nói người làm công tác quy hoạch là người định hướng và vạch ra tương lai của người dân trong một khu vực địa phương, dựa trên cơ sở khoa học của những tài liệu nghiên cứu, điều tra, phân tích, so sánh và tổng hợp về nhiều mặt (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa dư, khí hậu, thổ nhưỡng v.v...). Một chuyên viên quy hoạch giỏi là người có khả năng phán đoán, dự báo, tiên liệu được hướng phát triển, kể cả những biến động có thể xảy ra về tự nhiên trong khu vực. Từ đó chuẩn bị phương cách đối phó, giải quyết hữu hiệu, hạn chế tối đa những nguy cơ trong tương lai.

Ý thức được như vậy thì khi quy hoạch vùng ĐBSCL, chúng ta sẽ nghiên cứu thật kỹ những yếu tố khách quan, hiện hữu về tự nhiên để biết rõ quy luật vận động cùng những ảnh hưởng / tác động hỗ tương của những yếu tố đó đối với vùng đồng bằng phù sa châu thổ và con người. Từ đó, xác định hướng phát triển trước khi lập ra Quy Hoạch Chung [General Plan] và Quy Hoạch Tổng Thể [Master Plan] cho toàn vùng ĐBSCL với mối liên hệ khu vực.

Lần về Việt Nam mới đây cho tôi thấy Cần Thơ tuy được coi là thành phố trung tâm vùng ĐBSCL nhưng xây dựng thiếu đồng bộ, phát triển thiếu cân đối khiến môi trường bị huỷ hoại và ô nhiễm khá nhiều. Đừng nghĩ quy hoạch chỉ là mở rộng cầu đường, xây thêm chợ/ thương xá / nhà lầu cao tầng v.v... Muốn xây dựng Cần Thơ thành một thành phố trung tâm cấp quốc gia nơi vùng ĐBSCL thì không chỉ tái quy hoạch đô thị mà cần định hướng phát triển mở rộng trong tương lai, như quy hoạch hệ thống giao thông và phân định giới hạn vùng kinh tế nông nghiệp với các vùng dân cư, hành chánh, kỹ nghệ-công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, kể cả các vùng cần được bảo tồn triệt để – nhất là về môi trường.

A. **Tự nhiên**: Cần nghiên cứu kỹ để hiểu rõ hơn về sông Cửu Long (với địa hình & địa chất, thủy học, hệ thống sinh thái, khí tượng & thủy văn của toàn bộ lưu vực và những chi lưu, phụ lưu cùng mạng lưới kênh rạch chằng chịt chứ không chỉ là hai nhánh sông Tiền và sông Hậu) và biển Đông (chế độ nhật triều và bán nhật triều cùng những ảnh hưởng của chúng).

Sông Cửu Long mang đến lũ lụt với mùa

nước nổi hàng năm vừa góp phần rửa phèn và tẩy mặn cho nhiều vùng đất, vừa tạo ra tai họa cho hàng vạn con người sống bên con sông này. Mặt khác, Biển Hồ ở Cam Bốt cũng ảnh hưởng không ít đến ĐBSCL, nhất là sự điều tiết lưu lượng nước và nguồn thủy sản phong phú. Cho đến nay, người Việt Nam chúng ta vẫn chưa thực sự tìm hiểu về hệ thống sông rạch mà chủ yếu vẫn trông cậy vào những tài liệu của nước ngoài.

B. **Kinh Tế**: ĐBSCL chủ yếu là nông ngư nghiệp, trong đó nghề trồng lúa có năng suất cao nhất nước, đưa Việt Nam lên hạng 2 thế giới về xuất cảng gạo nhưng nông dân thì vẫn rất nghèo và thậm chí thiếu ăn. Đến năm 1998, điện và nước đã về nông thôn nhưng đa số nông dân vẫn không đủ tiền để xài điện và nước máy! ĐBSCL vẫn hy vọng hệ thống cầu đường sẽ tiếp tục cải thiện, nhất là sau khi cầu Mỹ Thuận đã bắt qua hai bờ sông Tiền thì giờ đây người dân trông chờ sự ra đời của cầu Cần Thơ, Vàm Cống, Rạch Miễu và những cây cầu khỉ chông chênh sẽ thay thế bởi những cây cầu đúc bằng bêtông cốt sắt để việc giao thông vận chuyển thuận lợi hơn, an toàn hơn. Đất nông nghiệp đang bị đe dọa khi đô thị hóa lan nhanh trong10 năm qua. Nên chăng quy hoạch lại để giới hạn sự bùng nổ của đô thị để giữ lại đất canh tác sản xuất?

C. **Xã Hội**: ĐBSCL đang đối diện với nhiều vấn nạn: từ các tệ nạn xã hội đến nạn nhân mãn (lên tới ngót 20 triệu dân, do sinh đẻ không kế hoạch và di dân ồ ạt từ các tỉnh phía Bắc và Trung Việt vào lập nghiệp). Tình trạng dân từ nông thôn tràn về thành phố cũng sẽ là một bài toán nan giải cho khu vực này.

Trong khi đa số nông dân chưa ăn no, mặc lành, sống trong chòi tranh, trường học và bệnh viện còn thiếu và không được tu bổ hay xây mới thêm là bao, đường đất vẫn còn lầy lội và cầu khỉ chông chênh vẫn chưa được "bêtông hoá" thì rất nhiều trụ sở chính quyền (Ủy Ban Nhân Dân hay Công An hoặc Bưu Điện của tỉnh/ huyện), các cơ sở kinh doanh(khách sạn, nhà hàng, khu giải trí...) lại đua nhau xây mới, cất cao lên và lộng lẫy. Sau cầu Mỹ Thuận, sẽ là cây cầu Cần Thơ rồi tới cầu Rạch Miễu và những chiếc cầu khác nối liền các tỉnh miền Tây Nam Việt lại gần nhau hơn, đem nông thủy sản đi khắp nơi để đổi lấy ấm no và tương lai tươi sáng hơn cho người dân nghèo quê tôi. Nhưng cho đến nay, có lẽ người dân ĐBSCL chỉ biết cống hiến cho Tổ Quốc chứ chưa dám đòi hỏi Tổ Quốc cần làm gì cho họ?

ĐỀ NGHỊ MÔ HÌNH NHÀ Ở CHO NÔNG DÂN VÙNG ĐBSCL

Về đề tài xây dựng mô hình nhà ở cho nông dân ở ĐBSCL đã được thảo luận và triển khai trong những năm qua nhưng vẫn chưa có được

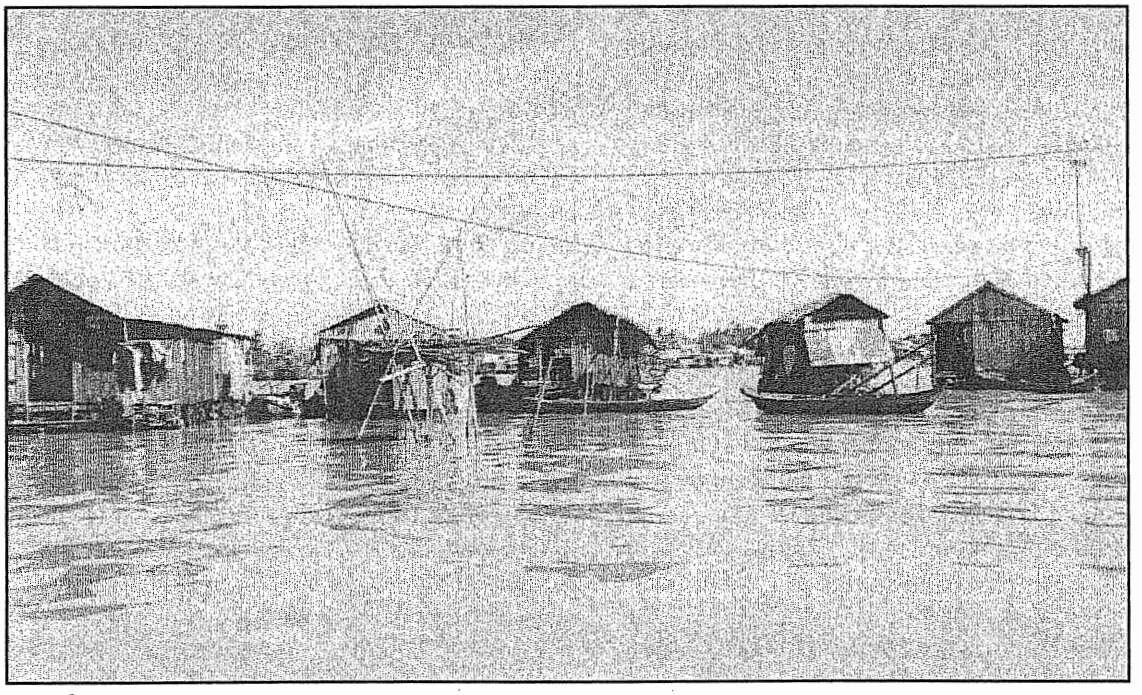

Nhà nổi trên sông

một mô hình nào khả dĩ được coi là "vừa ý" nhất. Có một bác làm thầu xây dựng đề nghị *"các anh kiến trúc ở nước ngoài thử có ý kiến về việc này xem sao."* Cá nhân tôi lúc đó chưa dám "đụng" đến đề tài này bởi hai lẽ: Thứ nhất, phải thật sự hiểu rõ về con người và hoàn cảnh ở địa phương này, nhất là nếp sống, phong tục tập quán, những nhu cầu thường ngày, những điểm đặc thù từ hoàn cảnh tự nhiên và xã hội. Thứ hai, Việt Nam đã có những kiến trúc sư mà "tên tuổi" đã lừng lẫy với những giải thưởng kiến trúc quốc tế nổi tiếng, ví dụ như các KTS Khương Văn Mười, Võ Thành Lân, Nguyễn Văn Tất. Kinh nghiệm xử lý các vấn đề thuộc dạng này không thể không có ý kiến từ các tên tuổi đó.

Tôi chỉ thắc mắc vì không hiểu tại sao các nhà kiến trúc và xây dựng bên nhà không nhiều "thích thú" với đề tài này (?). Từ ngày ra đề tài này đến nay, hầu như chỉ lác đác vài mô hình được thực hiện. Vài mẫu nhà lắp ráp theo kiểu nhà tiền chế (tựa như nhà di động / mobile homes) với vật liệu chính là "tôn lá" và "tấm lợp fibro-cement", có căn như nhà sàn, có căn như nhà kéo / trailer, có loại nhà nhựa tổng hợp, từ màu sắc đến kiểu dáng thiết kế chưa được nông dân ưa chuộng. Có vài Việt kiều (từ Canada, Đức, Úc lẫn Mỹ) cũng trình bày một số kiểu dáng mới mẻ với vật liệu ngoại nhập, khá đủ tiện nghi nhưng giá thành khá cao và cũng chưa phù hợp sở thích cũng như nhu cầu của nông dân ở ĐBSCL.

Không biết ngoài hai lý do như tôi vừa nêu trên, còn có lý do nào khác, chẳng hạn như đối tượng (nông dân) không phải là "mối bở" (vừa không có nhiều tiền, lại khó tính), hay vì bế tắc trong việc giải quyết cùng lúc năm mối (nhu cầu + sở thích + rẻ + đẹp + bền). Chỉ biết một điều: đề tài này đã không thu hút giới kiến trúc và xây dựng trong nước, nhất là giới trẻ. Tôi có lần đề nghị với KTS Nguyễn Quang Nhạc tổ chức một cuộc thi có thưởng dành cho sinh viên ngành kiến trúc và xây dựng. Nếu trúng giải, ngoài phần thưởng và vinh dự, mô hình sẽ trở thành kiểu mẫu được ưa chuộng nhất và sẽ nhanh chóng được xây dựng ồ ạt khắp vùng châu thổ sông Cửu Long trong chương trình quy hoạch và phát triển toàn vùng.

PHÂN TÍCH THỰC ĐỊA / SITE ANALYSIS

Miền Tây Nam Việt, có thể nói sông rạch là mạch máu luân lưu nuôi sống toàn miền. Xây dựng nhà ở trên miền đất này không thể không quan tâm đến con sông Cửu Long và mạng lưới sông rạch chằng chịt ở đây. Tuy sống gần sông rạch nhưng lúc nào nông dân ở ĐBSCL cũng coi nước (ngọt + sạch) như là một mối quan tâm hàng đầu bởi nước cũng là một nhu cầu quan trọng bậc nhất trong cuộc sống thường ngày, như cơm gạo và không khí vậy. Nhà nào cũng có ít nhất một lu nước uống, vài lu nước xài, cũng có khi đào một cái ao hay khá hơn thì xây luôn một hồ chứa nước (thường chỉ 5 hay 3 thước khối) ngay phía sau nhà.

Trước 1975, Nha Cấp Thủy Bộ Công Chánh có nhiều cố gắng trong việc đào giếng để cung cấp nước ngọt cho các vùng thôn quê hẻo lánh nhưng từ đó đến nay, các hệ thống giếng, máy bơm và ống dẫn nước không được cải thiện mà cũng không thấy xây dựng thêm được là bao. Cho nên, khi xây dựng mô hình nhà ở cho nông dân ở ĐBSCL, chúng ta không thể quên vấn đề này, đồng thời cần tránh gây ô nhiễm môi sinh, nhất là hệ thống sông rạch.

Nông dân gắn liền với mảnh đất, ruộng vườn, sông rạch như thế nào thì họ cũng yêu quý con trâu, cái cày, cái bừa, chiếc xuồng của họ như thế đó. Mất những thứ đó là mất chén cơm, manh áo, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả gia đình mình. Cho nên, chúng ta không thể không quan tâm đến một nơi cất giữ "gia tài" nhỏ nhoi này. Kiểu nhà ở miền này phổ biến nhất cũng vẫn là kiểu nhà "ba gian hai chái," với sự phân chia nhà chính và nhà phụ nhưng vẫn gắn kết chặt chẽ thành một khối, thường là nhà trệt trên một nền đất cao, hay là một loại nhà sàn (ván, gỗ) với chuồng trâu, bò, heo, gà... phía dưới (chủ yếu ở vùng đất trũng thấp, nơi có mùa nước nổi hay dễ bị lũ lụt hàng năm). Có nhiều tên gọi khác nhau: nhà chữ Đinh, nhà Thảo Bạt, nhà Bát Dần, nhà Xếp Đọi, v.v... . Nhìn chung, nhà ở vùng ĐBSCL thường đơn giản hơn miền Bắc về bố cục, vật liệu lẫn kết cấu. Hệ thống khung vách đỡ mái, cột, kèo, cửa chính & cửa sổ... ít khi được trang trí, chạm trỗ công phu (trừ nhà giàu). Cửa chính mở rộng ra ngay giữa gian chính - đó cũng là nơi thờ phượng, tập hợp gia đình và sinh hoạt chung. Trước tủ thờ là một bàn ăn hay bàn khách với hai hay bốn ghế, đây là nơi ăn uống chung của gia đình, ngoại trừ các gia đình khá giả hơn thì có bàn ăn đàng

hoàng hơn phiá sau, gần khu chái bếp. Chỗ ngủ thường là một bộ ván ngay phía sau tủ thờ hay ở hai gian bên, ít nhất cũng có một cửa sổ vừa thoáng mát, vừa sáng sủa. Đầu bộ ván thường là tủ quần áo, mùng mền. Chái phải thường chứa thóc, lúa giống và các nông ngư cụ. Chái trái thường là nơi để ghe xuồng, với phòng tắm sát bên chái bếp phía sau. Góc bếp thường nằm sau chái hè, gần sàn nước và mấy cái lu hay hồ chứa nước. Dưới mấy cái bếp thường là mấy đụn rơm rạ, than củi hay mấy tàu lá dừa khô - tôi muốn nói đến một nơi chứa "chất đốt." Khói bếp cứ mặc nhiên tỏa ra "thoải mái" theo các khe hở giữa mái lá (độ dốc thấp, thường là lợp lá dừa nước, trung bình năm hay ba năm thay lại một lần) và vách đất (hay vách lá / nhà nghèo). Mái ngói (âm dương) , tường gạch quét vôi chỉ có ở những nhà khá giả hơn, thường gần quận lỵ hay tỉnh lỵ, hoặc ở thị trấn hay các xã trù phú.

Nhà vệ sinh miệt vườn hay miệt ruộng thường là loại "cầu cá tra" nằm trên ao cá xa nhà một tí hay ven sông, rạch, kênh mương... đã góp phần làm " ô nhiễm môi trường" nhưng rất ư là... thoáng mát, tiện lợi và rất đơn giản. Các nhà khá hơn thì cất một phòng tắm chung với nhà cầu /vệ sinh ngay phía sau bếp, với một hồ chứa nước xài. Từ giống lúa nổi/sạ ngày xưa, tôi nghĩ đến nhà sàn, nhà bè và nảy sinh ý nghĩ đến nhà phao, nhà nổi và thử dùng đến loại nhà tiền chế di động dễ lắp ráp ở Mỹ hay loại "tấm lợp ba chiều" ("3 Dimensions panel") để "sống chung với lũ" cho những vùng đất trũng. Tôi rất thích những căn nhà bè nuôi cá trôi nổi trên dòng nước với kết cấu đơn giản giúp người ta có thể sống chung với lũ lụt. Vấn đề là làm sao kết hợp ba loại nhà này lại bằng vật liệu địa phương là chính và người dân có thể xây lắp, sửa chữa một cách dễ dàng với giá thành không quá cao.

THIẾT KẾ KHÔNG GIAN & KHỐI (SPACE & FORMS) VÀ NHU CẦU CĂN BẢN

Không gian cho những kiểu nhà ở cho nông dân ĐBSCL chắc chắn không đòi hỏi quá cao. Chúng ta có thể bắt đầu nghiên cứu "bình đồ" (floor plan) của một căn nhà tiêu biểu, với những nhu cầu, hoàn cảnh / điều kiện và tiện nghi căn bản. Sau đó là tìm cách sắp xếp lại "không gian" (spaces), tìm ra các khoảng trống (open spaces) để có thể nối kết (connection) hợp lý và lưu thông (circulation) thuận tiện nhất. Sự sáng tạo của mỗi cá nhân được thể hiện độc đáo hay không là trong bước quan trọng này, trước khi đi tiếp giai đoạn kế: kết cấu và tạo dáng cho một tổng thể hoàn chỉnh. Cách tân với những kiểu cách khác nhau để tạo ra những mẫu mô hình "khối" (forms) được nông dân ở ĐBSCL ưa chuộng.

Đây là một đề tài hay nhưng không dễ, không đơn giản, không thể giải quyết đơn lẻ mà cần phối hợp để từng bước gỡ năm mối (nhu cầu + sở thích + rẻ + đẹp + bền) mà không phá vỡ không gian tổng thể (nhất là cảnh quan và môi trường tự nhiên) lẫn giá trị nhân văn truyền thống địa phương, nhất là phải phù hợp với người dân địa phương.

VẬT LIỆU & PHÍ TỔN

Nhà ở vùng ĐBSCL thường dùng vật liệu sẵn có trong vùng như gỗ tràm, đước, tre, dừa, gỗ tạp... được dùng chủ yếu cho hệ thống khung đỡ mái, cột, kèo. Làm sao người sử dụng có thể tự làm hay thay thế dễ dàng thì quả là thành công đáng kể. Vật liệu được sử dụng phải đáp ứng điều kiện địa lý, khí hậu, thủy văn ở từng khu vực riêng biệt. Bên cạnh đó, phí tổn cần thu hẹp trong con số từ 2,500 đến 5,000 Mỹ kim cho mỗi căn nhà [được ngân hàng cho vay với tiền lời rất thấp]. Chẳng hạn, chúng ta thử nghiên cứu việc trộn các xơ dừa hay đay với thạch cao hay đất sét cùng với một vài loại hóa chất khác để làm ra một loại "tấm lợp vách ván bột"(drywall /sheetrock) mới bằng chính nguyên liệu tại chỗ, vừa tận dụng tài nguyên đất nước và tiết kiệm rất nhiều.

Vách tường không thể chỉ dựa vào tôn kẽm hay kim loại nào khác bởi chúng không đáp ứng hoàn cảnh khí hậu nóng - ẩm - mưa nhiều, lũ lụt sáu tháng/ năm, nhiều nơi đất trũng thấp hơn mực nước biển như vùng tứ giác Long Xuyên, Cà Mau. Tôi thích loại lưới thép/ kẽm trét ximăng vữa(stucco) rất thông dụng ở Mỹ và sẽ được thử nghiệm với xơ dừa hay đay tại Việt Nam. Với mái nhà cũng vậy, chúng ta không thể quanh quẩn mãi với tấm lợp fibro-cement hay tôn các loại. Quanh nhà ở không thể thiếu một mảnh vườn nhỏ để trồng hoa quả và cây kiểng hay các loại rau. Chính điều này sẽ góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ và kinh tế của căn nhà mà ông cha ta đã biết từ lâu. Một điều quan trọng không nên xem thường: tuyệt đối tránh phá vỡ cảnh quan thiên nhiên trong một không gian chưa hề bị ô nhiễm hay

lại tạp. Chỉ cho phép củng cố (enhanced) và làm tốt hơn (improvements) chứ không được phá hại môi trường tự nhiên, dù vô tình hay cố ý đều cần được xử lý nghiêm ngặt, nhất là ở những "đặc khu" như Tràm Chim Tam Nông, sân chim Bạc Liêu, v.v... Cảnh quan, hoàn cảnh kinh tế - xã hội, đời sống người dân và truyền thống lâu đời là những điều chúng ta không thể coi thường khi bắt tay vào thiết kế và xây dựng cho cư dân vùng này.

Có thể sẽ có mô hình nhà phao? hay nhà một cột tạo thành lõi cứng làm trụ chống chịu đựng được sức nước mùa lũ? Có thể sẽ tạo ra những chiếc cầu nối liền những ngôi nhà này với nhau như những làng nổi ven sông mà cha ông ta đã từng mơ ước? Hãy bắt đầu nghiên cứu và thiết kế sáng tạo từ những mô hình đơn giản này.

Vấn đề chính mà tôi thật sự quan tâm là làm sao tận dụng nguyên vật liệu (với vôi, tre, nứa, xơ dừa hay đay...) sẵn có trong địa phương để kết hợp với các kiểu dáng mới mẻ mà không xa rời truyền thống cùng với cách bố cục không gian vừa sáng tạo, hợp lý, vừa thoáng và mạch lạc để hình thành những mô hình thật sự đáp ứng được những (5) yêu cầu nêu trên.

Vấn đề chính mà người Việt ở nước ngoài có thể đóng góp cho mô hình này là góp phần tìm kiếm từ những kỹ thuật, vật liệu của xứ người có thể ứng dụng cho ĐBSCL. Tôi muốn đề cập đến việc phổ cập thông tin kỹ thuật xây dựng và thiết kế cho người Việt trong nước. Cần khuyến khích sự hợp tác trao đổi thông tin kỹ thuật trong giới chuyên viên, sinh viên và nhà buôn, nhà sản xuất; song chớ quên rằng cần sáng tạo sao cho phù hợp hoàn cảnh / điều kiện địa phương mới thật là quan yếu.

Những cái "mới" trong cả kiểu cách thiết kế bên trong và bên ngoài lẫn nguyên vật liệu kết cấu làm sao được "chấp nhận" mà không phá vỡ những cái "cũ" vốn dĩ đã thành cái "nếp". Chúng ta muốn giữ một số cái "cũ" rất nên giữ, ví dụ như nên có cửa lưới ngăn ruồi muỗi thay vì dùng quá nhiều cửa kính, làm như vậy sẽ giữ được sự thoáng mát, vệ sinh và tiết kiệm. Mong sao các loại ngói đỏ sẽ vẫn được dùng để lợp mái nhưng cũng hy vọng rằng các xưởng cưa gỗ sẽ được trang bị hiện đại hơn để không những việc cưa xẻ gỗ đúng tiêu chuẩn quốc tế hơn mà họ còn thuộc (treated) gỗ để chống ẩm mốc và mối mọt, tăng cường độ bền trong việc sử dụng gỗ trong xây dựng. Vách tường nên dùng stucco cho vách ngoài (exterior) , còn vách trong (interior) thì có thể xài drywall chống ẩm mốc, thấm thấu bởi chúng ta không thể quên đặc điểm nóng - ẩm - mưa nhiều của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Chúng ta cũng nên tôn trọng lối bố cục vốn dĩ đáp ứng điều kiện tự nhiên và tập quán của người dân địa phương, nhất là nên tránh việc xây cất san sát, thiếu "khoảng xanh" và không thể phá vỡ cảnh quan thiên nhiên.

KẾT LUẬN

Mô hình nhà ở cho nông dân vùng ĐBSCL đã được thảo luận và triển khai ở Việt Nam. Tuy có vài mô hình đã được thực hiện, nhưng theo ý tôi, vẫn chưa có một mô hình nào có thể gọi là "vừa ý" cho từng khu vực địa hình/ khí hậu khác nhau bởi vì, một mô hình lý tưởng không những phải hội đủ các yếu tố như nhu cầu, sở thích, rẻ, bền, và đẹp mà còn phải phù hợp với điều kiện thiên nhiên và giá trị nhân văn truyền thống của vùng ĐBSCL. Một trong những yếu tố quan trọng cần phải nghiên cứu cẩn thận là hệ thống sinh thái và điều kiện thủy học của sông Cửu Long và hệ thống kinh rạch chằng chịt trong vùng.

Mô hình căn nhà lý tưởng cho nông dân vùng ĐBSCL cần phải rút tỉa kinh nghiệm của kiểu nhà "ba gian hai chái" và phải thỏa mãn những nhu cầu căn bản trong công việc đồng áng cũng như trong sinh hoạt hằng ngày. Thêm vào đó, sẽ là những tiện nghi để nâng cao mức sống theo đà phát triển chung. Quan trọng nhất là làm sao tận dụng nguyên vật liệu có sẵn tại chỗ hoặc trong nước mà không ảnh hưởng tai hại đến môi sinh. Tôi tin rằng chúng ta sẽ tìm được một mô hình nhà ở lý tưởng cho nông dân vùng đồng Bằng Sông Cửu Long.

06/2007

Nguyễn Trần Đạt, sinh 1959 Mỹ Tho, học sinh Chasseloup Laubat, đến Mỹ 1987, tốt nghiệp Đại Học Cal Poly (CPU) Pomona và MS in Architecture & Landscape Architecture UCLA. Hiện làm việc cho Caltrans. Nhiều lần trở lại viếng thăm ĐBSCL và rất quan tâm tới vấn đề nhà ở cho nông dân ĐBSCL phải thường xuyên "chung sống với lũ lụt."

SÔNG MEKONG QUA THỜI GIAN

TÂM BÌNH

THỜI HOANG DÃ 1866-1868

Đã 140 năm kể từ ngày nhóm thám hiểm Pháp khởi hành từ Sài Gòn, ngược dòng sông Mekong đi tìm một thủy lộ giao thông với Trung Quốc. Qua các tài liệu của Louis Delaporte / Francis Garnier, The Mekong Exploration Commission Report, mới đây với Milton Osborne với "River Road to China 1866-1873" chúng ta thử tìm về con sông Mekong thời hoang dã.

Mối quan tâm từ Sài Gòn: Năm 1860, tuy Pháp đã thiết lập được nền bảo hộ ở Sài Gòn, nhưng cuộc sống những người Pháp ở đây đã chẳng sáng sủa gì. Một số người tỏ vẻ bất mãn về giá trị thương mại của thuộc địa Nam Kỳ lúc đó nên muốn tìm tới một triển vọng làm ăn khá hơn. Họ bắt đầu quan tâm tới khả năng khai thác con sông Mekong. Năm 1865, ước muốn khám phá sông Mekong hầu như được chấp nhận rộng rãi từ giới chức thuộc địa Nam Kỳ lẫn phía bên Pháp. Và kết quả đã đưa tới sự hình thành một đoàn thám hiểm. Đoàn gồm sáu người, tuổi trẻ rạng rỡ và có học thức, sống giữa thế kỷ 19 - thế kỷ của chịu đựng và khắc kỷ.

Doudart de Lagrée, 42 tuổi, trầm tĩnh, tốt nghiệp trường Bách Khoa, sĩ quan hải quân, trưởng đoàn. Francis Garnier, đam mê sôi nổi, phó đoàn. Louis Delaporte, sĩ quan hải quân, 24 tuổi họa sĩ ký họa. Clovis Thorel và Lucien Joubert không chỉ là hai bác sĩ, Thorel là nhà nghiên cứu thực vật còn Joubert giữ vai trò chuyên viên địa chất. Louis de Carné, người trẻ tuổi nhất được nhập đoàn với tư cách đại diện bộ ngoại giao Pháp. Họ khởi hành từ Sài Gòn, bắt đầu một sứ mạng mà Đô đốc hải quân Pháp Paul Reveillère cho là: "Có tầm vóc xứng đáng với đam mê của thế kỷ."

Sambor ghềnh thác đầu tiên trên đất Miên:

- Năm 1866: ngày 05 tháng 06, đoàn rời Sài Gòn trên một chiến hạm võ trang, đi Kompong Luong, đến thăm Angkor trước khi tới Nam Vang. Ngày 07 tháng 07, đoàn rời Nam Vang đi Kratié theo hướng đông bắc. Trước mắt không xa là thị trấn Sambor với một vùng ghềnh thác đầu tiên, rõ ràng không thể vượt qua bằng tàu. Họ phải cần tới hai ngày để chuyển đồ từ tàu lên bờ rồi chất xuống những chiếc thuyền nhỏ không có động cơ, sức đẩy chỉ là do người chèo chống, và rồi họ cũng tới gần được chân thác Sambor. Bây giờ là giữa tháng 7 đang mùa lũ, con sông trải rộng tới hàng dặm, nước dâng cao thêm năm mét, ngập hết cồn bãi, chỉ còn thấy nhô lên từ mặt nước là những chòm cây vật vã trong gió. Sức nước thì chảy siết, thuyền chậm chạp nhích tới bằng sức kéo của đoàn người đi dọc theo bờ sông. Chẳng còn thấy giới hạn đâu là bờ bãi, đâu là dòng chính, chỉ thấy những đoạn nông sâu thật bất chợt. Không có cả bãi nghỉ, đoàn phải ở lại trên thuyền qua đêm không ngủ trong sấm sét và mưa bão. Qua bao nguy hiểm, cuối cùng họ cùng vượt qua được 50 cây số thác ghềnh để tới được Stung Treng. Tại đây trong khi Lagrée trưởng đoàn muốn thám hiểm phụ lưu Se Kong, thì Garnier lại chọn cuộc phiêu lưu khá kỳ cục là xuôi trở lại theo con thác bên phía hữu ngạn với hy vọng tìm cho được thủy lộ an toàn đi từ thị trấn Sambor tới Stung Treng. Để rồi chính Garnier ý thức được rằng chẳng có tàu bè nào có thể vượt qua được con thác Sambor ấy. Khi Garnier trở lại được Stung Treng thì cuộc hành trình đã kéo dài gần hai tháng, và bao nhiêu hy vọng ban đầu gần

như tiêu tan. Nhưng họ vẫn tiếp tục cuộc khảo sát và tiến tới. Trong không khí chẳng mấy lạc quan ấy, thì Garnier và Joubert bắt đầu ngã bệnh. Không phải kiết lỵ mà là bệnh "sốt rừng," trong khi Joubert may mắn hồi phục trong mươi ngày thì Garnier bị hôn mê kéo dài suốt ba tuần lễ. Cho dù Garnier trong tình trạng tính mạng bị đe dọa, Lagrée quyết định tiếp tục cuộc hành trình. Bốn ngày sau đoàn tới gần chân thác Khone và cũng là ngày Garnier bắt đầu tỉnh lại nhưng sức khỏe thì suy kiệt với tóc rụng da bong và chân trái hầu như bị liệt. Garnier chỉ thực sự hồi phục sáu tháng sau bằng tất cả sức mạnh của ý chí và lòng ham sống.

Thác Khone, một thử thách trên đất Lào: Họ đã nghe nói tới thác Khone, đó là một chuỗi những ghềnh và thác trải dài gần 14 cây số đan móc vào với nhau từ bờ bên này tới bờ kia. Cảnh tượng thật ngoạn mục với vang ầm tiếng nước đổ sủi bọt tung tóe trên các ghềnh đá. Qua chuyến thám sát sơ khởi, Lagrée nhận định không thể nào di chuyển theo dòng chính, các con thác cao nhất thì ở bờ phía tây, chỉ còn bờ phía đông là khả dĩ đoàn có thể dùng thuyền nhỏ di chuyển. Sức mạnh của con nước có thể thấy rõ từ chân thác với xác chết của cá và cả cá sấu từ trên cao bị cuốn đập vào những khe đá. Đoàn men theo bờ đông tiến một cách chậm chạp ngược dòng nước chảy siết; và phải mất hơn một ngày trời để vượt một đoạn đường chỉ có vài dặm để tới được đảo Khong phía trên con thác.

Cho tới giai đoạn này, ngoài sự quyết tâm, lòng can đảm và sức chịu đựng của đoàn thám hiểm, hình như họ vẫn chưa chịu chấp nhận một sự thật là con sông Mekong không thể là một thủy lộ để trao đổi thương mại giữa Nam Việt Nam và Trung Hoa.

- Năm 1867: ngày 02 tháng 04, đoàn tới Vạn Tượng, chứng kiến dấu vết tàn phá của người Thái trong quá khứ trên thủ đô tráng lệ này; nhưng riêng ngôi chùa Phật Wat Phakeo của hoàng gia vẫn còn đó, ngọc xá lợi đã bị lấy mất, có lẽ bị đưa về Thái Lan. Họ tới thăm That Luong, ngôi đền nổi tiếng nhất của Vạn Tượng được dựng lên từ thế kỷ 16 — là niềm hãnh diện và cũng là biểu tượng của nước Lào.

Ngày 04 tháng 04, đoàn rời Vạn Tượng, trở lại với đường sông đi Luang Prabang. Hơn 150 cây số dọc theo con sông là đồi núi trắc trở không có ngả vào, con sông thu hẹp lại với những thác ghềnh chạy giữa những khe núi đá và nếu vào mùa lũ thì vô phương di chuyển. Bây giờ đang còn là tháng 4 mùa khô, di chuyển cũng đã chậm chạp và khó khăn, chỉ trông vào sức người kéo. Ròng rã suốt ba ngày họ chỉ mới nhích tới chưa được 20 cây số với giày dép thì rách bươm do bờ sông đầy sỏi đá nhưng rồi cuối cùng đoàn cũng tới được Chiang Khan. Đoàn cũng đang tiến gần tới vùng ảnh hưởng của người Anh. Sang đến ngày 23 tháng 04, đoàn lại phải đối đầu với một khúc ghềnh thác khác. Một lần nữa họ lại phải rỡ đồ xuống khỏi thuyền để có thể tiếp tục cuộc hành trình cho dù vô cùng chậm chạp. Nhưng rồi cuối cùng họ cũng tới được Luang Prabang, một thị trấn đang phát triển về thương mại, được bảo hộ bởi cả nước Thái Lan và Việt Nam. Sau bốn tuần lễ lưu lại thị trấn này, sinh lực của đoàn như được hồi phục nhưng đồng thời con đường trước mặt là đầy những bất trắc.

Cửa vào Trung Quốc: Từ ngày rời Sài Gòn, đoàn hầu như bị cô lập với mọi nguồn tin tức. Họ chỉ nghe nói có phong trào người Hồi nổi loạn dai dẳng ở Vân Nam; nay nếu đoàn tiến vào vùng tranh chấp ấy với giấy thông hành của triều đình Bắc Kinh thì quả là điều thiếu khôn ngoan. Và đoàn đã để ra hai tuần lễ chuẩn bị ngày lên đường với số hành trang thật tối thiểu. Ngày 25 tháng 05, đoàn rời Luang Prabang đi Chiang Kong. Sau hơn năm tháng gian khổ tưởng như đến kiệt sức, ngày 18 tháng 10 đoàn thám hiểm qua được biên giới Trung Hoa. Sau 15 tháng rời Sài Gòn, có lẽ họ là nhóm người Âu đầu tiên thành công vào "đất hứa Trung Hoa" qua ngả biên giới này. Cả đoàn cảm thấy nhẹ nhõm cho dù tình hình tại địa phương cũng không sáng sủa gì: vụ người Hồi giáo nổi loạn vẫn còn, lại thêm bệnh dịch tả đang hoành hành khắp Vân Nam.

Phải mất ba tuần lễ nữa, đoàn tới Côn Minh, đó là thị trấn lớn nhất mà họ đặt chân đến từ ngày đoàn rời Sài Gòn. Tại đây cũng là lần đầu tiên họ được gặp lại đồng hương là linh mục Potteau và phái đoàn truyền giáo Pháp.

- Năm 1868: ngày 08 tháng 01, đoàn rời Côn Minh. Sức khỏe của Lagrée lúc này suy xụp đến mức phải cáng đi theo đoàn; di chuyển thật chậm chạp trên khung cảnh cao nguyên trơ trọi đầy gió lạnh. Mãi tới tuần lễ thứ ba, với chặng cuối đi bằng đường sông, đoàn tới Hội Trạch/ Hui tse. Tại đây bằng những cố gắng phi thường,

Lagrée vẫn gắng gượng ngồi dậy để tiếp xúc với giới chức địa phương với tư cách trưởng đoàn. Cùng một lúc bị sốt rét và bệnh kiết lỵ gây biến chứng ápxe gan, gần như kiệt sức, Lagrée phải làm việc với đoàn ngay tại giường bệnh. Lagrée phải nghe theo ý kiến để Garnier dẫn đoàn đi Đại Lý, tiếp tục cuộc khảo sát lên thượng nguồn sông Mekong. Và có lẽ đây là tài liệu cuối cùng mang chữ ký Lagrée với tư cách trưởng đoàn. Bệnh tình Lagrée mau chóng suy xụp và kết thúc bằng cái chết không thể tránh. Riêng Garnier khi tới Đại Lý, đoàn bị vua Hồi từ chối tiếp kiến, đồng thời buộc phải rời Đại Lý ngày hôm sau.

Sau cái chết của Lagrée, cuộc thám hiểm sông Mekong tới đây kể như chấm dứt. Ngày 20 tháng 04, họ xuống thuyền trên một phụ lưu sông Dương Tử, đi Hán Khẩu tới Thượng Hải rồi xuống tàu về Sài Gòn ngày 29 tháng 06 năm 1868 với chiếc quan tài của người trưởng đoàn sau cuộc hành trình đầy gian khổ kéo dài hơn hai năm 24 ngày với kết luận là sông Mekong không thể nào là thủy lộ giao thương từ Nam Việt Nam tới Trung Hoa.

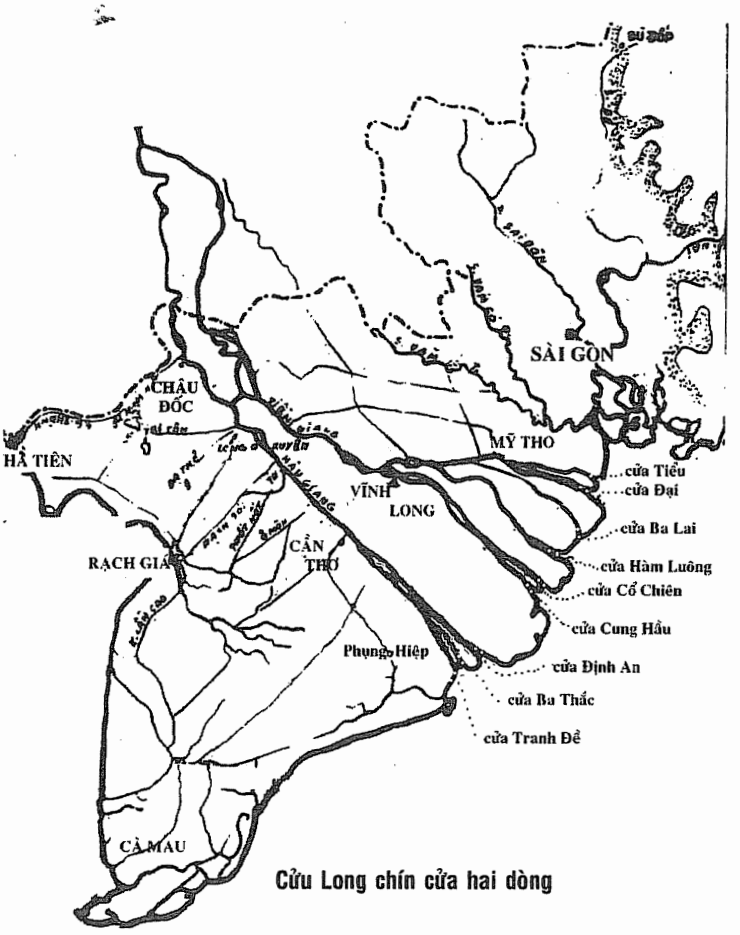

Cửu Long chín cửa hai dòng

MEKONG TRONG CHIẾN TRANH 1968

Một trăm năm sau chuyến đi của đoàn thám hiểm Pháp (1868-1968), giữa cuộc chiến tranh Việt Nam kinh hoàng, ký giả báo National Geographic (12- 1968, Vol 134, No.6) đã xuôi dòng sông Mekong từ Tam Giác Vàng xuống tới ĐBSCL. Sau đây là trích đoạn những trang ký sự của Peter T. White qua chuyến đi ấy.

ĐI TÌM CHÍN CON RỒNG: Việc đầu tiên là tôi khảo sát trên bản đồ. Tiếp đó tôi đi theo một phi cơ quân sự Mỹ bay cao rồi bay thấp trên khắp vùng, nơi mà đầm lầy lau sậy và các cửa sông bùn lầy tiếp xúc với Biển Đông. Tôi đã cố gắng hết sức nhưng chỉ tìm thấy tám con rồng. Sao mà có thể như vậy được khi người Việt nam gọi là Cửu Long? Tôi hỏi ông Tôn Thất Thiện, là Bộ trưởng Thông Tin. Ông ta cười nói: "Thực sự chỉ có tám nhưng số 8 không phải là con số hên. Phải là số 7 hoặc 9 và do đó chúng tôi đã tìm ra một cửa sông nữa nhưng rất nhỏ và hẹp chỉ dài ngót hai chục cây số nên tôi chắc anh sẽ chẳng buồn khi không tìm ra nhánh sông đó." Dĩ nhiên là tôi không buồn vì còn rất nhiều điều liên quan tới con sông Mekong mà người ta hy vọng có thể tìm thấy được – trong một tháng, trong một năm, trong cả một đời người.

Nước từ nguồn tuyết tan từ 16 ngàn bộ trên cao nguyên Tây Tạng. Người Tây Tạng gọi tên con sông là Dza-Chu có nghĩa là Nước của Đá. Con sông đổ xuống phía nam qua những hẻm núi hoang vắng tỉnh Vân Nam với tên Lan Thương có nghĩa là con sông cuồng nộ. Và suốt hơn 1100 dặm khúc sông thượng nguồn này thuộc quyền thống trị của Bắc Kinh và dĩ nhiên họ không muốn có người Mỹ dòm ngó tới. Do đó tôi đã phải giới hạn cuộc hành trình từ vùng tam biên Miến-Thái-Lào, được coi như giới hạn phía bắc của vùng Hạ lưu sông Mekong.

Đây là khúc sông Mekong 1500 dặm trong cả chiều dài 2600 dặm, là con sông dài thứ 11 của thế giới và là con sông lớn nhất Đông Nam Á. Ba phần tư lưu lượng nước ấy là do mùa mưa đổ xuống từ vùng Hạ lưu. Trải qua hàng ngàn năm, đời sống cư dân nơi đây và những cây lúa của họ đã thích nghi với nhịp điệu của con sông Mekong với hai mùa mưa nắng.

Có hai lý do khiến tôi không bao giờ quên được tầm quan trọng của vùng Hạ Lưu Sông Mekong.

Thứ nhất là cuộc chiến tranh. Tôi đã thấy nó dữ dội ra sao nhất là ở Nam Việt Nam. Thầm lặng hơn nhưng cũng không kém chết chóc là trận chiến tranh ở Lào với những người Mỹ dân sự yểm trợ cho mấy chục ngàn lính quốc gia đối đầu với lực lượng nổi dậy do quân Bắc Việt hỗ trợ. Riêng Thái Lan, nạn khủng bố đã gia tăng cùng với xâm nhập của Cộng quân qua con sông Mekong. Với Cam Bốt tự coi như trung lập cũng không tránh khỏi sự xâm nhập của vũ khí. Cư dân sống trong vùng cảm thấy bị vây bủa vì cuộc chiến tranh mà diễn tiến của nó ra sao thì lại được quyết định bởi Hoa Thịnh Đốn, Mặc Tư Khoa hay Bắc Kinh.

Thứ hai, hy vọng về một giải pháp cho Đông Nam Á, mở ra hứa hẹn có một không hai trong bối cảnh hòa bình: đó là *Dự án Phát triển sông Mekong*. Mục đích là đem lại sự thịnh vượng trong vùng, nơi mà 80% dân cư vẫn sống bằng nghề nông, đa số nghèo khổ suy dinh dưỡng và bệnh tật. Đó là kế hoạch xây những con đập dọc theo các phụ lưu và cả trên dòng chính sông Mekong. Chưa có nơi nào trên thế giới mà lại được hoạch định phát triển kinh tế vùng ở mức độ lớn lao đến như thế.

HỢP TÁC ĐỂ CHẾ NGỰ DÒNG SÔNG: Kể từ 1957, phái đoàn của bốn nước này đã cùng nhau làm việc trong Ủy Ban Sông Mekong dưới quyền giám sát của LHQ. Dần dà dự án sông Mekong trở thành hiện thực. Nhóm kỹ sư và khoa học gia đến từ Âu châu, Bắc Mỹ và Á châu. Tới năm 1961 nhóm khảo sát chủ yếu là người Nhật đã chọn những khúc sông có thể xây đập. Các nhà lãnh đạo của 24 quốc gia – mà người náo nức nhất là Tổng thống Mỹ, cùng đồng ý đầu tư khoản tiền cần thiết lên tới nhiều tỉ đôla.

Buổi sáng hôm đó từ thủ đô Vạn Tượng chúng tôi lên đường dưới một bầu trời xanh, con sông Mekong trong mùa mưa đẫm những phù sa màu nâu óng ánh. Đây là khúc sông biên giới giữa Thái và Lào. Chúng tôi đổ bộ lên bờ phía Thái Lan, khoảng 15 dặm phía bắc Vạn Tượng. Bờ sông dốc và trơn trợt. Chúng tôi dừng lại ở độ cao 280 bộ trên mặt sông, một bảng hiệu ghi dấu địa điểm của đập Pa Mong, nơi Lỗ Khoan 108. Những chuyên viên người Thái năng nổ làm việc với chiếc dàn khoan Thụy Điển, tiếng nổ ồn ào, họ lấy ra được những thỏi đá hình trụ. Mabbott nói: "Đó là các mẫu đá phù sa (siltstone), phải gói dán lại ngay trong sáp nóng nếu không thì sẽ vỡ rữa. Chúng tôi sẽ gửi sang Denver, để phân tích. Anh không thể vẽ đồ án con đập nếu chưa nắm vững về địa chất." Rồi tới phần địa hình. Khi nghe Mabbott trình bày thêm thì tôi hiểu tại sao dù với bao nhiêu tiền của thế giới đổ về thì con đập Pa Mong cũng không thể hoàn tất một cách vội vã. Phẩm chất của đá sẽ xác định chiều cao và sức nặng mà con đập có thể chịu được. Một diện tích rộng lớn phải được khảo sát để tính lượng nước có thể lưu trữ ở những độ cao khác nhau. Những yếu tố này sẽ qui định hình dáng độ dày và sức mạnh của con đập.

Mabbott vẽ một phác thảo. "Pa Mong ở độ cao 325 bộ so với lòng sông sẽ chứa được 3.4 ngàn tỉ bộ khối nước / *cubic feet*. Bây giờ chúng ta có thể nâng độ cao lên 360 bộ, cho lượng nước chứa lên tới 3.7 ngàn tỉ, gấp hai lần rưỡi đập Hoover của Mỹ. Cũng có thể chúng ta nâng độ cao lên tới 390 bộ..."

"Chúng tôi ước chừng sẽ có giải đáp vào khoảng năm 1971." Rồi ba năm vẽ đồ án, sáu tới tám năm để xây đập, thêm 10 năm nữa trước khi nhà máy điện có thể đạt được toàn công xuất. Tổng cộng phải hơn 20 năm! Và cần một tỉ đô la, chưa kể phí tổn về thủy lợi.

Trở về Vạn Tượng thấy các công trình xây cất đang mọc lên. Tôi cứ mải suy nghĩ và muốn biết là người Lào liệu có hạnh phúc hơn không nếu cứ để cho họ sống cuộc đời giản dị bên bờ con sông Mekong ấy? Tôi hỏi Oukeo là thành viên Ủy Ban Sông Mekong. Anh nói: "Dân Lào chúng tôi bản chất vui tươi, không nhiều tham vọng như các ông, ngay cả khi đói họ cũng không than van nữa." Anh tiếp: "Dân số Lào thì đang giảm dần, cứ 10 đứa trẻ thì có sáu hay bảy đứa chết. Không có viên chức Lào nào mà lại vui cho được với tình trạng như vậy. Do đó Kế Hoạch Sông Mekong quan trọng biết chừng nào!"

Từ Vạn Tượng xuống tới Cam Bốt, con sông

Mekong chảy xuôi thêm 525 dặm, trong đó có 415 dặm là biên giới thiên nhiên giữa Thái Lào, nhưng không phải là đường ngăn chặn bọn khủng bố hay vũ khí được cất dấu trong những thuyền bè qua lại. Đối nghịch lại với một bối cảnh bất an như vậy, các dụng cụ đo đạc đặt hai bên bờ con sông Mekong vẫn tiếp tục thu thập các dữ kiện cho Ủy Ban Sông Mekong. Người ta lấy các mẫu chất lắng, đo mức thủy lưu và mức lên xuống cao thấp của dòng sông.

Xuống tới Nam Vang, thủ đô Cam Bốt với 600 ngàn dân, thành phố lớn nhất bên bờ sông Mekong. Nơi bến sông, là một cung điện. Cảnh trí hùng vĩ khi nhìn về *Quatre Bras* nơi bốn nhánh sông tụ lại. Vào mùa mưa do nước sông Mekong dâng cao, con sông Tonle Sap đổi chiều chảy ngược vào Biển Hồ. Khi mùa mưa chấm dứt vào tháng 11, con sông lại xuôi dòng trở lại. Tôi tới thăm khu đền đài Angkor, đó là một quần thể những thành lũy lâu đài đẹp tinh tế và vĩ đại, một kiệt tác phẩm của con người một thời trong vùng Hạ lưu Sông Mekong.

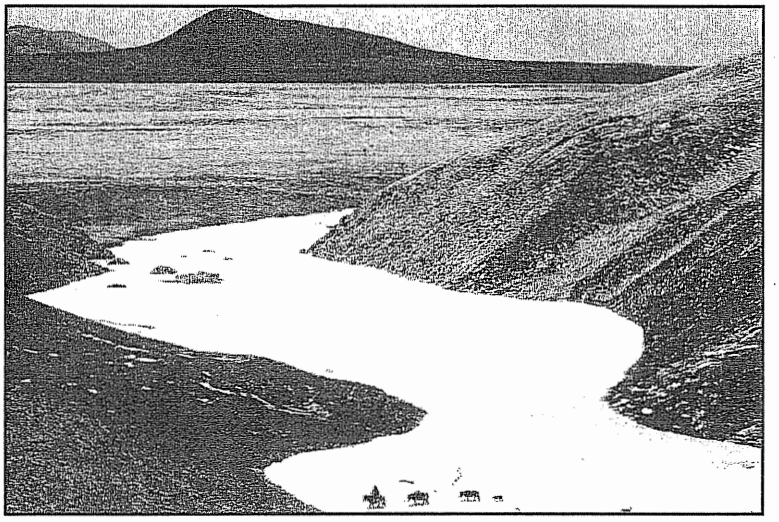

Mekong trên cao nguyên Tây Tạng (Hình National Geographic)

NHỮNG CON ĐẬP HỨA HẸN: Đập Pa Mong và Nam Ngum [Lào], Sambor và Stung Treng [Cam Bốt], những dự án này đều được điều hợp từ Bangkok và là trụ sở của ECAFE của LHQ. Một kỹ sư Đài Loan nói: "Khi chúng tôi khởi sự năm 1957 thì ai cũng cười. Anh làm được gì khi thiếu dữ kiện? Anh có bao nhiêu nước? Dân số ra sao? Chúng tôi dự đoán nhiều điều và nay cũng khá gần với thực tế. Đập Pa Mong đang trở thành một hiện thực. Không còn ai cười chúng tôi nữa."

Pa Mong, Stung Treng, Sambor: làm sao có thể hoạt động đồng thời và tận dụng tối đa con sông Mekong? Làm sao thiết kế để cùng đem lại hiệu quả. Hệ thống điện toán IBM đã hoạt động. Chuyên viên Mỹ và Pháp đang hướng dẫn cho các thảo chương viên Thái và Lào. Các nhà kinh tế đang khảo sát kỹ tường trình của các nhà địa chất. Nhiều chuyên viên rất quan tâm là các đập sẽ ảnh hưởng trên môi sinh ra sao?

Chặng chót tôi tới Nam Việt Nam. Một người Mỹ cho tôi biết về viễn cảnh của vùng ĐBSCL. "Đó là nơi mà Việt Cộng kiểm soát và có ảnh hưởng. Với 5500 dặm chiều dài những mạng lưới sông rạch, thật khó khăn để mà hành quân nơi đó." Chánh phủ Nam Việt Nam gọi đó là Vùng 4 Chiến thuật, một diện tích lớn hơn Hòa Lan, khoảng 6 triệu dân với nhiều tôn giáo đặc thù của vùng châu thổ. Theo những chuyến bay quân sự tôi đã thấy những cảnh tượng khá kinh hoàng: cả một vùng xanh phẳng mênh mông đan giữa nhưng kinh rạch lớn nhỏ, giống như trong một mạng nhện khổng lồ. Cảnh đồng quê thì trụi lá vì thuốc khai quang; khắp nơi đầy những hố lớn nhỏ do bom B-52 hay đạn trọng pháo. Ủy Ban Sông Mekong đang làm gì ở đây? Giải quyết một vấn đề xưa cũ là có quá nhiều nước. Hay đổi dòng những con kinh lớn để có thể thoát nước vào vịnh Thái Lan và giải quyết đất bị úng thủy. Giải pháp này đã có hiệu quả thời đế quốc Phù Nam xưa. Giải pháp nào cũng nhằm giảm thiểu độ xâm nhập của nước mặn từ Biển Đông. Trong mùa khô khi lưu lượng con sông Mekong xuống thấp, nước mặn có thể lấn vào tới nửa phần châu thổ. Nhưng bây giờ thì chẳng có kế hoạch nào được thực hiện khi mà sự di chuyển của viên chức chánh phủ và người ngoại quốc hoàn toàn bị hạn chế.

Ngày cuối cùng, tôi xuôi dòng một con kinh trên chiếc thuyền máy. Chúng tôi hướng về Hàm Luông nơi nhánh con sông Mekong đổ ra biển. Những đàn cá nhỏ nhảy lên rồi ngụp xuống trông giống như những con cá heo tí hon.

Thuyền máy của chúng tôi tạo nên những sóng lớn như muốn làm chìm chiếc thuyền tam bản nhỏ của một cặp vợ chồng già. Tôi bảo thuyền máy dừng lại và nói lời xin lỗi với ông ta. Tôi hỏi chúng tôi có làm ông sợ không? Ông nói: "Tôi sợ khiếp đến bao hồn vía bay đi đâu mất." Ông già giải thích: "Nơi đây chúng tôi tin đàn ông có bảy vía còn đàn bà thì có chín vía. Tôi không thể giảng cho ông là tại sao nhưng chúng tôi tin là như vậy."

Tôi vẫy chào từ biệt. Và trong lòng thầm ao ước có một ngày nào đó người Việt khỏi phải sợ hãi thần linh trên con sông Cửu Long, cả đám cư dân vùng Đông Nam Á sẽ có được hạnh phúc. Liệu ngày đó có tới không? Tôi thì muốn tin là sẽ có một ngày như vậy.

MEKONG TRONG THỜI BÌNH 1993

Hai mươi lăm năm sau Peter White (1968-1993), một của ký giả khác báo National Geographic (02- 1993, Vol.183, No.2) đã thực hiện một chuyến xuôi dòng sông Mekong trong thời bình. Sau đây là trích đoạn những trang ký sự của Thomas O'Neill qua chuyến đi ấy.

Mục đích của tôi là đi suốt theo chiều dài sông Mekong. Con sông bắt đầu đâu đấy trong vùng núi tuyết và kết thúc ở khoảng 2600 dặm nơi vùng biển ấm Nam Hải. Tôi biết rằng đây là một cuộc hành trình dài và khó khăn.

Để tới được nơi đây, tôi đã phải băng qua hàng ngàn dặm trên một chiếc xe Jeep nhà binh cũ từ Tây Ninh / Xining, thủ phủ của tỉnh Thanh Hải / Qinghai Trung quốc. Những con đường thô sơ gập ghềnh leo cao, cao lên mãi tới 15 ngàn bộ tới không còn một con đường nào nữa ngay biên giới phía bắc của Tây Tạng. Nơi ấy trên một con sông đóng băng. Tôi và nhiếp ảnh gia Mike Yamashita đến dựng lều cạnh đó.

Đám người du mục mời chúng tôi sang lều họ. Tôi gặp Meiga, và người vợ là Daji, tóc để dài trang sức với vỏ sò và những mảnh kim loại, thêm sáu đứa con và cả người anh vợ tuổi đã cao móm hết cả răng.

Chúng tôi hỏi Meiga về cội nguồn con sông Mekong. Anh vừa nhúm thêm lửa bằng những miếng phân bò khô vừa nói: *"Có hai nguồn, một từ núi cao trên đỉnh băng giá; không có một ai được đặt chân tới đó, còn một nguồn thì ở phía sau ngọn núi thiêng."*

Hôm sau, người và ngựa chúng tôi tới được một ngọn đồi cô quạnh hình tháp nhọn. Meiga bảo: "Đây là ngọn núi thiêng," anh ta moi từ chiếc túi bên hông ngựa một bó giấy màu có in những dòng kinh Phật. Anh reo vui tung cao những trang kinh và hân hoan nhìn chúng cuốn theo chiều gió. Và cũng đến lượt tôi hân hoan reo hò khi chúng tôi tới được phía sau ngọn núi và thấy một dải băng dài cỡ 300 thước Anh có hình thù thất lại như thứ đồng hồ cát. Nghiêng cúi xuống mặt nước đá, tôi có thể nghe tiếng nước chảy róc rách. Đó là chính những âm tiết đầu tiên của con sông Mekong. Và tôi cũng khám phá ra rằng, tôi và Mike là những nhà báo Tây phương đầu tiên được nghe thấy những âm thanh ấy.

TRUNG QUỐC VỚI SÔNG LAN THƯƠNG: Từ nguồn, con sông Mekong chảy ngót một nửa chiều dài trên lãnh thổ Trung Quốc, rồi qua Miến Điện, đi xuống các nước Lào, Thái, Cam Bốt và Việt Nam. Chết chóc và khổ đau như là định mệnh của vùng đất ấy. Con sông Mekong vẫn như còn tự do và hoang dã, vẫn di chuyển với nhịp độ của thuở xa xưa: mùa mưa, mùa nước lũ, với con nước tô bồi đất đai và nuôi sống những người dân quanh đó. Nhưng đồng thời tôi cũng khám phá ra rằng tình hình đang có những đổi khác. Sau nửa thế kỷ của bom đạn, đây cũng là lần đầu tiên trong vùng im tiếng súng. Các chánh phủ bấy lâu vẫn cô lập cùng với đám dân chúng nghèo khổ của họ, thì nay bắt đầu mở cửa biên giới, tìm đầu tư ngoại quốc để phát triển. Con sông Mekong có vai trò trong đó, nó sẽ bị khai thác biến đổi, hết còn hoang dã, cũng kéo theo sự thay đổi của đám dân cư sống trong vùng.

Khúc sông Mekong bị mất hút khoảng 500 dặm. Các viên chức Trung Quốc cấm chúng tôi đi xuyên qua Tây Tạng và một phần ba phía bắc tỉnh Vân Nam. Họ bắt chúng tôi phải đi vòng, sau này tôi mới hiểu được rằng họ không muốn người ngoại quốc chứng kiến những địa điểm đóng quân hay những phong trào chống đối có thể bộc phát ra ở trong vùng nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày Trung Quốc chiếm đóng Tây Tạng.

Khi bắt đầu đi tiếp cuộc hành trình từ phần đất Vân Nam, tôi mới nhận ra rằng thật khó mà đi dọc theo dòng sông Mekong. Không có đường sá để đi tới đó. Có vài con đường mòn tới gần con sông nhưng thường là kết thúc trên bờ vực nhìn xuống con nước chảy xiết. Chúng tôi chạy xe theo những con đường hẹp bao quanh bởi các lũy tre. Người tài xế đôi khi phải chạy chậm

lại khi gặp những người thợ săn đi chân đất với súng kíp băng qua.

Rồi bất chợt hiện ra trước mắt chúng tôi là bức tường thành kiên cố cao 35 tầng nhô lên từ lòng con sông chạy giữa hai ngọn núi. Phía trước và sau là chằng chịt các giàn gỗ với li ti hình dáng những công nhân đang xây cất đập. Với những ống dẫn nước cao 40 bộ đục qua khe núi, dòng sông trông thuần lành như con chó bị cột xích đưa vào ống dẫn để rồi bất chợt thoát ra vẫy vùng sủi bọt khi không còn bị giam hãm. Đây là con đập Mạn Loan sẽ hoàn thành vào năm 1995 với dự trù sẽ cung cấp 1,500 Mega-watts cho các khu mỏ và kỹ nghệ Vân Nam. Wan Long, viên giám đốc công trường nói: "Con sông này giống như khu hầm mỏ giàu có với lưu lượng nước khổng lồ." Trong khoảng ba thập niên tới Trung Quốc hy vọng xây thêm tám đập nữa trên sông Mekong để tạo sức bật phát triển cho các vùng kém mở mang như hiện nay. Các đập chứa sẽ trải ra như những bậc thềm khoảng 300 dặm từ biên giới Hoa-Lào ngược lên phía bắc.

Mekong qua hẻm núi Vân Nam (Hình National Geographic)

QUA KHU TAM GIÁC VÀNG: Rời khỏi lãnh thổ Trung Quốc, tới khu Tam Giác Vàng, từ đây con sông Mekong lao về hướng đông, sâu trong các khu rừng rậm cao nguyên nước Lào và mang vẻ hoang dã trở lại. Vương quốc Lào có diện tích bằng nước Anh nhưng dân số chỉ có 4 triệu rưỡi người sống nghèo nàn cô lập trong các vùng núi non và rừng rú rậm rạp.

Từ 1975, Lào bị cai trị bởi đảng Cộng sản Pathet Lào và gần đây có chủ trương theo một đường lối bớt cứng rắn. Khúc sông tiếp giáp với biên giới Thái được mở trở lại; với quy chế mậu dịch tự do và cho phép nhận đầu tư từ nước ngoài.

Một trong số ít nơi trên con sông Mekong mà nhà nước Lào cho phép tôi được thăm viếng là bờ sông phía bắc với vô số những tượng Phật trong hang Pak Ou cách cố đô Luang Phrabang 22 dặm về phía bắc. Khoảng 100 dặm xuống xa hơn nữa là thủ đô Vạn Tượng, với dân số khoảng 125 ngàn. Đa số nhà cửa chỉ có một tầng. Theo dọc con sông vào những buổi sáng, hàng đoàn thuyền nhỏ di chuyển trên sông giữa Vạn Tượng và bến cảng Nong Khai phía Thái. Cảnh sinh hoạt như vậy bắt đầu từ năm 1989 khi có chính sách mậu dịch tự do. Và rồi chiếc cầu Mittaphap nối liền hai nước sẽ được hoàn thành vào năm 1994. Các chuyên gia thì tin rằng một thứ mà Lào có thể bán ra ngoại quốc là thủy điện. Ủy Ban Sông Mekong đã đưa ra kế hoạch xây cất bốn đập thủy điện khổng lồ trên sông Mekong. Đập Pa Mong cách 12 dặm về phía bắc Vạn Tượng, là dự án đầu tiên được cứu xét với ngân khoản chi phí lên tới 2.8 tỉ MK. Hồ chứa của đập sẽ dìm trong đáy nước một vùng đất đai và nhà cửa của 60 ngàn dân cư. Một viên chức Lào trong Ủy Ban Sông Mekong cho tôi biết là: "Chưa có một quyết định nào về con đập Pa Mong. Thật khó cho chúng tôi khi phải xuất cảng nông phẩm hay gỗ nhưng cũng thật dễ dàng để xuất cảng điện để chúng tôi có thêm ngoại tệ."

Con sông Mekong rời khỏi Lào bằng một đoạn ghềnh thác mạnh mẽ sủi bọt rất ngoạn mục có tên là Thác Khone chạy dài khoảng 6 dặm.

KHÚC SÔNG QUA NHỮNG CÁNH ĐỒNG CHẾT: Khi chảy vào lãnh thổ Cam Bốt, con sông Mekong mất vẻ căng thẳng hùng vĩ mà trải rộng mênh mông từ hai tới ba dặm chiều ngang. Cảnh trí bằng phẳng, lại được cộng thêm các nhánh sông Kong, San, Srepok, Krieng làm

tăng thêm lưu lượng nước cho dòng sông. Mùa mưa đã qua đi, và cũng là bắt đầu mùa trồng trọt. Cá bắt đầu di chuyển về hướng bắc hàng năm. Từ trong làng, những đàn ông đàn bà lội xuống nước vợt cá bằng những chiếc lưới tay. Những con cá nhỏ ánh bạc vùng vẫy trong lưới. Dân làng thích thú la lên: "Bây giờ thì cả cua và ếch cũng ngon hơn trước." Bị cuốn hút vào khung cảnh thiên nhiên ấy, không còn ai nhớ tới súng AK hay cả Khmer Đỏ nữa.

Nam Vang là thành phố có 950 ngàn dân, cũ kỹ và nhếch nhác như như một vật bỏ ngoài mưa quá lâu. Một chiếc cầu gẫy xập trong một trận đánh từ năm 1972 nay vẫn nguyên vậy. Bến cảng với những cần trục hoen rỉ và chẳng có hàng hóa gì để chuyên trở. Từ 1991, chánh phủ hiện tại cũng không còn rêu rao tự nhận là Cộng Sản nữa và đã có những dấu hiệu thay đổi. Ông hoàng Sihanouk được dân chúng yêu mến cũng đã trở lại hoàng cung. Một chiếc tàu hàng lớn của Tân Gia Ba bỏ neo để đưa vào những chiếc xe hơi mới của Nhật. Tại khách sạn Cambodiana mới xây, các doanh nhân từ các xứ Á châu khác đổ tới đây để tìm cơ hội làm ăn.

VIỆT NAM VỚI CHÍN CON RỒNG SÁNG: Vào tới Việt Nam, con sông bắt đầu trở nên thật phong phú, gồm hai nhánh chính mà người Việt gọi tên là Sông Tiền và Sông Hậu, cả hai chảy qua một vùng châu thổ rộng khoảng 15,500 dặm vuông, mênh mông và ẩm thấp, tại đây con sông lại chia thêm nhánh, gồm bảy nhánh chính trước khi đổ ra Biển Đông. Còn hai nhánh nữa đã bị lấp khuất từ nhiều năm nhưng người Việt nam vẫn giữ con số 9 như con số hên nên vẫn gọi là Cửu Long.

Còn vô số những sông lạch chằng chịt, chiều dài của thủy lộ này lên tới 2000 dặm, gần bằng chiều dài của chính con sông Mekong. Việt Nam là quốc gia đông dân nhất Đông Nam Á và khoảng 1/5 của dân số 70 triệu sống trong vùng ĐBSCL, đứng hàng thứ ba trên thế giới về xuất cảng lúa gạo.

Sáng hôm sau tới được Tràm Chim, được bảo trợ bởi Hiệp Hội Bảo Tồn Hoa Kỳ. Ở đây tôi đã thấy được một số kết quả trong nỗ lực phục hồi ấy. Cùng đi với tôi là nhà nghiên cứu chim Võ Quý thuộc đại học Hà Nội. Chiếc ghe của chúng tôi đi lách giữa những lùm lau sậy rậm rạp, gây động khiến những con diệc xám hốt hoảng phải cất cánh tung bay. Võ Quý chỉ vào một đàn vịt đang bay qua trên đầu, rồi vểnh tai lắng nghe tiếng con chim bói cá. Tôi phải thốt lên: "Thật tuyệt đẹp." Võ Quý bảo nếu tôi trở lại đây trong vòng hai tháng nữa, tôi có thể thấy những đàn hạc bay tới từ hướng đông, đó cũng là đàn di điểu cuối cùng của vùng Đông Nam Á. Bấy giờ có hàng ngàn những con sếu đầu đỏ sống trong Tràm Chim, hàng ngày đi kiếm thức ăn chủ yếu là cá. Võ Quý còn nói thêm: "Với người Việt, thì giống hạc là biểu tượng cho tuổi thọ."

Từ Cà Mau, tôi chỉ còn cách biển khơi khoảng 35 dặm. Ban đầu tôi muốn được ra biển bằng một con tàu nhổ neo từ Cần Thơ nhưng tôi đã bị chính quyền từ chối. Bây giờ thì tôi thử thực hiện dự định ấy nhưng là khởi đi từ Cà Mau. Người thông dịch và cũng là người canh chừng tôi, chuẩn bị chiếc thuyền gỗ chạy bằng một máy kéo. Chúng tôi đi xuyên qua khu rừng U Minh, đã trơ trụi trong thời chiến tranh; được trồng trọt lại nhưng nay lại trơ trụi vì vô số thuyền bè tới đây để đốn củi. Xa hơn về phía nam, từng mảng rừng bị đốn quang, và người ta đào hào để nuôi tôm: loại tôm xú lớn sản xuất không đủ để cung cấp cho Nhật Bản.

Đi về phía Năm Căn, tôi ngửi thấy mùi muối trong không khí và cả nếm thấy vị mặn trong những hạt nước nhỏ tung tóe nơi đầu mũi thuyền. Trước khi ra biển, dừng lại trước đồn công an kiểm soát, bốn viên công an bước xuống thuyền cho biết chúng tôi không được đi tiếp và cũng không giải thích tại sao. Tôi bất bình nhưng không ngạc nhiên. Du hành trên sông Mekong ngay từ chặng đầu tiên đã là chuyện rủi may. Nước nào cũng hạn muốn hạn chế người Tây phương tới với con sông Mekong. Họ cảm thấy bất an khi con sông dũng mãnh ấy như không thể kiểm soát được.

Trở về Cà Mau vào buổi chiều tà, với những con dơi lớn bay trên nền trời xám. Những con diệc kiếm ăn đêm thì bay về phía những đồng lầy. Chẳng mấy chốc chúng tôi lại chen lách trở lại giữa đám ghe thuyền của những người đi đánh cá, đốn củi, người đi họp chợ và cả các em học sinh: tất cả lại cùng chan hòa vào nhịp điệu thân thuộc bấy lâu của con sông Mekong.

MEKONG THỜI ĐỔI MỚI 2002

Chín năm sau Peter White (1993-2002), tác giả Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch đã thực hiện một chuyến xuôi dòng sông Mekong trong thời đổi mới. Sau đây là trích đoạn những trang

ký sự của Ngô Thế Vinh qua chuyến đi ấy.

Trung Quốc là một đất nước vĩ đại được hiểu theo nhiều ý nghĩa. Chỉ riêng tỉnh Vân Nam cũng đã lớn hơn Việt Nam, diện tích 394,000 km2 dân số chỉ có 35 triệu, so với Việt Nam dân số đông hơn gấp đôi.

Từ cửa máy bay nhìn xuống, Côn Minh mang vóc dáng của một thành phố lớn Âu Mỹ.

Ở cao độ 2,000 mét trên mặt biển, từ một Côn Minh cũ kỹ, bụi bặm và cả rác rưởi thì nay là một Côn Minh rất khác. Đường rộng và đẹp với những vồng hoa tươi đủ màu. Sự sạch sẽ trên các đường phố là điều đáng ngạc nhiên. Đi thăm thủ phủ Côn Minh, thăm cả một vài góc phố hiếm hoi của một Côn Minh cũ với những căn nhà mái cong mang nhiều dấu vết rêu phong của thời gian. Không xóa hết, có lẽ đây là phần người ta còn muốn giữ lại như một tương phản giữa truyền thống và canh tân.

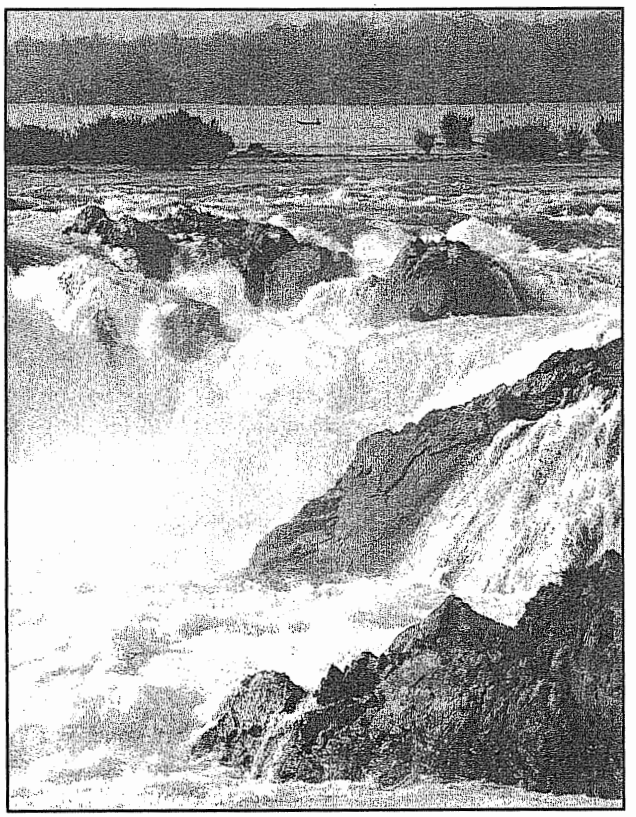

Mekong qua thác Khone, Lào. (Hình National Geographic)

Thời gian của chuyến đi Vân Nam thì hạn hẹp, với mục đích rõ ràng là đến với khúc thượng nguồn con sông *Lan Thương*.

Qua câu chuyện trao đổi với người tài xế, được biết Wu người gốc Hán tốt nghiệp đại học 4 năm, là giáo viên dạy toán, một vợ một con nhưng lương ít. Với cơ hội của một Trung Quốc mở cửa, Wu bỏ nghề giáo chuyển sang nghề lái taxi, lại có vốn liếng tiếng Anh nên có thể đồng thời hướng dẫn du khách. Wu tự tin, bày tỏ mạnh dạn về các vấn đề chánh trị và xã hội của Trung Quốc. Chẳng hạn: Đài Loan dứt khoát là một tỉnh của Trung Quốc, không còn gì để phải tranh cãi. Mao Trạch Đông thì vẫn được kính trọng. Đặng Tiểu Bình được nhân dân Trung Quốc biết ơn vì mở ra một thời kỳ phát triển và thịnh vượng cho nước Trung Hoa. Thế còn chủ tịch Giang Trạch Dân? Cũng vậy thôi, ông ta quá mềm yếu nhất là với Mỹ khiến nhân dân Trung Quốc giận dữ. Không quá ngây thơ để không nghĩ rằng những tài xế taxi hay hướng dẫn du lịch lại chẳng liên hệ gì tới công an, do đó tôi chỉ đưa ra những câu hỏi hồn nhiên chứ dứt khoát không để mở ra cuộc tranh luận.

Đêm đầu tiên ở Vân Nam, nhìn ra từ tầng lầu 9 của khách sạn Holiday Inn, trước mắt là cả một *"Côn Minh rực sáng"* dĩ nhiên với nguồn điện từ con đập Mạn Loan, đập thủy điện đầu tiên trong chuỗi 14 con đập bậc thềm trên khúc thượng nguồn sông Mekong. Côn Minh ngày nay như biểu tượng phát triển của Vân Nam, nhưng bằng cái giá nào phải trả cho cư dân nơi ĐBSCL và các quốc gia hạ nguồn thì vẫn còn là một ẩn số.

CON ĐẬP LỊCH SỬ: Mạn Loan là con đập thủy điện lớn đầu tiên của Vân Nam với công suất 1,500 Megawatt nằm ngay khúc giữa con sông Lan Thương. Phải nói là con đập Mạn Loan đã đóng một vai trò quyết định trong kế hoạch điện khí hóa, kỹ nghệ hóa, đô thị hóa cả một vùng tây nam Trung Quốc từ kém phát triển đã mau chóng tiến kịp và sánh vai với các tỉnh trù phú miền đông và đông bắc.

Tháng 5 năm 1986, công trình đập Mạn Loan được khởi công và việc đổi dòng con sông Mekong được hoàn tất vào tháng 10 năm 1987. Con đập cao tới 99 mét chắn ngang khúc sông giữa hai ngọn núi với bức tường thành cao tới 35 tầng. Đơn vị phát điện đầu tiên bắt đầu sản xuất điện từ ngày 30 tháng 6 năm 1993 và chỉ hai năm sau đó, ngày 28 tháng 6 năm 1995, tất

cả 5 đơn vị phát điện cùng hoạt động đúng theo như giai đoạn 1 của dự án.

Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây một sự kiện đáng ghi nhớ và gây nhiều tranh cãi là vào giữa năm 1993, xảy ra *một hiện tượng được coi là bất thường:* mực nước con sông Mekong phía hạ lưu đột ngột tụt thấp xuống mà không vào mùa khô, chỉ lúc đó người ta mới được biết là Trung Quốc đã xây xong con đập Mạn Loan và đó là thời điểm bắt đầu lấy nước từ con sông Mekong vào hồ chứa và họ cũng chẳng thèm thông báo gì cho các quốc gia dưới nguồn. Sau biến cố đó phải nói là càng ngày càng có mối lo âu về ảnh hưởng của chuỗi đập bậc thềm Vân Nam. Mối quan tâm đó càng ngày càng gia tăng do nguyên nhân thiếu hẳn nguồn thông tin cung cấp bởi Trung Quốc.

Thiết kế và xây dựng xong con đập Mạn Loan đầu tiên được kể là *"một hoàn tất có tính cách lịch sử"*, đã khiến cho Phân bộ Điện lực Vân Nam thấy rõ tiềm năng thủy điện phong phú của con sông Mekong là rất phù hợp cho những nhà máy thủy điện khổng lồ khác có công suất lớn với mạng lưới dẫn cao thế. Tiến tới xây dựng thêm các đập thủy điện bậc thềm trên sông Mekong là tạo sức bật cho các bước phát triển kinh tế và xã hội không chỉ riêng cho tỉnh Vân Nam mà còn hoàn tất một *"chiến lược chuyển điện từ Vân Nam tới các tỉnh khác của Trung Quốc."*

Ngày thứ ba ở Vân Nam đã thực sự là một ngày đáng ghi nhớ. Buổi sáng sớm khởi hành từ Côn Minh để đi khoảng 500 cây số đường bộ về hướng nam, đi về nơi hoang dã để tìm kiếm một địa danh mà chính người tài xế hướng dẫn cũng chưa hề đặt chân tới.

Ra khỏi Côn Minh đi theo Con Đường Tốc Hành về hướng tây. Đây là một xa lộ mới rất tối tân nối Côn Minh với cổ thành Đại Lý. Là một con đường ngoạn cảnh thật đẹp với núi đồi và thung lũng một màu xanh, qua các làng mạc với những căn nhà tường gạch đỏ mái xám cong, thỉnh thoảng lại vượt nhô lên nóc của một ngôi thánh đường Hồi giáo. Vân Nam rồi Tân Cương vẫn là những tỉnh có đông người gốc Hồi giáo người Hán gọi họ là *Hui* có gốc gác từ thế kỷ thứ 13 khi quân Mông Cổ xâm lăng Trung Quốc, với thường xuyên những cuộc nổi dậy, họ được coi là cội nguồn bất an của Trung Quốc.

Chạy khoảng hơn 150 km trên *Con Đường Tốc Hành* về hướng Đại Lý, sau đó xe rẽ sang quốc lộ 214 đi về phương nam, hướng tới con đập Mạn Loan.

Trên đường về hướng nam, mỗi khi tới một ngã ba, Wu phải dừng xe để hỏi đường. Dân địa phương có người không biết đến tên Mạn Loan, có người biết thì cũng không rõ ở đâu. Xe chạy qua những làng mạc, những thửa ruộng lúa chín vàng. Mỗi gia đình nay được sở hữu một khoảnh ruộng riêng, chẳng cần thi đua bình bầu nhưng ai cũng làm hết sức mình. Xây được nhà mới, có thêm được chiếc tủ lạnh hay TV hay không là do chính bàn tay tạo dựng của họ.

Trẻ con thì ăn mặc lành lặn cắp sách tới trường đi học, không có cảnh trẻ đi chân đất như ở ĐBSCL. Trai hay gái thì tôi hiểu rằng đây là *"những đứa con độc nhất"* trong mỗi gia đình. Mà người Trung Quốc như từ bao giờ, vẫn thích đông con. Kiểm soát dân số để phát triển, cưỡng chế cả 1.2 tỉ người Trung Quốc "mỗi gia đình chỉ có một con" không phải là điều dễ làm nếu không phải là một nhà nước toàn trị.

Đến xế trưa, được kể là qua được một nửa chặng đường, đoạn đường tương đối dễ đi. Bây giờ mới là lúc xe leo đèo, trước mặt chỉ còn là một con đường "độc đạo", cứ hết lên triền cao lại xuống lũng sâu. Đường thì hẹp nhưng xe nào cũng muốn thênh thang chạy giữa con lộ, như không hề biết có xe ở phía trước, nhưng khi đối đầu nhau rồi thì chỉ còn là gang tấc. Yếu bóng vía mà lại còn nhìn xuống lũng sâu thì chẳng còn bụng dạ nào để muốn đi tiếp cuộc hành trình chưa biết bao giờ sẽ tới ấy.

Như Đi Về Nơi Hoang Dã, chỉ thấy một màu xanh um của những khu *rừng mưa* trên các triền núi và cũng hiểu vì sao ít có người dân Vân Nam biết tới con đập Mạn Loan. Những cột điện thật lớn với hàng dây cáp cao thế giăng qua những sườn núi là dấu hiệu cho thấy chúng tôi đã tới gần con đập. Vẫn còn những đoạn đường vỡ mà chiếc xe phải vất vả vượt qua. Xe chạy qua một thác nước nhỏ rào rào đổ xuống từ triền núi cao, những hạt bụi nước trắng chỉ đủ làm ướt mặt con lộ. Từ đây, nhìn xuống thung lũng chạy giữa hai dãy núi là thấy cả một hồ chứa lớn của con đập Mạn Loan phản chiếu ánh nắng lấp lánh. Còn quá xa để nhìn thấy chi tiết đâu là con đập.

Qua một làng núi nhỏ, xe bắt đầu đổ dốc theo một con đường hẹp để đi vào một thung lũng. Ngăn cách bởi những bụi rậm, nhưng khi nghe tiếng nước rì rào chảy là biết tới gần dòng

sông. Rồi con sông hiện ra, nhìn ngược dòng chảy tuy còn khá xa nhưng đã có thể thấy được bóng dáng của con đập.

Còn phải qua một cây cầu sang bên tả ngạn mới thực sự đi vào khu công trường của nhà máy thủy điện Mạn Loan. Ngay nơi đầu cầu là một cột mốc lớn với 2 hàng chữ :

Yunxian – Manwanzhen [Vân Huyện – Mạn Loan Trấn]. Hai bên đường là những căn nhà nhỏ, nhà ở xen lẫn vài tiệm tạp hóa và mấy quán ăn. Nơi cổng vào có trạm lính canh, trên bức tường thành là một bảng hiệu uy nghi với hai hàng chữ Hán và Anh sáng chói "Yunnan Manwan Power Generating Co. Ltd". Nơi mặt tiền là những tòa nhà công sở nhiều tầng lớn khang trang; sâu hơn vào phía trong là câu lạc bộ công nhân, khu cư xá nhân viên gồm những tòa nhà 3-4 từng trên lưng đồi. Có cả một nhà nghỉ điều hành như khách sạn dành cho cho khách vãng lai. Wu không gặp khó khăn gì để thuê 2 phòng trong khách sạn, phòng trên lầu 4, qua cửa sổ phía sau có thể nhìn xuống một khúc sông Mekong.

Không biết sẽ được lưu lại nơi đây bao lâu, tuy còn rêm mình sau một chặng đường dài nhưng tôi vẫn bảo Wu lái xe đưa chúng tôi đi một vòng. Trong ráng chiều, ánh sáng không phải là lý tưởng cho những bức hình đẹp nhưng với tôi thì đây là cơ hội hiếm hoi và duy nhất để thu hình con đập – một nơi mà trước khi đi, tôi không nghĩ là có thể đặt chân tới. Xe chạy dọc theo bờ sông bên hữu ngạn, khoảng 4-5 giờ chiều có lẽ vào giờ nghỉ nên khá vắng, cơ hội là khoảng trống ấy, nên tôi đã chụp hình rất nhanh và tối đa các *landmarks* của khu đập Mạn Loan. Bên một bờ sông cao, phía dưới là dòng sông nước chảy, tôi cố gắng tới gần nhất chân con đập.

Tôi hiểu rất rõ một điều là cho dù với Trung Quốc đã mở cửa nhưng bản chất vẫn là *"một nhà nước toàn trị."* Vẫn có những hạn chế về thông tin và truyền thông trong đó vấn đề thu thập các hình ảnh, nhưng mức độ nghiêm ngặt tới đâu thì cũng rất biến thiên tùy theo thời gian, địa điểm và nhân sự, phải kể cả sự may mắn của mỗi nhà báo. Chính thức không được chụp hình là các căn cứ quân sự rồi tới các hải cảng, phi trường, nhà ga và cả những cây cầu trọng điểm. Với con đập thủy điện như Mạn Loan thắp sáng cả Vân Nam, được quân đội bảo vệ, hiển nhiên phải được coi như một căn cứ quân sự chiến lược.

Biết là như vậy nhưng chính những con đập thủy điện, những cây cầu trên khúc sông Mekong nơi thượng nguồn với tôi lại là mục tiêu chính của chuyến đi Vân Nam lần này. Nên ngoài hành lý rất gọn nhẹ, hành trang chính là hai chiếc máy hình với rất nhiều phim vận tốc cao. Cũng phải kể thêm cả sự lạc quan nhưng đồng thời cũng chuẩn bị cho những tình huống tệ hại nhất: có thể sẽ ra về với tay không và cả những hệ lụy có thể xảy ra với những gán ghép thì sẽ rất hàm hồ. Với hai cuộn phim, tôi nghĩ là đã tạm đủ cho những giờ đầu tiên đến với con đập Mạn Loan ấy.

Trở lại khách sạn, được chỉ đường tới Câu Lạc Bộ Công Nhân, nơi chúng tôi có thể dùng bữa ăn chiều. Khu nhà ăn tập thể sạch sẽ khang trang. Vào giờ ăn, công nhân hay kỹ sư, tất cả đều rất trẻ và ngồi chung bàn; sự khác nhau về nghề nghiệp có thể nhận ra được trên nét mặt của họ. Thêm một người bước vào phòng ăn, tay cầm một chiếc tô bằng sắt tráng men trắng, khuôn mặt trẻ ánh mắt thông minh với cặp kính cận.

Như một *flashback,* chiếc tô bằng sắt tráng men đi lãnh cơm bỗng chốc gợi lại cho tôi cảm xúc của những ngày tù cải tạo ở quê nhà, cũng ba năm chứ ít sao. Tôi bảo Wu nên ra ngoài kiếm một quán ăn nhỏ nào đó dưới phố.

Đó là một quán không bảng hiệu, chỉ vỏn vẹn có mấy chiếc bàn và ghế gỗ nhưng phía sau nhà là nhìn sâu xuống một bãi cát và nước con sông Mekong. Con sông vẫn rì rào chảy, nhưng không còn cuộn sóng và như kiệt sức sau khi bị giam hãm trong hồ chứa và rồi chảy qua những *turbines* khổng lồ 675 tấn của con đập Mạn Loan.

Phía bên kia bờ sông là núi cao với rừng xanh còn phủ kín. Mặt trời bắt đầu khuất sau đỉnh núi. Lại một hoàng hôn khác trên sông Mekong.

TỪ MẠN LOAN TỚI ĐẢNG ỦY CÔN MINH: Bề ngoài thì như bình thản, nhưng tôi không cảm thấy an tâm để lưu lại lâu hơn trong khu vực Mạn Loan và có quyết định rời Mạn Loan sáng sớm hôm sau. Wu thì lại quá nhiệt tình nghĩ rằng có thể tổ chức cho chúng tôi vào thăm bên trong nhà máy vì nghe nói vẫn có những *tour* có hướng dẫn như vậy.

Sau bữa sáng nơi một quán ăn ngay trước cửa cơ quan, mà chủ nhân là người Hồi giáo. Tôi và Wu trở vào khu hành chánh Mạn Loan,

tới được nơi cần tới. Cô trưởng phòng khi biết khách thăm là người ngoại quốc thì cô yêu cầu đợi để hỏi ý kiến cấp trên. Mươi phút sau thì một bà mặc áo ngắn, dáng khắc khổ, mà tôi nghĩ là *phòng tổ chức* bước vào nói chuyện khá lâu với Wu. Bà cho biết những chuyến tham quan như vậy là cho khách nội địa. Vì đây là lần đầu tiên có khách ngoại quốc, bà ta yêu cầu chờ để lên xin ý kiến của Đảng ủy. Wu đã đẩy tôi vào một tình huống thật khó xử và quả thật là thiếu khôn ngoan để dấn thân vào một *"guồng máy"* bất trắc như vậy. Bà phòng tổ chức vừa bước ra, tôi lấy cớ bảo Wu là sẽ không đủ thì giờ cho thêm một chuyến viếng thăm, nhưng rồi cả hai chúng tôi được giữ lại và yêu cầu chờ. Thật là tiến thoái lưỡng nan, tôi vẫn cố giữ vẻ thản nhiên nhưng cảm giác thì cứ như *"gái ngồi phải cọc"* và đồng thời phải chuẩn bị cho tình huống phải trả lời vô số những câu hỏi.

Thời gian như chậm lại, nhưng rồi bà phòng tổ chức cũng trở lại, lần này thì rất lịch sự bà nói chuyện trực tiếp với tôi qua thông dịch của Wu. Rằng Đảng ủy Mạn Loan không trả lời là không, nhưng nếu có lý do thăm viếng chính đáng tôi phải xin phép Đảng ủy Phân bộ Điện lực từ Côn Minh. Bị khước từ nhưng lại cảm thấy nhẹ nhõm, vì với *red tape* ấy, với hệ thống quan liêu giấy tờ ấy, tôi có thể rời Mạn Loan mà không gặp phiền hà và cũng không hề có ảo tưởng là sẽ trở lại thăm Mạn Loan bằng một giấy phép chính thức của Đảng ủy Côn Minh.

NƠI XÂY ĐẬP CẢNH HỒNG: Tới Cảnh Hồng, từ phi trường Banna về khách sạn cho dù "3 sao" cũng chỉ gặp toàn người nói tiếng Hoa. Phải chờ cho tới buổi chiều khi gặp được cô *manager*, có lẽ người Hồng Kông biết chút tiếng Anh, chúng tôi mới có thể liên lạc với một hãng du lịch. Bên kia đầu dây là Oliver, nói tiếng Anh như một người Hoa sinh đẻ ở Mỹ. Chỉ nửa giờ sau, hắn đích thân tới làm việc với chúng tôi ngay tại phòng khách sạn và cùng hoạch định chương trình cho ba ngày tới: bằng thuyền máy chúng tôi sẽ ngược dòng sông Mekong lên tới địa điểm xây đập Cảnh Hồng, lên thăm một khu cư dân sắc tộc, ngày hôm sau bằng xe tới với các con đập thủy điện phụ lưu dọc theo con sông Cát Vàng, thăm giang cảng Tư Mao và có thêm cả một buổi mai lưới cá trên sông Mekong. Chủ yếu là tới với sinh cảnh của con sông Mekong và những con đập.

Sau Côn Minh, lại thêm một ngạc nhiên nữa khi tới thị trấn Cảnh Hồng. Chỉ mới 5 năm gần đây thôi từ 1998, một Cảnh Hồng cũ đã bị san bằng để thay thế bằng một thành phố hoàn toàn mới, với khách sạn nhiều tầng, các cửa hàng bách hóa, có cả thư viện và nhà sách lớn, với những con đường trải nhựa rộng với hai hàng cây xanh và dĩ nhiên là đông đảo người gốc Hán từ các nơi đổ tới. Một năm sau đó 1999, cây cầu mới lộng lẫy Cảnh Hồng do Công ty Xây dựng Cầu đường Thượng Hải hoàn tất như một điểm nối quan trọng của mạng lưới giao thông thuộc Lưu Vực Lớn Sông Mekong. Cây cầu cũ của Liên Xô xây từ 1977 như một sản phẩm kỹ thuật hạng hai, nay bất khiển dụng chỉ dành cho xe đạp và người đi bộ.

Buổi sáng sớm, khi mặt trời chưa lên, chiếc ghe máy đã chờ chúng tôi nơi khúc sông Mekong gần cây cầu Cảnh Hồng. Chỉ mới ba tuần lễ trước đây thôi, những cơn mưa lớn Vân Nam đã gây lụt lội và làm chết 12 người. Nay mực nước đã lại xuống thấp, những khối đá lớn nhỏ ven sông đã lại trồi lên. Sông sâu nhưng cũng phải thông thuộc nếu không có thể vỡ ghe vì va vào những tảng đá ngầm. Chiếc ghe máy chạy ngược dòng sông về hướng bắc, nơi sẽ xây con đập thủy điện Cảnh Hồng. Nước sông đỏ màu phù sa, vẫn chảy xiết với cả những vùng nước xoáy. Nhìn những búi cỏ rác khô và cả những túi rác ni lông đủ màu còn vướng trên những cành cây cao mới thấy được đỉnh lũ phải cao hơn mực nước hiện nay từ 3 tới 4 mét. Những túi ni lông chưa bị phân hủy, cũng để thấy rằng con sông Mekong đang là cống rãnh của các chất phế thải kỹ nghệ và cả rác rưởi của tiện dụng gia cư.

Con sông vẫn chảy xiết giữa hai bên là núi cao lại thưa thớt dân cư; những hẻm núi cao dốc ấy là địa hình lý tưởng để mà xây thêm xây thêm những đập thủy điện. Dự án đập Cảnh Hồng 1,500 MW đã có cùng thời với con đập Mạn Loan, dự trù sẽ được khởi công vào năm 2005. Dù vào thời điểm nào, thì sớm muộn chuỗi đập Bậc Thềm Vân Nam trên dòng chính sông Mekong cũng sẽ được Trung Quốc từng bước hoàn tất do những lợi lộc vô hạn đem lại và sẽ không có thế lực nào có thể cản trở được họ. Điều ấy là chắc chắn.

Bây giờ mới tận mắt thấy xuôi dòng sông Mekong là những con tàu lớn chở hàng từ cảng Tư Mao xuống tới tận bắc Thái và Lào. Vào tháng 4 năm 2001, Trung Quốc đã ký một thỏa

hiệp về thủy vận trên sông Mekong nhưng chỉ với ba quốc gia Miến Điện, Thái và Lào với kế hoạch vét lòng sông, cả dùng cốt mìn chất nổ phá tung những khối đá trên các đoạn ghềnh thác, các đảo nhỏ trên sông để khai thông mở rộng đường sông cho tàu lớn trọng tải từ 500-700 tấn có thể di chuyển từ cảng Tư Mao xuống Chiang Khong Chiang Sean xuống thẳng tới Vạn Tượng. Trong khi Việt Nam và Cam Bốt là hai quốc gia cuối nguồn, trực tiếp chịu ảnh hưởng của kế hoạch ấy thì bị gạt ra ngoài. Hậu quả ra sao thì chưa ai lượng giá được nhưng chắc chắn nhịp độ thiên nhiên điều hòa của dòng chảy sẽ bị rối loạn có ảnh hưởng dây chuyền trên toàn hệ sinh thái sông Mekong.

Mặt trời bắt đầu hồng lên trên đỉnh núi cao nhưng vẫn còn mờ sương. Ngược dòng chảy mạnh, chiếc ghe chạy chậm hẳn lại. Nhưng rồi cũng lần lượt ghé vào từng ghềnh đá nơi có đặt lưới từ qua đêm. Cả thảy 12 chiếc lưới được đặt hai bên bờ ở những khúc sông khác nhau gần nơi sẽ xây con đập Cảnh Hồng. Mỗi chiếc lưới nay được chính tay chúng tôi kéo lên. Mỗi mẻ lưới đều có cá nhưng là những con cá nhỏ, nhỏ hơn cả những con cá lưới được trên khúc sông Vạn Tượng hay nơi khúc sông Tonlé Sap.

Không nói tới những con cá hiếm quý như Pla Beuk, Dolphin nhưng ngay cả những con cá lớn quen thuộc của sông Mekong nay ở đâu? Tôi thì vẫn lạc quan tin rằng còn quá sớm để bảo rằng đó đã là hình ảnh của quá khứ.

CHỈ CÓ MỘT CHỌN LỰA: SỰ PHÁT TRIỂN: Khi chiếc Boeing 777 vừa rời Quảng Châu trên đường trở về Mỹ, không hiểu sao một hình ảnh chẳng có gì đặc biệt lại hiện ra rất rõ nét trong trí tôi lúc đó: một tấm bảng hiệu thật lớn trên một con đường quê an bình của Vân Nam, với một bên là làng mạc, một bên là những thửa ruộng lúa vàng; bên cạnh hình ông già Đặng Tiểu Bình là một hàng chữ ngắn thật lớn: *Chỉ Có Một Lựa Chọn: Sự Phát Triển*. Đó là một thông điệp rất rõ ràng ông Đặng Tiểu Bình gửi tới nhân dân Trung Quốc. Không phải chỉ có phát triển mà phát triển với tốc độ rất nhanh với hình ảnh Trung Quốc bước vào Thế kỷ 21 đang vươn lên như một siêu cường.

Với một số ít người thuộc thế hệ lớn hơn, họ nhìn cái dấu mốc phát triển của Trung Quốc lùi về một thời điểm xa hơn nữa: ngày ông Nixon tổng thống Mỹ đầu tiên tới gõ *"cánh cửa sắt khép kín"* của Trung Quốc để gặp được chủ tịch Mao Trạch Đông mở ra một kỷ nguyên mới cho nước Trung Hoa.

Phải chứng kiến sự đổi thay mau chóng của cả một vùng tây nam kém phát triển như tỉnh Vân Nam, không phải chỉ ở những thành phố, dấu hiệu của phát triển và xây cất còn thấy rất rõ cả ở *"những thị trấn giữa đường"* hai bên quốc lộ. Ruộng lúa thì xanh mơn mởn. Điện tới được cả những căn nhà ở vùng rất hẻo lánh trên các rẻo cao và không phải là không thường gặp trước mỗi hiên nhà ấy một đĩa bắt sóng mới biết trong nhà đã có TV.

Không phải đi theo *Tour Route* để bảo rằng đó là những hình ảnh mà nhà nước Trung Quốc muốn phô trương. Nói chung, từ thành thị tới thôn quê là hình ảnh những người dân Trung Quốc mặc lành lặn và no đủ. Lo được điều cơ bản ấy cho 1.2 tỉ dân mà vẫn cứ phát triển, đó phải được kể là một kỳ công nhưng có thể lý giải được vì họ: có chất xám của trí tuệ, có kỹ thuật cao, có lực lượng lao động cần cù và chịu khó, có kỷ luật dù tự nguyện hay không trong một chánh quyền toàn trị, có lòng tự hào và yêu đất nước Trung Hoa của họ.

Hiển nhiên đất nước ấy không thiếu những khiếm khuyết như bất cứ xã hội nào khác, nhưng trải qua bao kinh nghiệm bi thương của rất nhiều máu và nước mắt, người dân

Trung Quốc ngày nay đã đứng vững trên hai chân của họ để đi về tương lai.

Từ Trung Quốc, nhìn về Việt Nam nhỏ hơn cả tỉnh Vân Nam, một đất nước đang vỡ ra từng mảnh, nhìn về Hoa Kỳ ngoài sức mạnh quân sự nhưng ngày càng cô lập và mất quyền lãnh đạo thế giới, cứ theo lẽ thịnh suy, thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Trung Quốc. Ở mỗi thời kỳ, mỗi dân tộc sẽ phải cam chịu hay có một số phận xứng đáng với sự lựa chọn và cách sống của họ.

06/2007

Tham Khảo:

1/ A Pictorial Journey on the Old Mekong. Louis Delaporte/ Francis Garnier. The Mekong Exploration Commission Report (1866-1868)-Vol 3, White Lotus Press 1998

2/ River Road to China, The Mekong River Expedition 1866-1873. Milton Osborne, Atlantic Monthly Press, New York 1975

3/ The Mekong River of Terror and Hope. Peter White, W.E. Garett. National Geographic, Vol 134. No 6, Dec 1968

4/ The Mekong River. Thomas O'Neill, Photographs by Micheal S. Yamashita. National Geographic, Vol 183. No 2, Feb 1993

5/ Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch. Ký sự Ngô Thế Vinh. Văn Nghệ Mới xuất bản 2007

NGÔ NHÂN DỤNG

Hồ Chí Minh: Tội nào nặng nhất?

Trong thời gian đi Nga và Ba Lan gần đây, tôi được nghe nhiều câu chuyện chế nhạo Hồ Chí Minh, mà những người Việt đã sống ở Hà Nội hay kể với nhau từ những năm 1950, 60 tới giờ. Những chuyện cười ở miền Bắc thường rất sâu, sâu và hiểm. Nhiều người gọi tên ông ta là Minh Râu, nghe mãi mới hiểu đó là ông Hồ. Có nhà văn kể chuyện một anh tên là Hinh, cứ ra đường ra chợ ngẩng mặt lên trời tìm cái gì đó, làm bao nhiêu người hùa theo cũng ra đường ngoảnh mặt lên trời tìm kiếm, mỗi ngày một đông hơn. Cuối cùng đám đông hỏi anh ta tìm cái gì, chính anh ta cũng không biết. Bài văn đăng lên báo, sau mới có người mách ra rằng tên Hinh là do họ Hồ và tên Minh ghép lại, nhà văn và tờ báo đều mang họa!

Nhưng người miền Bắc đã ghét thì thường thù ghét Hồ Chí Minh thâm gan tím ruột, cho nên phần lớn các chuyện cười không có tinh thần bông lơn rí rỏm như dân miền Nam. Anh Tài, bạn tôi đang định cư ở Phần Lan kể tôi nghe một câu chuyện cười ở Chợ Gạo, tỉnh Định Tường sau năm 1975. Có một ông thợ hớt tóc treo tấm biển viết, "Không gì sướng hơn cạo mặt, váy tai." Váy, là đọc trại chữ "ngoáy," theo lối người miền Nam. Đó chỉ là một giòng quảng cáo. Nhưng khi công an nhìn thấy hàng chữ đó treo bên cạnh tấm hình ông Hồ thì họ hoảng lên. Sau đó anh thợ hớt tóc biến mất, đến bây giờ cũng chưa ai biết anh còn sống hay đã bị thủ tiêu từ hồi đó rồi. Từ năm 1945 đến nay đã có biết bao nhiêu người bị thủ tiêu theo lối đó.

Đã có bao nhiêu người vì Hồ Chí Minh mà chết? Không kể bà Nông Thị Xuân đã sinh con với Hồ Chí Minh rồi bị thủ tiêu, và em gái bà Xuân, thì con số trực tiếp hoặc gián tiếp chết vì Hồ Chí Minh lên đến nhiều triệu. Cho nên người ta cũng thi đố nhau: Trong số những tội ác của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam, tội nào nặng nhất?

Nhiều người cho việc ông Hồ theo chủ nghĩa Cộng Sản là tội nặng nhất. Tất cả tai họa trùm lên nước Việt Nam suốt từ năm 1945 đến giờ đều chỉ vì có người đem chủ nghĩa Cộng Sản theo lối Stalin về áp dụng ở nước ta. Thực ra thì trong thập niên 1920 – 30, rất nhiều nhà cách mạng Việt Nam đã bị chủ nghĩa Cộng Sản quyến rũ; trong số đó có nhiều người rất đáng kính trọng, từ Nguyễn Thế Truyền đến Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm. Ông Truyền là người đã tổ chức cho nhiều thanh niên Việt Nam từ Pháp đi Nga, sau ông về nước và từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản. Các ông Thâu và Hùm sau lãnh đạo nhóm Cộng Sản Đệ tứ ở Sài Gon. Họ đều là những nhà ái quốc nhiệt thành và hy sinh cả cuộc đời cho lý tưởng. Việc tin theo chủ nghĩa Marx – Lenin không nhất thiết gây nên tội ác nếu người ta giữ được lòng nhân. Vì vậy, nhiều người cho rằng tội nặng nhất của Hồ Chí Minh không phải việc theo chủ nghĩa cộng sản mà là việc xin làm đồ đệ của Stalin, hoàn toàn tuân lệnh Cộng Sản Đệ Tam.

Tội ác này rành rành, không cách nào bào chữa được. Vì trong những năm Hồ ở Nga, đầu thập niên 1920 và lần sau trong thập niên 1930, ông ta chắc chắn đã chứng kiến những thủ đoạn tàn ác của Chúa Đỏ Stalin đối với những đối thủ chính trị của ông ta. Những đồng chí của Lenin như Rykov, Bukharin, Kamenev và Zinoview bị Stalin bắt bớ, hành hạ và đưa ra tòa rồi thủ tiêu cả mạng sống lẫn sự nghiệp chính trị của họ; tất cả Bộ Chính trị thời Lenin đều lần lượt bị Stalin giết để ông ta nắm lấy độc quyền. Hồ Chí Minh chắc chắn phải chứng kiến những cảnh này, thời gian đó những người cộng sản đối lập với Stalin đã hô hoán cho cả thế giới biết.

Việc áp đặt chủ nghĩa cộng sản Xít ta lin nít trên vận vạng dân tộc Việt Nam là một tội ác. Những người đã sống ở miền Bắc đã chứng kiến các thảm họa do chính sách tập thể hóa, đánh tư sản, đấu tố giết người do Hồ Chí Minh chủ trương. Nhưng nhiều người cả hai miền Nam Bắc coi tội đó cũng còn nhẹ hơn tội gây ra cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn từ năm 1959 đến 1975, mà Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm. Những nước bị chia đôi trên thế giới cho hai khối tư bản và cộng sản, chỉ có Bắc Hàn là gây chiến, nhưng cuộc chiến đó ngắn ngủi và sau đó thì họ cũng thôi. Trung Cộng cũng không

dại dột tấn công Đài Loan, dù Tưởng Giới Thạch lúc nào cũng hăm dọa "Quang phục lục địa!" Đông và Tây Đức sống bên nhau cho đến ngày chế độ cộng sản sụp đổ thì thống nhất. Tại sao Cộng Sản Việt Nam phải tấn công miền Nam Việt Nam? Ông Hồ đã đẩy hàng triệu thanh niên vào một cuộc chiến tàn khốc chỉ vì tham vọng cộng sản hóa toàn thể dân tộc Việt và toàn thế giới. Ông theo đúng những chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế khi ông rời Nga về Trung Quốc cuối năm 1924.

Làm chết hàng triệu thanh niên vì một chủ nghĩa sai lầm, vì áp dụng một chế độ tàn ác, ngu dốt, và tham nhũng tràn ngập, đúng là một tội ác lớn. Nhưng nhiều người Việt ở trong nước bây giờ còn thấy một tội ác khác của ông Hồ, một tội lớn hơn nữa. Đó là tội hủy hoại cả nền đạo lý của dân tộc. Bao nhiêu điều nhân nghĩa tổ tiên truyền lại đã bị xóa bỏ, thay thế tất cả các giá trị bằng một lòng trung thành với đảng, tức là trung thành mù quáng trước mệnh lệnh của bọn lãnh đạo đảng. Bọn này sống giả dối, chuyên dùng thủ đoạn gian dối, độc ác, gieo những hạt giống xấu cho cả xã hội. Đó là di sản kinh hoàng nhất mà Hồ Chí Minh đã để lại trên đất nước ta. Chiến tranh chấm dứt, cảnh chết chóc có thể quên đi sau mười năm. Kinh tế suy sụp có thể phục hồi dần dần sau khi chịu thay đổi cho người dân sinh hoạt tự do hơn. Nhưng một nền đạo lý bị tàn phá thì phải vài thế hệ mới tái lập được. Đó là tội ác lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam.

Thánh nhân Hồ

Sở dĩ đem kể chuyện những cuộc bàn luận về Hồ Chí Minh trong mục này, cũng vì vừa có một tờ báo ở khu Tiểu Sài Gòn đăng một bài trong đó tác giả ca ngợi Hồ Chí Minh một cách lố bịch mà người có trí khôn bình thường không thể nào viết được. Một người ký tên là Hà Văn Thủy viết "Bài học khó quên" trên mạng lưới Talavas từ hai năm trước, tuần báo Việt Weekly đã chốp lấy đăng lại mà không xin phép, gây ồn ào trong dư luận người Việt sống ở California. Vì vậy mà mọi người lại có dịp đem cuộc đời của Hồ Chí Minh ra xét lại.

Trong bài đó, tác giả đã viết một câu như sau: " ... người Việt được sự dẫn dắt của Hồ Chí Minh, một danh nhân văn hóa thế giới, một thánh nhân mang tầm vóc Đế Nghiêu, Đế Thuấn!"

Đế Nghiêu, Đế Thuấn là những nhân vật tưởng tượng trong huyền sử Trung Hoa. Đem ví ông Hồ với hai nhân vật tưởng tượng đó, rõ ràng là chỉ có mục đích lừa bịp bằng huyền thoại hóa, thần thánh hóa. Những bạn trẻ mà tôi gặp ở Đông Âu cũng nhiều người nói thẳng rằng nếu nước Việt Nam mà không có ông Hồ Chí Minh "dẫn dắt" thì đâu đến nỗi bị cộng sản cai trị để rơi vào tình trạng nghèo đói bậc nhất trên thế giới trong mấy chục năm trước đây! Rồi bây giờ quay ngược đầu chạy theo tư bản nhưng vẫn cố bám lấy độc quyền, để nước ta đứng hạng chót trong số các nước Á Đông – trừ Bắc Hàn!

Rõ ràng là tác giả Hà Văn Thủy chỉ viết một lời tán tụng như trên theo công thức, chỉ thị hoặc theo đơn đặt hàng. Vì sau khi ca tụng Hồ Chí Minh như vậy, ông ta lại viết những câu hoàn toàn trái ngược!

Trong một đoạn sau đó vài trăm chữ, Hà Văn Thủy muốn tỏ ra mình có tinh thần khách quan, đã viết, "Từng kinh qua thảm họa cải cách ruộng đất ở miền Bắc (*do "thánh nhân" Hồ Chí Minh chủ trương*) nên tôi tán thành cuộc cải cách điền địa ở miền Nam (*dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm*) ... Nông dân miền Nam đạt mức sống trung nông, là điều mà nông dân miền Bắc nằm mơ không thấy! Và quả là tôi thèm muốn tự do báo chí, ngôn luận, lập hội cùng những tự do khác mà thành thị miền Nam được hưởng!"

Ông Hà Văn Thủy nhìn thấy chế độ Ngô Đình Diệm giúp nông dân thành trung lưu, địa chủ trở thành nhà công nghiệp. Còn chế độ Hồ Chí Minh thì lo đấu tố, giết người. Miền Nam tự do hơn miền Bắc, ông cũng thấy thèm. Vậy những công trạng của ông thánh nhân, Đế Nghiêu, Đế Thuấn đó chỉ là dùng một đảng độc tài cướp đoạt những quyền tự do căn bản của người dân hay sao?

Và di sản mà cái ông Đế Nghiêu, Đế Thuấn để lại là những gì? Ông Hà Văn Thủy nói ông ta hiểu tâm trạng của sử gia Keith Talor khi ông này viết rằng đất nước Việt Nam đang "phải chịu đựng một cơ cấu cai trị chuyên chế, thối nát và (phải chịu cảnh) nghèo nàn." Rồi ông Thủy thú nhận ngay rằng, "Đúng là tình hình Việt Nam đang như thế."

Biết cái chế độ nó như thế, tại sao không biết hỏi thêm rằng ai đã dựng lên cái đảng Cộng Sản Việt Nam để họ đưa đất nước đến tình trạng chuyên chế, thối nát và nghèo nàn này? Còn ai vào đó nữa nếu không là Hồ Chí Minh? Đế Nghiêu, Đế Thuấn có mang tội như vậy hay

không?

Xưng tụng Hồ Chí Minh một cách giả tạo, theo chỉ thị hoặc theo đơn đặt hàng, thì dễ lâm vào cảnh bất nhất, tự mình mâu thuẫn với mình. Chính vì còn những người vẫn viết ca tụng Hồ Chí Minh như thế mà chúng ta phải tiếp tục vạch rõ những tội ác của Hồ Chí Minh. Dù trong lòng không ai còn muốn nuôi chút thù oán nào với một người đã chết gần 40 năm mà thi thể vẫn còn bị đám đàn em lợi dụng. Bao giờ bọn cường hào tham nhũng bất lương ngưng khai thác cái xác chết của ông Hồ, chắc lúc đó linh hồn ông mới được yên ổn.

Đạo đức mới của Hồ Chí Minh

Trong bài mới đăng trên, tác giả Hà Văn Thùy viết rằng "... thực tế những giáo điều Mác-Lê đã thấm vào dân (Việt Nam) như một tôn giáo." Viết như vậy, để tác giả biện hộ cho chế độ cộng sản như sau: "Dương cao ngọn cờ tự do tín ngưỡng nhưng tại sao phương Tây không thể tất cái đạo cộng sản đã nhiễm vào dân Việt Nam? ... Vẫn biết tôn giáo là ngu dân tại sao lại không thể tất sự ngu dân của đạo cộng sản? Trong khi trí thức quá hiểu cái lỗi thời, lạc hậu, thậm chí phản tiến hóa của lý thuyết Mác-Lê thì hàng triệu người dân vẫn tin như tin kinh thánh!" Có nhiều điều cần bàn về mấy câu văn trên.

Người viết nói chủ nghĩa cộng sản đã được biến thành một thứ tôn giáo. Sau đó, ông dùng "quyền tự do tín ngưỡng" để bảo mọi người phải tôn trọng "tôn giáo" đó. Và ông khẳng định rằng đa số dân Việt Nam vẫn tin vào chủ nghĩa cộng sản như người có đạo tin vào kinh thánh.

Nhiều đảng viên cộng sản, những người ngày xưa đi theo đảng cộng sản vì tưởng họ đáp ứng cho lý tưởng của mình, cũng theo đảng một cách nhiệt thành như các tín đồ theo một tôn giáo. Các lãnh tụ cộng sản chỉ dùng các kỹ thuật của tôn giáo để mê hoặc dân chúng. Nhưng chủ nghĩa cộng sản vẫn không phải là một tôn giáo, tại sao? Các tôn giáo đều dậy người ta phảo phân biệt thiện và ác. Lý tưởng là phải làm điều thiện. Nhưng không tôn giáo nào cho phép tín đồ làm điều ác để đạt đến điều thiện. Đó là một điều phân biệt tôn giáo với tà giáo. Bao nhiêu xã hội loài người sống lương hảo được với nhau là nhờ đặt trên nền tảng đạo đức đó. Các đảng cộng sản thì không từ một điều ác nào mà không làm. Và họ buộc các đảng viên phải bỏ qua tất cả các quy tắc lương thiện bình thường, làm bất cứ hành động tàn ác nào cũng được, vì nhân danh một cứu cánh xa vời là tiến tới thiên đường của Chủ nghĩa Xã hội.

Chính vì vậy mà đảng cộng sản đã phá hoại tất cả nền tảng đạo đức ở nước ta cũng như tại các nước cộng sản khác. Năm 1951, ông Hồ Chí Minh giảng về đạo đức cho các cán bộ như thế này: "Có người cho rằng đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều." Và ông Hồ đưa ra một hình ảnh cụ thể: "Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân trổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngửng lên trời." (Trích trong sách "*Về đấu tranh vũ trang* ..." nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, năm 1970, trang 255). Nói như vậy là xóa sổ tất cả nền đạo đức cũ của nước ta.

Vậy nền đạo đức mới của Hồ Chí Minh là gì? Trong cuốn "Vì độc lập tự do ..." xuất bản năm 1970, in một bài ông Hồ nói năm 1958, ông nói: "Đạo đức cách mạng của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng *kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*, làm gương mẫu cho quần chúng." (Những chữ in nghiêng ở trong nguyên tác). Trong đoạn cuối bài nói chuyện, ông nhắc lại, "Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm cách cao quý của người cách mạng, đó là tính đảng, tính giai cấp ..." Nhắc đến nhân dân cho đủ lệ bộ, bài học căn bản mà ông Hồ Chí Minh muốn nhét vào đầu các đảng viên là "phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng."

Đó là đầu mối của sự hủy hoại nền văn hóa cổ truyền ở nước ta. Khi người ta đã phải học quy tắc căn bản là "*kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*" ngoài ra không cần biết điều gì khác, vì nền "đạo đức cũ" bị coi là đứng ngược đầu, thì các quy tắc cũ của đời sống hàng ngày đã bị xóa bỏ.

Nhưng khi người ta chỉ cần học "quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng" thì cái đảng ấy như thế nào? Đó là một đảng không từ một việc ác nào mà không làm. Rất nhiều người đi theo chủ nghĩa cộng sản vì được tấm lòng thiện thúc đẩy. Họ mang lý tưởng giải phóng giai cấp công nhân đang bị bóc lột. Nhiều người Việt Nam vào đảng cộng sản vì tin đó là con đường tốt nhất để đánh Pháp, giành độc lập cho tổ quốc. Nhưng sau khi đã bước vào trong guồng máy đó rồi, họ

được học một thứ đạo lý mới, chỉ biết "quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng." Họ đã tự phản bội lý tưởng của họ. Bây giờ, các đảng viên giữ theo đạo đức kiểu Hồ Chí Minh vẫn không dám kêu lên một tiếng khi bọn tham nhũng ăn cắp hàng triệu đô la để đánh bạc, vì vẫn phải tuân hành các quyết định của cấp lãnh đạo đảng! Bọn ăn cắp giữa ban ngày mà không bị trừng phạt, còn ai coi pháp luật và đạo lý ra cái gì nữa?

Giải cơn mê hoặc

Phải công nhận là chế độ cộng sản đã làm hư hoại đạo lý của nhiều xã hội. Muốn biết luân lý nước ta sa sút như thế nào, chỉ cần đọc các tờ báo của công an ở Việt Nam. Họ khai thác thị hiếu độc giả và khai thác những tin tức mà họ có được nhờ đóng vai trò cảnh sát công an, họ đã phơi bầy những cảnh đồi phong bại tục nhan nhản ở nước ta bây giờ.

Nhưng ở Việt Nam có còn "hàng triệu người dân vẫn tin lý thuyết Mác-Lê như tin kinh thánh" như ông Hà Văn Thùy nói hay không? Nói thật, họ có biết chủ nghĩa Mác Lê là cái gì đâu mà tin như kinh thánh? Ngay cả các lãnh tụ cộng sản bây giờ cũng có ai tin ở chủ nghĩa Mác Lê không? Ba xạo cả.

Như vậy thì tại sao họ vẫn nêu danh chủ nghĩa đó ra? Trong thực tế, họ cũng đang từ từ cởi tấm áo khoác đó rồi. Đọc những bản nghị quyết trong những đại hội và hội nghị trung ương gần đây, chúng ta thấy những chữ "chủ nghĩa Mác Lê" càng ngày càng bớt xuất hiện, nếu không phải là đã âm thầm được bỏ vào thùng rác.

Vậy người ta vẫn thuê người viết những bài bảo vệ chủ nghĩa Mác Lê, khuyên các nước Tây phương hãy tôn trọng niềm tin đó như "tôn trọng tự do tôn giáo" để làm gì? Chỉ vì họ muốn bảo vệ một chế độ độc quyền chính trị và độc quyền kinh tế. Nhưng trong lúc làm việc đó, vẫn còn đem tên Hồ Chí Minh ra để ca ngợi thì chỉ làm nhục ông Hồ mà thôi. Ông Hồ đã chết gần 40 năm rồi, đảng Cộng Sản không tha cho, vẫn còn lợi dụng cái tên của ông để mê hoặc những đảng viên già. Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn lợi dụng các đảng viên, cán bộ, dùng hình ảnh ông Hồ để tiếp tục mê hoặc họ. Giống như những tay phù thủy dùng hồn ma mê hoặc, dẫn dụ những người yếu bóng vía. Đã đến lúc phải thoát khỏi cơn mê này, thoát khỏi bàn tay những tên phù thủy giả dạng Mác Lê! Như ông Hà Văn Thùy công nhận, giới trí thức nước ta đã "quá hiểu cái lỗi thời, lạc hậu, thậm chí phản tiến hóa của lý thuyết Mác-Lê." Nếu là một người trí thức và biết như thế, tại sao ông không giúp đồng bào giải độc cơn mê muội, mà lại bênh vực bọn người cố kìm giữ đồng bào trong cơ mê hoặc đó? Lương tâm con người ở đâu?

Chúng ta kính trọng các đảng viên cộng sản suốt một đời hy sinh, họ nghĩ rằng mình đang phục vụ nhân dân, không biết rằng mình đang hy sinh cho một chế độ độc tài chuyên chế tàn hại một nửa nhân loại, mà ngày nay ở một nước xuất phát ra cách mạng vô sản như Nga xô người ta cũng đã rũ bỏ chế độ đó. Nhưng nhóm người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn không tha các đảng viên của họ, vẫn nhân danh họ để kìm hãm không cho nước ta được phát triển bình thường như các xã hội tự do dân chủ khác. Duy trì chế độ độc quyền độc đảng để tiếp tục cùng với giai cấp tư bản đỏ và tư bản ngoại quốc khai thác, bóc lột người dân, cho một thiểu số hưởng thụ. Đến lúc những người đảng viên cộng sản đứng đắn phải làm cách mạng, cùng nhân dân xóa bỏ cái chế độ độc quyền độc hại này đi.

Độc tài là chất độc

Mạng lưới Express ở Việt Nam đăng lại một bản tin hàng ngày theo báo Dân Trí. Một người lái xe "đi công tác" từ thành phố Vinh, Nghệ An, đi tới thị trấn Hưng Nguyên. Xe đang chạy thì gặp cảnh sát công lộ ngăn lại. Tài xế Tăng Hồng Hà đạp thắng, xe chưa kịp ngừng thì anh bị một viên đại úy "tổ tuần tra giao thông" dùng gậy đập vào đầu. Trán chảy máu, người chao đảo, phải đưa vào bệnh viện cấp cứu. Trưởng chi công an huyện Hưng Nguyên nhận là thuộc cấp đã làm sai, phải bị kiểm điểm. Nhưng viên đại úy thì không nhận tội, nói rằng anh chỉ đưa cây gậy lên làm dấu hiệu cho xe ngừng, vô tình gây thương tích. Ý nói: Người lái xe tự đập đầu vào cây gậy của cảnh sát! Có tin được không? Nếu ai tin lời ông Nguyễn Minh Triết nói rằng nước Việt Nam có tự do dân chủ, thì mới tin anh đại úy cảnh sát này.

Tại sao một anh cảnh sát lưu thông lại hung dữ, đánh bể đầu người ta như vậy? Nếu hỏi ông Nguyễn Minh Triết, ông sẽ trả lời rằng anh đại úy cảnh sát này "hành động theo ý riêng," và một hành động như vậy chắc chắn "không phải là điều tốt." Và ông Triết sẽ hứa chính phủ Việt Nam "sẽ có biện pháp thích hợp để xử

lý." Ông có thể còn nói thêm, "Đây là một lỗi lầm của nhân viên thừa hành chứ chính sách của chính phủ không chủ trương làm như thế."

Chúng ta có thể đoán ông Nguyễn Minh Triết sẽ nói vậy, vì đó là những lời ông nói khi giải thích về hành động một công an bịt miệng linh mục Nguyễn Văn Lý giữa phiên tòa ở Huế. Nhưng chúng tôi đề nghị ông Nguyễn Minh Triết đừng dùng biện pháp nào "xử lý" ông công an bịt miệng. Vì ông ta chỉ hành động một cách máy móc, theo phản ứng tự nhiên, không kịp suy nghĩ gì cả. Cả đời ông ta đã được huấn luyện để làm công việc đó. Bắt tội ông ta là oan! Còn viên đại úy cảnh sát tuần tra giao thông thì đáng phạt thật. Đánh bể đầu người ta, không lẽ bỏ qua? Nhưng nếu định truy tố anh ta thì nên điều tra thật kỹ lưỡng. Hãy hỏi tại sao anh ta lại có hành động hung dữ đối với người dân như thế? Có phải cha mẹ anh dậy con như thế hay không? Hay là khi đến trường bị thầy, cô giáo đầu độc, sinh ra tính ác? Có phải anh bị bà xã cằn nhằn, sinh ra nóng nẩy hay chăng? Hay là chính cái chế độ sử dụng những người như anh đã tạo nên thói quen coi thường sinh mạng người dân, tự coi họ có quyền hành hạ người dân một cách thản nhiên như vậy?

Những hành động của viên đại úy cảnh sát lưu thông hay viên công an bịt miệng người giữa tòa tuy xẩy ra trong những hoàn cảnh khác nhau rất nhiều nhưng đều cùng diễn tả một tình trạng xã hội Việt Nam. Đó là tình trạng một xã hội sống dưới chế độ độc tài quá lâu năm. Chế độ đó dựa trên guồng máy công an cảnh sát cho nên trao cho những giới chức này rất nhiều quyền hành. Tất cả các chế độ độc tài đều phải dựa trên guồng máy công an, mật vụ. Phải chia quyền lợi cho quý vị này, vì họ là những giường cột nâng đỡ chế độ, là lá chắn bảo vệ chế độ, là những người lính xung phong tấn công vũ bão khi có ai dám đứng lên chỉ trích, phê bình chế độ.

Những người cảnh sát, công an có hành động hung bạo chỉ là một triệu chứng dễ thấy nhất về tính chất cực độc của một nhà nước độc tài. Độc tài là một thứ chất độc. Nó độc hại vô cùng. Nó phải dùng bạo lực để bắt dân vâng lời, nếu không thì không người dân nào chịu sống làm nô lệ mãi. Khi vua quan chuyên dùng bạo lực để khép dân chúng trong vòng "ổn định" của nhà nước, thì cả xã hội cũng bắt chước theo. Cả xã hội sống trong bạo lực, sống bằng bạo lực. Quý vị có đọc những truyện ngắn và những vở kịch của Nguyễn Huy Thiệp thì hiểu. Tại sao trong đó có nhiều người hành động một cách tàn ác, bất nhân với những thái độ thản nhiên, hờ hững như vậy? Ở đâu mà có những bác sĩ chuyên phá thai ở bệnh viện để lấy xác phôi thai đem về nuôi lợn bán? Ở đâu có cảnh cô con chờ bố nằm ngủ thì cầm búa bổ lên đầu bố? Vì xã hội đã sống thản nhiên với tội ác như vậy từ lâu. Con đấu tố cha, vợ đấu tố chồng, học trò giết thầy. Tất cả các quy tắc "đạo đức cũ" xóa bỏ hết. Chỉ cần hết lòng trung thành với đảng, tuyệt đối theo đúng chính sách, thằng nọ tố cáo thằng kia làm sai lời lãnh tụ, đó là "đạo đức cách mạng" mà ông Hồ Chí Minh vẫn dậy đảng viên của ông.

Bạo lực và dối trá

Nhưng bạo lực riêng thôi chưa đủ độc hại. Những ông Bokassa, Idi Amin chuyên dùng bạo lực, ách độc tài không trụ được bao lâu. Những chế độ của Hitler, Pol Pot không phải chỉ dùng bạo lực. Họ còn một guồng máy tuyên truyền để kéo dài chế độ nữa. Nhà văn Aleksandr Solzhenitsyn viết trong bài diễn văn gửi cho Hàn lâm viện Thụy Điển, khi ông được trao giải Nobel về văn chương năm 1970, nhưng không được đi lãnh: "Chúng ta đừng quên rằng bạo lực không bao giờ đứng một mình, nó không bao giờ tồn tại được nếu đứng một mình. Nó phải liên kết với dối trá."

Hai guồng máy đó dựa vào nhau mà sống. Solzhenitsyn giải thích thêm: "Bạo lực tìm thấy chỗ trú ẩn duy nhất của nó là gian dối. Sự dối trá tìm được bạo lực là chỗ nâng đỡ duy nhất. Bất cứ kẻ nào coi bạo lực là phương tiện thì cũng đều lấy gian dối làm quy tắc sống."

Một người đã sống trong "trại học tập cải tạo" của Stalin nhiều năm, rồi phải sống trong một xã hội Liên xô hơn nửa đời người, nghẹt thở dưới ách kiểm soát tinh vi của công an mật vụ và của guồng máy tuyên truyền ngụy tạo dối trá trâng tráo, cho nên Solzhenitsyn đã nhìn thấu mối tương quan giữa Gian trá và Bạo lực như thế. Ông Hồ Chí Minh đã học tập, giác ngộ và nhập cảng toàn thể hai bộ máy bạo lực và dối trá đó vào nước ta. Và đảng Cộng Sản Việt Nam bảo rằng họ đời đời biết ơn ông ấy.

Solzhenitsyn giải thích rằng chế độ độc tài "không cần phải luôn luôn bóp cổ, xiết họng người ta." Họ chỉ cần bắt người dân vâng theo những lời giả trá, chỉ cần đồng lõa với dối trá, như vậy là đủ "ổn định" xã hội rồi.

Nhưng khi người dân tập sống chung với sự giả trá cả một đời, người ta sẽ mất thói quen sống lương thiện. Trẻ em lớn lên trong xã hội như vậy, sẽ không phân biệt được thiện và ác. Hãy đọc năm lời dậy của Hồ Chí Minh dành cho nhi đồng. Có câu nào khuyên các em phải sống thực thà, phải kính yêu cha mẹ hay không? Đó là những thứ "đạo đức cũ," mà ông Hồ coi là "đứng ngược đầu" khi so sánh với đạo đức cách mạng của ông.

Cho nên một chế độ độc tài sẽ đầu độc cả xã hội. Một nhà văn châu Mỹ La tinh, Mario Vargas Llosa, cũng diễn tả ý đó. Ông nói, "Chế độ độc tài làm nhiễm độc tất cả những thứ mà nó nắm trong tay; từ các định chế chính trị cho tới mối tương quan giữa cha và con." Những cuốn tiểu thuyết của Llosa mô tả xã hội nơi ông sống, trong những giai đoạn họ phải chịu đựng chế độ độc tài. Trước đây 20 năm, Llaso là một tiếng nói lẻ loi ở Peru, khi ông kêu gọi phải bảo vệ quyền tư hữu và tự do kinh doanh. Vị tổng thống thời đó, Alan Garcia nhất định theo Chủ nghĩa Xã hội, quyết định phải quốc hữu hóa các ngân hàng. Năm 1990 ông Llaso ra ứng cử tổng thống, nhưng may mắn thua ông Alberto Fujimori. Nhờ không trúng cử, Llaso tiếp tục viết, bây giờ ông nhất định chỉ làm một nhà văn để được nói sự thật. Bộ tiểu thuyết bốn cuốn "Trò Truyện trong Giáo đường" của ông kể những câu chuyện về đời sống hàng ngày của những người dân bình thường. Ông muốn mô tả "cái chế độ độc tài nó không phải chỉ tự giới hạn trong việc kiểm soát sách báo hay cấm người dân không được sinh hoạt chính trị. Không! Chế độ độc tài nó tạo ra cả một hệ thống để thấm nhập vào tất cả mọi sinh hoạt trong đời sống con người."

Ngày nay, ông tổng thống cũ Alan Garcia trở lại chấp chánh sau khi ông Fujimori bị tố cáo quá độc tài, bị lật đổ, phải sống lưu vong. Llaso nhận xét: "Bây giờ, ông Garcia đang cai trị lần nữa, nhưng chính ông Garcia ngày xưa đó lại đang là một người cổ võ mạnh nhất cho một nền kinh tế tư bản ở Peru! Buồn cười không?"

Llosa đã sống lưu vong trong nhiều năm, và ông có dịp so sánh cuộc sống tự do khác với đời sống dưới chế độ độc tài. Trong một cuốn tiểu thuyết khác, "Bữa Tiệc Của Con Dê," có đoạn ông viết về cái thú vui khi một người sống tự do. "Nó sướng lắm. Cái tách cà phê đó, hay cái ly rượu rum đó đều có vị ngon hơn, hít một hơi khói thuốc hay bơi trong đại dương giữa một ngày nóng bức, cái cuốn phim mình coi chiều Thứ Bẩy hay điệu nhạc nghe trên radio, tất cả mọi thứ đem lại cho mình một thú vui êm ái trong thân thể và trong tinh thần, khi mình được hưởng cái thứ mà nhà độc tài Trujillo đã lấy mất của người dân Dominican trước đây 31 năm: Tự do!"

Không cần nói nhiều, chúng ta hiểu được những điều mà Solzhenitsyn hay Llaso diễn tả. Một chế độ độc tài làm cả xã hội bị nhiễm độc. Nó xâm nhập cơ thể và đầu óc mọi người sống trong đó. Thử hít thở không khí tự do đi, người ta có thể so sánh để cảm thấy sống dưới chế độ độc tài nó độc hại thế nào.

Anh đại úy cảnh sát giao thông đập vỡ đầu anh tài xế Tăng Hồng Hà, anh ấy hành động đúng theo thói quen của một người xưa nay vẫn được trao toàn quyền sinh sát trong phạm vi hoạt động của mình. Thằng nào ông bảo không vâng lời ngay thì ông đánh bỏ mẹ nó đi! Nền văn minh xã hội chủ nghĩa đã tạo nên thái độ và cung cách hành sử đó. Anh công an bóp miệng ông thầy tu cũng vậy. Anh phản ứng rất tự nhiên khi thấy người nằm trong bàn tay quản lý của mình bỗng dưng to tiếng. Ở một tòa án bình thường, một quốc gia bình thường, người cảnh sát sẽ chờ quan tòa đập chày và lên tiếng cảnh cáo, rồi ra lệnh đưa "bị cáo" ra khỏi tòa khi gây ồn ào. Nhưng Việt Nam không phải là một xã hội bình thường. Người dân đã sống trong chế độ độc tài hơn nửa thế kỷ, anh công an tự nhiên thấy công việc của mình là phải thò tay bị miệng! Anh ta không có ý định xấu. Cái chế độ bao trùm lên xã hội đã tạo cho anh lối phản ứng vũ phu và thiếu văn minh như vậy! Ông Nguyễn Minh Triết đừng có phạt anh ta. Hành động của anh là tiêu biểu cho cả chế độ Stalin nít mà ông Hồ Chí Minh đã đem từ Nga về nước ta. Có buộc tội ai, phải trở về từ ông Hồ.

Chất độc do một chế độ độc tài đem tiêm nhiễm vào trong xã hội chỉ được giải đi khi nào không còn chế độ độc tài đó nữa. Khi nào người dân được phép nói sự thật, nói thẳng, không lo tự kiểm duyệt; khi đó xã hội sẽ bắt đầu thay đổi. Người công an sẽ khác. Người cảnh sát giao thông cũng sẽ khác. Rồi trẻ em sẽ được học những nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Những giá trị tạo nên các xã hội an lành, lương thiện hơn. Chính vì biết như vậy cho nên những ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Văn Lý, Trịnh Vũ Bình, Nguyễn Văn Đài, bà Lê Thị Công Nhân, vân vân, cứ mỏi miệng yêu cầu đảng Cộng Sản cho người dân Việt được sống tự do hơn.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

HẮT

Nói tới chuyện hắt hơi, tôi nghĩ là tôi có thẩm quyền. Bởi vì tôi là... thợ hắt hơi! Nơi tôi ở, bốn mùa rõ rệt, đủ món ăn chơi, chẳng thiếu thứ gì. Giông gió bão bùng có, nắng mưa ào ào có, băng giá tuyết rơi cũng có. Mùa nào đối với tôi cũng là mùa hắt hơi. Hắt lia chia vượt thời gian và không gian! Bất cứ ở đâu, bất cứ nơi nào tôi cũng có thể đỏ mặt gây ồn ào. Từ chỗ lạnh qua chỗ nóng, từ phòng này qua phòng kia, không khí cứ chênh vênh một chút là mũi miệng tôi báo động. Cũng may là trời sinh ra cái mũi gắn chặt vào khuôn mặt chứ không thì nó dám bay đi lắm. Người ta hắt hơi có nguyên do, tôi chẳng cần nguyên do! Đó là chuyện của thần linh!

Năm 400 trước công nguyên, nước Hy Lạp có chiến tranh với người Ba Tư. Một ông tướng tên Xenophon đang cố động viên binh sĩ dưới quyền hăng hái ra mặt trận. Ông tướng này chắc không theo học ngành tâm lý chiến nên nói cả giờ đồng hồ mà chẳng ai buồn nghe. Bỗng trong hàng quân một anh lính hắt xì mấy tiếng. Mọi người đều tin đó là lời thần linh nên sợ hãi quỳ xuống nhất loạt xin tuân lệnh ông tướng!

Theo thời gian, thần linh cứ dần dần mất... linh. Thần xuống cấp thành ra những thứ tầm thường như bụi bậm, hạt tiêu, gió, phấn hoa, mùi hóa chất, lông chó mèo... Những thứ vớ vẩn này chui vào mũi, kích thích những thụ quan trên màng nhầy, quấy rối chúng ta. Cơ thể... chiến tranh liền! *Toàn dân nghe chăng? Sơn hà nguy biến!* Lính truyền tin vội báo tới trung tâm hành quân nằm ở cuống não theo các dây thần kinh số 5 và số 7. Trung tâm liền báo lệnh tổng động viên: toàn dân sẵn sàng chiến đấu đánh bật quân ngoại xâm ra khỏi giang sơn bờ cõi. Tất cả các cánh quân sẵn sàng ứng chiến. Các cơ lính gồm cơ bụng, cơ ngực, cơ hoành cách, cơ chỉ huy dây thanh đới, cơ họng, cơ mặt, cơ mi mắt... đều nhanh chóng phối hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn để đánh đuổi quân ngoại nhập. Mũi và họng ngứa ngứa, tưng tức. Cả cơ thể chúng ta như một lò thuốc súng sẵn sàng nổ. A lê hấp! Một tiếng nổ lớn bắn ra: hắt xì hơi!

Hắt xì hơi là tiếng diễn tả cái âm thanh hùng hồn của giờ phút chiến thắng của cơ thể con người. Mỗi dân tộc nghe cái âm quốc tế này một cách khác nhau. Và họ ghi lại theo cái tai của họ. Tiếng Anh là *atchoo*, tiếng Pháp là *atchoum*. Người Ả Rập gọi là *atsaa*, người Tây Ban Nha *atchis*, dân Đan Mạch *atjuu*, dân Thổ Nhĩ Kỳ *hupshuu*, dân Na Uy *atsjo*.

Dù được mỗi dân tộc ghi âm ra sao, tiếng hắt xì bắn ra như một cơn bão. Không! Còn hơn cả bão nữa. Gió cấp 12 là gió mạnh nhất gây ra những cơn bão đổ cửa đổ nhà có tốc độ 117 cây số/giờ. Ăn thua chi với tốc độ của cơn bão từ miệng chúng ta... xì ra: 165 cây số/giờ! Cùng với tiếng nổ lớn là một loạt đạn bắn ra gồm từ 2 ngàn đến 5 ngàn giọt nước nhỏ li ti. Mỗi giọt nước chứa trung bình 100 ngàn vi khuẩn và vi trùng. Vùng thao tác từ một thước rưỡi đến hai thước.

Cơ thể làm bão của chúng ta hắt xì sơ sơ khoảng chục lần mỗi ngày. Nếu chúng ta ẻ mình thì... liên miên, tính không nổi. Mỗi lần hắt xì thường chúng ta làm một hơi năm bảy cái. Ít khi nó phát ra cô đơn chỉ một hai cái. Cộng lại mỗi năm chúng ta cũng bắn ít ra là một ngàn rưỡi cái. Đó là không trái gió trở trời đau ốm gì. Nếu kèm theo chuyện nhác chơi thì con số này phải tăng thêm nhiều. Thật là một con số mệt nhọc! Sách kỷ lục Guinness cái gì cũng ghi. Hắt xì cũng không qua khỏi. Kỷ lục hiện nay thuộc về cô bé Donna Griffiths ở Pershore, Anh. Cô bé hai tuổi này bắt đầu hắt hơi vào ngày 13/1/1981 và chỉ trong năm đầu tiên người ta ghi nhận được trên một triệu cái! Riết rồi chán, người ta chẳng buồn đếm nữa. Vậy mà cô bé cứ tiếp tục *atchoo* cho đến ngày 16/9/1983, nghĩa là chơi liền tù tì trong 978 ngày. Trừ khi ngủ, cô bé cứ sản xuất tiếng động liên tục suốt ngày kể cả trong lúc ăn. Kỷ lục này chắc còn lâu lắm mới bị phá!

Hắt xì là một hành động phổ quát và thường

xuyên. Không ai tránh được động tác cong người, tác xạ về phía trước. Ai cũng có kinh nghiệm. Tôi thì kinh nghiệm đầy mình. Theo những gì tôi nhớ được thì có lẽ không có ngày nào tôi không làm bão. Đó không hẳn là cái thú nhưng giải tỏa được một cái nút chặn trong họng trong mũi cũng là việc khá sung sướng. Có thể coi đó như một sự... bài tiết. Bài tiết bao giờ chẳng là một sự giải tỏa dễ chịu dù giải tỏa bằng lối nào!

Tiếng Việt miền Nam kêu hắt xì là... nhảy mũi. Không biết nhảy điệu gì mà ác liệt! Dù hắt xì hay nhảy mũi thì đây cũng chỉ là một phản ứng sinh lý của cơ thể. Như ho như ói. Vậy mà ho hay ói không được coi là dính líu đến tâm linh, nhưng hắt xì thì tâm linh quá độ.

đi chơi sợ chết dọc đường
viết đôi chữ để đầu giường dặn em:
trước khi ngủ nhớ gọi tên
hắt hơi ta sẽ không quên trở về
(Luân Hoán)

Hắt hơi là do có người nhắc tới ta. Đó là một hiện tượng tâm linh đáp ứng lại nỗi nhớ nhung hay ý nghĩ của người khác đối với mình. Tôi hắt hơi lia chia như vậy phải chăng được nhiều người nhắc tới? Nhắc vì thương vì nhớ hay nhắc vì ghét? Thường thì người ta luôn nghĩ hay nghĩ tốt về mình nên câu trả lời đã nằm sẵn đó, nhất là khi đang yêu. Nếu ông Chúa Chổm hắt hơi thì còn ai nhắc tới ngoài các chủ nợ! Niềm tin này các dân tộc châu Á như Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan cũng chia sẻ với dân nước ta.

Một lần tôi đang ngồi hóng mát trên ghế đá công viên tại Stanley Park ở Vancouver thì một cơn gió lạ đã làm tôi hắt hơi. Một ông da trắng chạy bộ ngang qua vội quay lại cười nói: "*God bless you!*" Ông không nán lại để nghe tiếng hắt hơi kế tiếp của tôi. Nếu nghe chắc ông sẽ theo phong tục của Âu Mỹ mà chúc: "*Keep you!*" Và nếu có tiếng hắt hơi thứ ba thì câu chúc sẽ là: "*Give you peace!*" Một tài liệu ghi lại là Việt Nam ta cũng có lối chúc tương tự như vậy nhưng tôi không gặp bao giờ. Theo tài liệu này thì dân ta chúc: "Sức khỏe!" cho cái hắt hơi thứ nhất, "Sống lâu!" cho cái thứ hai, "Trăm tuổi!" cho cái thứ ba. Nếu chuỗi hắt hơi còn kéo dài thì các câu chúc kế tiếp sẽ là: "Bạc đầu!", "Bình Yên!", "Vô sự!"... Hồi nhỏ mỗi lần tôi hắt hơi thì người lớn vỗ về bằng câu: "Đức Bà chữa!" Câu này chắc chỉ có người theo Thiên Chúa Giáo dùng. Các dân tộc khác cũng chúc hắt hơi bằng câu: "Chúc sức khỏe" theo tiếng địa phương. Người Tây Ban Nha và các sắc dân Nam Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha thì *Salud!,* Dân Bồ Đào Nha và Ba Tây thì *Saude*!, dân Đức thì *Gesunheit!,* người Do Thái thì *Labriyut!,* dân Nga, Tiệp thì *Nazdrovie!,* dân Ba Lan thì *Stalet!*

Tại sao hắt hơi lại... tâm linh như vậy? Tôi lại vào *internet*. *Internet* bây giờ như một cái chợ, cãi nhau ỏm tỏi! Về sự tâm linh của hắt hơi, mấy thày cãi trên mạng đã... hắt ra như thế này. Một ông luận: thói quen chúc *God Bless You* của chúng ta ngày nay bắt nguồn từ một niềm tin từ thời xa xưa là một con quỷ đã núp trong cơ thể làm chúng ta bị cảm cúm và hắt hơi. Con quỷ này đã bắt linh hồn của người bệnh và cần phải trục xuất nó ra ngoài. Hắt hơi chính là... hắt con quỷ ra khỏi thân xác. Nhưng khi hắt con quỷ ra, chúng ta đang lâm nguy vì đồng thời chúng ta hắt cả linh hồn ra. Khi linh hồn lìa khỏi thân xác thì thân xác coi như chết. Vậy nên cần phải nhắc nhở tới Thiên Chúa như một lời cầu nguyện và chúc phúc để chỉ con quỷ bị bắn ra còn linh hồn vẫn ở lại! Một ông khác cho biết: theo tín ngưỡng thời Trung Cổ thì khi hắt hơi là coi như chết, chúc *God Bless You* là cách để "trao phó linh hồn cho Chúa quan phòng." Trong khi chúc cho người hắt hơi thì người chúc cũng mang Chúa ra để Chúa phù hộ cho mình khỏi lây bệnh! Một công đôi việc! Tiện lợi vô cùng! Một ông khác giải thích: khi ta hắt hơi thì ta ngừng thở, dù chỉ trong vài giây đồng hồ. Mà ngừng thở thì chết đứt đuôi rồi còn gì nữa! Ít nhất cũng là chết... kỹ thuật. Gọi Chúa về vào lúc nguy nan này là đúng lúc vì *God Bless You* thì *you* mới tiếp tục sống lại được, nếu không thì cứ tiếp tục chết kỹ thuật cho tới khi chết thực!

Tôi vốn là người dễ tính nên nghe sao tin vậy. Cứ ba phải cho cả ba ông đều là thầy dạy mình thêm được đôi điều. Vị nào không dễ tính như tôi có thể vào *internet* mà đôi co với thiên hạ!

Cũng trong *internet* có một ông... vô thần! Ông bảo là người xưa tin như vậy thì giải thích như thế chứ thật ra khi gặp một người hắt xì ta chúc "God bless you" chỉ là một cách lịch sự thôi. Đó là một cử chỉ xã giao chứ ai lại lôi kéo Chúa vào cái vụ ồn ào xảy ra hàng ngày như vậy! Tôi lại đồng ý với ông này (như vậy là tới... bốn phải rồi!) vì Chúa đâu có nhàn nhã mà trông nom từng cái hắt hơi của hàng chục

tỷ dân trên trái đất. Đó là không kể những cái hắt hơi của chó mèo ngựa heo nữa! Còn những thú vật trong rừng trên núi có hắt hơi hay không thì tôi quả không biết!

Lịch sự khi hắt hơi là lấy tay che miệng để đừng phát tán mưa móc cho những người xung quanh. Ngay chính mình cũng không ưa những chất lỏng tiết ra từ trong người mình huống chi là người khác. Nước miếng, mũi giãi, máu me khi chúng ở trong người mình thì là bạn, khi chúng đã thoát ra ngoài cơ thể thì chúng trở thành kẻ lạ mặt mà chính mình cũng nhờm gớm. Vậy thì nên che chắn. Nhất là trong thứ... mưa vừa xì ra có vi trùng, vi khuẩn mang những mầm mống bệnh tật cho người quanh ta. Che miệng khi hắt xì là thứ phải học. Thường thì chúng ta dạy con trẻ ngay từ khi chúng có trí khôn. Khi chúng đi học, nhà trường cũng thường nhắc nhở trong các bài công dân giáo dục hay vệ sinh thường thức.

Hắt xì là chuyện lung tung không ai biết trước được. Con mèo sà vào lòng, bạn vuốt ve vài cái. Bỗng ngứa mũi. Hắt xì! Bạn phủi bụi trên bàn ghế. Bỗng hắt xì! Bạn rắc tiêu trên tô phở. Thấy cay cay mũi. Hắt xì! Đang đi ngoài đường bỗng lấy tay bịt mũi. Hắt xì! Nhìn trên thảm cỏ xanh biếc thấy la liệt những bông hoa vàng. Chính hắn đấy! Thời tiết giao mùa con người rất dễ bị dị ứng. Mùa xuân, vạn vật bừng dậy, hoa cỏ tốt tươi, đất trời phơi phới, cớ chi bạn lại hắt... linh hồn ra khỏi xác! Chúng ta đang ở thời kỳ trái đất nóng dần lên, chúng ta cũng hắt xì nhiều hơn lên. Ơ hay! Trái đất nóng thì can cớ gì đến cái mũi của tôi? Có chứ! Ai bảo bạn cứ hếch mũi lên trời! Không, tôi nói giỡn. Bạn cứ hếch mũi lên, không sao nếu dưới đất không có bãi mìn thành quả của các chàng các nàng cẩu được bà hàng xóm của bạn dắt đi hái hoa! Cái mũi của bạn liên quan đến chứng nóng sốt của trái đất ở chỗ lượng *carbon dioxide* tăng thêm khi trái đất bị ô nhiễm vì hiệu ứng nhà kiếng. Sức nóng thêm của trái đất làm cây cỏ nở hoa sớm và nhiều hơn tạo ra nhiều phấn hoa hơn, gây nên dị ứng cho cái mũi khốn khổ của bạn. Vậy là bạn bắt buộc phải hắt xì nhiều hơn!

Càng hắt xì nhiều bạn càng lộ diện tính cách con người bạn nhiều hơn. Bởi vì chỉ nghe tiếng hắt xì người ta có thể liệt bạn vào loại người nào. Nếu bạn có cái hắt xì bùng phát như một tiếng nổ, nhanh, dứt điểm, dõng dạc, ba làng nghe thấy: bạn là người nhanh nhẹn và quyết đoán, không muốn dựa vào người khác. Típ người bạn là típ lãnh đạo chứ không phải thừa hành. Bạn ưa cách làm việc dứt khoát, hiệu quả, không rườm rà. Bạn muốn đồng sự cộng tác với bạn phải giải quyết công việc nhanh chóng, gọn gàng. Tính cách của bạn là mạnh dạn, nhìn xa trông rộng, có chí tiến thủ.

Nếu khi hắt xì bạn hạn chế tiếng... nổ đến mức tối thiểu: bạn là người thanh nhã, tế nhị và chuẩn mực. Bạn cố hạn chế sự ồn ào của tiếng hắt xì để không ảnh hưởng tới người xung quanh chứng tỏ bạn là người dễ thân thiện, nhiệt thành, hòa nhã, thích sống hòa thuận với người khác, không ưa gây gổ, đôi co.

Đó là lời giải... ba phải của các thầy rùa. Họ chẳng muốn làm mất lòng ai. Vì theo như lời tán trên thì hắt xì lớn hay nhỏ, văng nhà văng cửa hay nhẹ nhàng e ấp đều tốt hết. Không tốt mặt này thì tốt mặt khác, không bổ ngang cũng bổ dọc!

Hắt xì là một... thú vui. Nghe ra đã mất vui. Đỏ mặt tía tai, cong người đổ ra nước mắt nước mũi trong ồn ào khó chịu thì có gì vui? Vậy mà vui! Không vui sao người ta lại đặt ra được trò chơi "Hắt Xì"? Đây là một trò chơi rất phổ biến cho trẻ em trên sáu tuổi có bán đầy rẫy tại các cửa tiệm. Bạn ra ngoài tiệm, hỏi trò chơi *Sneeze* người bán hàng sẽ biết ngay. Đại khái trò chơi gồm những quân bài bằng giấy như bài tây. Có quân bài "hắt xì," có quân bài "dị ứng." Có vùng gió xuôi và vùng gió ngược. Người chơi bài phải đi làm sao cho những con bài "dị ứng" vào vùng gió xuôi để làm cho đối phương hắt xì. Ai hắt xì tới bốn lần thì bị loại. Thú thực là tôi chỉ biết được tới loại bài hắt xì này qua những bài viết. Nếu bạn thực sự tham dự trò chơi này sẽ có những mánh khóe, tráo trở để tạo hấp dẫn. Bạn muốn chơi thì rủ người khác, đừng rủ tôi. Tôi chỉ biết nói chứ đâu có biết chơi!

Hắt xì có nhịn được không? Nếu bạn là một diễn giả đang thao thao bất tuyệt bỗng dưng muốn hắt xì. Nếu thả lỏng ra thì mất mặt bầu cua. Muốn nhịn thì làm sao mà nhịn? Nếu bạn là một linh mục hay đại đức đang hành lễ bỗng thấy nhột nhột mũi muốn... xì một cái cho nhẹ nhàng, nhưng xì vào lúc này thật không đúng lúc thì mần răng chừ? Kinh nghiệm dân gian cho biết là bạn có thể hoãn hắt xì bằng cách vuốt mũi nhiều lần. Tôi đã thử. Đôi khi có hiệu quả nhưng đôi khi không kiềm chế được.

Ngược lại, có những lúc tưởng cái hắt xì nó sắp chui ra khỏi mũi. Vậy mà đợi mãi vẫn không

thấy nó ra được. Khó chịu chứ! Làm sao cho nó xì ra cho nhẹ người? Thử ngoáy mũi coi. Đó là một giải pháp khá hữu hiệu cho cái hắt xì bật ra. Đôi khi nhổ lông mũi cũng... xì ra được! Một nhân vật khá nổi danh của nhà văn Võ Phiến là anh Bốn Thôi. Chắc bạn biết anh chàng này dù không đọc truyện của Võ Phiến. Anh rất được lòng các nhà phê bình, điểm sách nên tên tuổi anh đã thoát ra quá những trang truyện để trở thành một người thân quen với độc giả. Anh Bốn Thôi có chi đặc biệt? Chẳng có chi cả. Anh rất nhà quê, hơi cù lần, rất cô đơn nên chẳng biết trò chuyện với ai ngoài cái mũi của mình. Cách anh trò chuyện khá độc đáo. *"Bốn Thôi tìm được cách tiêu khiển và mơ mộng trong việc vặt lông mũi. Đó là một cử chỉ nhỏ nhặt không ai để ý đến, nhưng rất quan hệ trong cuộc sống riêng của anh... Hễ cứ rảnh việc là anh đưa tay lên mũi, rờ rẫm, thăm dò, rình rập từng sợi lông mọc thò ra ngoài; vẻ mặt anh chăm chỉ, đăm chiêu. Sự vặt nhổ như thế không phải là không có lúc đau đớn, vì vậy có những khi anh nhăn nhíu mặt mày; và ngay mỗi khi các ngón tay bắt đầu tìm kiếm, vẻ mặt anh đã khổ sở khó nhọc. Đối với người ngoài thì cử chỉ đó có vẻ kỳ cục, tục tằn, khó coi, càng tăng thêm vẻ dớ dẩn của anh"*(Lại Thư Nhà). Anh Bốn Thôi nhổ lông mũi lia chia như vậy mà không hề hắt xì thì quả là lạ. Tôi không nghĩ rằng nhà văn Võ Phiến thiếu quan sát sau khi cho anh Bốn Thôi rờ mó vặt đi khá nhiều lông trong cái rừng lông mũi của anh. Nhưng có lẽ ông thương hại nhân vật Bốn Thôi nên không muốn cho anh "kỳ cục, tục tằn, khó coi" thêm nữa. Vặt lông mũi như vậy thì... Một Thôi cũng đã hắt xì lia lịa nói chi tới Bốn Thôi!

Nếu hành hạ cái mũi mà vẫn không hắt ra được thì... phơi nắng! Bởi vì ánh sáng cũng làm cho người ta hắt lia lịa. Không phải ai cũng xì khi mang mũi ra phơi nắng. Chỉ có khoảng từ 20% đến 30% người khi nhìn lên trời nắng, nhất là khi nhìn thẳng vào mặt trời, hoặc chỉ nhìn ánh đèn quá sáng cũng nhột mũi và hắt hơi. Những người này bị mắc hội chứng hắt hơi. Phiền một nỗi là hội chứng này có di truyền từ bố mẹ sang con cái.

Cái hắt hơi của các bậc trưởng thượng hình như là một sự bày tỏ quá náo nhiệt làm cho con cháu có món giải trí thích thú. Thế hệ tôi còn roi vọt răn đe nên không được hồn nhiên bày tỏ sự thích thú này. Mỗi lần thấy người lớn hắt hơi chỉ lấm lét nháy mắt cười thầm với nhau. Nhưng tới thế hệ con cháu tôi thì khác. Roi vọt không còn là cái uy của cha mẹ trên con cái nên chúng hồn nhiên hơn. Mỗi cái hắt hơi, mỗi tiếng ngáy của ông bà cha mẹ đều được chúng đón nhận một cách thích thú. Như một trò chơi vừa ý. Chúng lại còn quá quắt bắt chước những thứ tiếng động không mời mà tới để cười cợt thú vị với nhau.

Như đã tự thú ở trên, tôi rất có khiếu hắt hơi. Hắt nhiều đến nỗi chẳng biết tại sao mình hắt hơi. Di truyền chăng? Có thể lắm. Vì cụ thân sinh của tôi cũng rất chăm chỉ hắt hơi. Cái hắt hơi nào của cụ cũng rất đáng đồng tiền bát gạo. Cái hắt hơi của tôi cũng hùng dũng không kém. Đó là nhận xét khá mỉa mai của bà... hàng xóm chung giường với tôi.

Cụ tôi bây giờ không còn nữa nhưng cái hắt hơi của cụ vẫn văng vẳng trong tôi. Mỗi lần ồn ào hắt xì hơi, cụ vội rút chiếc khăn mùi-soa lau miệng lau mũi. Ngày nay mỗi lần hắt hơi, tôi vội tìm tờ giấy *kleenex* chặn mũi. Chiếc mùi-soa xưa giờ đã đi vào quá khứ. Thế hệ con cháu tôi không có ý niệm gì về chiếc khăn đã mai một này. Khăn mùi-soa của cụ thân sinh của tôi đã mất dấu nhưng cái hắt xì vẫn còn ở lại. Chắc còn ở lại rất lâu. Trong tôi!

06/2007

NGỨA

Ai cũng đã có lúc bị ngứa. Tôi cứ nói khơi khơi như vậy nhưng biết chắc đúng trăm phần trăm. Cứ lấy tôi ra làm ví dụ. Hồi nhỏ chơi quanh quẩn trong vườn nhà, hoa quả đã nhiều, sâu bọ còn nhiều hơn, lũ anh chị em bạn bè toàn thứ tinh quái. Thứ sâu có màu khi đen tuyền, khi lộng lẫy xanh đỏ, có lông tua tua mọc khắp mình mẩy là sâu róm. Đó là tổ sư ngứa. Mấy tên lớn đầu là thứ ác ôn. Thấy tôi nhỏ bé dại dột đã bảo tôi bắt con sâu này chơi. Ngu chi mà bắt, nhưng lúc đó tôi ngu thật nên nhón chú sâu liền. Ngứa ơi là ngứa. Khóc hết nước mũi nước giãi chạy về mách người lớn mà tay vẫn cứ xoa vào nhau. Hội đồng phán quan họp liền. Thủ phạm xúi dại bị tụt quần ăn roi quắn đít. Vậy là bên nguyên bên bị đều... gãi. Bên gãi vì sâu, bên gãi vì những lằn roi hằn trên mông như những con lươn đỏ.

Khi tản cư về vùng quê, lúc Hà Nội đỏ mầu khói lửa, nhằm đúng lúc mùa đông, nằm ngủ trên những ổ rơm. Ngứa! Gãi sần da cũng không hết ngứa.

Lúc mất nước, bị lùa vào trong những trại

gọi là "cải tạo" bị muỗi và rệp... cải tạo cho nẫu người. Gãi lia lịa như kéo đàn chẳng ngủ nghê chi được. Ngứa tàn canh vô nhân đạo. Lên lớp học nghe cán bộ giảng giải để trở thành con người mới mà tay cứ mò mẫm khắp người. Một tên bạn thân ghé tai hỏi nhỏ: "Sao ngứa tai mà lại gãi ở... bẹn?"

Tôi ngứa cả cuộc đời vậy mà mãi tới khi tôi đã mon men về hưu khoa học mới tìm ra cơ chế của ngứa! Đúng ra là vào năm đầu của thế kỷ mới, năm 2001. Hoá ra khoa học nhiều khi cũng có họ với loài rùa. Theo phát hiện của khoa học mới đây thì thủ phạm của ngứa là một hóa chất có tên là *histamin*. Chất này phục kích sẵn trong dưỡng bào dưới da. Nó liên kết với những đầu mút của dây thần kinh. Khi bị viêm hay dị ứng, dưỡng bào lập tức tiết ra *histamin* tạo ra cảm giác ngứa ngáy và làm vùng da quanh đó bị đỏ lên. Cảm giác này truyền lên não và não lập tức ứng phó bằng cách ra lệnh cho tay gãi hoặc cọ sát vào chỗ ngứa. Gãi mang lại cảm giác rất đã điếu. *Gãi đúng chỗ ngứa* là một thành ngữ chỉ sự thống khoái vô lường. Câu thành ngữ này các bợm rượu thường không thuộc!

Ba anh bợm ngồi nhậu với nhau. Cả ba anh đều xỉn và lăn quay ra nền đất ngủ. Nửa đêm một anh mắc tiểu, lê ra ngoài hè xả xú bắp. Trời mưa rả rích. Anh bợm xỉn nghe giọt mưa tí tách nhỏ từ mái nhà xuống tưởng mình chưa dứt tiểu nên cứ ngồi hoài. Anh bợm thứ hai bị kiến cắn gãi lia gãi lịa mà không hết ngứa cũng tỉnh ngủ luôn. Hai anh nói chuyện với nhau. Anh thứ nhất phàn nàn:

"Không biết thằng cha chủ nhà chết tiệt đang ngáy phò phò kia cho tụi mình uống thứ rượu quỉ gì mà tao tiểu hoài không dứt!"

Anh thứ hai đồng tình:

"Ừa! Tao cũng vậy. Hổng biết chả cho uống rượu chi mà tao ngứa thấy mụ nội gãi hoài không hết ngứa!"

Anh chủ nhà nghe tiếng nói chuyện, thức giấc, góp tiếng:

"Hai anh như vậy còn đỡ! Không biết con vợ tôi nó mua thứ rượu độc hại chi mà uống vào chân cẳng của tôi rướm máu hết trơn thế này!"

Gãi không đúng chỗ ngứa làm tươm chân anh hàng xóm ngủ cạnh là chuyện nhỏ. Ngứa nó ma mãnh hơn nhiều. Trong số các bệnh nhân tới xin chữa trị tại các bệnh viện, ngứa đứng hàng thứ hai về số lượng. Thuật ngữ khoa học gọi ngứa là *pruritus* và *prurigo*. *Pruritus* (ngứa) gây ra do kích thích cục bộ, đôi khi do rối loạn thần kinh. *Prurigo* (ngứa sần) là bệnh ngoài da mãn tính không rõ nguyên nhân, chữa trị không có kết quả tốt và thường tái phát.

Ngứa như vậy có nguyên nhân cả ở ngoài da lẫn trong nội tạng. Tức là có giặc ngoại xâm và quân nằm vùng.

Giặc ngoại xâm tấn công vào 2 thước vuông da trên khắp cơ thể chúng ta và gây ra nhiều loại bệnh. Trước hết là bệnh viêm da dị ứng. Có thứ da không chơi với giây thung hoặc cao su. Nếu da của bạn thuộc loại này mà bạn đi giầy cao su là chân bạn ngứa liền. Hoặc giây thung quần làm loét da bụng. Cứ thế mà gãi. Thuở nhỏ tôi đeo giây đồng hồ bằng nhựa hay da là mẩn đỏ hết cổ tay. Nhiều bà ăn diện khổ vì ngứa một cách khác. Có bà dị ứng với một loại vải quần áo mới nào đó. Muốn diện mà ngứa nó không cho diện. Có bà đeo nữ trang bằng vàng là ngứa. Bởi vì dị ứng với chất kền thường có trong vàng từ 18K xuống đến 10K chế tạo tại Mỹ. Nếu chơi sang đeo toàn vàng nguyên chất chính cống 24K thì không sao cả. Chỉ tội cổ và tay hơi vàng chóe rất là một sự nhà mùa! Nhưng nếu dùng vàng dưới 24K làm tại Việt Nam thì không ngứa ngáy chi cả vì vàng Việt Nam không dùng kền mà dùng bạc hay đồng khiến có màu đỏ hơn. Ngứa vì vàng là thứ ngứa ác ôn. Nó không ngứa ngay chỗ đeo vàng mà chui lủi đánh phá nhiều chỗ khác trong người khiến đốc tờ cũng khó tìm ra nguyên nhân! Chính nữ trang bằng vàng đã làm các bà bị bệnh viêm da nhiều hơn các ông tới mười lần. Đó là cái giá phải trả cho sự xí xọn!

Da chúng ta là thứ tội nghiệp vô cùng. Nó là... ngoại thành của cơ thể chúng ta nên lãnh đủ giông bão của cuộc đời. Chung quanh chúng ta có thiếu gì thứ làm chúng ta thành nhạc công gảy đàn lung tung khắp thân thể. Mấy thứ nhỏ nhít li ti như sâu, kiến, muỗi cũng gây thành ngứa. Những thứ chẳng ra gì như hóa chất tẩy rửa, nhựa khoai, những thứ lá có lông hoặc ngay cả những loại mỹ phẩm thơm nức mũi các bà dùng hàng ngày cũng bắt nạt làn da của chúng ta.

Bệnh mề đay là một chiêu khác của quân ngoại xâm. Nó đột kích lung tung khắp cơ thể như cánh tay, bụng đùi, chân. Rồi sưng mắt, sưng môi. Tấn công vào bên trong nó làm viêm niêm mạc ruột gây đau bụng, tiêu chảy, phù thanh quản. Gọi là mề đay vì da nổi lên các

nốt sần ngứa. Gãi bằng thích. Càng gãi càng ngứa. Vùng sần ngứa to nhỏ khác nhau, đôi khi tạo thành từng mảng ngoài bìa màu hồng, trung tâm thì màu hồng nhạt hơn.

Bệnh nấm da cũng do nguyên nhân ngoại nhập. Có nhiều loại nấm như nấm than, nấm kẽ, nấm móng, nấm tóc... Điển hình của loại nấm này là bệnh hắc lào do nấm than gây nên. Đầu tiên là ngứa ở một vùng da, sau đó nổi lên một vệt màu hơi đỏ, có viền hoặc bờ rõ rệt, trên viền có các mụn nước lấm tấm. Viền này càng ngày càng lan rộng tạo thành nhiều hình vòng cung. Người bệnh sẽ cảm thấy ngứa và gãi. Càng gãi thì bệnh càng lây lan rộng thêm ra. Không những lây cho mình mà còn lây ra nơi những người dùng chung quần áo, khăn tắm, giường chiếu.

Lang ben là một sản phẩm khác của nấm. Bệnh này làm ngứa khủng khiếp. Càng ra nhiều mồ hôi càng ngứa dữ. Bệnh nằm vùng nơi cổ, vai, ngực, bụng hay cánh tay. Nếu dùng chung khăn tắm, quần áo hay giường chiếu với các đấng lang ben thì cũng sẽ có nguy cơ lang ben!

Gầu trên đầu cũng là một chứng ngứa. Khi gãi lớp da trên đầu bị bong ra. Bệnh này thuộc... thẩm mỹ nên có rất nhiều thứ thuốc gội đầu được quảng cáo là trị hết gầu.

Chúng ta ở xứ lạnh, da cũng khổ thêm vì phải ứng phó với thời tiết. Khí lạnh làm da mốc meo, lớp biểu bì ở ngoài cùng của da ngày càng mỏng, mất đàn hồi, nứt nẻ và bong ra, bụi da trắng xóa bám vào mền, vào quần áo. Trong nhà có sưởi nóng làm da bốc hơi và mau khô. Khi da còn tiết ra được các chất *acid* hữu cơ đủ để giữ cho da trơn, mềm, nhờn và toàn vẹn thì chúng ta còn ăn ngon, ngủ yên. Khi tới một mức độ lạnh và khô nào đó, da sẽ ngứa. Thế là gãi tới bong da luôn!

Ngoài quân ngoại xâm, loại quân nội tuyến khiến da ngứa ngáy gồm nhiều thành phần khác nhau. Có thể do dị ứng thuốc, giun sán hay các bệnh tiểu đường, gan mật làm tay chúng ta luôn phải... gẩy đàn cho bớt ngứa.

Ngứa là một hình phạt không rời. Nó ngày đêm hành hạ. Nhất là đối với con nít. Nhà văn nữ Nguyễn Xuân Tường Vi đã dùng tới mười trang sách để cực tả một thảm trạng của cặp vợ chồng trẻ có đứa con đầu lòng bị bệnh ngứa *eczema*. *«Sang đến tháng thứ bảy con gái cô bắt đầu một chứng bệnh kỳ lạ. Cả người nó nổi lên những mụn nhỏ li ti, đỏ lừ lự, ngứa ngáy. Con bé khó chịu, cào cấu làn da non đến khi chảy máu mới thôi. Khuôn mặt xinh xắn bụ bẫm của con bé bỗng biến dạng, từng bệt vẩy da đỏ nứt rạn, rướm máu ri rỉ. Tay chân cũng đầy những mảng da lở ngứa. Chữa cách gì cũng không hết. Dòng đời như ngừng trôi. Cô thôi không đưa con ra ngoài, hạn chế những lần gặp gỡ bạn bè, cô sợ những câu hỏi, cô sợ những cái nhìn chằm chặp thương hại của mọi người, cô sợ phải giải thích đi giải thích lại là tại sao, tại sao, tại sao."* Căn bệnh quái ác không rời đứa bé cho tới khi nó đi học. Nó thèm được ôm hôn mẹ, thèm được mẹ ve vuốt, nựng nịu như mẹ vẫn thường vuốt ve nựng nịu đứa em có làn da trơn tru mềm mại của nó. Căn bệnh đã làm nó có cảm tưởng nó là đứa con thừa thãi, không mong muốn của cha mẹ nó. Ngay mẹ nó cũng mất kiên nhẫn với làn da bệnh hoạn của con. Có lúc bà đã nghĩ nó là thứ trời trao cho bà để hành hạ bà, lấy đi mất của bà sự an bình thoải mái trong cuộc sống. Có nhiều lúc bà đã muốn bỏ rơi đứa con như dứt bỏ một cục nợ bám dính vào đời bà. Cuộc sống của đứa trẻ lại dính liền với những cơn ngứa. Nó gãi như một phản xạ tự nhiên. Mẹ nó cấm gãi vì càng gãi bệnh càng lây lan. Hành động tự nhiên của nó đã như một cơn địa chấn trong gia đình. *"Mỗi khi nó lên cơn ngứa cào cấu tơi bời làn da, bất kể những vệt máu tươi rói ướt rịn, mẹ thường gạt tay nó ra, xoa xoa chỗ máu chảy, gãi cho nó bằng những ngón tay cắt trụi hết móng, lẩm bẩm. Sao trời hành tui dữ vậy hông biết. Nó giương đôi mắt đờ đẫn nhìn mẹ. Cánh cửa tai của nó đóng xập lại. Hai tay nó cào cho đã cơn ngứa. Ngứa trên mặt, ngứa sau gáy, ngứa trước bụng, ngứa dưới chân. Hai tay nó đưa lên đưa xuống sồn sột. Phải cấu rách da xé thịt như vậy mới đã ngứa. Nó giật mình khi mẹ to giọng gắt. Đừng gãi nữa, con có nghe mẹ nói gì không, con phải control, con phải ignore cơn ngứa, con càng gãi thì càng ngứa, you have to break the vicious cycle! Đúng lúc, ba bước vô phòng nạt:*

"Con nít làm sao biết control, ngứa thì phải gãi chớ."

"Đó, anh muốn gãi thì gãi. Em muốn điên lên rồi..."

Tới đó, tự dưng cánh cửa tai của nó mở ra, dỏng lên, nghe đầy đủ hết từng lời của ba mẹ nó. Cơn ngứa biến mất, nó run run lo lắng, lầm rầm cầu nguyện. Xin ba mẹ đừng cãi nhau nữa, lỗi tại con. Tại nó ngứa tới mấy năm rồi chưa hết nên mẹ không thương nó. Mẹ hay quạu không những với nó mà với luôn cả ba... Mẹ có bị ngứa

đâu mà mẹ biết. Không biết mẹ có bao giờ cảm thấy có hàng ngàn, hàng vạn con kiến cắn xé rần rần khắp người chưa?"(Đêm Rồi Cũng Qua, Hợp Lưu số 93, tháng 2 & 3/2007).

Khổ vì ngứa cũng gian nan chẳng kém khổ vì đau. Thường thì muốn hết ngứa chúng ta vẫn chơi bài gãi. Gãi vung tàn tán đến trầy da tróc vẩy. Cứ nhắm mắt mà gãi như vậy chỉ tổ khổ da. Đã không hết ngứa lại thêm những vết máu tươm trên da. Chẳng cái dại nào bằng! Biết vậy nhưng phản ứng tự nhiên vẫn bắt chúng ta gãi một cách... thiếu hiểu biết như rứa. OK! Cứ gãi nhưng nhẹ tay dùm một chút. Đôi khi chỉ cần nhè nhẹ xoa vào chỗ ngứa cũng đủ tạm thời giải tỏa cơn ngứa. Muốn hết ngứa phải phòng bệnh và chữa bệnh. Phòng bệnh là loại trừ trước những nguyên nhân làm ta ngứa. Diệt côn trùng; ăn ở sạch sẽ; tránh dùng quần áo, nhất là quần áo lót, bằng sợi tổng hợp; dùng thuốc diệt côn trùng khi cần; không ăn những thứ hay bị dị ứng; tránh các đồ uống làm giãn mạch như cà phê, rượu, nước nóng...

Khi đã bị ngứa thì tùy theo nguyên nhân ngứa mà chữa trị. Nếu là bệnh ngoài da thì dùng các loại thuốc xức thông thường như thuốc có chứa *corticosteroid*, thuốc chống *histamin* chẳng hạn như *Benadryl* hoặc uống các loại thông thường giúp làm dịu cơn ngứa như *Tylenol* hay *Aspirin*.

Bà ngoại tôi, lúc tuổi già, cũng bị ngứa khủng khiếp. Trên bụng bà, những lằn đỏ xếp nếp cùng khắp như những sợi dây đánh đai chiếc bụng nhão. Bà bôi đủ thứ thuốc, chữa đủ cách, hết thuốc tây qua thuốc nam mà ngứa vẫn hoàn ngứa. Có những lúc tôi thấy bà dùng sợi dây gai vân vê trên bụng, trên lưng đỏ ửng. Có những khi bà dùng cánh tay giả bằng gỗ có cán dài mạnh bạo thọc lên thọc xuống cho đã ngứa. Nhưng càng gãi mạnh thì càng ngứa hung. Cũng may là ngứa có cơn. Nếu lúc nào cũng đàn địch thì còn ra gì cuộc sống! Những khi đó ngứa đúng là cái tội. Bà cố tôi thì tin chắc ngứa là tội. Bà đã tới nhà thờ, vào tòa giải tội, xưng tội ngứa. Khi bà kể lại... thành tích của bà, chúng tôi đã ôm bụng cười. Bà lườm nguýt. Thế mà tao khỏi ngứa đó, chúng mày thiếu đức tin!

Có thực bà cố tôi hết ngứa chỉ vì đã xưng tội không? Cũng có thể. Bởi vì ngứa cũng nể vì tinh thần của người bệnh. Nếu khi ngứa, chúng ta bình tĩnh, coi nó như nơ-pa, tập trung toàn bộ tinh thần vào một điều suy nghĩ nào đó, cơn ngứa sẽ tiêu tan. Có mấy người có thể dẹp cơn ngứa một cách... trí thức như vậy? Tôi e rằng không nhiều. Trong trường hợp bà cố tôi có lẽ bà đã "dâng" cái ngứa cho Thượng Đế nên bà hết ngứa!

Có thật ngứa đã đi vào lãnh vực của tâm linh không? Tôi chịu chẳng trả lời được câu hỏi thuộc loại...siêu hình này. Bèn dựa vào Thượng Tọa Thích Thông Phương, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử ở Quảng Ninh. Ngài mang ngứa vào việc giải thích Thiền. Theo Ngài, Thiền dịch ra tiếng Hán là "tĩnh lự", nghĩa là lặng lẽ những lo nghĩ lăng xăng, hay cũng dịch là "định tuệ đẳng trì," nghĩa là tâm lặng và sáng đầy đủ. Tuy nhiên định nghĩa Thiền theo chữ nghĩa vô tri như vậy chưa nói lên được bản thân của Thiền. Thiền nằm ngay trong tâm của con người. *"Chân lý sống là cái hiện thực ngay nơi mỗi người, trong mỗi người, người đang sống trong đó chứ không ở đâu khác. Như nói thiền là tĩnh lự, là tâm lặng lẽ trong sáng, song đặt câu hỏi lại: Thế nào là tâm lặng lẽ trong sáng? Đây không còn là chuyện giải thích danh từ nữa, mà phải tự cảm nhận nơi mình mới thấu rõ thôi. Vì vậy muốn cảm nhận chân lý Thiền là phải thể nghiệm trực tiếp, phải thẳng vào chớ không đứng bên ngoài bàn bạc, lý luận suông."*

Tới đây anh ngứa mới... vào thiền!

"Có vị tăng hỏi Thượng sĩ Tuệ Trung:

"Bạch Thượng sĩ, thế nào là đại ý Phật pháp?"

Thượng sĩ đáp:

"Đầu trạnh vỗ sóng mắt sâu sâu bọ,
Cánh bằng lướt gió ruột kiến kiến trùng."

Hỏi:

" Như vậy học nhân làm sao được lối vào?"

Đáp:

" Gãi ngứa đâu phải người khác ngứa,
Đói ăn chính thật nhà ngươi ăn.

Ông hỏi đại ý Phật pháp, ông muốn hiểu được lẽ thật đó thì ông phải quên niệm phân biệt theo thói quen suy nghĩ lâu nay đi, ông phải đích thân cảm nhận nơi mình chớ không thể đứng bên ngoài mà hỏi, mà muốn tìm hiểu biết. Gãi ngứa là tự ông ngứa, đâu phải người khác ngứa thay cho ông; cũng vậy, đói là tự ông ăn thì mới hết đói, ai ăn thay cho ông được? Cho nên trong nhà Thiền, nhất là Thiền tông, luôn nhấn mạnh đến chỗ trực nhận không qua ý niệm." (Thiền, Con Đường Thể Nghiệm Chân Lý).

Đọc tới đây, bạn thấy đã ngứa chưa?

06/2007

Website: www.songthao.com

TRẦN VĂN NAM

Ngược dòng vạn dặm trường giang

Dòng sông không phải bắt nguồn từ không gian
Của bình nguyên tuyết trắng
Qua rừng núi bạt ngàn
Dòng sông đã bắt nguồn từ thời gian
Do tình thương quá khứ
Do muôn trùng kỷ niệm miên man

Phải, dòng nước tâm tư ra đi từ đất lành
Vang xa tiếng hát ru con của quê hương thời tuổi mộng
Bên cầu tàu Mỹ Tho đèn lu đèn tỏ
Nhớ về Sài Gòn đèn ngọn đỏ ngọn xanh.
Phải, ngọn nguồn sẽ khởi hành từ quê hương
Tất cả sẽ được kể từ dĩ vãng
Câu chuyện một dòng sông sẽ không đi về cửa biển
Chín Con Rồng sẽ bơi ngược tạm biệt trùng dương...
Dẫn khởi kể từ quê tôi có hàng dừa xanh trường cửu
Những đồng bằng cũng rợp bóng cò bay
Một đám dân hiền lành, có khi quả cảm
An phận đời nghe nước chảy đêm ngày...
Dẫn khởi từ đất nước chúng tôi có quá trình lịch sử
Thăng trầm trong bụi cuốn bánh xe quay
Không xây mộng trường chinh
Không dựng đền tháp công trình vĩ đại
Sống hòa đồng với mọi sắc dân bằng cảm thông
Bằng ngôn ngữ độc âm Nam Á-Nam Đảo cội nguồn
Quê hương chúng tôi là nước Việt Nam
Ven bờ trùng dương sóng vỗ
Cuộc chiến nào từng rung chuyển núi non
Từ rừng xa xanh về miền châu thổ
Bóng lê dân trên khắp nẻo dặm mòn.
Chúng tôi đã nhiều khổ đau
Chúng tôi ước mơ hòa bình thế giới
Cũng như Con Sông Xuyên Á nước về dịu ngọt
Yên bình cho đến cả ngàn sau...

Xuyên Á, Xuyên Á
Ngược dòng mà đi, dòng sông muôn dặm
Chảy dọc trời xa: giải nước khổng lồ
Mặt trăng đỏ lừ chặn đường qua biên giới
Và võ vàng trên điêu tàn phế tích hư vô
Ngã ba biên giới, ngã ba cuộc đời
Nước chảy mông mênh nước lên Biển Hồ
Đường chia đất đai, đường chia dân tộc
Những cuộc tranh hùng là xương trắng khăn sô.
Hỡi bí mật Đế Thiên, hỡi linh thiêng Đồng Tháp
Nước của tình thương xuyên qua bao nhiêu thế kỷ?
Vượt lên bao nhiêu cơ đồ?
Hai dân tộc mong tìm đường thân thiện
Nhạc của đại hòa trên sóng nước mấp mô...

Xuyên Á, Xuyên Á
Đường qua xứ Lào, đường qua An Lạc
Dòng nước song hành đường lộ xa xăm
Xứ của người dân lang thang thung lũng
Triết lý cuộc đời sống thác bao năm
Dòng nước êm ru qua miền đất Phật
Mái chùa cong huyền ảo đêm rằm
Đất của ngoại nhân đi tìm sự nghiệp
Súng đạn lên đường trong gió rét căm căm.

Trong chiến cuộc nghe từ Sầm Nứa
Một người hiền vượt biển đến Nam Tha
Bác sĩ Thomas Adooley
Vào thung lũng dựng nhà
Giúp những đời nghèo khổ
Sống với núi non lửa hồng cháy đỏ
Mưa trút và súng nổ nghe xa.

Xuyên Á, Xuyên Á
Bên kia bờ là xanh xanh trùng điệp
Là vương quốc hòa bình phương Đông
Sông nước ngược xuôi kinh thành Vọng Các
Thành quách Hoàng gia trăng sáng mênh mông
Suốt bao năm không chinh chiến
Cuộc sống hiền như nhịp nước trên sông
Bên kia bờ là Đông Dương sôi động
Đời nơi đây êm ả nước bềnh bồng
Dòng nước còn đi còn đi mãi
Mặc bên kia bờ ai được ai không
Tiễn đưa bằng tiếng hát
Bờ bến chim ca trong buổi mai hồng.

Xuyên Á, Xuyên Á
Dòng nước chảy vào Quốc Gia Phật Giáo Á Châu
Đi ngang qua khoảnh khắc
Mà lưu luyến tiếng kinh cầu
Núi xanh trùng trùng điệp điệp
Ngả ba rẽ vào Miến Điện thâm sâu
Trên núi cao, thời Thế Chiến có con đường chiến lược
Chạy ngoằn ngoèo hoang phế đã từ lâu
Người dân không muốn nhắc nhở
Chiến chinh rồi còn được những gì đâu?
Có một đoàn quân bại trận lẩn trốn
Rồi phôi pha trong mưa gió công hầu...

Xuyên Á, Xuyên Á
Nước chảy ngược dòng, nước vào Bách Việt
Nước về nguồn mạch: Thanh Hải, Trung Hoa
Mênh mông hoàng thổ
Tuyết trắng chan hòa
Vùng văn minh Đông Á
Miền bí sử thâm cung
Dãy Thiên San rền vang quá khứ
Trống chiêng tướng mã binh hùng
Xứ của rừng mai ẩn sĩ
Người của Chiến Quốc lao lung
Dòng Dương Tử tràn đầy thơ nhạc
Đường biên cương giặc giã Phiên Ngung
Nước ngược về đây tìm đường kết hợp
Nối những trời mây Đại Đông Á muôn trùng
Bởi vì đâu mà tranh chấp
Sao chẳng hòa đồng hát bản tình chung.
Việt Nam là duyên hải
Ai Lao, Cam Bốt thành miền Trung
Miến Điện, Thái Lan: sườn Tây vững chắc
Gió không nhà trên rừng lá cây rung
Dòng Mekong thông nguồn đi suốt tận
Trường giang ca trên sóng nước chập chùng...

(Trích Nguyệt san NGHỆ THUẬT, Sài Gòn, số Mùa Xuân Nhâm Ngọ 1966)

THẢM KỊCH MÔI SINH TRÊN SÔNG TÙNG HOA 11/2005 VÀ CÁCH ỨNG XỬ CỦA TRUNG QUỐC

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

NGÔ THẾ VINH

Sông Mekong sẽ mất tất cả, điều mà các nhà kinh tế gọi đó là "cái giá trị hiện hữu / existence value" – đó chính là sự sống với nguồn tài nguyên và cả sự thanh khiết từ ngàn năm của con sông Mekong.

*

DẪN NHẬP

Bài viết dưới đây là những bước theo dõi và phân tích cung cách ứng xử của Trung Quốc trong khoảng 20 ngày sau vụ nổ nhà máy hóa chất của PetroChina ở tỉnh Cát Lâm (13-11-2005) gây một thảm họa môi sinh —được ví như một "Chernobyl hóa chất" trên con sông Tùng Hoa dài 2,000 km, làm ô nhiễm nguồn nước uống của hàng trăm triệu cư dân ven sông, gây ảnh hưởng dây chuyền sang tới con sông Amur của Nga ở dưới nguồn... Rồi nhìn về Lưu Vực Lớn Sông Mekong, với chuỗi đập khổng lồ Vân Nam chắn ngang sông Lan Thương, không chỉ khiến sông Mekong cạn dòng và ĐBSCL thêm ngập mặn, mà do có thêm dồi dào nguồn thủy điện, là yếu tố tạo thuận cho các khu kỹ nghệ ven sông phát triển. Dĩ nhiên sẽ không thiếu những nhà máy hóa chất lớn như ở Cát Lâm. Lại thêm mới đây, từ 29-12- 2006 Trung Quốc bắt đầu sử dụng sông Mekong như một thủy lộ chở dầu khí. Đó sẽ là những "trái bom nổ chậm" có thể gây nên một thảm họa môi sinh liên quốc gia, bất cứ lúc nào; và nạn nhân không ai khác hơn chính là hàng trăm triệu cư dân ven sông từ Vân Nam xuống tới các quốc gia Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam —là nước cuối nguồn. Khi đó ĐBSCL sẽ không còn là một "Vựa Lúa" của cả nước và cũng không còn đâu một nền "Văn Minh Miệt Vườn."

HARBIN IN THE NEWS

Chủ Nhật 13 tháng 11, 2005, một nhà máy hóa chất dầu hỏa lớn trong tỉnh Cát Lâm (Jillin) bắc Trung Quốc bị nổ làm ít nhất năm người chết, một số bị thương và nhiều ngàn người phải di tản vì những làn khí độc. Hậu quả tức thời là hơn 100 tấn benzene và những độc chất khác từ nhà máy đã đổ xuống sông Tùng Hoa (Songhua), con sông có chiều dài ngót 2000 km, là một phụ lưu lớn của sông Hắc Long (Heilongjiang).

Sông Tùng Hoa chảy qua thành phố lớn Cáp Nhĩ Tân (Harbin) với ngót bốn triệu dân và hơn 30 thành phố khác, nối tiếp với các vùng thôn quê mà đa số cư dân sống nhờ vào nguồn nước của con sông này.

Điều đáng nói là cư dân Cáp Nhĩ Tân, thị trấn của tỉnh Hắc Long Giang, cách Cát Lâm 200 km, chỉ được thông báo vào ngày thứ Tư 23 tháng 11, 2005 – nghĩa là mãi tới mười ngày sau vụ nổ.

Một lớp hóa chất cực độc trải dài tới 80 km [H.1_ thảm độc Benzene]], trôi xuôi dòng trên con sông Tùng Hoa, một phần băng giá nhưng vẫn có dòng chảy chậm qua thành phố họ. Benzene và nitrobenzene là chất gây ung thư ngay cả với liều lượng nhỏ. Khối chất độc ấy sẽ tiếp tục trôi xuống hạ nguồn, đổ vào con sông lớn Hắc Long Giang, khi vào lãnh thổ Nga, mang tên sông Amur chảy ngang qua thị trấn biên giới đầu tiên Khabarovsk rồi tới ba thành phố khác xa hơn dưới nguồn. [H2_ bản đồ]

Nguyên nhân của tai nạn, như từ bao giờ, thường không được nhà cầm quyền Trung Quốc làm sáng tỏ. Cho dù công ty Petrochina trực tiếp chịu trách nhiệm nhưng họ thì vẫn luôn luôn phủ nhận những nguy hiểm của ô nhiễm độc chất.

Vào ngày Chủ Nhật 20 tháng 11, 2005, theo thông tấn nhà nước Trung Quốc, nồng độ benzene / nitrobenzene nơi ranh giới tỉnh Cát Lâm và tỉnh Hắc Long Giang đã vượt cao hơn mức độc hại từ 30 tới 100 lần.

SỰ HOẢNG LOẠN TRƯỚC NHÂN TAI

Các chuyên gia môi sinh đã ví vụ nổ ở tỉnh Cát Lâm như một thảm họa *"Chernobyl Hóa Chất – Chernobyl Chimique"* làm ô nhiễm nguồn nước "sống còn" vốn đã rất hiếm ở Trung Quốc. Nhiều triệu cư dân ven sông phần lớn đã phụ thuộc vào nguồn nước uống từ con sông Tùng Hoa này.

Tưởng cũng nên nhớ lại thảm họa môi sinh Chernobyl, cách đây 19 năm [16 tháng 04, 1986] là vụ nổ của một nhà máy điện nguyên tử thuộc Liên bang Xô Viết cũ nay là Ukraine mà cho đến bây giờ vẫn còn là một vùng với độ nhiễm độc phóng xạ cao.

Sau vụ nổ, chánh quyền địa phương tỉnh Cát Lâm, ban đầu muốn dấu nhẹm mọi tin tức với hy vọng số lượng độc chất đổ xuống sông sẽ tự tan loãng và bị trung hòa. Nhưng sự thể không đơn giản như vậy.

Trong khi đó ở thị trấn lớn Cáp Nhĩ Tân dưới nguồn, chỉ có những tin đồn đãi, như sắp có động đất, nên người ta đổ xô đi mua trữ thực phẩm và nước uống. Sang ngày thứ Hai, các siêu thị không còn nước bán. Ngày thứ Ba, chánh quyền Cáp Nhĩ Tân bắt đầu ban lệnh cắt nguồn cung cấp nước chỉ với lý do nêu ra là để "bảo trì" trong vòng bốn ngày, là khoảng thời gian phỏng chừng để thảm chất độc benzene đã chảy qua Cáp Nhĩ Tân.

Những chiếc xe citernes tải nước tới thành phố Cáp Nhĩ Tân, cùng với lời giải thích: "Sẽ mở lại nguồn nước một giờ mỗi ngày, nhưng không được uống. Các trường học đóng cửa và công sở thì vẫn làm việc." Dân chúng thì hốt hoảng xếp hàng chen chúc ngoài trời cóng lạnh với thùng chậu trên tay để tranh hứng phần nước ngọt nhỏ nhoi từ những chiếc xe tải. [H.3_ Chờ nước uống]

Tin tức từ Cáp Nhĩ Tân vào ngày thứ Năm 24 tháng 11, 2005 thì như vậy. Nhưng từ hai ngày trước đó, tức là thứ Ba 22 tháng 11, 2005, đã có những tin không chính thức của các nhà hoạt động môi sinh loan tải trên internet về một thảm họa ô nhiễm benzene trên con sông Tùng Hoa.

Trong sự hoảng sợ và hoang mang, bao nhiêu câu hỏi được nêu ra là "Tại sao không có phòng ngừa trước? Sau thành phố lớn Cáp Nhĩ Tân được nhắc nhở trên báo chí, nhưng còn 30 thị trấn ven sông và dưới nguồn khác sẽ ra sao? Dòng độc chất benzene khi tới lãnh thổ Nga, cư dân thị trấn Khabarovsk sẽ chịu ảnh hưởng như thế nào? Ảnh hưởng lâu dài trên người, trên nguồn nước, nguồn cá sẽ ra sao? " Vẫn không có câu trả lời cho những vấn nạn ấy.

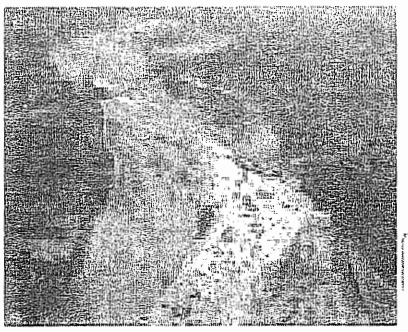
Benzene trên sông Tùng Hoa

Sông Tùng Hoa

Cảnh tiếp nước cho dân Cáp Nhĩ Tân

ĐỘC CHẤT KHÔNG SẮC BENZENE VÀ CÁC BỆNH UNG THƯ

Benzene là một hóa chất lỏng, trong không màu và dễ cháy, được dùng để chế tạo các vật dụng plastics, thuốc trừ sâu và chất tẩy / detergents.

Về phương diện y khoa, rất sớm từ 1920, benzene được biết tới như một độc chất có thể gây ung thư máu. Từ 1940, Viện Dầu Hỏa Hoa Kỳ [American Petroleum Institute] cũng đã ghi nhận những trường hợp ung thư máu do bị nhiễm benzene. Từ 1970, khảo sát dịch tễ học trên các công nhân làm việc tiếp cận với hóa chất benzene, cho thấy họ có khả năng bị ung thư máu cao hơn. Đến 1997, viện Y tế Công cộng Đại học North Carolina đã xác định là có nhiều

dạng ung thư máu [leukemias] cấp tính và mạn tính do bị nhiễm độc chất benzene [Amer.J. Industrial Health 31: 287-295, 1977].

Nhiễm độc benzene lâu dài dù với liều lượng nhỏ có thể làm biến đổi nhiễm sắc thể (chromosomes) gây ra chứng hoại huyết (aplastic anemia), do tủy xương bị tổn hại mất khả năng sản xuất các tế bào huyết.

Cơ quan Bảo vệ Môi trường của nhà nước Trung Quốc / SEPA [State Environment Protection Administration] cũng xác nhận là chất trầm lắng (sedimentation) của nitrobenzene có thể tích lũy trong thân cá nên đã khuyên dân chúng là không nên ăn cá lưới được từ con sông Tùng Hoa ít nhất là trong vòng hai tháng tới. Nhưng câu hỏi được đặt ra là sau khoảng thời gian *"hai tháng giả định"* ấy, liệu có thực sự là an toàn không khi dân chúng tiêu thụ trở lại các loại thủy sản thu hoạch được từ con sông Tùng Hoa? Không ai thực sự có thể đưa ra lời giải đáp.

TRỢ GIÚP CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

Liên Hiệp Quốc đã ngỏ lời sẵn sàng giúp Trung Quốc và Nga đương đầu với vụ ô nhiễm môi sinh rộng lớn liên quốc gia này. Nhưng Bắc Kinh, vì "sĩ diện" như từ bao giờ, tỏ ra không muốn đáp ứng và cũng không muốn chia xẻ thêm thông tin về tai nạn vừa qua. Vladimir Sakharov, giám đốc Phân bộ Cấp cứu Môi sinh của Liên Hiệp Quốc [Environmental Emergencies Section] có văn phòng tại Geneve, đã phát biểu: "Chúng tôi cần những thông tin cơ bản và chính thức từ phía Trung Quốc nhưng chúng tôi đã không có được." Sakharov cũng thông báo cho cả hai chánh phủ Trung Quốc và Nga về thiện chí của Liên Hiệp Quốc muốn có được *"một lượng giá chuyên nghiệp, độc lập và vô tư "* về tai nạn môi sinh này nhưng cả Trung Quốc và Nga đều không có đáp ứng." Ông cũng nói thêm rằng "Chẳng thể nào mà so sánh tai nạn này với các vụ ô nhiễm sông ngòi khác hay có thể lượng định ảnh hưởng tác hại môi sinh lâu dài nếu không có thêm thông tin từ phía Trung Quốc. Chúng tôi đã yêu cầu và vẫn chờ đợi."

NGA SẼ KIỆN TRUNG QUỐC TRƯỚC TÒA ÁN QUỐC TẾ

Một viên chức cao cấp Nga về chuyên về an toàn môi sinh đã nói với phóng viên thông tấn AP là Nga đã phải chuẩn bị 50 tấn than hoạt tính (activated carbon) để đương đầu với dòng độc chất đổ tới từ Trung Quốc. Thật là khó khăn để lượng định hậu quả môi sinh của vụ nổ nhà máy hóa chất ở Cát Lâm Trung Quốc nhưng có điều chắc chắn là mọi chủng loại cá trên sông Amur sẽ bị thiệt hại và ô nhiễm nặng. Chính quyền Nga ở địa phương và cả trung ương đã hết sức lo ngại về những hậu quả tức thời và lâu dài của thảm họa môi sinh này.

Hôm thứ Sáu 25/11/2005, viện sĩ Nga Viktor Shudegov nói với hãng thông tấn RIA-Novosti là vì những hậu quả tác hại môi sinh do ô nhiễm hóa chất từ Trung Quốc đổ vào con sông Amur, có thể chánh phủ Nga sẽ kiện trước Tòa án Quốc tế bắt Trung Quốc phải bồi thường những thiệt hại. Và hầu như Trung Quốc sẽ không bao giờ *"tự nguyện"* làm điều ấy.

Trong bài xã luận, đăng tải trên *The Moscow Times*, ký giả kỳ cựu Georgy Bovt đã chỉ trích chánh phủ Nga là thiếu sót trong các *"tin tức tình báo"* về vụ nổ nhà máy hóa chất bên Trung Quốc và Mặc Tư Khoa chỉ được thông báo 10 ngày sau. Phản ứng muộn màng trong biến cố này là điển hình tình trạng thiếu hiệu năng của một đất nước Liên Xô cũ. Bovt cũng cho rằng Mặc Tư Khoa muốn giới hạn phản ứng để làm vừa lòng quốc gia láng giềng Trung Quốc, vốn đang là khách hàng tiêu thụ khổng lồ về năng lượng của Nga.

Để trả lời sự trách móc của Nga, Trung Quốc thì vẫn khẳng định là mình không làm điều gì sai trái khi chờ tới hàng tuần lễ sau mới thông báo cho Mặc Tư Khoa biết về vụ nổ xảy ra từ ngày 13 tháng 11, 2005 tại Cát Lâm.

Phát ngôn viên bộ Ngoại giao Trung Quốc Liu Jianchao bào chữa "Do vì có nhiều mức độ tường trình khác nhau và các giới chức địa phương ven sông thì được báo tin trước." Ông ta tiếp: "Mãi tới 14 ngày sau các độc chất mới xuống tới được con sông Amur, do đó chúng tôi nghĩ rằng đã không chậm trễ cung cấp tin tức và như vậy thì sự than phiền của Nga là quá sớm."

Trước hình ảnh rất xấu xí của Trung Quốc, qua cách ứng xử thiếu trách nhiệm với vụ nổ ở Cát Lâm, chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã phải chính thức xin lỗi công chúng và cường quốc láng giềng Nga. Điều này phải nói là rất hiếm.

Và rồi cũng để trấn an dân chúng, theo Tân Hoa Xã, Zhang Zuoji tỉnh trưởng Hắc Long Giang tuyên bố ông sẽ là người uống ngụm nước đầu tiên khi chánh quyền thông báo nước từ con sông Tùng Hoa đã trở lại mức an toàn

để dùng làm nước uống.

KHẢ NĂNG MỘT CHERNOBYL TRÊN SÔNG MEKONG

Không có chiến lược dự phòng cho an toàn môi trường, cũng không có kế hoạch đối phó cấp thời với thảm họa khi xảy ra. Tất cả chỉ nhằm phục vụ cho tăng trưởng kinh tế, bất chấp mọi hậu quả môi sinh, nạn nhân tức thời và trong lâu dài của ô nhiễm môi sinh chính là người dân của Trung Quốc và cả cư dân của các quốc gia lân bang.

Khi mà Trung Quốc coi mỗi đô la đầu tư vào nghiên cứu bảo vệ môi sinh là một "phí phạm xa xỉ," khi mà các độc chất đã bị cấm ở Mỹ cũng như ở các quốc gia kỹ nghệ phát triển nhưng vẫn cứ được sử dụng rộng rãi ở Trung Quốc thì đất, khí quyển và nhất là sông ngòi của Trung Quốc ngày càng bị ô nhiễm là điều không thể tránh. Nói tới vấn đề ô nhiễm môi sinh của Trung Quốc chẳng phải là chuyện xa vời mà là mối đe dọa thường nhật.

Tấn thảm kịch môi sinh Cát Lâm được báo *Le Monde* [25-11-2005] gán cho tên "Chernobyl chimique / Chernobyl hóa chất" không chỉ bởi tầm vóc tác hại lớn lao liên quốc gia, nhưng đối với thế giới, tên "Chernobyl" còn là biểu tượng xấu của một chế độ toàn trị luôn luôn che đậy bưng bít thông tin, coi thường an toàn công cộng và cả bất lực cung cấp dịch vụ cấp cứu cơ bản cho người dân khi có lâm nguy.

Đối với giới lãnh đạo Bắc Kinh, thảm kịch môi sinh trên con sông Tùng Hoa còn là một "Chernobyl chánh trị." Bởi vì khi mà chánh sách bưng bít không còn hiệu quả, để "giới hạn tổn thất" và cả vãn hồi uy tín, rồi ra Trung Quốc sẽ có những màn trình diễn ngoạn mục khác. Theo tin hãng thông tấn Nga RIA-Novosti gửi đi từ Bắc Kinh [02-12-2005], thì Bộ trưởng Bảo vệ Môi sinh Xie Zhenhua vừa bị giải nhiệm và được thay thế bởi Sheng Xian nguyên là giám đốc Bộ Lâm nghiệp...

Rồi nhìn về Lưu Vực Lớn Sông Mekong [GMS / Greater Mekong Subregion], với chuỗi đập khổng lồ Vân Nam chắn ngang sông Lan Thương [tên Trung Quốc của sông Mekong], chuỗi đập ấy đâu phải chỉ khiến con sông Mekong cạn dòng và Đồng Bằng Sông Cửu Long thêm ngập mặn —mà do có thêm dồi dào nguồn thủy điện, là yếu tố tạo thuận cho các khu kỹ nghệ ven sông Lan Thương mau chóng phát triển. Dĩ nhiên không thiếu những nhà máy hóa chất lớn như ở Cát Lâm. Lại thêm mới đây, từ 29-12- 2006 Trung Quốc bắt đầu sử dụng sông Mekong như một thủy lộ chở dầu khí. Và đó sẽ là những *"trái bom nổ chậm / time bombs"* có thể gây nên một thảm họa môi sinh liên quốc gia, bất cứ lúc nào. Tầm vóc của tấn thảm kịch trên sông Mekong có thể sẽ lớn hơn nhiều – nhưng rồi ra cũng sẽ có *"cùng một kịch bản / scenario"* như câu chuyện của con sông Tùng Hoa hiện nay.

Nếu có thêm một "Chernobyl Dầu Khí_ Made in China" trên sông Mekong, thì nạn nhân không ai khác hơn chính là hàng trăm triệu cư dân ven sông từ Vân Nam Trung Quốc xuống tới các quốc gia hạ nguồn như Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam – Và Đồng Bằng Sông Cửu Long sẽ không còn là "Vựa Lúa" của cả nước và cũng không còn đâu cả một nền "Văn Minh Miệt Vườn."

12/2005–12/2006

Ngô Thế Vinh, tốt nghiệp Y khoa Sài Gòn, làm báo sinh viên Tình Thương, y sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, tốt nghiệp thường trú bệnh viện Đại học New York, hiện là bác sĩ điều trị và giảng huấn tại một bệnh viện nam California. Đã viết trên các báo: Thế Kỷ 21, Đi Tới, Ngày Nay, Người Việt. Tác phẩm đã xuất bản: Vòng Đai Xanh, Mặt Trận Ở Sài Gòn, Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng, Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch.

Tham khảo:

1/ Toxic Flow Reaches Chinese City; Oil Company Blamed, David Lague
International Herald Tribune, Nov 24, 2005
2/ Catastrophe Ecologique en Chine du Nord, Brice Pedroletti Le Monde, 24.11.05
3/ China Defends Handling of Toxic Spill, by Joe McDonald AP Writer, Thu Nov 24, 2005
4/ City Flees to Country as Toxix Slick Chokes River, Jane Macartney
www.timesonline.co.uk, Nov 25, 2005
5/ Environment. L' Amour En Danger, Colette Thomas
www.rfi.fr/actufr/071/article_0020.asp
6/ Russia Braces for Toxic Spill, China sends Apologies
www.mosnews.com/news/2005/11/28/chinrusapologies
7/ Russian City in Path of Huge Toxic Spill, Burt Herman Associated Press, Dec 1, 2005
8/ China Turns Mekong into Oil-Shipping Route, Macan-Markar
Bangkok, Jan 5, 2007, IPS_ www.ipsnews.net/news

VÙNG ĐẤT NGẬP
ĐỒNG THÁP MƯỜI

TRẦN NGƯƠN PHIÊU

Đồng Tháp Mười là một địa danh quen thuộc đối với những người sanh trưởng ở miền Nam. Tuy nhiên, số người thật sự có cơ hội đặt chân lên vùng xa xôi này hay được sinh sống trên phần đất này có thể nói là rất ít. Vì vị trí đặc biệt, thiếu phương tiện đường sá lưu thông nên Đồng Tháp Mười vẫn được coi là một vùng đất hẻo lánh, nhiều bí ẩn.

Đồng Tháp Mười là một cánh đồng rộng lớn, hằng năm bị ngập lụt lối bốn, năm tháng khi nước sông Cửu Long dâng cao. Biển Hồ Tonlé Sap ở Campuchia và Đồng Tháp Mười ở Việt Nam là hai nơi lưu trữ nước thiên nhiên, nên đến mùa nước nổi, sông Cửu Long từ từ dâng cao, sau đó nước sẽ lần lần rút ra biển. Vì thế nên ở miền Nam, không có nhu cầu phải đắp đê để ngăn nước như sông Hồng ở miền Bắc. Mực nước mỗi năm tuy dâng cao nhưng từ từ nên ở miền Nam, không có cảnh thiệt hại to lớn của các trận lụt thình lình và chớp nhoáng gây chết chóc như thường thấy ở miền Trung. Diện tích Đồng Tháp chiếm khoảng 8 ngàn cây số vuông, độ 800.000 mẫu tây. Chiều Nam-Bắc, từ Cao Lãnh tới Svay Riêng dài khoảng 70 cây số; chiều ngang từ Hồng Ngự đến Tân An tính ra khoảng 120 cây số.

Trên các bản đồ thời Pháp thuộc, vùng này có cái tên là Plaine des Joncs (Đồng Cỏ Lác). Sau 30 tháng Tư năm 1975, tỉnh Sa Đéc được đổi tên thành tỉnh Đồng Tháp, diện tích bao trùm gần trọn Đồng Tháp Mười. Tỉnh Đồng Tháp nay giáp Campuchia ở phía Bắc, đường biên giới dài khoảng 52 cây số. Phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long, phía Đông giáp tỉnh Long An và Tiền Giang, phía Tây giáp Cần Thơ và An Giang. Toàn diện tích tỉnh Đồng Tháp tính ra vào khoảng 3 ngàn 300 cây số vuông.

Nhắc đến địa danh Đồng Tháp, không thể nào không nhắc đến anh hùng kháng Pháp: Thiên hộ Võ Duy Dương. Võ Duy Dương đã lập nhiều đồn lũy và đã đóng tổng hành dinh tại vùng Tháp Mười. Truyền thuyết của người Miên cho rằng vùng này có tên là Tháp Mười vì nơi đây là nơi đặt ngọn tháp Chùa Miên thứ mười kể từ trên Campuchia xuống. Một số người am hiểu lịch sử miền Nam lại giải thích: tên Tháp Mười thật sự chỉ có từ thời kháng Pháp của Thiên hộ Dương. Ông Võ Duy Dương đã đặt nhiều đồn và tháp để canh chừng tàu của Pháp, kể từ sông lớn Vàm Ba Sao vào đến Tổng hành dinh và cái tháp nơi hành dinh là tháp thứ mười? Tổng hành dinh Tháp Mười được bao vây che chở từ xa bởi ba đồn: Đồn Tả, Đồn Hữu và Đồn Tiền. Mỗi đồn có thể chứa 200 đến 300 nghĩa binh, trang bị với súng, thớt súng bắn đá, đại bác... Ngày 14 tháng Tư năm 1866, Đô đốc De Lagrandière đã chia 500 quân làm ba mặt tiến vào Đồng Tháp, xuất phát từ Gò Bắc Chiên đi xuống để đánh Đồn Tả, từ Cần Lố đi lên tấn công Đồn Hữu và cánh thứ Ba từ Cái Nứa để đánh Đồn Tiền. Nghĩa quân đã chống trả từ ngày 15 cho đến ngày 18 thì các đồn Tả, Hữu thất thủ và Thiên hộ Dương phải bỏ Tháp Mười. Quân Pháp đã đốt phá, bình địa đồn, sau khi đã phải chịu thiệt hại trên 100 lính. Thiên hộ Dương tiếp tục chống Pháp nhưng sau chết vì bịnh. Về sau, trên một gò cao của di tích đồn Tháp Mười này, một ngôi chùa Phật đã được dựng lên, trang hoàng theo lối chùa Miên.

Một người Pháp tên Sylvestre, chức vụ Thanh tra, làm việc ở Cai Lậy và Sa Đéc từ 1869 đến 1878 đã nhiều lần đến viếng Chùa Tháp Mười. Chùa được xây cất trên một gò đất cao độ bốn thước, rộng khoảng ba mươi thước đường bán kính. Nền chùa cất trên đá ong, tháp hình ngũ giác năm mặt, được người Miên gọi là Prasah Préam Loveng (Tháp Năm Căn). Người Việt thì lại gọi là Tháp Mười, có thể vì xưa tháp có 10 tầng nhưng đã đổ nát? Ông Sylvestre có lấy từ Tháp Mười (Ruines de la tour à cinq faces), một phiến đá có chạm hình bánh xe Pháp Luân còn nguyên vẹn với 12 căm bánh xe, gởi về tặng một viện bảo tàng nhỏ "Musée municipal de Rochefort sur Mer" ở Pháp. Các nhà khảo cổ danh tiếng như Etienne Aymonier và Henri Parmentier thuộc trường

Viễn Đông Bác Cổ đều đã viếng thăm Tháp Mười nhiều lần. Từ chợ Sa Đéc, dùng ghe máy theo kinh Cái Bèo, Tháp Mười và kinh 4 bis (Cát Bích), đi khoảng bốn giờ sẽ đến Tháp. Một giáo sư Pháp văn trường Petrus Ký, sau làm quản thủ viện Bảo tàng Sài Gòn và được thăng Viện trưởng trường Viễn Đông Bác Cổ, tên L. Malleret là người có công nghiên cứu nhiều nhất về Tháp Mười. Louis Malleret là tác giả bộ *Le Delta du Mékong* (Lưu vực sông Cửu Long), trong đó quyển thứ IV (*Le Cisbassac*) là quyển chuyên khảo về Đồng Tháp. Các viên gạch di tích Tháp Mười còn được lưu giữ ở Bảo tàng viện Sài Gòn là do công của L. Malleret.

Trước thời Kháng chiến Nam Bộ, dân cư sống trong vùng Đồng Tháp, gồm người Việt, người Miên và Trung Hoa chỉ vào độ 150.000. Hiện nay, theo các thống kê mới nhất của riêng tỉnh Đồng Tháp, số dân được trên 1, 6 triệu người. Cách xa thành phố Sài Gòn độ 162 cây số, ngoài một số đường nhỏ, Đồng Tháp chỉ có 136 cây số Quốc lộ IA.

Thời Việt Nam Cộng Hòa, người có công phát triển Tràm Chim, từ một vùng cỏ lác hoang vu bên bờ kinh Đồng Tiến, biến thành một trung tâm sung túc hiện nay, phải kể đến linh mục Bạch. Linh mục Bạch đã xin Tổng thống Ngô Đình Diệm để hướng dẫn một số giáo dân vào khai khẩn lập nghiệp ở nơi đây. Trước thời Cha Bạch, vùng trung tâm Đồng Tháp này vào mùa nước nổi bao la như một miền biển rộng. Cha Bạch đã xây dựng được nhiều công trình như: nhà thờ, trường học, chợ, phố xá bằng vật liệu nặng, xi măng, bê tông cốt sắt, vôi gạch... nên đến mùa nước nổi, giữa biển nước mênh mông, nhờ có các công trình kiến trúc mới, Tràm Chim đã trở thành một ốc đảo vững chắc cho ghe thuyền dân chúng neo, tụ họp sinh hoạt trong mùa nước lụt. Người viết bài đã có một thời phục vụ ở bộ Xã Hội nên đã có được cơ hội giúp linh mục Bạch trong các chương trình xây cất định cư các gia đình cơ cực trong vùng.

Tràm Chim Tam Nông nay là một địa điểm du lịch đặc biệt vì là nơi để du khách có thể quan sát loại sếu đầu đỏ, một giống chim hiếm có, mình cao trên một thước. Tháng Giêng đến tháng Năm là mùa mà các hồng hạc này bay trở lại vùng để du khách có được dịp quan sát, chụp ảnh.

Ngoài tên Tràm Chim, nhắc đến Đồng Tháp, không thể không kể thêm một vài địa danh khác đã đi vào lịch sử như Cù lao Ông Chưởng, nơi danh thần Nguyễn Hữu Cảnh đã chết vì bịnh khi kéo binh trở về, sau chiến thắng vua Chân Lạp vào năm 1699. Gần nhất, phải kể đến rạch Đốc Vàng Thượng, nơi Việt Minh đã bày mưu đặt kế để ám hại Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ cũng như những vùng xa xôi, sát biên giới Miên là Tân Thành, Cái Cái, nơi Việt Minh đã thủ tiêu, chôn sống tập thể hàng ngàn tín đồ Phật giáo Hòa Hảo.

Phật giáo, một tôn giáo lớn, dạy người đời nên làm lành, lánh dữ, giữ tâm trong sạch, đã được phổ biến ở Việt Nam trên hai ngàn năm. Khi được truyền bá vào Nam nhân cuộc Nam Tiến, Phật giáo đã uyển chuyển hòa hợp vào điều kiện sinh sống mới của dân chúng, vào vùng đất trù phú "làm chơi, ăn thiệt." Phật giáo Hòa Hảo được Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ phát triển ở đồng bằng sông Cửu theo phương pháp hành đạo của Phật Thầy Tây An, đã được nông dân Nam Bộ hưởng ứng chấp hành. Một nền Phật giáo Thời đại, không chủ trương dựng chùa to, đúc tượng lớn, không hệ thống Tăng ni, Sư sãi, không chuông mõ, đã được hằng triệu tính đồ miền Nam chấp nhận. Thay vì xây các chùa lớn, giáo dân theo chủ trương của Phật Thầy Tây An đã hình thành những trại ruộng là nơi để vừa cấy cày sinh sống, vừa tu học, hành đạo; tự túc không nhờ đến sự cúng dường của dân chúng. Các Trại ruộng lớn như Láng Linh, Cần Lố... cũng là các nơi nuôi dưỡng tinh thần chống thực dân Pháp.

Thời Gia Long phải bôn tẩu ở miền Nam, Sa Đéc ven biên Đồng Tháp là nơi Gia Long đã có một thời ẩn trú lâu dài. Vì thế nên ở làng Long Hưng tức Nước Xoáy, có sự tích Cây da bến Ngự là nơi chúa Nguyễn thường ngồi câu cá và suy tính tìm mưu chống Tây Sơn. Năm 1787, Gia Long cho xây một đồn nơi đây, nay còn di tích. Chúa Nguyễn và binh lính cũng đã được một gia chủ tên Nguyễn Văn Hậu ở Long Hưng nuôi cơm. Chúa Nguyễn nhận Ông là cha đỡ đầu, vì thế ở Long Hưng năm 1807 có xây Lăng Ông Bõ (cha đỡ đầu của vua). Bảo Đại lên ngôi vua năm 1932 nhưng mãi đến năm 1942, lần đầu tiên, chánh quyền thực dân mới đồng ý cho Bảo Đại vào thăm Nam Kỳ, nhân dịp Bảo Đại được vua Shihanouk mời viếng Campuchia. Trong thời gian cư ngụ ở Sài Gòn, Bảo Đại đã ngỏ ý muốn đến viếng Lăng Ông Bõ ở Long Hưng. Chánh quyền Sa Đéc viện cớ là từ Sa Đéc đến làng Tân Dương có đường bộ nhưng từ đây vô Nước Xoáy, tức Tân Hưng phải

đi tàu máy, rất bất tiện để đưa vua Bảo Đại đi thăm Lăng. Thật sự thì Pháp không muốn cho Bảo Đại được có cơ hội gây cảm tình và uy tín đối với dân chúng miền Nam. Bằng cớ là trong việc vua Bảo Đại muốn đến thăm Bến Tre là sinh quán của Đức bà Từ Dũ, mẫu thân của vua Tự Đức, Thống Đốc Đông Dương là Đô đốc Decoux chấp nhận, nhưng chánh quyền Pháp ở Nam Kỳ lại ra chỉ thị cấm dân chúng dọc đường không được tụ tập hoan hô!

Cao Lãnh cũng là một địa danh thường được nhắc đến. Dân mê thích đá gà ngày trước đã kháo nhau:

Gà nào hay bằng gà Cao Lãnh,
Gái nào đẹp bằng gái Nha Mân?

Nha Mân, vùng Cái Tàu Hạ, có con rạch Nha Mân êm đẹp, hiền hòa. Theo sử sách Miên, nơi đây vốn là nơi có các thiếu nữ đẹp khiến các vua Miên thường chọn hoàng hậu.

Cao Lãnh nằm vào ven biên Đồng Tháp, một vùng ruộng vườn xanh tốt nhưng vì ngày xưa không có đường lộ giao thông như con đường nối liền An Hữu đến Hồng Ngự hiện nay, nên là nơi đất lành chim đậu, nơi nương náu của nhiều nhà cách mạng chống Pháp. Nơi đây đã từng là nơi có những cuộc biểu tình của dân chúng chống thực dân. Người viết bài còn nhớ chỉ hôm sau ngày 9 tháng Ba năm 1945, ngày quân Nhật đảo chánh thực dân Pháp ở Sài Gòn, thì ngay sáng hôm đó đã có truyền đơn rải ở vùng Cao Lãnh để thông báo cho dân chúng tình hình chánh trị mới!

Đồng Tháp là vùng đất thấp nên từ trước đến nay chưa có các công trình xây cất đường sá hẳn hoi. Tuy nhiên, nhờ được có nhiều kinh lạch được đào nên giao thông bằng đường thủy đã được sử dụng cho việc chuyên chở. Việc đào kinh đã được thực hiện từ xa xưa do người Chân Lạp như hố Cái Bác từ ngọn Cái Cái đến ngọn Vàm Cỏ Tây, hoặc những con kinh đứt khúc vùng Đông-Bắc. Đặc biệt dưới thời các chúa Nguyễn trong cuộc Nam tiến, nhiều kinh chiến lược quan trọng đã được thực hiện như Thoại Ngọc Hầu đã đào kinh Vĩnh Tế... Thời Pháp chiếm đóng, nhiều kinh lớn khác đã được thiết lập trong ý đồ thâm nhập và phát triển vùng đất hoang vu, nơi trú ẩn của các người ái quốc chống Pháp. Con kinh Lagrange, được người Việt một thời kêu là kinh Lạc Giăng (tên của viên Chánh Tham biện tỉnh Tân An đã chủ trương) là một kinh quan trọng trong trung tâm Đồng Tháp, rộng trên 20 thước, tàu bè có thể chạy thông thương lên phía Gẫy để đến rạch Cái Cái. Đặc biệt có con kinh Cát Bích, nghe tưởng là tên chữ Hán-Việt nhưng thật ra là lối phát âm bình dân để đọc tên Pháp là kinh số "4 bis"! Thời Việt Nam Cộng Hòa, việc hoàn tất con kinh Đồng Tiến, bề ngang rộng đến 100 thước, là một thành tích đáng ghi nhớ. Bác sĩ Phan Quang Đán và tác giả bài này, trong chương trình Khẩn hoang Lập ấp, đã vô cùng kinh ngạc khi có được dịp trở lại thăm vùng kinh được đào sau một năm. Trên hai bờ kinh, suốt dãy đất được xáng múc đổ lên, các nông dân đã năng động biến thành các vườn dưa hấu bạt ngàn!

Nếu sát nhập vào khu Đồng Tháp vùng kế tiếp là khu phía Đông sông Vàm Cỏ Tây tới tận sông Vàm Cỏ Đông thì mới hiểu vì sao Đồng Tháp là một chiến khu quan trọng trong suốt cuộc chiến. Chiến khu Đồng Tháp như vậy là một vùng rộng lớn giữa sông Tiền và sông Vàm Cỏ Đông. Đây là một trũng nước lõm, thâu nhận nước sông Tiền từ mặt Ba Nam chảy xuống. Mé Đông là các gò chạy dài từ Mỹ Tho qua Bến Lức, Tân An. Mé Nam cũng có nhiều giồng để chận nước lại. Vùng bùn lầy bất tận này có lõm ở giữa là Gò Bắc Chiên và Tháp Mười. Đây là một vùng dân cư thưa thớt. Đồng Tháp năm nào cũng lụt lội, thảo mộc thường là cỏ năng, lác, bàng. Khu giữa hai con sông Vàm Cỏ mỗi năm cũng lụt vào mùa mưa và là một vùng đầy loại thảo mộc khác hẳn Đồng Tháp là lau sậy. Thời Pháp, quân đội chưa có phương tiện trực thăng chuyển quân nên hành quân vào vùng rất khó khăn, chỉ có thể dùng các toán nhảy dù. Để ngăn chặn các chuyển quân hoặc tuần tiễu bằng đường thủy, kháng chiến quân đã đóng nhiều cản chặn trên các ngõ vào các kinh lạch.

Quân đội Pháp đã không có khả năng hành quân quan trọng vào Đồng Tháp vì bốn trở ngại chánh: bùn, muỗi, đĩa và nắng. Mỗi năm Đồng Tháp bị lụt lội gần năm tháng. Vào mùa khô đất vẫn còn rất nhiều nơi bùn lầy. Lội bùn với giày nhà binh là một việc vô cùng vất vả. Cây cối ở Đồng Tháp rất thưa thớt, ít tìm được nơi có bóng mát, nắng nóng cháy da mà nguồn nước ngọt lại rất hiếm. Đối với muỗi, dân địa phương quen dùng nóp ngủ nên không thấy trở ngại. Nóp là một bao đệm bàng, loại túi ngủ rất ấm áp lại tránh khỏi bị muỗi cắn, một vật bất ly thân của nông dân và bạn chèo ghe Nam Bộ.

Đỉa Đồng Tháp thường là loại đỉa trâu, rất

lớn con, bám vào da rất khó gỡ ra. Thời Kháng chiến, tác giả bài này có biết một nữ sinh đã có can đảm thoát ly gia đình, bỏ học tham gia tranh đấu. Nhưng chị lại có một cái sợ khủng khiếp đến ngất xỉu khi bị đỉa đeo! Những khi liên lạc viên dẫn đường, phải qua các trũng nước sâu, rộng, mọi người đều phải cố sức vượt qua rất mau vì là vùng trống trải. Nếu bị phi cơ tuần thám phát hiện thì kể như tàn đời. Một anh bạn đã ra tay nghĩa hiệp tình nguyện cõng chị khi phải vượt qua các vũng nước. Cuối cùng là về sau, anh chị đã là bạn đời với nhau!

Toàn khu Đồng Tháp, đến mùa nước lụt lớn, nhìn mênh mông như mặt biển. Nhấp nhô trên mặt, thỉnh thoảng có những nơi cao, có cây cối, bụi rậm, được gọi là các giồng. Mùa nước lớn nơi các giồng là chỗ tụ tập tránh lụt của hằng trăm rắn rít, chuột. Các rắn đủ loại thường quấn nhau thành nuội trên các cành cây, trông rất dễ sợ. Gặp mùa nước lên, nếu có ghe thuyền thì chống chèo đi đâu cũng dễ dàng nếu biết rõ phương hướng.

Đến mùa khô, di chuyển trong Đồng Tháp cũng không phải là chuyện dễ nếu không phải là người địa phương biết tránh các vũng bùn lầy, biết len lỏi định hướng theo các giồng quen thuộc. Nhiều nơi trong Đồng Tháp là những đầm sen to lớn giữa thiên nhiên. Có nhiều dịp được di chuyển bằng trực thăng bay trên các đầm sen bát ngàn này, nhất là vào các buổi sáng sớm hay chiều hôm, mùi hương sen do cánh quạt trực thăng khuấy động đã bay lên ngào ngạt khắp không gian! Lúc còn trẻ, mỗi năm người viết bài thường tháp tùng theo các người lớn trong gia đình, bơi xuồng vào các đầm sen để cắt bông sen về làm trà, dùng cho cả năm. Cánh bông sen và gương non được phơi sấy khô để làm trà dùng thường ngày. Riêng nhụy sen vàng được chọn để sấy trên ơ bằng đất nung, dành để cúng trong các buổi lễ lớn. Trà nhụy sen này khi được pha nấu với nước mưa, ngoài hương vị đặc biệt lại còn có một màu ửng hồng trông rất đẹp mắt.

TÔ THÙY YÊN

NHỚ CÓ LẦN, TRÊN BẾN BẮC KHUYA, NGHE MỘT ÔNG LÃO ĐÀN HÁT

Ông lão khô quắt như thanh đước,
Đàn hát mưu sinh bến bắc đêm,
Cổ vương oan khuất, tay u hồn,
Miết giây, xé giọng, khóc nhân thế...
Âm bóng xưa về quanh chiếu manh.
Trăng thiếp, sao mê, sông ráo gió.
Buồn lan sóng nối, tản không tan,
Tiếng lân, tiếng hạc, nỗi trong đục.
Cổ bản đưa: Từ phu tướng đi...
Mòn mỏi, thành Nam, nghĩa sĩ tận.
Kèn chiều tiếng lạ quặn trời quê,
Pháp trường úng máu, khí xung uất,
Ngần ấy năm còn nghe rợn thiêng.
Biệt đảo, mùa mùa gió chướng nổi,
Bè thả về không tới đất liền.
Bao phen nước cũ thay danh hiệu,
Mưa nắng bay lần hơi hướm quen.
Trăng chết đồng xa, buổi mạt pháp,
Áo đạo chìm cây cỏ cấm sơn.
Làng đã cháy, im lìm bất trắc...
Người nhớ người mà cũng sợ người.
Trời ơi, những xác thây la liệt,
Con ai, chồng ai, anh em ai?
Mùa nước nổi qua mùa nước giựt,
Đốt tay nào Thân Dậu niên lai?
Em về giồng dưới, qua bưng gió,
Dạ bời bời nỗi sậy, niềm mây...
Người còn, trời đất còn chan chứa,
Ghe thương hồ khẩm điệu huê tình,
Sông bảy ngã, thương, còn gặp lại,
Muối mặn, gừng cay, trắng tóc xanh...
Chỉ cho con chỗ doi xưa sụp,
Cồn mới thành, con tự nhận ra.
Nước chảy, đừng chờ khi xế bóng,
Hối không làm việc nghĩa trôi qua...

Ông lão khô quắt như thanh đước,
Cổ vương oan khuất, tay u hồn...
Tình ý theo người đi một đỗi,
Một đỗi, dài hơn bốn chục năm.

11 - 1999

Một độc đáo khác thường được thấy ở Đồng Tháp là những nơi có loại "lúa trời." Đây là những vùng đất thấp, thường ngập nước, có loại lúa mọc từ lòng đất vươn cao lên khỏi mặt nước, giống như loại lúa nổi. Dân nghèo dùng xuồng nhỏ, thấp, len lỏi vô các bưng có lúa trời, dùng thanh tre dài lùa đập các cộng lúa để hột lúa rụng rớt vô xuồng. Đi đập mót lúa trời cũng là một nguồn sinh sống cho dân cư cùng khổ, không đất canh tác.

Đồng Tháp Mười, như trên đã nói là một vùng đất trũng rộng lớn. Có giả thuyết đã cho rằng có thể nơi đây, khi xưa, là dấu vết cũ của sông Cửu Long. Vì một lý do thiên nhiên nào đó, sông Cửu Long đã bỏ lòng sông cũ để chảy qua vị trí hiện nay. Hai vùng trũng thiên nhiên rộng lớn là Đồng Tháp Mười và Đồng Cà Mau là hai hồ nước để chứa nước sông Cửu vào mùa nước nổi. Đến mùa nước đổ, cá con sanh từ Biển Hồ Tonlé Sap tràn vào hai hồ nước thiên tạo này, lớn lên nhờ rong, rễ non và sanh trưởng nhanh chóng. Đây là một vựa cá trời cho dân miền Nam. Phải có dịp sống ở miền này vào mùa cá linh mới hiểu được cái diễm phúc trời dành cho miền này: Cá linh nổi lền trên mặt nước. Dân chúng chài vớt hay đóng đáy bắt cả hàng tấn cá, lớp ăn tươi, lớp làm mắm, lớp dùng làm phân để bón cây, thuốc lá... vì ngày trước không có kỹ nghệ ướp lạnh cá hay làm đồ hộp! Đến mùa gió chướng, cá hình như có linh tính biết mùa hạn sắp đến nên lại lội ngược dòng về Tonlé Sap để gây giống mùa năm sau.

Kinh rạch là một phương tiện giao thông rất quan trọng ở miền Nam để chuyển vận hàng hóa. Các kinh đào đã tiếp nối để ghe thuyền có thể giao lưu từ các sông Tiền Giang, Hậu Giang vận chuyển tiếp tế đến thủ đô Sài Gòn. Đối với giới thương hồ, tên các kinh Tháp Mười hay kinh Phong Mỹ, kinh Tổng đốc Lộc từ Rạch Ruộng (Sa Đéc) đến Rạch Bà Bèo (Cai Lậy), kinh 12, kinh Cái Bèo, kinh Bo Bo, kinh Ngang, kinh Chợ Gạo..., các chỗ giáp nước như Thủ Thừa, Ba Cụm, Chợ Đệm... là những tên quen thuộc được nhắc đến hằng ngày trong các câu chuyện làm ăn. Sau Hiệp định Genève năm 1954, các địa danh như Mỹ An, Mỹ Trà, kinh Phong Mỹ... thường được báo chí nhắc đến hằng ngày vì là nơi tập trung để bộ đội Việt Minh vùng Đồng Tháp được lên tàu tập kết ra Bắc.

Đường bộ giao thông trong Đồng Tháp không có là bao. Thông thường, phần lớn toàn là những đường mòn chỉ người địa phương mới biết xử dụng. Việc vận tải hàng hóa chỉ nhờ ở các thủy trình, kinh rạch. Trong suốt cuộc chiến, lực lượng quan trọng để bảo vệ an ninh đường thủy là Lực lượng Giang đoàn của Hải Quân.

Thời Pháp và thời Việt Nam Cộng Hòa, trên các kinh, rạch Đồng Tháp thường có đặt các trạm Thủy lợi, còn được gọi là nơi thiết trí "cây đo nước." Mực nước được ghi mỗi giờ để các chuyên viên điều nghiên, trù liệu việc đào kinh tháo nước phèn. Dòng nước phải được tính toán trước để trù liệu cho chảy từ chỗ cao đến nơi thấp để tháo nước. Sau ngày 30/4/1975, chánh quyền Xã Hội Chủ Nghĩa đã bắt dân chúng, trí thức, sinh viên đi làm công tác thủy lợi. Họ bắt đào thế nào mà thay gì tháo phèn lại làm việc trái ngược ở vài nơi, khiến nước mặn tràn vào vườn tược, làm hư hại cây cối mùa màng đang tươi tốt của dân!

Đồng Tháp Mười, giữa Sông Tiền và sông Vàm Cỏ Đông rộng trên 930.000 mẫu, nếu cộng thêm Đồng Cà Mau sẽ là một cánh đồng bất tận ở miền Nam, có tiềm năng kinh tế vĩ đại khi có được chương trình phát triển quy mô. Chỉ tính riêng Đồng Tháp Mười, với gần một triệu mẫu tây đất, nếu được điều nghiên phát triển, thì nơi đây sẽ nuôi sống được biết là bao dân chúng? Sau ba mươi năm chinh chiến, một chánh quyền thời bình, nếu có thực tâm vì dân vì nước, thì đã xây dựng xứ sở để đem lại hạnh phúc thiết thực cho mỗi gia đình. Sau 30 tháng Tư 1975, tương lai đất nước thay vì được cơ hội vươn lên trong hoàn vũ, lại bị để sa lầy trong một thời gian dài ở Campuchia, uổng phí mấy mươi năm quý báu để có dịp phát triển cơ sở nông nghiệp thiết thực và vững chắc! Nhưng vùng "Phật Địa" bao la trời dành cho miền Nam vẫn còn đó, trông chờ muôn vạn bàn tay xây dựng của các thế hệ thanh niên mới, trong một chánh quyền mới.

06/ 2006

Trần Ngươn Phiêu, sanh năm 1927, lớn lên ở quê nội Cao Lãnh Sa Đéc. Cựu học sinh Petrus Ký và Chasseloup Laubat. Đã tham gia báo Nam Thanh của tổ chức Nam Bộ Thanh Niên Kháng Chiến Đoàn. Tốt nghiệp Y Khoa Bordeaux Pháp. Trước 1975, phục vụ trong Quân Y Hải Quân, nguyên Tổng trưởng Xã Hội. Đã cộng tác với các tập san: Thế kỷ 21, Văn Hóa, Lướt Sóng, Y Tế, tập san Y-Nha-Dược... Đã xuất bản hai tác phẩm: Phan Văn Hùm - Thân thế và Sự nghiệp, Những Ngày Qua.

Người chăm nơi đồng bằng Sông cửu long

Đi từ làng quê tôi

DOHAMIDE

Một trong những đặc điểm nổi bật của miền châu thổ sông Cửu Long ở Tây nam Việt Nam là có khá nhiều địa danh nghe khác lạ, và còn có thể nói là rất xa lạ với tiếng Việt thông dụng. Đi từ điểm cực Nam nơi chín cửa sông Cửu Long trổ ra biển khơi, ngược dòng Tiền giang và Hậu giang tiến trở vào đất liền, hướng về vùng biên giới Việt-Kampuchea ở phía Bắc, người ta gặp ngay địa danh "*Cà Mau,*" "*Sóc Trăng,*" "*Sa Đéc*" v.v... vốn là những địa danh, được dùng quen thuộc trong dân gian từ một thời xa xưa, và có khi còn được nhà cầm quyền chánh thức đặt thành tên gọi các đơn vị hành chánh địa phương nữa. Đối với mọi cái gì gần gũi đã trở thành quá quen thuộc, hiếm thấy có ai tự hỏi về nội dung ý nghĩa đích thực của các địa danh này là gì, và như vậy là người ta đã chấp nhận cho chúng lặng lẽ hoà đồng với các địa danh hoàn toàn gốc tiếng Việt quen thuộc như Bến Tre, Gò Công, Vĩnh Long, Long Xuyên, An Giang, v.v...rồi. Tuy nhiên, khi có ai tình cờ chợt nêu lên thắc mắc, thì chắc chắn là không ít người dân bình thường sẽ phải ngỡ ngàng và băn khoăn không biết trả lời thế nào. Những người am tường hoặc có tìm hiểu cạn cùng mới làm rõ, chẳng hạn như:

- *Cà Mau* thực sự vốn là từ ngữ đọc trại từ *Tức Khmâu*,(*Tức* là nước, *Khmâu* là đen), chỉ định một vùng đất bồi phù sa màu đen.

- *Sóc Trăng* là do chữ *Srok* có nghĩa là khu vực làng xã; còn *Trăng* là do chữ *Tlăng* có nghĩa kho vàng: Xứ kho vàng.

- Về địa danh *Sa Đéc*, thì Sa là do chữ *Phsar* có nghĩa là chợ, và *Đéc* có nghĩa làsắt, được suy diễn có thể nguyên là địa điểm chợ bán hàng đồ sắt.

Còn nhiều và nhiều nữa. Các địa danh nghe lạ tai được diễn giải kể trên, sự thực, mang dấu vết văn hóa của người *Khmer* trong dân gian còn được gọi là *người Miên*, hoặc nếu có cảm thấy chút phân cách hơn là nói người *Đàng Thổ*, một sắc dân bản địa, sanh sống tại chỗ trước đó, khi các đoàn quân và lưu dân Việt tháp tùng Nguyễn Hữu Cảnh được Chúa Nguyễn cử vào Nam mở mang bờ cõi trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Người *Khmer* ở châu thổ sông Cửu Long được các nhà cổ học - chủ yếu ban đầu là các nhà cổ học Pháp như George Coedes, Malleret, v.v. - xác định thuộc *nền văn hoá Óc Eo* mà các di chỉ kiến trúc cổ đã và vẫn đang được các nhà cổ học Việt Nam sau này tiếp tục khai quật. Tiền nhân của người *Khmer* đã xây dựng nên Vương quốc Phù Nam, được tiếp nối với nước Thủy Chân Lạp. Trải qua những giai đoạn lịch sử tiếp xúc, va chạm, đối đầu, và an bình cộng cư với người Việt, người *Khmer* có khuynh hướng sống tập trung trên các khu *đất giồng* (khu đất cao hơn mực nước dâng trong mùa nước nổi) ở các vùng ven biển ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, và Thất Sơn, có địa danh *Tri Tôn* (nguyên là *Sway Toong*) giáp giới Kampuchea, đã góp phần vào quá trình khai khẩn và canh tác đất đai cho đến ngày nay. Hiện tượng hội nhập mang tính cân bằng hai chiều được thể hiện bằng phương thức Việt hoá ngữ âm du nhập các từ *Khmer* để duy trì địa danh thông

dụng trong dân gian Việt nói chung mà không đặt vấn đề nội dung ý nghĩa cũng như gốc nguồn.

Bên cạnh người *Khmer*, không thể không kể đến người *Hoa*. Người *Hoa* hẳn nhiên không phải thuộc thành phần dân bản địa như người *Khmer*. Họ vốn là tầng lớp người không chịu thắt bím cạo đầu làm tôi nhà Thanh ở Trung Hoa, nên vào khoảng cuối thế kỷ 17, đã theo Mạc Cửu, đến tìm nơi ẩn trú, sẵn đà, khai khẩn đất và định cư lập nghiệp tại vùng đất Hà Tiên. Trong một thời gian không lâu, nhóm người Hoa lưu dân này đã mang nguồn vốn văn hoá cùng kỹ năng từ nước mẹ của mình, góp phần phát triển Hà Tiên thành một thương cảng tấp nập, trù phú, giao dịch thương mại với bên ngoài.

Lướt qua nét đặc thù của vùng châu thổ sông Cửu Long qua khía cạnh địa danh và đóng góp khai hoang phát triển, ghi nhận sự hiện diện của người *Khmer* và người *Hoa* là hai sắc dân bản địa và lưu vong tỵ nạn cùng với người Việt cộng cư khai phá khẩn hoang như trên, chúng tôi muốn gợi lên một toàn cảnh để lồng vào đó hình ảnh làng quê nhỏ bé thân thương của bản thân, trong tầm nhìn của người trong cuộc, từ đó, giúp soi sáng về gốc nguồn của tôi là sắc dân Chăm mà hoàn cảnh lịch sử đã đưa đẩy, lưu lạc đến định cư bên cạnh người *Khmer*, người *Hoa*, người Việt tại một góc trời ở vùng châu thổ sông Cửu Long trù phú bao rộng này.

Ngôi làng sanh quán của tôi có tên khác lạ đối với ngôn ngữ Việt: làng *Koh Ta Boong*, trong sử sách Việt được phiên âm thành *Cỏ Đầm Bôn*, dưới thời Pháp thuộc là *Ka Tam Bong*, tên gọi chánh thức của một đơn vị hành chánh cấp Xã. Dịch theo tiếng Chăm, *Koh* có nghĩa là cồn, là cù lao, còn *Ta-boong* thì là cây gậy, ngụ ý hình dáng của cù lao này giống như một cây gậy.

Châu thổ sông Cửu Long ở miền Tây Nam Nam Việt Nam là vùng đất bồi do phù sa từ thượng nguồn và vùng Biển hồ trôi xuống, hàng năm đều có *mùa nước nổi* (mùa lũ lụt), mực nước tùy năm ở một số nơi có thể dâng cao lên đến ba thước, khởi đầu *mùa lúa sạ*; nước tràn vào các cánh đồng tạo môi trường cho các loài cá nước ngọt đẻ trứng sanh sôi nẩy nở, rồi đến *mùa nước giựt*, nước chảy ngược ra các vàm kinh rạch để đổ ra biển. Dưới tác động chu kỳ của thiên nhiên, dòng chảy sông Cửu Long thay đổi theo thời gian, hai bên bờ thường diễn ra hiện tượng bên lở bên bồi. *Koh Ta-boong* đã hình thành từ một cồn cát nhô lên dọc theo một bên bờ Hậu giang, được vun bồi lần hồi thành một cù lao, ngăn cách với đất liền bằng một con rạch.

Vào thập niên 1940, thời thuộc Pháp, hệ thống giao thông bằng đường bộ chưa được mở mang, con tàu "*sà-lúp*" chạy bằng hơi nước do lò củi, kéo những chiếc ghe chài (địa phương gọi là ghe chành) đầy ắp hàng hóa từ Sài Gòn về vẫn rẽ vào con rạch này để tạm tránh những dòng nước ngược chảy siết bên ngoài sông cái. Kỷ niệm khó quên của tuổi niên thiếu là mỗi khi nghe còi tàu văng vẳng từ xa, tôi thường hối hả cùng các bạn đồng lứa tuổi ù chạy ra bờ sông, cùng ngắm nhìn đoàn ghe tàu chạy qua như là một biến cố đến từ một thế giới xa lạ. Hấp dẫn và hồi hộp nhứt là ban đêm, mỗi khi chiếc tàu dòng đứng một chỗ vì dòng nước ngược chảy quá mạnh, phải bỏ thêm củi vào lò. Trên ống khói, thình lình phụt lên những luồng bụi than đỏ ửng, cả bọn trẻ tái mặt giựt mình, nhưng liền đó, lại thích thú vỗ tay reo hò vang dội. Trong phút chốc, đoàn ghe tàu lại mất hút ra ngoài vàm sông cái, trả lại sự yên tĩnh cho thôn ấp.

Từ bên này bờ sông nhìn sang bên kia, không xa lắm, chỉ vào khoảng 50 thước, tiếng trẻ em vui đùa vẫn vọng mồn một sang bên này bờ, nhưng thực tế là hai thế giới khác biệt. Thật vậy, nhà cửa bên kia sông, thường đắp nền cao rồi dựng cột và vách lên, bên trong nhà có bàn thờ tổ tiên, bày biện bàn ghế, giường ngủ có chân cao. Hầu như trước nhà nào cũng đều có một bàn thờ nhỏ gọn gọi là "bàn ông Thiên" buổi chiều khói hương nghi ngút.

Bên này sông, trái lại, nhà nhà đều có sàn, cột thường bằng gỗ nguyên cây tước hết vỏ và bào nhẵn, cao khỏi đầu người để phù hợp với mùa nước nổi dâng cao; mặt tiền nhà nào cũng có một cái thang rắn chắc bằng gỗ, và bên trong nhà hầu như không có bàn ghế, nên khi khách đến nhà thì chủ nhà thường trải chiếc chiếu hoặc tấm thảm, để chủ khách cùng ngồi xếp bằng trên sàn gỗ, nhưng phải đặc biệt lưu ý không được tự động vượt qua khung cửa có màn che được trang trí tuỳ theo mức độ giàu nghèo của chủ nhà, ngăn cách với gian nhà trong, theo tập tục, hoàn toàn dành cho đàn bà con gái sanh hoạt không lẫn lộn với đàn

ông con trai. Nhà cửa cất phần lớn sát vào nhau, mở cánh cửa sổ bên này, có thể chuyện trò với nhà bên kia được, nên tạo cảm giác như con người đang hợp quần co cụm lại. Cả làng hầu như không có nhà nào trồng rau quả, vườn tược. Ở những nhà khá giả thì hầu như luôn luôn có dưới sàn một khung dệt vải cổ truyền, được kín đáo che sau một bức màn,vốn là nơi làm việc của con gái trong gia đình, vừa dệt hoặc quay tơ, vừa cất lên những tiếng hát trong trẻo vừa đủ nghe, nhưng hấp dẫn mãnh liệt những cặp mắt hiếu kỳ từ ngoài đường. Người dân bên nây bờ thường vận chăn *Sarong* vấn quanh mình, dài đến gót chân. Tưởng cần giải thích rõ, *Sàrong* là cái chăn mặc của đàn ông; còn phụ nữ Chăm cũng mặc chăn che phủ đến gót chân nhưng không gọi là *Sarong* như được nhận thấy ở một vài bài viết về Chăm, mà đúng ra thì gọi là *Khanh ngui*, tức cái chăn mặc, trong số, có *Khanh kăk* là một thứ chăn dệt công phu bằng hàng tơ lụa rất được phụ nữ mến chuộng.

Đám cưới Chăm

Người dân bên này bờ bình thường gọi người dân bên đất liền là *Yuôn*, và ngược lại, những người Yuôn này lại gọi người dân bên cù lao là *Chàm*, có khi là *Chà*, và khi có chút gì không bằng lòng nhau thì gọi là *Chà và*, gây cấn hơn nữa, thì là *Bọn Chà và*!

Người dân bên cù lao tự gọi mình là *Chăm*, trong sanh hoạt hằng ngày, sử dụng một ngôn ngữ riêng không phải tiếng Việt mà là tiếng *Chăm*. Riêng chính người *Chăm* thì cảm thấy tinh thần nhẹ nhàng tương kính trong giao dịch khi được người đối thoại gọi mình là *Chăm*. Do đó, cách gọi *Chăm* một lúc sau này được thông dụng thay vì *Chàm*.

Loáng thoáng trong giới nghiên cứu người Việt được tiếp chuyện, có vị cảm thấy dị ứng về từ *Yuôn*, và nói theo lối thời thượng, cho là "mang tính tiêu cực," "có vấn đề." Một đôi lần, tôi còn được nghe một quan điểm thủ cựu, mang sắc thái đại dân tộc, diễn dịch từ *Yuôn* là do chữ *Vương*, thể hiện quan hệ triều cống chư hầu giữa triều đình *Đại Việt* và triều đình *Champa* trong lịch sử. Ngược lại, quan điểm mang tính đấu tranh thì cho rằng từ *Yuôn* mang tính hiềm khích oán hờn từ phía người *Chăm* nặng tinh thần dân tộc cực đoan, cũng không còn thích hợp với bây giờ nữa. Một công trình biên soạn công phu mà bản thân tôi rất trân quý, dưới quyền chủ biên của giáo sư Bùi Khánh Thế với Nhóm biên tập gồm hai học giả trẻ người Chăm gốc Ninh Thuận, quyển "Từ điển Việt Chăm," do Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội xuất bản năm 1996, đã ghi là *Piệt-Chăm* thay vì *Yuôn-Chăm* đúng theo từ ngữ được lưu truyền trong dân gian. Thực tế, trong câu chuyện trao đổi hằng ngày với nhau, người Chăm khắp các vùng tại Việt Nam và cả người Chăm ở *Kampuchea* vẫn gọi người Việt là *Yuôn* một cách hồn nhiên, không thấy có chút mặc cảm khác lạ gì xen vào cả.

Vào cuối thập niên 1940, thời thuộc Pháp, xã hội người Chăm ở *Koh Taboong* còn rất khép kín; không có nghĩa khép kín về mặt địa lý, bởi lẽ làng *Koh Taboong* quê tôi không có hàng rào bao quanh, cách biệt với xã hội bên ngoài như một số thôn làng Chăm còn tồn tại ở Ninh Thuận và Bình Thuận, nguyên đã trải qua những giai đoạn đối đầu xung đột với quan quân triều đình Đại Việt, gây chết chóc đẫm

máu kết liễu sự hiện tồn của vương quốc Champa vào đầu thế kỷ 19. Hiện tượng khép kín ở đây thực chất là do nhu cầu hiện tồn căn sắc truyền thống Chăm, vốn được gắn chặt trong tim óc, phát xuất từ nề nếp sinh hoạt Islam, tập tục, tín ngưỡng, nói chung, vào nền văn hoá của riêng sắc dân mình, không hoàn toàn tương đồng với nền văn hoá của xã hội bao quanh. Do thiếu giao lưu về văn hóa và xã hội, giữa người *Chăm* bên này bờ và người *Yuôn* bên kia bờ rạch, dưới tác động của tinh thần phân chia "ta và họ" nói chung, đều có ít nhiều thành kiến với nhau về một số mặt thực tế trong nề nếp sinh hoạt hằng ngày. Cụ thể, người *Yuôn* dùng đũa ăn cơm thì bị người *Chăm* chê là Đấng Tạo hóa đã tạo ra bàn tay cho con người sử dụng, thì tại sao lại đi dùng hai chiếc đũa để gắp thức ăn, tựa hồ như xeo nạy (*cha-kơh*) khó coi trong khi các thức ăn này đều phải được xem là *rizki*, tức ân phước của Đấng Tạo Hóa *Allah* ban cho như vậy?

Ngay cả bản thân tôi, ở buổi đầu khi có điều kiện ra khỏi xóm làng đi sanh sống hội nhập vào xã hội bên ngoài, tôi vẫn cảm thấy có những mặt không ổn trong vấn đề này. Mãi về sau này, tôi mới lấy lại được phần nào tự tin trong đánh giá tập tục, nhất là vào năm 1964 khi có dịp tham dự buổi tiếp tân khoản đãi chánh thức nhân Hội nghị các nước Hồi Giáo Đông Nam Á và Viễn Đông lần đầu tiên do Chánh Phủ Malaysia tổ chức ở Kuala Lumpur, cả chủ nhà bao gồm cả cố Thủ Tướng Malaysia Tungku Abdul Rahman và khách các nước đều cùng ngồi xếp bằng trên nền nhà, cùng thoải mái ăn bốc theo một phong cách tự nhiên không khác gì tập tục ăn bốc của người Chăm tại làng quê *Koh Taboong* của tôi cả. Các mặc cảm trong người tôi lúc ấy mới nhẹ nhàng được giải toả và tôi mới được rõ dứt khoát không thể nói bên nào văn minh bên nào lạc hậu cả; người *Yuôn* và người *Chăm* thuộc hai nền văn minh khác biệt nhau, một bên được mệnh danh là *nền văn minh đôi đũa*, một bên là *nền văn minh bốc tay*. Ngoài ra, còn một nền văn minh khác đã được ghi nhận trong một buổi tiếp chuyện nhân Hội nghị quốc tế kể trên, đó là *nền văn minh muổng nĩa* của Âu Tây.

Trở lại với làng quê *Koh Taboong* thời thơ trẻ của tôi, cả làng từ đầu vàm trở vào, đều chỉ có khoảng một ngàn ngôi nhà người Chăm cất san sát nhau hai bên đường, và đến cuối làng mới có nhà người Việt. Toàn bộ thế giới thời thơ trẻ của tôi hầu như hoàn toàn gói ghém trong ngôi làng bình dị thôn dã này.

Ông thân sanh của tôi là giáo viên duy nhứt trường sơ học phổ thông trong làng nên một mình phải phụ trách luôn cả ba lớp một, hai và ba [vào thời đó, gọi là lớp đồng ấu (*cours enfantin*), lớp dự bị (*cours préparatoire*) và lớp sơ đẳng (*cours élémentaire*)]. Sau đó, muốn tiếp tục học thì học sinh phải lên trường tỉnh Châu Đốc, cách làng khoảng bốn cây số. Trong số học sinh đến trường, dĩ nhiên chỉ học Pháp văn, có một số học sinh người Việt nhà ở đầu làng, cho nên trong các trò chơi ngoài lớp, tôi có dịp học và nói bập bẹ tiếng Việt, một thứ tiếng Việt thường được diễn dịch theo từng chữ tiếng Chăm, chẳng hạn, chúng tôi nói "tắm nước" thay vì "tắm," "đứt tim" thay vì "gan dạ," các bạn học người Việt nghe lâu ngày rồi cũng quen.

Tại các lớp trong làng kể trên, tôi cũng được học một thứ chữ Chăm viết theo mẫu tự la tinh, ráp vần theo tiếng Pháp, tôi thấy rất dễ đọc và dùng để diễn dịch ý tưởng bằng tiếng Chăm cội nguồn. Thứ chữ này được hình thành do óc sáng tạo của một nhân vật nổi tiếng trong giới người Chăm Châu Đốc vào thập niên 1940 là cụ cố *Kim Sop*, nhờ gia đình giàu có, được học trường Tây, làm Thông phán tại Tòa Án Châu Đốc. Vì chữ Chăm thông dụng phiên âm bằng mẫu tự A Rạp đang được thông dụng, thứ chữ Chăm la tinh này không mấy được các bậc phụ huynh quan tâm, nên không tích cực khuyến khích các con em học. Nhưng riêng phần tôi và một vài bạn học thì thấy thích thú, nhứt là trong tập sách, cố Kim Sop đã cho in một vài mẫu chuyện làm bài đọc thêm, và sau này lớn lên tôi mới biết là thuộc văn học dân gian Chăm, như bài "*Chim Chhơng*" đồng thời cũng là một thể ca ngâm chất chứa nhiều thi vị mà tôi nhớ nằm lòng cho mãi đến tuổi thất thập này.

Hầu như tất cả các bạn học Chăm đều nghỉ học khi hoàn tất lớp cuối cùng trong làng. Bị ám ảnh trong mặc cảm e sợ con cái *jưng yuôn* (biến thành người Việt), phần lớn các bậc cha mẹ đều e ngại, khi cho chúng lên học trường tỉnh, thì sẽ sống theo người Việt, không còn theo nề nếp sống của xóm làng, nặng về tín ngưỡng Islam, trong đó, có một số kiêng cữ rất nghiêm ngặt như tuyệt đối cấm (*harăm*) ăn thịt heo, cấm uống rượu, cấm trai gái vụng

trộm ngoài hôn nhân, v.v... Thực tế hơn nữa, đàn ông bé lớn đều cạo đầu và khi tham gia sanh hoạt trong làng thì đều đội mũ bằng nỉ màu đen, còn người lớn thì đội mũ trắng hoặc chit *khăn Haji* chứng tỏ là người đã đi hành hương ở Thánh địa Makkah bên nước A Rạp Sau Đi, được thôn làng tôn kính như các bậc trên trước. Cho nên, khi một người đi làm ăn xa mà để tóc dài trở về làng mang theo một ít phong cách phóng túng không thích hợp thì không phải chỉ bản thân người đó mà còn cả gia đình phải chịu những lời đàm tiếu, bà con lên án.

Sanh hoạt thường ngày của xóm làng xoay quanh một ngôi giáo đường gọi là *masjid* nằm giữa làng, kiến trúc có những nét gợi nhớ quang cảnh bên kia trời Trung Đông, bao gồm một nóc vòm và đài tháp lạ mắt, được nhận ra từ xa. Ngôi giáo đường này, người Việt sống ở lân cận vẫn quen gọi là "chùa Chàm," nhưng ở đây, kiến trúc và trang trí bên trong cho thấy chỉ là một ngôi nhà khang trang để bổn đạo tụ họp dâng lễ nguyện tập thể và nghe thuyết giảng vào ngày thứ sáu trong tuần, thể hiện sự tôn thờ Đấng Tạo Hóa *Allah* nên không có pho tượng thờ nào cả ngoài chiếc bục đơn giản có ba bậc như nấc thang nằm sát bên trong cùng. Mỗi ngày năm lần, khi trời rựng sáng, trưa ngọ, xế chiều, chạng vạng và trở về khuya, chính từ ngọn tháp kể trên, phát ra một hồi trống và tiếp theo là lời ngân nga kêu gọi đến giáo đường dâng lễ nguyện vang đi rất xa, điều hòa cuộc sống hằng ngày của người dân.

Bên cạnh giáo đường, có một trường gọi là *Madrasah* dạy đọc kinh *Qur'An* bằng chữ A Rạp nguyên gốc và có cả lớp dạy chữ Mã Lai giảng giải nội dung kinh sách và giáo lý Islam. Các bậc phụ huynh thích cho con em mình học các trường lớp này, và thường hãnh diện về thành tích con em đạt được nhứt là khi chúng trổ tài đọc Thiên kinh Qur'An trong các sanh hoạt tập thể của xóm làng.

Bản thân tôi đã bị trì kéo giữa hai khuynh hướng, nhứt là khi đã đến lúc phải chuyển lên trường tỉnh tiếp tục học lớp nhì (*cours moyen*). Mẹ tôi là một người đàn bà Chăm không biết một chữ a, b, c... nhưng lại rất thông thạo kinh Qur'An viết bằng chữ A Rạp. Được hậu thuẫn của ông bà ngoại, mẹ tôi muốn cho tôi nghỉ học trường phổ thông và chuyển sang học ở trường lớp tại giáo đường như các đứa bé Chăm khác trong làng. Ngược lại, cha tôi, có chút ít căn bản Tây học, nhứt quyết phải cho tôi lên trường tỉnh tiếp tục học. Sự bất đồng ý kiến giữa cha mẹ chúng tôi khá gay go và kéo dài, sau cùng đã chấm dứt bằng một giải pháp dung hòa; tôi được tiếp tục đi học trường tỉnh, nhưng những ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ, tôi phải đi học chữ Mã Lai và A Rạp tại trường lớp của giáo đường.

Lên trường Tỉnh học, vì vào cuối thập niên 1940 chưa có cây cầu bắt ngang con rạch như sau này, người lớn trong nhà, thường là bà ngoại hoặc mẹ tôi phải bơi xuồng đưa tôi sang bên kia bờ rạch, một bước kế tiếp tạo điều kiện cho tôi mở rộng môi trường tiếp xúc với thế giới bên ngoài với những kỷ niệm khó quên.

Koh Taboong là một trong bảy làng Chăm Châu đốc. Ngoài *Koh Taboong* là làng chôn nhau cắt rún của tôi, còn có sáu làng Chăm khác là *Mat chruk, Koh Kaboak, Plây Kênh, Plao Ba, Koh Ghoi, Koh Kaghia, Sabâu*, với địa danh Việt tương ứng là Châu Giang, Đa Phước, Châu Phong, La Ma hoặc Vĩnh Trường, Búng lớn hoặc Búng Bình Thiên, Đồng Cô Ky. Phần lớn các địa danh tiếng Chăm kể trên khởi đầu bằng từ "*Koh*" có nghĩa là cù lao, cho thấy phần lớn các làng Chăm Châu Đốc đều nằm trên các cù lao trên ven sông Cửu Long:

- Gọi là *Koh Kaghia* vì cù lao này được đánh dấu bằng hàng cây sao, một giống cây, gỗ rất chắc mà người Chăm dùng làm cột nhà sàn hoặc đóng ghe xuồng.

- Về *Koh Goi*, có vài lối diễn dịch khác nhau tại địa phương, cần được nghiên cứu xác định sau này.

- Sở dĩ gọi là *Koh Kaboăk* vì xóm này chuyên dệt và mua bán tơ lụa, hầu hết dân cư đều từ *Plây Kênh* ở bên bờ đối diện chuyển qua, do nạn bên lở bên bồi của dòng sông Cửu Long.

Về địa danh *Plây Kênh*, dịch nghĩa là "xứ con kênh," do nhà cửa làng này nằm dọc hai bên bờ một con kênh đào dẫn nước từ bờ Hậu giang trổ ra phía Tân Châu. Trong dân gian, người ta thường gọi là *Gah Kênh* thay vì *Plây Kênh*; Gah là "bên." Cùng thuộc *Gah kênh* này, có một ấp nằm ngoài bờ sông cái gọi là *Puk Pa-ok*; *Pa-ok* tiếng Chăm là cây xoài, nên trong tiếng Việt gọi là "*Hàng xoài*." Và cũng từ tiêu chuẩn để nhận diện bằng hàng cây xoài này, mà tên làng Plây kênh thời Pháp thuộc mới được ghi trên giấy tờ hành chánh là Phum Soài ("soài" viết s). *Phum* là từ ngữ *khmer* có nghĩa

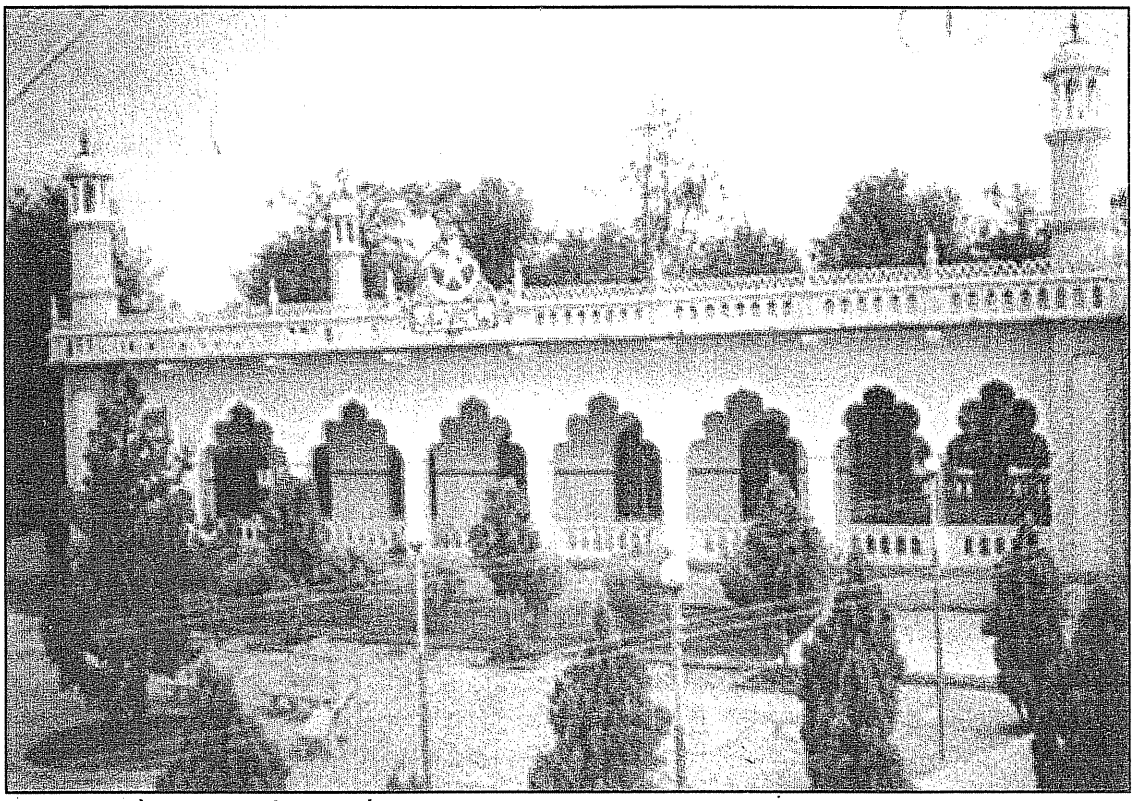

Giáo đường Hồi Giáo Chăm ở Châu Đốc

là làng, cho thấy xuất xứ *Khmer* của làng này. Địa danh *Phum soài*, về sau, đã được đổi thành tên Việt là Châu Phong.

Trong số các tên làng kể trên, có lẫn lộn *Mat Chruk* là chữ Khmer chớ không phải chữ Chăm, có nghĩa là "mõm con heo," do địa thế của làng này nằm ở một bên bờ sông Cửu Long đổ từ Nam Vang xuống, tẻ ra làm hai nhánh, khiến một bên bờ trông tợ như mõm con heo vậy. Mặc dầu người Chăm không ăn thịt heo, trong dân gian vẫn dùng tên gọi này. Sự lẫn lộn từ ngữ *khmer* vào tên gọi làng Chăm càng gợi thêm cho tôi sự tò mò tìm hiểu, để biết rằng đất *Mat Chruk* cũng như các làng Chăm khác tại đây ngày xưa là vùng đất Thủy Chân Lạp và từ "*Mat Chruk*" là địa danh đã sẵn có từ trước khi người Chăm đến định cư. Địa thế bảy làng Chăm kể trên không liền nhau, nhưng cùng nằm dọc theo hai bên bờ sông Cửu Long trải dài đến giáp giới với Kampuchea cho thấy đã được bố trí theo mục tiêu chiến lược phòng thủ, có tính toán và cân nhắc rõ rệt.

Vào thập niên 1940 thuộc Pháp, làng *Koh Taboong* về mặt hành chánh, được đặt dưới quyền cai trị của một Ban Hội tề như các làng xã khác, gồm đủ các chức việc. Tất cả đều là người Chăm ngoại trừ Chánh lục bộ chuyên trách bộ đời là một cụ già người Việt nhà ở đầu làng. Cố thân sinh tôi do là giáo viên làng, thực tế phải trở thành một nhân vật trung tâm được xóm làng đến nhờ thảo dùm từ các văn thư giao dịch với chánh quyền.

Sáu làng Chăm khác cũng ở vào tình trạng tương tự, đều thiếu người rành chữ Pháp và chữ Việt, nhưng điều nghịch lý là làng nào cũng thừa người có trình độ đào tạo về chữ A Rạp và chữ Mã Lai.

Thêm một điều nghịch lý nữa, nhưng lần này lại là do nhà cầm quyền thuộc địa Pháp. Đó là việc bổ nhiệm vào năm 1943 một chức vụ lãnh đạo cộng đồng người Chăm tại bảy làng này với chức vụ *Saykhol Islam*, *Chef des Malais*. *Saykhol Islam* là một chức vụ lãnh đạo do nhà cầm quyền thuộc Anh đặt ra ra tại bang Trengganu, Malaysia, nay nhà cầm quyền thuộc địa Pháp mang áp dụng tại Châu Đốc, nhưng ghi là *Chef des Malais*, lờ đi không nhắc gì đến căn sắc Chăm cả. Sự thực, tại một khu vực mệnh danh là *Mubarak* của làng Châu Giang ở ngay tại bến phà từ tỉnh lỵ Châu Đốc ngó qua, có một tập thể gốc Mã Lai trong dân gian gọi là người *Java Ku* mà ngôn ngữ thường ngày không

phải tiếng Chăm mà là tiếng *Khmer* trộn lẫn với tiếng Mã Lai. Cố *Haji Tangkhao Mat* là người Java Ku này đã được bổ nhiệm làm *Saykhol Islam* đã được chọn trong số những người có sản nghiệp và có uy tín, trên nguyên tắc, có vai trò phối hợp các vị lãnh đạo Islam của từng làng Chăm gọi là *Hakim* điều hành cộng đồng, chuyên trách xử lý các tranh chấp về giáo lý Islam. Do cộng thêm ảnh hưởng từ Mã lai về khuôn mẫu hành đạo Islam thông qua các *Tuôn* là các thầy dạy kinh sách, có một thời gian nhiều thập niên, căn sắc Chăm của các làng Chăm bề ngoài bị lu mờ, tạo nên một khuynh hướng trong dân gian đa số ít học, chỉ muốn tự coi mình là người Mã Lai, nhất là trong giới phụ nữ trong chăn áo, khăn đội đầu, mỗi mỗi đều cùng nhau hướng về Mã Lai, chạy theo thời trang để mua sắm.

Trong bối cảnh bề ngoài chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hoá Mã Lai, nặng về tôn giáo Islam như trên, tinh thần dân tộc Chăm ở đây vẫn còn rất mãnh liệt, nhưng âm thầm lặng lẽ trong dân gian. Qua sự tôn kính dành cho một vài nhân vật Chăm nổi danh với một số thành tích đôi khi được chuyển thành huyền thoại ly kỳ hấp dẫn trong một số tình huống mang tính phò trợ hoặc cứu nguy người dân. Sự tôn kính này được thể hiện ở sự đặc biệt chăm sóc bảo trì một vài nấm mồ gọi là *Maqam* chẳng hạn như ở *Koh Taboong* có *Maqam Tôk Ahmad* nằm ở vị trí bên ngoài sông cái Hậu giang cách xa làng này khoảng hai cây số, chỉ có dân cư Việt sống kế cận, được suy đoán có lẽ người Chăm trước có cư ngụ tại đây nhưng sau đó đã dời cư về vị trí hiện nay, để được bảo vệ an toàn trước thiên nhiên sông nước hơn.

Trong sinh hoạt dân gian, ngoài những buổi lễ nguyện tập thể ở giáo đường, nhiều đêm dưới ánh đèn dầu, bên cạnh khung quay sợi, hoặc một vài người lớn lặng lẽ đan vá lưới, trên nhà sàn, bọn trẻ thường tụ họp đến nghe các cụ già kể chuyện đời xưa rất thích hợp với khối óc dồi dào tưởng tượng của thời thơ trẻ. Không biết bao nhiêu lần, tôi đã theo dõi, với những tình tiết đầy sống động, câu chuyện ông vua say mê sắc đẹp mỹ nhân ra đốn cây *krêk* là cây thần thủ giữ nền tảng Nagar Chăm để rồi phải bị nước mất nhà tan. Hấp dẫn với nhiều pha gây cấn nhứt là các đoạn mô tả thời chiến chinh phải bồng bế nhau trốn giặc cùng những trận chiến ác liệt làm nổi bật một số nhân vật anh hùng người Chăm, nhưng giặc đó là giặc nào thì người kể không bao giờ nói rõ.

Trong xóm, chỉ có một vài cụ già, khi được hỏi, mới trang trọng đưa ra cho xem những tờ giấy vàng xưa cũ có những dòng chữ nói là *akhar tapuk*, chữ Chăm cổ không còn thông dụng nữa, nhưng được cất rất kỹ, hiếm thấy cho con cháu biết, vì hầu như đã trở thành một thời trang, con cháu chỉ được khuyến khích học kinh sách viết bằng chữ A Rạp và chữ *Javi Malayu*.

Trong hành trình soi rọi cội nguồn dân tộc, tôi đã được các bô lão ngồi say sưa kể cho nghe những giai thoại bi thương còn được lưu truyền về cuộc dời cư lịch sử của người Chăm từ vùng Phan Rí (Ninh Thuận) dưới trào của một vị vua cuối cùng là *Pô Chơn*, không chịu nổi chánh sách đàn áp khắc nghiệt của Vua *Yuôn* là Minh Mạng nhà Nguyễn để sang lánh cư trên đất *Kampuchea*, buổi đầu xoay quanh vùng lấy tên là *Kampong Cham*, đa số tiếp tục nghề đánh cá vùng Biển Hồ, nguyên là nghề truyền thống của cha ông. Nghề truyền thống này không còn điều kiện tồn tại trên mảnh đất quê hương cội nguồn Chăm ở miền Trung Việt Nam ngày nay nữa. Những thôn làng người Chăm ngày nay tại Ninh Thuận và Bình Thuận đều ở sâu vào vùng đất liền, xa bờ biển. nên đa số người dân chuyên về canh tác nông nghiệp hoặc chăn nuôi.

Có một chi tiết mà tôi được nghe lặp đi lặp lại nhiều lần là: "Ngày xưa, người Chăm mình có đất nước (*tanưh ea*) tên là Chămpa, người *yuôn* gọi là *Chiêm Thành*." Có cụ già còn xác định một cách thật thà, và được một vài cụ khác gục gặc đầu thích thú tán đồng với rất nhiều chân tình và tự hào, hẳn nhiên là bằng tiếng Chăm mẹ đẻ của tôi: "Thật ra, không phải Chiêm Thành đâu, mà là 'Chiến thắng' đó; người Chăm mình ngày trước đánh giặc giỏi lắm, đánh trận nào là thắng trận đó, nên gọi là 'Chiến thắng'!"

Bọn trẻ nghe, đứa nào cũng lấy làm thích thú. Đến khi lớn khôn tìm hiểu, tôi mới biết lời khẳng định đó vốn sai lạc do nhiều tưởng tượng. Nhưng điều làm cho tôi xúc động khắc ghi mãi trong lòng và nghĩ ngợi miên man là sự tưởng tượng đó thực sự đã xuất phát từ tận đáy lòng, từ con tim, của những con người bản tánh chơn chất mộc mạc, đã cùng các đồng tộc trải qua bao giai đoạn thăng trầm của cuộc sống, nghĩ sao nói vậy về gốc nguồn cách xa của mình. Sau này, khi có điều kiện tiếp xúc và hội nhập

vào xã hội bên ngoài, tôi càng thấy thấm thía hơn khi nhận ra đó là niềm tự hào hồn nhiên tiềm ẩn sâu đậm trong tận tim óc về bản sắc dân tộc Chăm của mình, và niềm tự hào đó là chung cho mọi người, cho toàn nhân loại, chớ không phải cho riêng một dân tộc với một trình độ văn minh nào.

Cuộc dời cư của người Chăm từ đất *Kampuchea* về đến đất Châu Đốc vốn là một cuộc hành trình gian nan đã được các nhà biên khảo Pháp ghi lại một phần trong lịch sử Vương quốc *Khmer*, cho thấy người Chăm dời cư sang đất *Khmer* bao gồm nhiều thành phần lãnh đạo, đã từng cầm quân chiến đấu, nên xoay sở tác động vào nội tình hoàng gia *Khmer* khi thắng khi bại. Đến năm 1782, một lãnh đạo Champa là Đon Set xua quân từ *Thabaung Khmum* tiến đánh kinh đô U-đong khiến Hoàng gia *Khmer* phải lánh chạy sang nước Xiêm, tạo điều kiện cho người Chăm thiết lập các khu định cư riêng biệt tại *Phnom Penh, Chruy Chagwar* là một cù lao nằm chắn ngang sông Mekong và Tonle Sap, tồn tại đến ngày nay. Nhưng sau đó Đon Set đã bị giết chết. Năm 1858, vua *Khmer* đóng đô ở U Đong lại bị người Chăm giết chết, khiến vua Hariraks điều quân đến *Thabaung Khmum* đánh phá giết hại, người Chăm phải nương nhau theo dòng sông Cửu Long thoát thân về phía Nam, xuống đến tận *Mat Chruk* tức Châu Giang trước còn thuộc lãnh thổ *Khmer* lúc đó đang bị quân Việt chiếm đóng. Sau đó không lâu, vẫn trong năm 1859, người Chăm ở *Mat Chruk* đã quay trở lại đất *Kampuchea* tổ chức di chuyển khá nhiều đồng tộc Chăm về sanh sống tại *Mat Chruk*, được hiểu là "đất lành, chim đậu," người Chăm đã được triều đình Đại Việt chấp nhận cho định cư tại địa phương vùng giáp giới *Kampuchea*, giao bố trí thiết lập một số đồn luỹ mang tính phòng thủ chiến lược, đúng như các vị trí thường ở các đầu vàm còn tồn tại đến ngày nay. Nhiều người Chăm đã được triều đình nhà Nguyễn tuyển dụng làm thân binh sẵn sàng vận dụng tài thao lược truyền thống của mình khi cần. Khi Thoại Ngọc Hầu khởi công đào kinh Vĩnh Tế chạy dài dọc theo biên giới Miên-Việt, trổ ra đất Hà Tiên, người Chăm đã được huy động sung vào lực lượng bảo vệ an ninh tạo điều kiện cho dân phu có thể làm việc cực lực suốt ngày đêm, và họ đã chứng tỏ hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng yếu này.

Vì làng *Châu Giang* nằm bên kia bờ Hậu giang đối diện với Châu Phú, tỉnh lỵ Châu Đốc, nên trong dân gian, người Việt còn gọi chung người Chăm ở đây, là "*Chà Châu Giang*." Những người Chăm mưu sinh bằng nghề quảy trên vai gói hàng vải tơ lụa đi bán dạo khắp cùng các nẻo đường vùng châu thổ sông Cửu Long cũng thường được dân gian gọi như vậy. Sự thực, tên gọi "*Chà Châu Giang*" không đúng, vì Châu Giang chỉ là tên một làng.

Tên gọi mang tính phổ biến và được chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong dân gian xưa nay là tên gọi "*Chăm Châu Đốc*" dân số trước năm 1975 được ghi nhận là 12.000 người, nay được cho biết đã tăng lên đến khoảng 20.000 người..

Vốn được tiếp xúc với nhà văn Bình Nguyên Lộc ở toà soạn Bách Khoa do anh Lê Ngộ Châu làm chủ nhiệm, tôi đã có dịp trao đổi sôi nổi nhưng vô cùng hữu ích và lý thú về văn hoá, ngôn ngữ người Chăm, có đề cập đề tài "*Chà Châu Giang*" nhất là sau khi tôi có bài góp ý về quyển "Lột trần Việt ngữ" đã được xuất bản tiếp sau quyển "Nguồn gốc Mã Lai của Dân tộc Việt Nam."

Nhân cuộc trao đổi trên, học giả Nguyễn Văn Hầu vốn là tác giả quyển ký sự có giá trị biên khảo trung thực nói về chuyến viếng thăm vùng Thất Sơn Châu Đốc cũng đã dựa vào sử sách Việt, xác định một số người Chăm đã có mặt tại Châu Đốc bên cạnh người Việt trước khi nhóm người Chăm từ Nam Vang kéo xuống.

Vì chế độ xuất bản vào năm 1973 không cho phép tờ Bách Khoa Thời Đại đánh số xuất bản định kỳ và ngày tháng như thường lệ, nên không thể ghi nguồn các bài viết kể trên. Chỉ xin nhắc lại ở đây như là một kỷ niệm trong khung tản mạn biểu tỏ chút tâm tư của đề bài.

DOHAMIDE

Dohamide, dân tộc Chăm, sinh năm 1934 tại Kok Taboong, Châu Đốc. Tốt nghiệp Thủ khoa Ban Cao Nguyên và Ban Đốc Sự Hành Chánh, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. M.A. chánh trị học, Đại học Kansas Hoa Kỳ. Sáng lập Hiệp Hội Chàm Hồi giáo Việt Nam. Đại biểu Islam Việt Nam tham dự Hội Nghị các nước Islam Đông Nam Á và Viễn Đông tại Kuala Lumpur 1964, Hội nghị Islam Thế giới tại Thánh địa Makkak, A Rạp Sau Đi 1972. Hiện định cư tại OC, Nam California. Đã xuất bản: Dân Tộc Chăm Lược sử, Bangsa Champa: Tìm Về Với Một Cội Nguồn Cách Xa... Viết cho các báo Bách Khoa, Thế Kỷ 21.

PHÁI ĐOÀN THÁM HIỂM SÔNG MEKONG DOUDART DE LAGRÉE

(1866-1868)

TRẦN ANH TUẤN

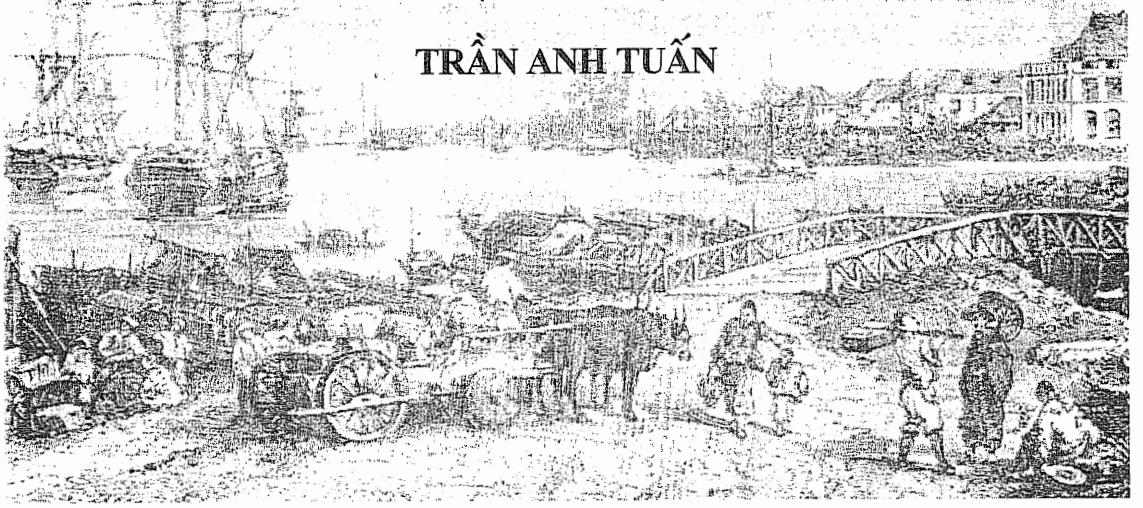

Cảng Saigon 1866. Đoàn thám hiểm sông Mekong khởi hành. Ký họa Delaporte

Lời nói đầu. *Đây là một thiên nghiên cứu nhỏ mà tôi thực hiện hồi đầu thập niên 1970 ở Sài Gòn và đã được đăng tải trên* ***Tập San Sử Địa.*** *Nay, để hưởng ứng chủ đề "Sông Mekong và Đồng bằng sông Cửu Long" do Tòa Soạn* ***Thế Kỷ 21*** *xướng xuất, tôi sao chép lại để đóng góp với Số Chủ Đề. Bài viết này hoàn tất cách nay gần 40 năm, tại thư viện hội Société des Études Indochinoises (tức Hội Cổ Học Ấn Hoa hay Hội Nghiên Cứu Đông Dương, trụ sở trong Viện Bảo Tàng tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn) và căn cứ vào những tài liệu đương thời của người trong cuộc là văn thư của chính Doudart de Lagrée, Francis Garnier, De la Grandière... do A.B. Villemereuil thu thập và in lại trong tác phẩm của ông nhan đề* ***Explorations et Missions de Doudart de Lagrée****, xuất bản tại Paris năm 1883, 684 trang, cùng một số những tác phẩm xuất bản trong ba thập niên 1870-80-90 trong thư viện của Hội. Bây giờ đọc lại bài viết, tôi sửa những lỗi ấn loát, thay đổi một vài từ ngữ, cùng thêm một số chi tiết căn cứ vào tác phẩm cập nhật hóa đề tài này là* ***L'Exploration du Mékong. La Mission Ernest Doudart de Lagrée-Francis Garnier (1866-1868)*** *của Jean-Pierre Gomane (Paris, Ed. L'Harmattan, 1994, 288 tr.) Tôi cũng thêm câu kết và đổi tựa đề (từ Cửu Long ra Mekong) cho bài viết thêm phần chính xác.* **TAT**

SỰ THÀNH LẬP PHÁI ĐOÀN

Vào năm 1862, ngay sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ theo Hòa Ước Nhâm Tuất 5/6/1862, người Pháp có nhiều chương trình khảo sát sông Mekong.

Những chương trình ấy dẫn xuất từ tâm trạng muốn bành trướng ảnh hưởng và thứ đến, từ sự cạnh tranh với người Anh trong việc kiếm tìm con đường thông thương với Trung Hoa. Tất cả đều hướng về sông Mekong mà người ta hy vọng sẽ ngược dòng lên được các tỉnh miền Nam và miền Tây Trung Hoa. Không nhân vật nào đề cập đến việc tìm một con đường thủy từ Bắc Kỳ. Chúng tôi không nói, trong trường hợp sông Mekong không lưu thông được, vì không chương trình nào tiên liệu sự kiện này.

Chương trình khảo sát đầu tiên do Jean Dupuis gợi ý và E. Simon phát biểu trong một tường trình gửi lên Thượng Thư Bộ Canh Nông và Thương Mại vào giữa năm 1862(1). Trong bản tường trình, những lợi ích của một cuộc khảo sát sông Mekong được trình bầy rất rõ và rất nhiều. Tuy nhiên, không một đề nghị thực tế nào được tác giả trình bầy.

Năm sau, một sĩ quan hải quân tên Francis Garnier xin phép đô đốc Nam Kỳ được ngược dòng Mekong thực hiện công cuộc nghiên cứu con sông này. Nhưng viên sĩ quan quá trẻ, lúc

ấy mới 24 tuổi, khiến đô đốc Nam Kỳ bấy giờ là De la Grandière ngần ngại và từ chối đề nghị. Đến năm 1864, Francis Garnier trình bầy lại quan điểm của mình trong một tập sách tựa đề La *Cochinchine Française en 1864*, nhưng dự tính của Garnier cũng không được đón nhận niềm nở hơn.

Tháng 11 năm 1864, Đô Đốc Bonard, vị thống đốc Nam Kỳ có công bình định châu thổ sông Cửu Long và xây dựng nền móng cho guồng máy hành chính Nam Kỳ (nhưng không còn trong chức vụ từ tháng 4/1863) (2), viết tập *Mémoire sur Urgence d'Explorer le Fleuve Mékong*, trình bầy tất cả những dữ kiện mà người Pháp biết được về con sông nổi tiếng này, để kêu gọi "*sự khẩn thiết phải khảo sát sông Mekong*" hầu biến Sài Gòn thành kho hàng của miền Tây Nam Trung Hoa.

Bản lên tiếng của Bonard làm Chasseloup Laubat, bấy giờ là Thượng Thư Bộ Hải Quân đồng thời là Hội Trưởng Hội Société de Geographie de Paris (Hội Địa Lý Paris), lưu ý. Trong những phiên họp tháng 12-1864 và tháng 1-1865 của Hội, Chasseloup Laubat đã hai lần trình bầy dự tính của ông cho thám hiểm sông Mekong.

Cuối cùng, suý phủ Sài Gòn cũng rất lưu tâm đến vấn đề này. Chính trong thời gian De la Grandière ở Pháp, từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1865, việc thám hiểm đã được quyết định; ngày 24-10-1865, Thượng Thư Bộ Hải Quân Chasseloup Laubat ký một bản tường trình lên Pháp Hoàng xin phép thực hiện công cuộc thám hiểm sông Mekong.

PHÁI ĐOÀN DOUDART DE LAGRÉE

Có nhiều lý do khiến đô đốc Nam Kỳ De la Grandière chấp nhận chương trình muộn màng, ba năm sau khi ý định thám hiểm được trình bầy.

Trước hết, ngân khoản dành cho công cuộc thám hiểm không được dự trù trong ngân sách. Thứ đến là sự bất định trong tương lai Nam Kỳ vì bấy giờ ở Pháp, người ta đang bàn cãi vấn đề bỏ hay giữ Nam Kỳ (3). Và cuối cùng, cần thời gian để tìm ra người có khả năng thực hiện công tác. Người được đô đốc De la Grandière chọn là Doudart de Lagrée, sau một thời gian bị thử thách bằng cách gửi sang Cao Mên làm Đại Diện cho Súy Phủ Sài Gòn cạnh Mên Hoàng Norodom. Được cử sang từ năm 1863, Doudart de Lagrée bị cô đơn vì phải xa cách Sài Gòn nhưng rất hăng say trong công việc. Ông nghiên cứu ngôn ngữ, lịch sử, phong tục, tập quán của Cao Mên cùng những liên hệ giữa các nhóm dân ở bán đảo Đông Dương... để có được những ý niệm đúng đắn về hiện tình địa phương và những tài nguyên mà đất nước này hứa hẹn.

Đô đốc De la Grandière tỏ ra rất hài lòng về sự chọn lựa này của mình. Ông viết: *"Ông Doudart de Lagrée là một sĩ quan có tài và có óc xét đoán. Những đức tính này đã khiến tôi quyết định để ông ta chỉ huy công cuộc thám hiểm khó nhọc con sông Mekong. Tất cả chứng tỏ rằng niềm tin của tôi đã được đặt đúng chỗ."*(4) Những chi tiết vừa kể được ghi nhận nhằm cải chính một sai lầm mà nhiều tác giả mắc phải. Chẳng hạn như Edouard Petit (trong *Le Tong-King*, Paris, Lecène Oudine et Cie, tr. 27-28) hay Stéphane Dumoulin (trong *Le Tonkin, Exploration du Mékong*, Paris, Ch. Delagrave, 1890, tr. 356) đều khẳng định Francis Garnier là người đã có công sửa soạn cuộc thám hiểm và là người có khả năng thành công nhưng phải nhường chức Trưởng Đoàn Thám Hiểm cho Doudart de Lagrée vì ít tuổi hơn và ở cấp dưới. Những nhận xét của đô đốc De la Grandière mà tác giả A.B. Villemereuil sao trích lại trong tác phẩm của ông (*Explorations et Missions de Doudart de Lagrée*, Paris, 1883) cho thấy Doudart de Lagrée mới thực sự là người được thượng cấp giao phó trách nhiệm, không có vấn đề Francis Garnier phải nhường cho Doudart de Lagrée!

Ngày 1-5-1865, trưởng phái đoàn tương lai từ Cao Mên trở lại Sài Gòn và phái đoàn thực sự được thành lập gồm cả thẩy sáu nhân viên chính thức và 17 người người tùy tùng như sau:

- Hải quân thiếu tá Doudart de Lagrée (5): trưởng phái đoàn. Ngoài nhiệm vụ trưởng đoàn, Doudart de Lagrée còn phụ trách nghiên cứu địa lý hình thể và chính trị các xứ mà phái đoàn đi qua.

- Hải quân đại úy Francis Garnier (6): phó trưởng đoàn. Khi Doudart de Lagrée mất vì bệnh, Francis Garnier thay thế làm trưởng đoàn thám hiểm và đã chu toàn trách nhiệm được giao phó.

- Bác sĩ Lucien Joubert: bác sĩ hải quân hạng nhì, nhân viên phái đoàn. Ngoài nhiệm vụ bác sĩ của phái đoàn, Joubert còn có nhiệm vụ khảo sát địa chất các nơi, và ghi nhận các loại mỏ tìm thấy.

- Bác sĩ Clovis Thorel: bác sĩ hải quân hạng ba, nhân viên phái đoàn. Cùng với bác sĩ Joubert săn sóc y tế cho phái đoàn, bác sĩ Thorel còn có nhiệm vụ khảo sát thực vật, nhất là những loại thảo mộc hữu dụng và những lâm sản quan trọng.

- Tuỳ viên ngoại giao Louis de Carné: nhân viên phái đoàn. Nhiệm vụ của Carné là ghi lại cuộc thám hiểm và khảo sát thương mại các nơi đi qua.

- Hải quân trung úy Louis Delaporte: phụ trách an ninh cho phái đoàn, nhân viên phái đoàn. Vì là một họa sĩ, Delaporte còn có nhiệm vụ minh họa những chi tiết đặc biệt mà phái đoàn bắt gặp trên đường thám hiểm: phong cảnh, đền đài, y phục... (7)

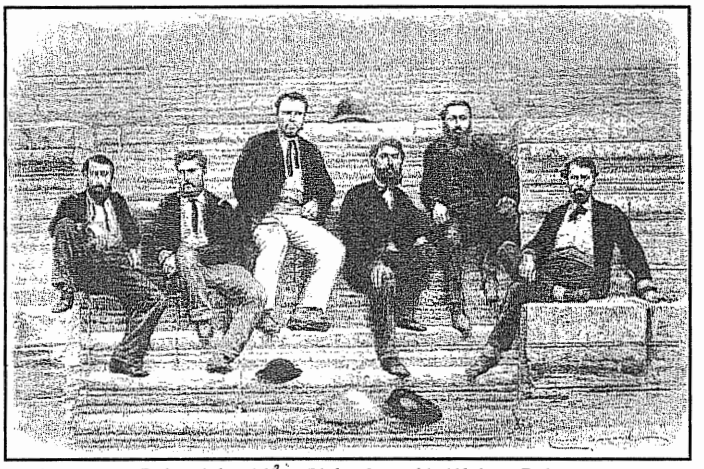

Angkor 1866. Đoàn thám hiểm Pháp 6 người. Ký họa Delaporte

- Những tuỳ tùng của phái đoàn gồm:
- Charbonnier, trung sĩ thuỷ quân lục chiến
- Raude, lính thuỷ quân lục chiến
- Herault, Mouello, thủy thủ
- Séguin, ALexis Om, Alévy, Luis Muiz, và Pédro Caldera, các thông ngôn
- Gsell: nhiếp ảnh. Nhưng Gsell đã không rời khỏi Cao Mên.
- Tran Van Thuong, đội lính khố đỏ người Việt
- Nguyen Van Duong, Tran Van Huong, Nguyen Van Son, Nguyen Van Chau, Nguyen Van Chanh (hay Thi), và Nguyen Van Tan (hay Thi, hay Thin, hay Tei): lính khố đỏ người Việt.

Chính trưởng đoàn Doudart de Lagrée đã quy định cụ thể hành trang của mỗi nhân viên phái đoàn thám hiểm bao gồm những vật dụng sau đây:

- 1 áo len	- 1 áo trắng
- 3 áo đan	- 1 quần ngủ
- 1 quần vải xanh	- 2 quần bông xanh
- 2 đôi giầy da	- 2 đôi giầy vải
- 2 đôi giầy ống	- 1 thắt lưng
- 1 mũ cói	- 1 mũ trùm làm việc
- 1 tấm bạt	- 1 chiếc chiếu
- 1 bộ đồ ăn bằng kim khí	- 1 dao
- 1 bánh xà phòng	- kim chỉ (8).

Rồi phái đoàn lên đường với chỉ thị của đô đốc De la Grandière là: "*Xác định dòng sông Mekong về phương diện địa lý... nối kết về phương diện thương mại các thung lũng từ nguồn sông xuống đến Cao Mên và Nam Kỳ... thu hút về chúng ta phần lớn những sản phẩm của miền Trung Trung Hoa...* " (9).

CUỘC THÁM HIỂM

Ngày 5-6-1866 phái đoàn rời Sài Gòn sang Nam Vang cùng với 178 hòm đồ đạc. Phái đoàn nghỉ lại ở Cao Mên để sắp xếp lại, mãi đến ngày 13-7-1866, phái đoàn mới thực sự vào cuộc thám hiểm (10).

Khởi đầu, đường đi khá suông sẻ nhờ sự chỉ dẫn của các chủ làng ở ven sông cho đến tháng 8 thì phái đoàn phải khựng lại khi đến thác Khôn. Thác này là một dải đá vân ban (porphyre), cao 15 mét. Phái đoàn phải đổ bộ người và hành trang. Mọi người thất vọng, lại thêm thời tiết xấu, mưa rơi tầm tã gây nên bệnh tật: "*Francis Garnier bị cảm nặng, Clovis Thorel bị kiết ly.*" (11)

Ngày 10-9, phái đoàn đến thành phố Bassak bấy giờ do một viên chức người Thái cai quản, và nghỉ ở đây cho đến cuối năm. Trong thời gian ngưng nghỉ này, Doudart de Lagrée đi khảo sát các sông Don và Kong, hai nhánh của Mekong, đến tận Attopeu rồi bị sốt, mãi đến ngày 4-12 mới trở lại Bassak.

Đầu năm 1867, phái đoàn tiếp tục lên đường. Phái đoàn tới Ubôn ngày 6-1-1867. Ở Ubôn, để giảm bớt phương tiện chuyên chở cho một nhân số đông đảo và nhất là số hành trang cồng kềnh, Trưởng Đoàn cho trung sĩ Charbonnier cùng hai người lính tên Raude và Reynaud trở về. Đây là những người không quan trọng trong phái đoàn và là những người Âu, vốn có nhiều nhu cầu cá nhân hơn người bản xứ.

Ngày 20-4 phái đoàn đến Luang Prabang, thủ phủ thượng Lào, và tìm đến nơi chôn cất Henri Mouhot để dựng một đài kỷ niệm nhà

thám hiểm này (12). Lúc này trời vẫn mưa tầm tã, sông rất khó đi, nên ngày 25-5 khi tiếp tục lên đường, phái đoàn đã phải để lại những hòm chứa các tài liệu và vật liệu sưu tập được từ khi khởi hành.

Ngày 18-6 phái đoàn đến thác Tang Ho gần Moung Lim. Từ đây cho đến biên giới Trung Hoa là cả một đoạn đường gian khổ như đoạn văn sau đây diễn tả: *"Trên sườn hay đỉnh núi, qua những khu rừng hoang đầy đỉa, rệp cây (pucerons), nơi cọp thường qua lại, trên những bãi sông đầy muỗi, giữa những ruộng ngập bùn, con đường người ta vượt qua biến mất dưới làn nước đọng hay những bọt nước trên những hố trũng... Sĩ quan và nhân viên phái đoàn là những con người thân tàn ma dại vì cảm sốt và lở loét do ruồi đỉa cắn."* (13)

Ngươi ta phải bỏ thuyền vì không sử dụng được nữa. Hành trang chở trên lưng bò hay người địa phương thuê mướn dọc đường. Nhân viên phái đoàn phải đi bộ, riêng Louis Delaporte đi võng. Bác sĩ Lucien Joubert bị cảm nặng. Hành trang cá nhân phải bỏ bớt, dụng cụ dựng lều chỉ còn giữ tấm bạt.

Dẫu sao, ngày 18-10-1867, phái đoàn cũng đến được biên giới Trung Hoa, và thế là họ hoàn tất được con đường chưa hề một người da trắng nào đặt chân tới. Từ trên những sườn núi, thánh phố Sze Mao thuộc tỉnh Vân Nam hiện ra trước mắt phái đoàn là dấu hiệu của nỗi mừng vui chan chứa: một bảo đảm của sự trở về!

Mục tiêu chính của phái đoàn là tìm biết sông Mekong có lưu thông được không, thì thực tế cho thấy có những trở ngại không thể khắc phục được đã ngăn cản sự lưu thông trên con sông này. Tuy nhiên, những chỉ thị cho phái đoàn cũng đặc biệt nhắm tới sự thiết lập liên lạc với Trung Hoa. Do đó, phái đoàn phải nỗ lực tìm xem còn có con đường nào khác dẫn tới mục tiêu trên hay không.

Ngày 29-10-1867 phái đoàn tới Pou Eul, một thành phố nổi tiếng về trà nằm trên hàng đỉnh ngăn lưu vực sông Mekong với sông Cái, tức sông Hồng. Phái đoàn tiếp tục tiến xa hơn nữa, ngày 20-11 tới bờ sông Ho Ti, nhánh chính của thượng lưu sông Hồng. Đây là một biến cố quan trọng nhất, vượt ngoài sự tiên liệu của phái đoàn. Từ khi rời bờ sông Mekong, phái đoàn đi trên những cao nguyên cao độ 1300m-1600m. Sông Ho Ti chảy qua cao nguyên cao nhất vùng, cắt sâu xuống đến 400m. Ở đây, khí hậu nóng đã tạo ra một khung cảnh thực vật nhiệt đới rậm rạp... Mọi người trong phái đoàn đều cảm thấy con sông này, trong những điều kiện hiện hữu, tất lưu thông được và đây chính là con đường họ đang tìm kiếm. Hơn một tháng sau, Doudart de Lagrée viết trong thư tường trình với thượng cấp ở Sài Gòn như sau: *"Một vấn đề quan trọng nhất đặt ra ở đây: sông Cái (tức sông Hồng) có thể lưu thông được bắt đầu từ đâu, nó có thể sử dụng làm đường thông thương giữa Bắc Kỳ và miền nam Vân Nam không? Để giải quyết vấn đề này, trong khi phái đoàn tiến thẳng đến Lin Ngan, tôi gửi ông Garnier đi thám hiểm con sông để thu thập tin tức, rồi gặp nhau ở Lin Ngan. Vì sự ác cảm của dân chúng, viên sĩ quan này không thể suôi dòng xuống quá 40 dặm; nhưng những tin tức mà ông ta thu lượm được cùng những tin tức do chính tôi thu lượm, đã đủ cho chúng tôi. Cách đông nam Lin Ngan sáu ngày đường có một cái chợ nổi tiếng tên là Mang Kho từ đó sông Cái (Hồng) lưu thông được tới tận biển. Ở chợ này, vẫn còn trên phần đất Vân Nam, và ở vài chợ khác ở hạ lưu trên đất Bắc Kỳ, qui tụ những người Lào, những người Vân Nam và Quảng Tây, những dân sơn cước, và những người Quảng Châu đem tới đó, theo đường biển, những hàng hóa từ Âu Châu. Sự xác định con đường này chắc chắn là một trong những kết quả hữu ích nhất của cuộc thám hiểm của chúng tôi."* (14)

Nhà cầm quyền địa phương rất cởi mở và hiến mọi sự dễ dàng cho phái đoàn, kể cả phương tiện chuyển vận. Doudart de Lagrée nhất định đi Lin Ngan, thủ phủ của Vân Nam và là địa điểm hẹn gặp Garnier. Tới Lin Ngan ngày 23-12, phái đoàn được viên quan cai trị Song-ta Jen tiếp đãi nồng hậu (15). Phái đoàn cũng gặp hai người Pháp nghe tin đến đón chào: đó là các linh mục Protteau và Fénouil.

Ngày 8-1-1868 phái đoàn rời Lin Ngan và tới Toung Tchouen mười ngày sau đó. Trên quãng đường này, nhiều nhân viên phải cáng, kể cả viên trưởng phái đoàn. Sau khi rời Lin Ngan, Doudart de Lagrée bị sốt nặng. Quyền chỉ huy phái đoàn phải giao cho Francis Garnier.

Francis Garnier dẫn phái đoàn gồm Clovis Thorel, Louis Delaporte, Louis de Carné, và năm người khác theo sông Dương Tử tới thành phố Taly. Cuộc hành trình này có mục đích thám hiểm sông Dương Tử, và kéo dài hai tháng, từ 30-1 đến 4-4-1868.

Khi nhóm Garnier trở lại Toung Tchouen, họ mới biết vị trưởng phái đoàn chính thức của họ

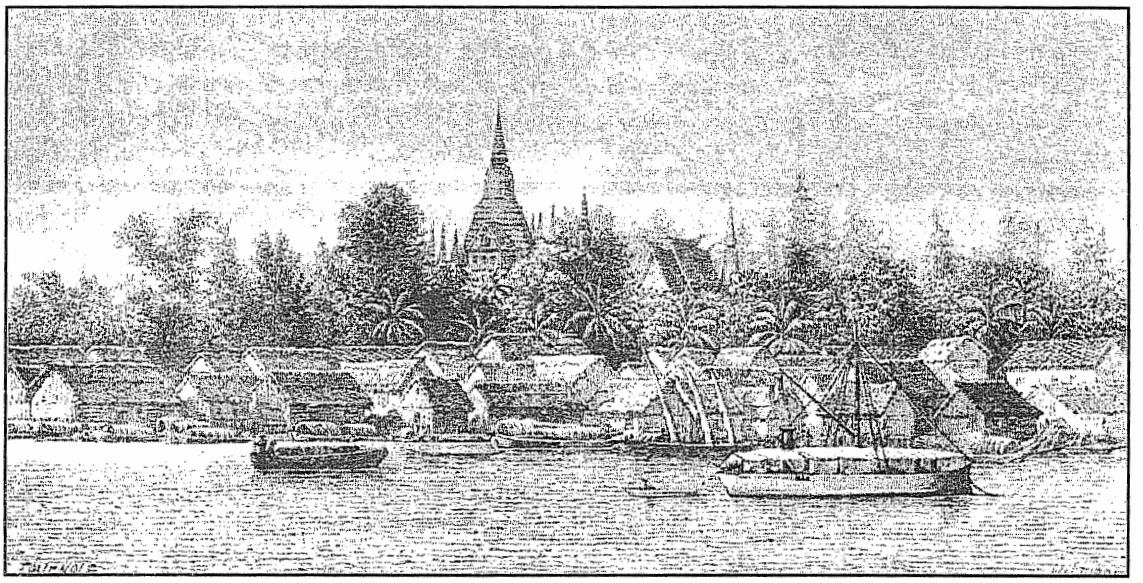

Nam Vang 1866. Ký họa Delaporte

đã tắt thở từ hôm 12-3-1868. Toàn thể phái đoàn tìm cách trở về Sài Gòn cùng quan tài của Doudart de Lagrée. Lần trở về rất dễ vì là con đường có nhiều người qua lại.

Đến Hán Khẩu ngày 6-6, phái đoàn ngưng nghỉ cho đến 10-6. Ở đây phái đoàn được những người Pháp tại chỗ tiếp đón nồng nhiệt, trong số có Jean Dupuis. Bác sĩ Lucien Joubert nhận ra đó là một người đồng hương, cùng sinh ra trên bờ sông Rhône. Nhận thấy Jean Dupuis là một người cởi mở và thành thật, Joubert trình bày lại những kết quả của cuộc thám hiểm và không quên đề cập đến những tài nguyên của vùng Vân Nam. Ông cũng nhấn mạnh đến sự phát triển của sông Hồng như một phương tiện giao thông. Đó chính là khởi điểm của những cuộc thám hiểm sông Hồng của Jean Dupuis (16).

Ngày 29-6-1868, phái đoàn về đến Sài Gòn, 2 năm 23 ngày sau khi khởi hành.

KẾT QUẢ CỦA CUỘC THÁM HIỂM

Đền bù những vất vả khổ cực và chính sinh mạng của vị trưởng đoàn, phái đoàn thám hiểm sông Mekong Doudart de Lagrée đã đạt được nhiều kết quả đáng kể sau đây.

*** VỀ KHOA HỌC**

Cuộc thám hiểm được tiến hành trên những vùng đất còn hoàn toàn hoang vu. Từ Kratièh (Cao Mên) tới Chieng Hung (Lào) chỉ có vài địa điểm được người Âu đặt chân tới là Chieng Tung, Chieng Hung (do Mac Léod), Luang Prabang (do henri Mouhot), Vien Chan (do Wusthof)... Từ Chieng Hung đến Tohung Thouen (Trung Hoa) các giáo sĩ Dòng Tên đã lui tới vài địa điểm nhưng con đường phái đoàn trải qua thì chưa người da trắng nào đặt chân tới. Tổng cộng, con đường phái đoàn vượt qua dài gần 7,000 km, chưa kể 800 km đường dài phái đoàn đi từ Sài Gòn đến Angkor rồi đến Kratièh và những lần Doudart de Lagrée đi riêng ở Cao Mên thêm chừng 200 km nữa.

Lưu vực sông Mekong được nghiên cứu kỹ càng cho đến vĩ tuyến 22. Lòng sông cũng được khảo sát từ Kratièh đến biên giới Lào và Miến Điện. Nguồn của con sông nổi tiếng này không còn nằm trong giả thuyết nữa, mà được biết chắc chắn là trên những cao nguyên Tây Tạng. Một số những con sông khác như Ménam, Dương Tử, Nhị (vùng thượng lưu) cũng được phái đoàn lưu ý nghiên cứu hiến thêm nhiều chi tiết xác thực cho các nhà địa lý, các nhà thám hiểm, và cả các thương nhân...

Sự thành công của phái đoàn thám hiểm Doudart de Lagrée khích động các nhà thám hiểm khác. Cho nên, sau đó chúng ta thấy rất nhiều phái đoàn thám hiểm khác hoặc chính thức do nhà cầm quyền tổ chức hoặc chỉ do ý lực của cá nhân.

Những phái đoàn thám hiểm do nhà cầm quyền tổ chức có thể kể phái đoàn Auguste Pavie (1879-1895) thám hiểm Ai Lao, Cao Mên, và Việt Nam. Kết quả các cuộc thám hiểm này là một bộ sách 10 quyển hơn 4,000 trang gọi tắt là bộ *Mission Pavie* là cả một kho tàng hiểu biết về các xứ Đông Dương thời Pháp thuộc. Hay như nhiệm vụ của Odendhal theo lệnh Toàn

Quyền Đông Dương thám hiểm các vùng Huế, Kontum, Attopeu mà phúc trình được đăng lại trong tạp chí *Revue Indochinoise* năm 1908 dưới tựa đề "Itinéraires d'Attopeu à la Mer (Journal de Marche d'Odendhal)."

Những phái đoàn thám hiểm do cá nhân tự tổ chức có thể kể Gabriel Bonvalot và Henri d'Orléans thám hiểm đường từ Paris đến Bắc Kỳ qua Tân Cương, Tây Tạng, Trung Hoa, thu thập những dữ kiện về địa chất, thảm thực vật, muông thú, dân cư, y phục... phổ biến trong tác phẩm *De Paris au Tonkin à travers le Tibet Inconnu* (Paris, Hachette, 1892, 520 tr.). Đến năm 1895-96, Henri d'Orléans lại thực hiện một cuộc thám hiểm thứ hai, theo thung lũng sông Mekong

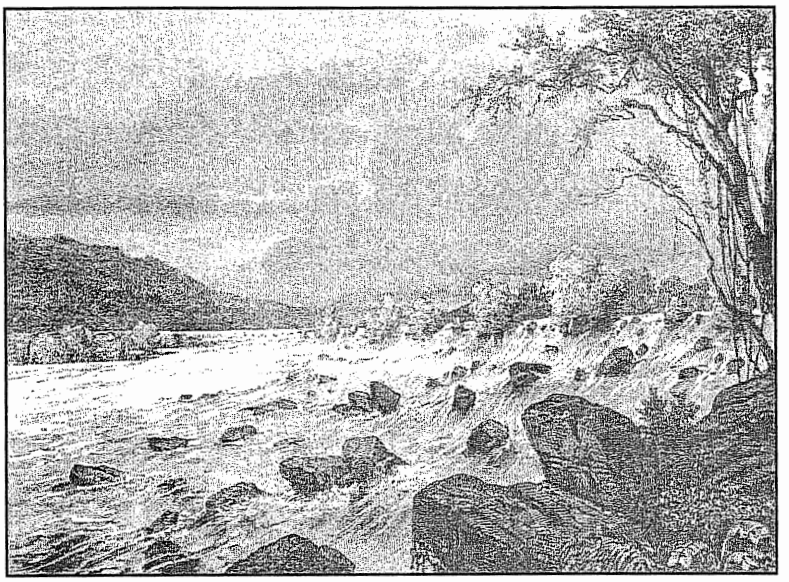

Thác Khone hùng vĩ. Ký họa Delaporte

qua Ai Lao, Trung Hoa, lên đến Tây Tạng, lượt về theo phía tây sang Ấn Độ. Những chi tiết về khí tượng, cây cỏ, muông thú, thổ ngữ, đường xá... thu lượm được, Henri d'Orléans ghi lại trong *Du Tonkin aux Indes* (Paris, Calmann Lévy, 1898, 442 tr.) Hay như bá tước Barthélemy, mới 22 tuổi, năm 1894-95 thám hiểm các xứ Nam Kỳ, Cao Mên, Ai Lao, Thái Lan thu thập các chi tiết về tài nguyên, nhân chủng, hành chính, kinh tế, phong tục... và phổ biến trong *En Indochine 1894-95, Cambodge, Cochinchine, Laos, Siam Méridional* (Paris, Plon, 1899, 249 tr.)

*** VỀ CHÍNH TRỊ**

Phái đoàn được biết những "tiểu quốc" ở Nam Lào bên hữu ngạn sông Mekong đều bị sự kìm kẹp của người Thái và đang nóng lòng thoát khỏi sự đô hộ này, trong khi ở tả ngạn là vùng ảnh hưởng của người Việt. Nước Pháp có thể lợi dụng tình thế để đóng vai trò quan trọng trong vùng, nhất là ở Luang Prabang.

Phái đoàn còn biết được vùng Bắc Lào đang chịu ảnh hưởng của Miến Điện dẫn đến trở ngại là liên lạc với Trung Hoa trở nên khó khăn.

Ở Trung Hoa, vùng Vân Nam có sự nổi loạn của những tín đồ Hồi Giáo, và khi bị quan quân đánh dẹp, tàn quân đã tràn xuống Bắc Kỳ cướp phá.

*** VỀ KINH TẾ**

Phái đoàn xác định được những luồng mậu dịch giữa Miến Điện với Vân Nam, Vân Nam với Bắc Kỳ, và Trung Kỳ với Ai Lao mà những bất ổn về chính trị đã nhất thời làm gián đoạn.

Phái đoàn cũng ghi nhận những liên hệ giữa các vùng Bassak, Khong, Stung Treng, Attopeu ở Ai Lao với Cao Mên, trong khi Thái Lan chiếm hầu hết những dịch vụ thương mại của xứ Trung Lào với vùng Ubôn ở bên kia bờ sông Mekong.

Phái đoàn thẩm định nước Pháp có thể hành động theo lợi ích của mình ở xứ Ai Lao, xứ phì nhiêu, nơi đầy những sản phẩm nhiệt đới, nơi dân tình hiền lành hiếu khách tuy có tính ù lỳ.

Đối với Vân Nam, thật không còn nghi ngờ gì về sự giầu có của vùng này. Phái đoàn đã gặp trên đường đi cảnh khai thác mỏ, mặc dù kỹ thuật sơ khai nhưng cũng sản xuất được những dụng cụ đắt khách. Phái đoàn tìm thấy ở Vân Nam các kim loại sắt, chì, đồng, vàng, bạc, đá quí, thủy ngân, phèn chua, cùng những mạch than ở vùng sông Ho Ti và nhất là ở vùng sông Dương Tử. Nếu kể thêm trà, người ta có cả một danh sách dài những sản phẩm để trao đổi với các quốc gia bên ngoài. Những sản phẩm ấy cần con đường vận chuyển ngắn, nhanh, đỡ tốn hơn đường sông Dương Tử. Đường sông Cái (Hồng) hiện ra như là con đường vận chuyển lý tưởng.

Như vậy, phát kiến lớn nhất cuả phái đoàn là sự lưu thông trên sông Hồng, và đó là công lớn của người trưởng đoàn. Bắt buộc bởi hoàn cảnh

thực tế khiến phải xa lìa con đường dự định lúc ban đầu, Doudart de Lagrée có sáng kiến tới bờ sông Hồng trong mục đích mà trước đó chưa một ai nghĩ tới. Cho đến khi sắp mất, Doudart de Lagrée còn nhấn mạnh đó là điều quan trọng nhất của toàn bộ công cuộc thám hiểm.

Tuy nhiên, điều cần lưu ý là ý tưởng này không hề được nêu rõ trong những bản văn công bố lúc bấy giờ. Người Pháp còn muốn nghiên cứu thêm về sông Hồng thì làm sao có thể bầy ra trước công chúng sự bí mật về những điều mà họ đã thu lượm được qua cuộc thám hiểm? Cho đến khi những mưu định của Jean Dupuis được biết tới, và thực hiện xong, lúc ấy mới xuất hiện bộ *Voyage d'Exploration en Indo-Chine* (Paris, Hachette, 1873) do Francis Garnier chủ biên, Louis Delaporte minh họa, Lucien Joubert phụ trách phần địa chất, Clovis Thorel viết về nhân chủng và nông nghiệp, trong đó sự thật mới được phô bầy.

Việc phát kiến con đường lưu thông trong địa phận Bắc Kỳ, tuy không gây hậu quả lập tức, sẽ dẫn đến tình trạng xáo trộn và rối ren ở đây. Đô đốc Nam Kỳ Dupré 5 năm sau tìm cách chuyển quân ra Hà Nội -không biết có ngẫu nhiên hay không, nhưng chính Francis Garnier là người cầm đầu toán quân này để rồi phải bỏ thây tại Ô Cầu Giấy- đánh phá để ép triều đình Huế ký hòa ước Giáp Tuất 15-3-1874 theo đó "*sự thông thương trên sông Nhị, từ cửa biển đến Vân Nam, trở nên tự do*," (17) và ba thương khẩu Hà Nội, Thị Nại (Qui Nhơn), và Ninh Hải (Hải Phòng) được mở ra cho mậu dịch quốc tế, quan thuế Bắc Kỳ bị Pháp kiểm tra, người Pháp còn được lập ở Hà Nội và Hải Phòng những lãnh sự quán.

Nghĩa là, theo thực chất, Bắc Kỳ đã trở nên xứ bảo hộ của Pháp. Tất cả chỉ vì những con sông: vì sông Mekong mà Pháp chiếm Nam Kỳ, và vì sông Hồng mà Pháp chiếm Bắc Kỳ!

TRẦN ANH TUẤN

(Bài đăng trong *Tập San Sử Địa* năm 1972. Tăng bổ tháng 6 năm 2007 tại California.)

CHÚ THÍCH

(1) A.B. De Villemereuil, Explorations et Missions de Doudart de Lagrée. Paris, 1883, tr. LXXVI.

(2) Khi cai trị các tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Bonard tổ chức một guồng máy mềm dẻo, dùng người Việt cai trị người Việt ở cấp huyện với hệ thống các tham biện Pháp kiểm soát. Nhưng đến tháng 8 năm 1862, Bonard bị sự chống đối của các nhà truyền giáo Tây phương và sự bất hợp tác của giới nho sĩ Việt, Bonard phải lập hệ thống những thanh tra bản xứ vụ trực tiếp cai trị.

(3) Năm 1863, sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình việc chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Dư luận Pháp ngả về việc đồng ý cho Việt Nam chuộc đất. Nhưng, tuy chỉ là thiểu số, phe chủ thuộc địa hoạt động rất mạnh và tích cực. Chính tập sách nhỏ của một viên sĩ quan hải quân Pháp tại Nam Kỳ tên là A.B.L. Rieunier, bút hiệu H. Abel đã góp phần lớn vào phong trào chống đối việc tu sửa hiệp ước 1862. Xin xem: H. Abel, La Question de la Cochinchine au Point de Vue des Intérets Français. Paris, Challamel, 1864. Tập sách này sau được in lại trong Bulletin de la Société des Études Indochinoises, Bộ Mới, Quyển III, số 2 (tháng 5-7/1928), tr. 1-48.

(4) Nguyên văn: "M. de Lagrée est un officier de mérite et d'un grand jugement. Ces qualités m'ont décidé à lui donner la direction d'expédition pénible du Mé-kong. Tout me prouve que j'ai bien placé ma confiance." trích lại trong: A.B. De Villemereuil, sđd, tr. XCVI.

(5) Doudart de Lagrée sinh năm 1823 trong một gia đình quí tộc từng nắm những chức vụ quan trọng trong quân đội, tư pháp, và giáo hội. Gia nhập hải quân Pháp từ năm 1845, Doudart de Lagrée tình nguyện sang Nam Kỳ năm 1863. Tháng 5-1863, ông được cử sang Cao Mên đại diện Súy Phủ Sài Gòn trước khi được đô đốc De la Grandière chọn làm trưởng đoàn thám hiểm sông Mekong. Ngày 12-3-1868 Doudart de Lagrée bị bệnh mất tại Toung Tchouen (Vân Nam) vì cuộc hành trình quá gian khổ.

(6) Francis Garnier sinh năm 1839, vào trường hải quân Pháp từ năm 1855, từng tham dự các cuộc hành quân ở Trung Hoa và Nam Kỳ. Trước khi được cử vào phái đoàn thám hiểm, Francis Garnier là thanh tra bản xứ vụ ở Chợ Lớn. Ngày 21-12-1873 Francis Garnier bị quân Cờ Đen phục kích giết ở Ô Cầu Giấy (Hà Nội).

(7) Nhiệm vụ của từng cá nhân nhân viên phái đoàn nêu trên căn cứ vào thư của Francis Garnier gửi đô đốc Ohier ngày 3-7-1868 được trích lại trong A.B. De Villemereuil, sđd, tr. 572.

(8) Chi tiết hành trang cá nhân căn cứ vào dự thảo của Doudart de Lagrée, được trích đăng trong A.B. Villemereuil, sđd, tr. 465.

(9) Tham khảo: Instructions Définitifs pour l'Exploration Mé-Kong do đô đốc De la Grandière ký. Tài liệu trích đăng trong A. B. Villemereuil, sđd, tr. 469.

(10) Lợi dụng thời gian này, Doudart de Lagrée đi khảo sát đền Angkor. Tham khảo: Stephane Dumoulin, Le Tonkin. Exploration du Mékong. Paris, Ch. Delagrave, 1890, tr. 357-58.

(11) A.B. Villemereuil, sđd, tr. LXXXL.

(12) Henri Mouhot, người có công mở đường vào Cao Mên qua cuộc thám hiểm bắt đầu từ năm 1858 đến năm 1861. Khi Mouhot đến Luang Prabang thì bị cảm sốt và mất tại đấy, thi hài được chôn ở làng Naphao cách Luang Prabang 3 km, trên bờ sông Nam Kan. Về kết quả cuộc thám hiểm của Mouhot, xin xem: Ferdinand de Lanoye, Henri Mouhot. Voyage dans les Royaumes de Siam, de Cambodge, de Laos, et autres Parties Centrales de l'Indochine. Paris, Hachette, 1882, 335 tr.

(13) A.B. Villemereuil, sđd, tr. LXXXVIII.

(14) Thư Doudart de Lagrée viết từ Vân Nam ngày 5-1-1868 gửi đô đốc De la Grandière, trích lại trong A.B. Villemereuil, sđd, tr. 564-65.

(15) Nguyên nhân của sự cởi mở và dễ dãi này là những tặng phẩm quí giá mà nhân viên phái đoàn đã trao tặng. Quá thông hiểu tâm lý người Á Đông, Doudart de Lagrée đã đem theo 15 thùng tặng phẩm gồm súng trường, súng lục, ống nhòm, đồng hồ, vải...

(16) Những chi tiết này được tác giả A.B. Villemereuil ghi lại, sđd, trang CII-CIII, căn cứ vào tài liệu của bác sĩ Lucien Joubert trong Doudart de Lagrée et la Question du Tongkin. Ngoài ra, chính Jean Dupuis cũng xác định với tác giả Villemereuil những chi tiết trên là đúng.

(17) Xin xem: Nguyễn Thế Anh, Việt Nam Thời Pháp Đô Hộ. Sài Gòn, Lửa Thiêng xb, 1970, tr. 92.

ĐẠO HÒA HẢO TRONG LỊCH SỬ *

TRẦN GIA PHỤNG

1.- BỐI CẢNH ĐỊA LÝ

Phật giáo Hòa Hảo là tông phái Phật giáo do Đức Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ (1920-1947) khai sáng ngày 18 tháng 5 năm kỷ mão (4-7-1939), tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là tỉnh An Giang), gần biên giới Việt Nam — Cambodia. Do đó, trước khi nói đến Phật giáo Hòa Hảo, chúng ta nên tìm hiểu sơ lược nơi xuất phát đạo Hòa Hảo.

Châu Đốc nguyên đất của Chân Lạp (Cambodia). Vào năm 1757, tại Chân Lạp xảy ra tranh chấp ngôi báu. Chúa Nguyễn là Võ Vương Nguyễn Phúc Khóat (cai trị Đàng Trong 1738-1765) cử Mạc Thiên Tứ, tổng trấn Hà Tiên, cầm quân qua Chân Lạp, lập Nặc Tôn lên ngôi vua tức Outey II (trị vì 1757-1775).

Nặc Tôn cắt đất Tầm Phong Long tặng chúa Nguyễn và cắt năm phủ Cần Bột (Kampot), Hương Úc (Kompong Som), Trực Sâm (miền nam Treang), Sài Mạt (Bentey Méas) và Linh Quỳnh tặng Mạc Thiên Tứ. Chúa Nguyễn lấy đất Tầm Phong Long đặt thành đạo Châu Đốc, nhập vào dinh Long Hồ (vùng Hậu giang ngày nay), và giao năm phủ cho Mạc Thiên Tứ sáp nhập vào trấn Hà Tiên. **(1)** Về sau, vua Tự Đức (trị vì 1848-1883) trả năm phủ nầy lại cho Chân Lạp. **(2)**

Dưới thời các vua nhà Nguyễn, Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang. Sau khi sáu tỉnh Nam Kỳ chính thức bị nhượng cho Pháp bằng hòa ước 1874, ngày 5-1-1876, thống đốc Pháp là Duperré ký nghị định cải tổ hành chánh, chia Nam Kỳ lục tỉnh thành bốn khu vực hành chánh (circonscription administrative) là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac. Mỗi khu vực hành chánh được chia nhỏ thành nhiều tiểu khu hặnh chánh (arrondissement administratif). Bassac là vùng phía nam sông Hậu, được chia thành các tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Trà Ôn và Sóc Trăng.**(3)** Tiểu khu Châu Đốc tức tỉnh Châu Đốc sau nầy, là nơi có làng Hòa Hảo quận Tân Châu.

Như thế, có thể nói vùng Hòa Hảo, Tân Châu, Châu Đốc là vùng đất nhập Việt tịch trễ nhất trong lịch sử Việt Nam, vào năm 1757 và chỉ hơn một trăm năm sau thì bị Pháp xâm chiếm.

2.- PHẬT GIÁO TỨ ÂN

Người Việt trước đây vốn theo tam giáo Phật, Nho, Lão. Trong ba đạo giáo trên, lúc đầu, Phật giáo phát triển mạnh dưới thời nhà Lý (1010-1225), nhà Trần (1226-1400). Qua thời nhà Lê (1428-1789), do ảnh hưởng từ khi Minh thuộc (1407-1428), Nho giáo càng ngày càng thịnh hành.

Vào thế kỷ 17, nước ta xảy ra nội chiến giữa hai họ Trịnh Nguyễn. Chúa Trịnh mượn cớ tôn phò vua Lê, hùng cứ đất Bắc. Chúa Nguyễn muốn tách ra tự lập ở phương Nam, chống lại chúa Trịnh và ở vào thế chống lại vua Lê.

Trong giai đoạn chống lại vua Lê, chúa Nguyễn không thể nói chuyện "trung quân," và đề cao Nho giáo. Nho giáo là một triết thuyết chính trị hậu thuẫn mạnh mẽ cho chế độ quân chủ. Để tạm thời thay thế Nho giáo, các chúa Nguyễn phát triển Phật giáo, dùng Phật giáo làm nền tảng tư tưởng và tinh thần, để có thể tập hợp quần chúng. Các chúa Nguyễn cho xây dựng chùa chiền khắp nơi, mời cả tăng sĩ Trung Hoa sang giảng đạo.

Lúc đó, ở miền Nam, di dân mới bắt đầu khai canh, khẩn hoang, mở ruộng, lập vườn. Mọi nỗ lực tập trung vào việc sản xuất nông phẩm, xây dựng nông nghiệp. Làng mạc mới được tổ chức, chưa có chùa chiền, chưa có tăng lữ, chưa có thầy dạy chữ. Trong khi đó, nhu cầu tâm linh của di dân rất khẩn thiết và rất quan trọng trong cuộc sống mới. Di dân cần một điểm tựa tinh thần để vững tin trên bước đường mạo hiểm, khai phá.

Đáp ứng nhu cầu nầy, năm 1851, Đoàn Minh Huyên (1807-1856) dựa trên nền tảng giáo lý nhà Phật, đã khai sáng một tông phái Phật giáo mới là Bửu Sơn Kỳ Hương (Núi quý hương kỳ diệu), còn được gọi là đạo Lành, tại làng Long Kiến, Chợ Mới, An Giang. Ông chủ trương bài trừ mê tín dị đoan, giản dị hóa nghi thức Phật giáo cho phù hợp với đời sống nông dân, không

có tăng sĩ, không cất chùa mà tổ chức khẩn hoang, lập trại cho nông dân vừa sản xuất vừa tu học. Về tu nhân, Đoàn Minh Huyên khuyến khích dân chúng luôn luôn đền đáp "tứ đại trọng ân" (bốn ân lớn) là; ÂN TỔ TIÊN CHA MẸ, ÂN ĐẤT NƯỚC, ÂN TAM BẢO (trong đạo Phật), ÂN ĐỒNG BÀO VÀ NHÂN LOẠI. Điều đáng chú ý là ngoài "tứ đại trọng ân" đạo Bửu Sơn Kỳ Hương không có giáo lý gì khác được đưa ra, và căn bản vẫn là cách tu tập theo Phật giáo cổ truyền.

Lúc bấy giờ, các quan chức địa phương nghi ngờ Đoàn Minh Huyên hoạt động chính trị, nên chuyển ông về chùa Tây An trên núi Sam (cũng ở An Giang) để dễ kiểm soát. Có thể vì vậy, dân chúng gọi ông là Phật thầy Tây An.(4) Sự nghi ngờ của các quan chức nhà Nguyễn chứng tỏ Phật thầy Tây An đã được khá đông quần chúng tin theo, nên các quan chức lo ngại ông nổi dậy.

Thông thường, các tổ chức thế quyền của các tôn giáo liên kết với các thế lực cầm quyền để phát triển. Các nhà cầm quyền cũng thích liên kết với các tổ chức thế quyền của tôn giáo để củng cố và bảo vệ quyền lực. Ngay như Phật giáo Việt Nam trước đây, được các triều đại Lý Trần hỗ trợ, và ngược lại các tăng lữ Phật giáo ủng hộ hai triều đại Lý, Trần.

Điểm đặc biệt của Phật giáo Tứ Ân là xuất phát từ dân chúng, chỉ phục vụ nhu cầu tâm linh và đời sống của dân chúng, không có hệ thống giáo quyền, không dựa vào chính quyền, và không phục vụ chính quyền. Nhu cầu đời sống của dân chúng lúc đó là tổ chức canh tác, khai khẩn đất hoang, sản xuất nông nghiệp.

Phật thầy Đoàn Minh Huyên từ trần năm 1856 tại chùa Tây An. Lúc bấy giờ, tại miền Nam, xuất hiện nhiều vị sư theo khuynh hướng Bửu Sơn Kỳ Hương như Phật Trùm mà không ai biết tên, Đức Bổn sư Ngô Văn Lợi (hành đạo khoảng 1870-1890), Sư Vải Bán Khoai (hành đạo khoảng 1901-1902) và Nguyễn Đa (gốc Bình Định, hành đạo cuối thế kỷ 19).(5)

Phật thầy Tây An có 12 đại đệ tử gọi là Thập nhị hiền thủ, trong đó nổi tiếng nhất là Trần Văn Thành và Nguyễn Văn Thới. Trần Văn Thành, thường được gọi là Cố Quản, giữ chức chánh quản cơ, khởi nghĩa chống Pháp ở Láng Linh (An Giang) cuối năm 1872, nhưng bị thất bại và mất tích năm 1873. Nguyễn Văn Thới (1866-1927), thường được gọi là Ba Thới, tác giả bộ *Kim cổ kỳ quan*, là một tác phẩm chú giải và khai triển giáo lý tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương.

Giai đoạn Ba Thới và bộ *Kim cổ kỳ quan* có thể xem là thời kỳ chuyển tiếp từ Phật giáo Tứ Ân sang một tông phái mới là Phật giáo Hòa Hảo.

3.- PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) do Đức thầy Huỳnh Phú Sổ thành lập tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là tỉnh An Giang), ngày 18 tháng 5 năm kỷ mão (4-7-1939). Đức giáo chủ Huỳnh Phú Sổ sinh ngày 25 tháng 11 năm kỷ mùi (15-01-1920), là con trai đầu của ông Huỳnh Công Bộ và bà Lê Thị Nhậm, một gia đình nông dân trung lưu.

Tiếp nối Phật giáo Tứ Ân, đạo Hòa Hảo chủ trương cải cách đạo Phật theo đúng với đời sống thực tế của nông dân, không thiết lập giai cấp tăng lữ, không tổ chức giáo quyền, không tích lũy giáo sản, không chú trọng đến hình thức, không làm chùa nguy nga, không tạc tượng, đúc chuông, không đốt vàng mã, khuyến khích các nghi lễ giản dị trong việc thờ phụng, cưới xin, tang lễ.

Sự nghiệp truyền giáo của Đức thầy Huỳnh Phú Sổ có thể chia thành hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất (1939-1942): Từ khi khai đạo, Đức thầy Huỳnh Phú Sổ vừa thuyết pháp, vừa sáng tác nhiều kệ giảng, dựa trên giáo lý nhà Phật, khuyên người gắng sức tu hành để thoát những tai ương do thời cuộc đưa đến. Những kệ giảng của Đức thầy thuần túy bằng tiếng Việt, rất giản dị, lại có vần điệu, dễ hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ và dễ lập lại hằng ngày trong cuộc sống, nên rất dễ phổ biến. Trong giai đoạn nầy Đức thầy đã sáng tác năm sách kệ giảng, gồm tổng cộng 3,602 câu thơ.

Phật giáo Hòa Hảo càng ngày càng phát triển, khiến người Pháp lo ngại. Ngày 18- 5-1940, tức khoảng một năm sau ngày khai đạo, Pháp giải Đức thầy Huỳnh Phú Sổ từ làng Hòa Hảo về Châu Đốc để điều tra. Sau đó, Pháp đưa ông về Sa Đéc, rồi về làng Nhơn Nghĩa, rạch Xà No, tỉnh Cần Thơ, quản thúc từ ngày 23-5-1940. Nhiều tín đồ Hòa Hảo được tin, liền tìm đến thăm. Vì vậy, sau ba tháng ông ở Cần Thơ, người Pháp đưa ông lên Sài Gòn, an trí tại nhà thương điên Chợ Quán.(6) Ngày 5-6-1941, người Pháp lại dời Huỳnh giáo chủ về Bạc Liêu. Do sự can thiệp của quân đội Nhật, Huỳnh giáo chủ được thả và được đưa về sống ở Sài Gòn từ

tháng 10-1942.

Giai đoạn thứ hai (1942-1947): Do hoàn cảnh chính trị, từ năm 1942 Đức thầy Huỳnh Phú Sổ bắt đầu tiếp xúc với các nhân vật chính trị Nam phần, và bắt đầu dấn thân vào con đường hoạt động chính trị. Năm 1944, Huỳnh Phú Sổ thành lập Bảo An Đoàn PGHH tại một số tỉnh miền Tây.

Vào đầu năm 1945, về mặt đạo, ông tiến hành thành lập ban trị sự tỉnh hội PGHH. Đức thầy cho xuất bản sách Cách tu hiền và sự ăn ở của một người bổn đạo bằng văn xuôi, lưu loát, minh giải về "tứ ân, tam nghiệp, thập ác, bát chánh" trong đạo, và giảng về nghi thức thờ phụng, cúng lạy, tang lễ, hôn nhân...

Cũng trong năm 1945, về phương diện chính trị, Huỳnh giáo chủ lập Việt Nam Vận Động Hội để tranh đấu đòi độc lập và thống nhất cho xứ sở. Từ đây, có thể nói Đức thầy Huỳnh Phú Sổ tham gia tích cực vào cuộc vận động cho nền tự do dân chủ của đất nước. Khuynh hướng nầy được Đức thầy bày tỏ trong bốn câu đầu bài "Quyết rứt cà sa," thơ thất ngôn liên hoàn, sáng tác năm 1946 như sau:

"Thấy dân thấy nước nghĩ mà đau,
Quyết rứt cà sa khoác chiến bào,
Đuổi bọn xâm lăng, gìn đất nước,
Ngọn cờ độc lập phất pho cao..."(7)

4.- ĐẠO HÒA HẢO BỊ VIỆT MINH ĐÀN ÁP

Tình hình Việt Nam và thế giới biến chuyển nhanh chóng do việc Hoa Kỳ thả bom nguyên tử xuống hai thành phố Nhật Bản là Hiroshima ngày 6-8-1945 và Nagasaki ngày 9-8-1945. Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện ngày 14-8-1945, thì cũng trong ngày nầy, tại Sài Gòn, Huỳnh Phú Sổ cùng các lãnh tụ đảng phái dân tộc thành lập Mặt Trận Quốc Gia Việt Nam Thống Nhất (MTQGVNTN). Mặt trận nầy kết hợp Việt Nam Vận Động Hội (Hòa Hảo), Cao Đài, Tịnh Độ Cư Sĩ, Liên Đoàn Công Chức, Thanh Niên Tiền Phong và nhóm trí thức. Việt Minh không tham gia mặt trận nầy.

Ngày 21-8-1945, MTQGVNTN tổ chức cuộc mít tinh khổng lồ tại Sài Gòn, có thể lên tới khoảng 200,000 người tham dự, kêu gọi dân chúng đoàn kết, hy sinh tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Tuy có công khơi động phong trào yêu nước lên cao độ, nhưng MTQGVNTN không mạnh dạn nắm lấy chính quyền, để cho Mặt trận VM nhanh tay tổ chức biểu tình, cướp chính quyền như ngoài Hà Nội. Ngày 25-8-1945, Trần Văn Giàu, thuộc VM tuyên bố thành lập Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ Lâm Thời (Lâm ủy Hành chánh).

Trước đó, tại Âu Châu, Đức đầu hàng ngày 7-5-1945. Đại diện Anh, Hoa Kỳ, Liên Xô họp thượng đỉnh tại Potsdam, gần Berlin, quyết định về tương lai nước Đức. Bên cạnh đó, ngày 26-7-1945, cũng từ Potsdam, Anh, Hoa Kỳ, Trung Hoa cùng gởi cho Nhật một tối hậu thư, buộc Nhật đầu hàng vô điều kiện. Về vấn đề Đông Dương, tối hậu thư quyết định rằng quân đội Nhật sẽ bị giải giới ở Bắc vĩ tuyến 16 bởi quân đội Trung Hoa, và ở nam vĩ tuyến 16 bởi quân đội Anh, và không nói gì đến việc ai sẽ cai trị Đông Dương sau khi quân Nhật về nước.

Pháp liền nhân cơ hội nầy, theo quân Anh trở lại Đông Dương. Khi đại tá Cédile nhảy dù xuống Tây Ninh ngày 22-8-1945, thì năm ngày sau, tức ngày 27-8-1945, Trần Văn Giàu gặp Cédile để thương thuyết.

Tức thì, Lâm uỷ Hành chánh của VM bị phản đối mạnh mẽ. Việt Minh liền họp cùng MTQGVNTN ngày 4-9-1945 tại trường Mỹ Nghệ Gia Định (gần bệnh viện Nguyễn Văn Học), dưới sự chủ tọa của Đức Huỳnh Phú Sổ, đồng ý cải tổ Lâm uỷ Hành chánh. Cuộc cải tổ nầy được thông qua trong cuộc họp đêm 7-9-1945 tại trụ sở Tổng công đoàn đường De la Grandière (đường Gia Long), theo đó Phạm Văn Bạch làm chủ tịch Lâm uỷ Hành chánh, Trần Văn Giàu làm phó chủ tịch kiêm uỷ trưởng quân sự. Huỳnh Phú Sổ được mời làm cố vấn trong Lâm uỷ Hành chánh.

Chỉ hai ngày sau (9-9), Trần Văn Giàu tung người bao vây bắt Huỳnh Phú Sổ tại văn phòng, nhưng ông thoát được. Việt Minh tìm bắt giết những nhân vật quan trọng của Hòa Hảo như Huỳnh Thạnh Mậu (em ruột Huỳnh Phú Sổ), Nguyễn Xuân Thiếp, Trần Ngọc Hoành tại Cần Thơ; Chung Bá Khánh, Đỗ Thiều, Võ Văn Thời tại Trà Vinh, Vĩnh Bình; đồng thời VM ra lệnh giải tán MTQGVNTN, và bắt các lãnh tụ của mặt trận nầy.

Trong khi đó, với sự giúp đỡ của Anh, Pháp đưa quân vào Sài Gòn, dần dần tái chiếm toàn bộ Nam Kỳ. Ngày 5-2-1946, tướng Leclerc tuyên bố tại Sài Gòn rằng Pháp đã hoàn tất việc bình định Nam Kỳ và nam Trung Kỳ. Ngày 5-3-1946, quân lính Anh chính thức chấm dứt nhiệm vụ và rút ra khỏi Việt Nam.(8)

Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ vẫn tiếp tục hoạt động chống Pháp. Ngày 21-9-1946, ông chính

thức thành lập Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, gọi tắt là Dân Xã Đảng, được đồng bào miền Tây hưởng ứng mạnh mẽ. Tuyên ngôn của Dân Xã Đảng do Huỳnh Phú Sổ công bố, nhấn mạnh: "Việt Nam Dân Xã Đảng là một đảng dân chủ, chủ trương thiệt thi triệt để nguyên tắc chánh trị của chủ nghĩa dân chủ: 'chủ quyền ở nơi toàn thể nhân dân.' Đảng Dân Xã chủ trương 'toàn dân chánh trị,' thế tất đảng chống độc tài bất cứ hình thức nào."(9)

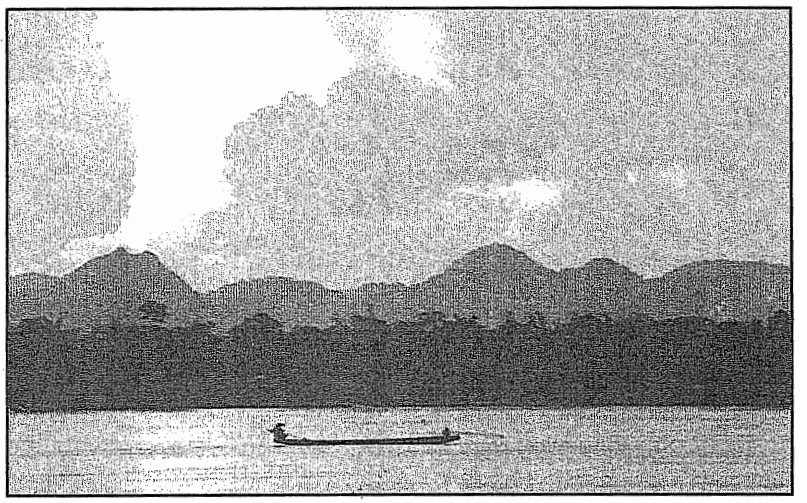
Trên sông Mekong

Một lần nữa, Việt Minh lại mời Huỳnh Phú Sổ hợp tác. Tuy bề ngoài tỏ ra đoàn kết, nhưng từ tháng 12-1946, nghĩa là từ khi bùng nổ cuộc chiến tranh với Pháp, VM đưa ra ba mật lệnh cho nhân viên, bằng tất cả các cách, triệt hạ uy tín Đức Huỳnh Phú Sổ, phá vỡ tổ chức Dân Xã Đảng, và thủ tiêu các lãnh tụ của đảng nầy.(10)

Những cuộc xô xát giữa Dân Xã Đảng và VM càng ngày càng trầm trọng. Ngày 16-4-1947, Bửu Vinh, chi đội trưởng Vệ Quốc Quân, và Trần Văn Nguyên, thanh tra chính trị miền Tây, mời Đức Hùynh Phú Sổ đến họp để giải quyết các cuộc xung đột giữa lực lượng hai bên tại Sa Đéc. Nhân đó, đoàn của Đức Huỳnh Phú Sổ bị tấn công tại kênh Đốc Vàng Hạ (thôn Tân Phú, Kiến Phong). Việt Minh đem ông đi mất tích.(11) Tín đồ Hòa Hảo tin rằng ông chưa chết, nhưng cho đến nay (2007), 68 năm sau biến cố kênh Đốc Vàng Hạ, chưa có tin tức gì cụ thể về việc ông còn sống.

Sau khi Đức thầy Huỳnh Phú Sổ mất tích, Đức ông Huỳnh Công Bộ, phụ thân của Đức thầy, đứng ra lãnh đạo PGHH cả về mặt đạo, lẫn mặt đời. Lực lượng Hòa Hảo lúc đó vừa chống Pháp, vừa chống VM. Tuy nhiên, cũng có khi quân Hòa Hảo bắt tay với Pháp chống VM. Ở miền Tây, lực lượng Hòa Hảo do bốn nhân vật chính chỉ huy là: 1) Trần Văn Soái (Năm Lửa) ở Cái Vồn, Cần Thơ và Vĩnh Long. 2) Nguyễn Giác Ngộ ở Chợ Mới, An Giang. 3) Lê Quang Vinh (Ba Cụt) ở An Giang, và Cần Thơ. 4) Lâm Thành Nguyên ở Châu Đốc và Hà Tiên.(12)

5.- ĐẠO HÒA HẢO TỪ 1954 ĐẾN 1975

Chiến tranh chấm dứt năm 1954. Theo Hiệp định Genève (20-7-1954) nước Việt Nam bị chia hai ở sông Bến Hải, ngang qua vĩ tuyến 17. Hồ Chí Minh và đảng Lao Động tức đảng CSVN, cai trị phía bắc, chính phủ Quốc gia dưới quyền Quốc trưởng Bảo Đại ở phía nam.

Lúc đầu các thế lực Hòa Hảo ủng hộ và tham gia chính phủ Ngô Đình Diệm cải tổ ngày 24-9-1954, như các ông Trần Văn Soái (quốc vụ khanh, ủy viên Quốc phòng), Lương Trọng Tường (tổng trưởng Kinh tế), Nguyễn Công Hầu (tổng trưởng Canh nông).(12)

Dần dần, chính phủ Ngô Đình Diệm muốn tập trung quyền lực vào trung ương, quy tập các lực lượng chính trị và giáo phái vào tay chính phủ. Ngày 27-1-1955, thủ tướng Ngô Đình Diệm ban hành nghị định số 41-NV, cấm Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (Dân Xã Đảng) của PGHH, không được hoạt động.(13) Có thể vì chính sách tập trung quyền lực về trung ương của chính phủ, hai tháng sau, các nhân vật Hòa Hảo trong nội các Ngô Đình Diệm từ chức ngày 30-3-1955.(14) Từ đó, rạn nứt giữa chính phủ Diệm và các giáo phái càng ngày càng trầm trọng.

Chính phủ Diệm mở chiến dịch Đinh Tiên Hoàng do đại tá Dương Văn Đức chỉ huy từ 5-6-1955 đến 29-12-1955, bình định miền Tây. Chính phủ đặt các tướng Hòa Hảo là Trần Văn Soái (Năm Lửa) và Lê Quang Vinh (Ba Cụt) ra ngoài vòng pháp luật, tiến đánh căn cứ đóng quân của các tướng nầy từ Cần Thơ xuống tới Châu Đốc

Sau chiến dịch Đinh Tiên Hoàng là chiến dịch Nguyễn Huệ từ ngày 1-1-1956, tiếp tục bình định miền Tây, do thiếu tướng Dương Văn Minh chỉ huy. Ngày 2-3-1956, tướng Trần Văn Soái tuyên bố trở về hợp tác với chính phủ Diệm. Ngày 13-4-1956, tướng Lê Quang Vinh (Ba Cụt) bị bắt ở Chắc Cà Dao, gần Long Xuyên. Ngày 11-6-1956, Tòa Đại hình Cần Thơ tuyên án tử hình tướng Lê Quang Vinh. Ngày 4-7-1956, Tòa án Quân sự nhóm ở Cần Thơ, tuyên án tử hình tướng Lê Quang Vinh một lần nữa. Ông bị hành quyết sáng ngày 13-7-1956 tại nghĩa địa Cần Thơ.(14)

Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã thành công trong việc tập trung quyền lực vào tay chính phủ, tiêu diệt các giáo phái, nhưng cũng chính vì vậy, chính phủ đã phá hủy mạng lưới các cơ sở chống cộng hạ tầng của PGHH, mà chính phủ không thể thay thế được, tạo cơ hội cho cộng sản xâm nhập vùng nông thôn miền Tây.

Ngày 1-11-1963, chính phủ Ngô Đình Diệm bị đảo chánh. Thật lạ lùng, người đảo chánh ông Diệm chính là người đã vâng lệnh ông Diệm đánh phá Phật giáo Hòa Hảo năm 1956, tướng Dương Văn Minh. Từ năm 1964, Phật giáo Hòa Hảo tái phục hồi hoạt động, bầu lại Hội đồng Trị sự Trung ương và các ban Trị sự địa phương các tỉnh. Tuy nhiên, tình hình thay đổi sau ngày 30-4-1975.

6.- ĐẠO HÒA HẢO BỊ ĐÀN ÁP SAU BIẾN CỐ 30-4-1975

Từ sau ngày 30-4-1975, khi cộng sản cầm quyền, Hội đồng Trung ương và các ban Trị sự địa phương PGHH bị giải tán và cấm hoạt động. Tổ đình PGHH bị cô lập. Chẳng những đàn áp, Cộng Sản Việt Nam (CSVN) còn bắt giết hay giam cầm dài hạn những nhà lãnh đạo PGHH.

Trước sự phản đối của dư luận ở trong cũng như ngoài nước, năm 1999, Liên Hiệp Quốc gởi một phái đoàn đến điều tra về tình hình tôn giáo tại Việt Nam. Lúc đó, nhà nước CSVN mới lập Ban Đại diện (chứ không phải ban Trị sự) PGHH ngày 25-6-1999. Quy chế mới của Ban Đại diện quốc doanh PGHH hủy bỏ đạo kỳ màu dà, rút gọn sấm giảng của Đức thầy, hủy bỏ Đại lễ tưởng niệm Đức thầy hằng năm...(15) Ban Đại diện "quốc doanh" nầy do Nguyễn Văn Tôn, tức Mười Tôn làm trưởng ban.(16)

Khi ban Đại diện quốc doanh PGHH do Mười Tôn đứng đầu được thành lập, ông Lê Quang Liêm, nguyên là Trưởng ban Trị sự Trung ương PGHH cuối cùng trước năm 1975, mới hoạt động trở lại dưới danh hiệu PGHH THUẦN TÚY (PGHHTT). Dầu không được nhà nước CS chấp nhận, nhưng PGHHTT được nông dân hưởng ứng và tin theo đông đảo. Nhà nước CS liền ra lệnh quản chế ông Lê Quang Liêm từ tháng 3-2003, cho đến tháng 8-2004 mới chấm dứt.

Nhà nước CSVN tiếp tục đàn áp việc hành đạo và bắt bớ tín đồ PGHH, đến nỗi ngày 5-8-2005, hai tín đồ PGHH tự thiêu ở An Giang. Người thứ nhất là ông Võ Văn Bửu tại xã Mỹ An, quận Chợ Mới, và người thứ hai là ông Trần Văn Út tại bắc Vàm Cống quận Châu Thành.

Tin mới nhất, ngày 6-6-2007, do ông Nguyễn Văn Cội, phát ngôn viên khối PGHHTT cung cấp cho đài Á Châu Tự Do, nhà nước CSVN hiện đang giam giữ 14 chức sắc và tín đồ thuộc Giáo HPGHHTT, và kêu án từ bốn năm đến chung thân khổ sai, vì tranh đấu đòi hỏi tự do tôn giáo.(17)

Nói chung, chế độ CSVN đàn áp PGHH có thể vì các lý do chính sau đây:

* Thứ nhất, CSVN rất lo sợ các đoàn thể hay các tôn giáo có tổ chức quần chúng. Tuy không tổ chức hệ thống giáo hội, nhưng "tín đồ Hòa Hảo là quần chúng có tổ chức"(18) và tổ chức khá chặt chẽ, nên CSVN rất lo sợ và đề phòng PGHH.

* Thứ hai, có thể nói, trong suốt thời gian chiến tranh vừa qua, CSVN khó thâm nhập vào những khu vực có tín đồ PGHH. Những làng Hòa Hảo là những làng thanh bình nhất tại miền Nam. Vì vậy, CSVN trả thù PGHH đã gây trở ngại hoạt động của CSVN từ 1945 đến 1975.

* Thứ ba, do việc Đức thầy Huỳnh Phú Sổ bị CSVN hãm hại, CSVN biết rằng PGHH không phục tòng CSVN.

* Thứ tư, đa số tín đồ của PGHH là nông dân. Cộng sản Việt Nam theo chủ trương của Mao Trạch Đông, lấy nông thôn bao vây thành thị, và xem nông dân là thành phần nòng cốt của cuộc cách mạng. Thế mà nông dân miền Tây tin tưởng vào PGHH hơn là tin tưởng CSVN. Đối với CSVN, đó là một "tội lỗi" to lớn của PGHH, mà CSVN không thể dung thứ được.

* Thứ năm, trước việc CSVN đàn áp PGHH, các tín đồ PGHH, với truyền thống bất khuất, đã đứng lên tranh đấu đòi TỰ DO TÍN NGƯỠNG, tức đòi NHÂN QUYỀN và DÂN QUYỀN, là điều mà CSVN rất cấm kỵ.

* Cuối cùng, các tôn giáo khác như Phật giáo,

Ky-Tô giáo La-Mã, các tông phái Tin Lành, có thế quốc tế, nên CSVN có phần dè dặt khi đụng chạm, có thể bị dân chúng các nước trên thế giới phản đối, gây ảnh hưởng xấu đến ngoại giao hay ngoại thương. Trái lại, PGHH là một tôn giáo thuần túy Việt Nam, không có thế quốc tế. Ngoại trừ những vi phạm nhân quyền trầm trọng, ít ai can thiệp giúp PGHH. Vì vậy, CSVN dễ mạnh tay với PGHH mà ít sợ phản ứng quốc tế.

Đó là những lý do chính khiến CSVN đàn áp không nương tay những sinh hoạt của PGHH hiện nay ở trong nước.

KẾT LUẬN

Nói chung, Phật giáo Tứ Ân và PGHH xuất hiện đúng lúc theo nhu cầu tâm linh của nông dân miền Tây nam Việt Nam, và là tôn giáo gắn liền với lịch sử dân tộc. Đạo Phật đã được giản dị hóa, phù hợp với tâm thức và đời sống của nông dân, nên được nông dân tin theo rất đông. Có thể nói, Đức Phật Thầy Tây An và Đức thầy Huỳnh Phú Sổ là những vị tổng tuyên úy Phật giáo của nông dân Nam Kỳ.

Điều lạ lùng nhất là PGHH không có chùa, không có giáo hội, không có tăng sĩ, không nghi lễ xa hoa, và PGHH chỉ có những ban trị sự để tín đồ tự quản lý với nhau, chỉ có những câu kinh tiếng kệ đơn giản, phổ thông, không tiếng Phạn, hoàn toàn bằng tiếng Việt. Thế mà PGHH đã đưa cả một hệ thống triết lý cao siêu là đạo Phật, đến tận từng cá nhân, từng gia đình, từng mái nhà, và trở thành kim chỉ nam hướng dẫn đời sống tâm linh cũng như đời sống xã hội cho cả một khối dân khổng lồ hàng triệu nông dân miền Tây, để mọi người cùng sống đạo, sống lương thiện, hài hòa với mọi người, cùng thực hành đạo pháp ngay trong đời thường.

Hiện nay, ai cũng đồng ý rằng dưới sự cai trị của chế độ CS, tình trạng văn hóa, luân lý, đạo đức của xã hội Việt Nam chúng ta đang suy thoái trầm trọng. Trong tiến trình dân chủ hóa toàn cầu, chắc chắn chế độ CS không thể tồn tại lâu dài. Sẽ đến lúc tự do dân chủ trở lại trên quê hương Việt Nam. Khi đó, chắc chắn PGHH sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc phục hưng nền văn hóa, luân lý và đạo đức cổ truyền của dân tộc.

(Toronto, 24-6-2007)

* Được trình bày trong "Lễ kỷ niệm lần thứ 68 ngày khai đạo Phật Giáo Hòa Hảo" tại Toronto, 24-6-2007.

CHÚ THÍCH

1. Quốc sử quán nhà Nguyễn, Đại Nam thực lục tiền biên, quyển X, bản dịch tập 1, Hà Nội: Nxb. Giáo Dục, 2001, tr. 166.
2. Phan Khoang, Việt sử xứ Đàng Trong, quyển hạ, Houston: Nxb Xuân Thu tái bản, không đề năm, tr. 446.
3. Alfred Schreiner, Abrégé de l'histoire d'Annam, Saigon: 1906, tr. 338.
4. Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên, Sổ tay hành hương Đất phương Nam, Nxb. TpHCM, 2002, tr. 389. Cũng theo tác giả sách nầy, danh xưng Tây An có thể bắt nguồn từ sắc chỉ của vua Thiệu Trị ban cho Doãn Uẩn là "An Tây mưu lược tướng quân", vì ông đã có công bình định miền Tây.
5. Các tài liệu viết về Phật thầy Đoàn Minh Huyên và các vị trong tông phái nầy, dựa trên tài liệu của: http://hoahao.org/default.asp?catid=21&nid=7530
6. Tại miền Nam, có câu ca dao: "Bao giờ Chợ Lớn hết vôi / Tàu Tây hết chạy, thì tôi hết khùng." Có thể câu ca dao nầy nhắm chỉ Huỳnh giáo chủ vì ông đã từng viết quyển Kệ dân của người khùng dài 476 câu, xuất bản lần đầu năm 1939, và nay Đức Huỳnh giáo chủ bị Pháp (Tây) bắt an trí ở nhà thương điên Chợ Quán, gần Chợ Lớn.
7. Ngoài địa chỉ Internet trên đây, tài liệu viết về Đức thầy Huỳnh Phú Sổ còn theo sách: Sấm giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo Chủ, do Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo Hải ngoại ấn hành, Houston: 2004.
8. Philippe Devillers, Histoire du Viêt-Nam de 1940 à 1952, Paris: Editions Du Seuil, 1952, tr. 176.
9. Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo Hải ngoại, sđd. tr. 533.
10. Lữ Giang, Những bí ẩn đàng sau cuộc chiến Việt Nam, quyển 1, tái bản lần thứ nhất, California: 1999, tr. 366. Mật lệnh lần thứ nhất ngày 26-12-1946 của Kiều Tấn Lập, giám đốc Sở chính trị thuộc Nha công an; mật lệnh thứ hai của Phạm Hùng, ngày 30-1-1947, xứ ủy Nam Bộ; mật lệnh thứ ba của Nguyễn Văn Tây, thanh tra chính trị miền Tây Nam Bộ.
11. Tài liệu theo: http://hoahao.org/default.asp?catid=21&nid=7530 (trích ngày 12-6-2007).
12. Đoàn Thêm, 1945-1964, Việc từng ngày, Hai mươi năm qua, California: Nxb. Xuân Thu tái bản không đề năm, tt. 156-157.
13. Trần Ngươn Phiêu, Những ngày qua, bút ký, Texas: Nxb. Hải Mã, 2005, tr. 101.
14. Đoàn Thêm, sđd. tt. 167, 199.
15. Trần Ngươn Phiêu, sđd. tr. 102.
16. Theo nguồn tin của một người quê Long Xuyên, hiện sinh sống tại Toronto. Cũng theo nguồn tin nầy, trước năm 1975, Mười Tôn nguyên là một tín đồ Hòa Hảo, vì tranh chấp đất đai, gây ra án mạng, nên bỏ theo CS để tránh tù tội. Năm 1975, Mười Tôn là Tỉnh đội trưởng tỉnh đội Long Châu Hà. Long Châu Hà là một tỉnh ghép khi CSVN mới cầm quyền sau 1975, gồm Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên. Về sau, chia lại tỉnh thì Long Xuyên-Châu Đốc đổi thành An Giang, Hà Tiên đổi thành Kiên Giang.
17. Theo các bản tin của đài Á Châu Tự Do (RFA) trong các ngày liên hệ.
18. Trần Ngươn Phiêu, sđd. tr. 67.

NGUYÊN SA

Bài hát Cửu Long

Có gì đâu em: có một đoàn người
Có một đoàn người góp sức góp vai
Cùng rủ nhau về góp một thành hai
Những bước chân góp đi làm đến!
Họ không dại khờ: góp trăng làm nến
Chỉ những miệng cười góp lạ thành quen
Góp những giọng hò làm trống ngũ liên
Góp những bàn tay dựng thành đại hội
Cánh tay chắp cánh tay cho dài thêm nửa với
Gạo quanh nồi góp lại bữa cơm chung
Họ cùng đi cùng góp tháng góp năm
Để sáng ngày mai làm sông làm biển.

Có gì đâu, có một đoàn người
Bên bờ Cửu Long gõ nhịp
Cả dòng sông gõ nhịp vịn bờ sông
Họ rủ nhau về sương gió vui chung
Dù có phút nước mắt chạy quanh
Hay miệng cười hớn hở
Vẫn bát gạo Hậu Giang, vẫn nụ cười huynh đệ
Mắt nghẹn ngào sáng tỏ nắng phương Nam
Màu nắng vàng không mầu nhiệm hào quang
Nhưng dù má bừng lửa cháy
Trán đổ mồ hôi
Họ cùng không đóng cửa mừng vui
Những bàn tay ngượng ngập dúi môi cười
Không phải khóc
Một đời người tầm gửi
Nhớ không em?

Nhớ không em
Họ gặp nhau
Chờ nhau
Đón nhau
Như sông Cửu Long
Về lòng biển cả
Hội lòng người như nước nguồn xối xả
Mưa trường thiên chảy ứ trào thơ
Mưa đời người trôi cả nghĩa bơ vơ
Để lòng chúng mình
Và mạch máu Đồng Nai
Đập cùng một nhịp.
Anh biết rằng:
Có người khóc vì mừng vui ước hẹn
Có người cười vì tủi cực phôi pha
Anh biết nói làm sao
Nhưng chắc chắn ngàn thu ly rượu quan hà
Sẽ phải chua men vì thiếu người sưởi lạnh
Anh biết nói làm sao
Khi họ gặp nhau (anh đã bảo em)
Như sông Cửu Long
Về lòng biển cả
Vẫn tiếng sóng về nước chảy triền miên
Vẫn Cửu Long Giang mở chín lần cửa rộng
Giòng sông dài dữ dội bản trường ca...

Phải, giòng sông dài dữ dội bản trường ca
Nên sông đã về tràn đầy mắt biển
Sông đã về rửa trắng lòng anh
Đợi từ chín kiếp giao thừa
Đến sáng hôm nay mới được hát giữa giòng sông
Đến sáng hôm nay mới được hát giữa ngày mùng một Tết...

Tiếng Hò Trong Đêm Vắng

PHI VÂN

Tác giả tên thật là Lâm Thế Nhơn, sinh năm 1917 trong một gia đình trung lưu ở Cà Mau. Ông là một nhà văn kiêm nhà báo, từng cộng tác với hầu hết các nhật báo, tuần báo, tạp chí ở miền Nam từ cuối thập niên 1930. Tập phóng sự Đồng Quê của ông đã đoạt giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến Học Cần Thơ năm 1943. Bài Tiếng Hò Trong Đêm Vắng dưới đây trích từ tác phẩm này.

"Thầy ơi thầy, dậy mà nghe con nhỏ nó hò!"

Tôi giật mình giụi mắt hỏi anh chèo: "Tới đâu rồi anh?"

- Dạ, vừa qua khỏi vàm Rạch Bần!

Tôi chồm ra ngoài nhìn cảnh vắng. Bên vàm, hàng dừa nước âm u lâu lâu thấy le lói một ánh đèn; bên bờ kia thỉnh thoảng nghe tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đêm.

Đêm nay chỉ có vành trăng hai mươi, nhưng sao đầy trời góp ánh sáng lại làm cho cảnh vật thêm ảo huyền thơ mộng.

Một làn gió nhẹ thoảng qua, tâm hồn tôi thêm khoái sảng.

Vẳng xa, những giọng phù trầm êm ả của một điệu hò mê ly, đặc biệt chốn đồng quê, rõ lần trong lặng lẽ.

- Anh chèo ơi, lơi mái đợi họ lại gần, đi cho có bạn và nghe hò chơi anh!

- Xin lỗi thầy, nghe giọng hò của "con nhỏ", tôi đã rụng rời, lơi mái tự nãy giờ. Thế nào tôi cũng lên tiếng.

- Anh cũng biết hò nữa sao?

- Điệu nghệ mà thầy! Nói gì gặp phải tri âm, thức hò mấy đêm cũng không biết mệt.

- Ừ! hò đối đáp nghe chơi, mà anh phải rán làm sao chớ để thua con gái, nhục lắm!

- Dễ không, để tôi bắt trớn cho thầy coi mà! Kìa, nó đã lại gần, tôi phải giáo đầu "nhập đề" mới được.

- Hò hớ ờ ơ...

Bạc với vàng còn đen còn đỏ,
Đôi đứa mình còn nhỏ thương nhiều,
Vừa nghe tiếng em là anh muốn như anh Kim Trọng thương chị Thúy Kiều thuở xưa... ơ...

Hò xong, anh ta đắc chí:

- Đó thầy coi, thế nào rồi nó cũng trả lời, "điệu nghệ gặp nhau, là mầy tao quấn quít"!

Giọng phù trầm ngừng đi một chặp. Chúng tôi yên lặng chờ. Quả nhiên không sai lời anh chèo nói: "điệu nghệ gặp nhau, là mầy tao quấn quít," tiếng hò lại nổi lên:

- Hò hơ... ớ người không quen ơi,
Nghe anh, em cũng muốn thương nhiều,
Nhưng hoa đà có chủ, khó chiều dạ anh...

Anh chèo xoa tay trả lời tức khắc:

- Hò hơ... chim kia còn thỏ thẻ trên cành,
Nghe em nói vậy, dạ không đành rẽ phân...

Giọng trầm cũng không chịu nhịn:

- Hơ hơ... Bình bồng ở giữa giang tân,
Bên tình, bên nghĩa, biết thân bên nào?...

Anh chèo rối rít:

- Đó thầy coi, ngon chưa? Trời ơi, cái giọng đáng yêu làm sao!...

- Hò hơ, ớ em ơi...
Nhứt lê, nhì táo, tam đào,
Bên tình, bên nghĩa bên nào cũng đồng thân.

Rồi anh lắng tai nghe.

- Hò hơ, nói mà chơi vậy chớ: Gió thổi hiu hiu, lục bình trôi riu ríu, anh đừng bận bịu, bớ điệu chung tình, con nhạn bay cao khó bắn, con cá ở ao quỳnh cũng khó câu...

Anh chèo đã thấy đổ mồ hôi, nuốt nước miếng bảo với tôi:

- Không được, tôi chưa hề gặp con nhỏ nào hò "chiến" như con nhỏ này, nó làm bộ có chồng để thử mình, rồi bây giờ lại làm cao, nếu ở hò cù cưa, thế nào cũng bị nó "hạ". Vậy tôi phải trổ hết nghề đem điệu hò dài ra "tấn công" cho nó "ứ nhựa" họa may nó mới "xếp giáp quy hàng."

- Hò hơ... Ớ này em ơi, em hãy nghe cho kỹ: xưa nay gái không cưới chồng, trai không ở góa, đoái thấy nàng xinh đã quá xinh. Buông lời vừa vỗ vế non, nếu như nàng lo việc cháu con, sao không kiếm chốn trao thân gởi thế?

Trên đời bá công bá nghệ, dưới lại là tứ thú

tứ dân. Làm người sao khỏi chữ lương nhân, mà nàng chịu để phòng không ở góa? Sách có chữ rằng phụ nhân nam hóa, ít kẻ yêu vì. Nên lấy chồng phải luận phải suy, phải xem trong lóng đục, đây đã đến phải thời phải lúc... Hò hơ... hay nàng còn cúc dục cù lao... Để anh ngơ ngẩn ra vào, thầm yêu trộm nhớ dạ nào bỏ anh?...

- Đó thầy coi, thế nào nó cũng chết ngất, điệu hò dài phải đối dài, ngắn đối ngắn, nó mà đáp được kỳ này, thì tôi cũng cam giải nghệ cho rồi...

Tôi giục: "Kia nín, nó đã đáp liền kia!"

*- Hò hơ, ớ này anh nó ơi, số phận em giao phó cho trời xanh, lấy anh, em không lấy nhưng cũng không đành làm ngơ. Hò hơ... vốn em cũng chẳng bơ thờ, em đã hằng chọn trong lóng đục, nhưng vẫn còn ngờ nợ duyên. Hò hơ... vốn em cũng muốn lấy ông thầy thuốc cho giàu sang, nhưng lại sợ ổng hay gia hay giảm; em muốn lấy ông thầy pháp cho đảm, nhưng lại sợ ổng hét la ghê gốc; em muốn lấy chú thợ mộc, nhưng lại sợ chú hay đục khoét rầy rà; em muốn lấy anh thợ cưa cho thật thà, nhưng lại sợ trên tàn dưới mạt; em muốn lấy người hạ bạc nhưng lại sợ mang lưới mang chài; em muốn lấy anh cuốc đất trồng khoai, nhưng lại sợ ảnh hay đào hay bới; em cũng muốn chọn anh thợ rèn kết ngỡi, nhưng lại sợ ảnh hay nói tức nói êm; bằng muốn lấy anh đặt rượu làm men, thì lại sợ ảnh hay cà riềng cà tỏi; em muốn lấy ông nhạc công cho giỏi; nhưng lại sợ giọng quyển giọng kèn; em muốn lấy thằng chăn trâu cho hèn, nhưng lại sợ nhiều điều thá ví; em muốn lấy anh lái buôn thiềng thị, nhưng lại sợ ảnh kêu rêu mắc rẻ khó lòng; em muốn lấy anh thợ đóng thùng, nhưng lại sợ ảnh kêu trật niền trật ngổng; em muốn lấy ông Hương ông Tổng, nhưng lại sợ việc tróng * việc gông; em muốn lấy anh hàng gánh tay không, nhưng lại sợ đầu treo đầu quảy; em muốn lấy chú hàng heo khi nãy, nhưng lại sợ chú làm lộn ruột lộn gan; em muốn lấy anh thợ đát thợ đan, nhưng lại sợ ảnh hay bắt phải bắt lỗi; em muốn lấy anh hát bè hát bội, nhưng lại sợ giọng rổi giọng tuồng; em muốn lấy anh thợ đóng xuồng, nhưng lại sợ ảnh hay dằn hay thúc... Hò ơi, mấy lời trong đục chẳng dám nói ra. Có thầy giáo tập trong làng xa, hay dạy hay răn, so đức hạnh ai bằng, lại con nhà nho học, sử kinh thầy thường đọc, biết việc thánh hiền. Hò hơ, gặp nhau em kết nghĩa liền, không chờ chẳng đợi cho phỉ nguyền phụng loan... ***

Tuy anh chèo cứng họng, nhưng tôi ngồi trong mui đã thấy khoái trá vô cùng.

Còn gì sung sướng cho bằng khi mình nghe "người ta" vô tình nhắc nhở tới mình, ca tụng mình trên dòng sông lờ lững?...

- Chắc anh "phọt phe" rồi phải không anh đò?

Anh ta đáp xuôi xị:

- Ý mèn ơi, tôi mới thấy con nhỏ hò lanh hết chỗ!...

- Này anh, tôi nói thiệt cho anh nghe. Sao tôi nghe giọng hò của con nhỏ ấy tôi "mê" lắm. Anh biết tôi làm thầy giáo chớ. Nghe nói nó đang tìm kiếm kết duyên với chúng tôi, tôi cảm động quá anh à. Anh làm thế nào cho tôi thấy mặt "nó" một chút, "một chút xíu" thôi, rồi mình đi... được không?

- Có khó gì thầy, tôi kêu nó cặp ghe lại hỏi mồi lửa, thầy muốn nhìn bao lâu lại không được!

Rồi anh lập tức lên tiếng:

- Chị hò ơi... chị hò! Làm ơn cặp ghe cho mồi nhờ chút lửa, chị hò!...

Thấy bóng ghe chèo tới là tôi phấn khởi trong lòng, bò ra ngoài dòm lom lom.

Ghe cặp chiếc đò, tôi càng thêm hồi hộp. Ôi! Tiếng hò như thế, còn người làm sao!...

Tôi hình dung một cô thôn nữ mày liễu má đào, có vóc mình thon thon, có bộ tịch khả ái...

Bỗng anh chèo đang ngồi nghỉ tay, giật mình đứng phắt dậy. Trong chớp nhoáng, anh bị một tên lực lưỡng thộp ngực anh, đưa ngọn dao ngang cần cổ:

- Nín mất, la lên thì cụt đầu! Tao không động tới mầy đâu!

Còn tôi... chao ôi, tôi cũng kinh hồn lạc phách, rủi may phó mặc cho trời... Tôi chưa kịp nhảy xuống sông thì đã bị hai tên khác đè cứng dưới ván đò. Tôi giợm la nhưng một thằng trong bọn "ấn" cho tôi một cùi chỏ vào hông, đau lồng ngực, lồng gan, nằm trợn trắng như chết nửa người.

Đã thế, tiếng con nhỏ hò còn trêu gan trong mui nhỏ:

- Chú Bảy coi có con đàn bà nào ở trong mui, đè cổ lột cho tôi sợi dây chuyền!...

** Tróng: cái tróng; gông đóng, tróng mang.*

*** Mấy câu hò trong bài nầy tôi chép hối hả trong mui ghe theo giọng hò đối đáp, có thể sai đi ít nhiều. Nhưng tôi không sửa được vì không có nguyên văn, xin nhờ bạn đọc nào biết rành bổ chánh giùm cho.*

Rừng Mắm

BÌNH NGUYÊN LỘC

Tác giả giới thiệu Rừng Mắm:

Câu truyện trong "Rừng Mắm" chỉ xẩy ra tại miền Nam nước Việt, còn thì không thể xẩy ra ở phần nào khác trong lãnh thổ ta. Miền Nam là đất mới, mà cho đến ngày nay việc khẩn hoang cũng chưa xong. Đất này lại là đất bùn lầy, nên không giống với việc khẩn hoang các vùng đất khô như trong tỉnh Quảng Đức chẳng hạn. Bạn đọc gốc miền Bắc khó lòng mà hình dung được lối khẩn hoang này. Miền Trung lại càng khó tưởng tượng đến những gì xẩy ra trong truyện hơn.

*

Chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo rõi con chim thầy bói ấy từ nãy đến giờ, chờ đợi cái phút nầy đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thầy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt rạch giây lát rồi như bị đứt giây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước, nó lại bị bắn tung trở lên như một cục cao su bị tưng, miệng ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt lên trời để theo rõi ông câu kỳ dị và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ rạch níu lại.

Trên một tàu dừa nước, một con chim thằng chài xanh (1) như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và bền chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thằng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cả, từ ông nội cho đến những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim thằng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sầu não là ngang vai thôi, cái bền chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhứt là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thằng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thằng chài ngay. Là vì đầu cò lởm chởm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kép võ hát bội gắn lông trĩ trên mão kim khôi mà nó đã mê, cách đây mấy năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa rỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm tía (2) nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuồng cui, một thứ xuồng to mà người ta gọi là xuồng mẹ, ghe con. Rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng nầy đến kinh hiu quạnh nọ, và rốt cuộc dừng bước nơi cái xó không người nầy mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô-Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn là thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuồng cui vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương mù từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện ma, rởn óc như ăn phải trái bần chua. Nhưng dầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sầm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó săn và mấy con gà giống mang theo, đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác nầy: nóng, ẩm, còn muỗi mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thèm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng

tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước:

Hò ơ... tháng ba cơm gói ra hòn
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang mai.

Mũi xuồng cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuồng, chồng chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng nầy, Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và bắt ba-khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhứt là tiếng hát, Cộc sướng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thèm hơn bao giờ cả. Nên chi Cộc nhìn xuồng chèo khuất dạng rồi thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô-Heo.

Trọn vùng nầy, ông nội nó đặt tên là Ô-Heo. Nhưng riêng trong gia quyến nó thì Ô-Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú. Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng. Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và việc canh tác của gia đình nó về sau này đã đuổi thú dữ đi xa.

Tuy nhiên, đề phòng chúng trở lại, ông nội nó đã cấm nó lên Ô-Heo một mình. Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô-Heo có sức quyết rũ của một trái cấm, nhưng về sau, nó gặp người nơi đó.

Đó là vài người đàn ông và đàn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đàn ông thì đến để gác (3) quốc, gác nhan sen, còn đàn bà thì để nhổ bồn-bồn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cung đình, tóm lại tất cả sanh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn, mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ. Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng, và lửa, như con vật khổng lồ, đã táp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm này. Thành ra ruộng nhà nó mang một hình tròn kỳ dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc; đứa bé bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó táp.

Lúa ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống, để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những gốc tràm tươi rói không cháy được nầy, tía thằng Cộc đành cấy lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa, tràm chết cũng vẫn còn đưa cẳng lên như vầy.

Sau lưng Cộc là những rặng tràm bị cháy sém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng "chết nhát", cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trụi nhánh như cột nhà cháy, câm hận nhìn chiếc chòi lá xa tít mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lấn đất của chúng, sát hại chúng.

Sau đó, rừng dầy mịt, chằn chịt những dây bòng bong, dây choại, bò từ thân cây nầy qua thân cây khác.

Thằng Cộc lắng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình-bát, cây ráng, mọc xen với tràm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó, khua lên một cái roạch, làm nó giựt mình, nhưng tiếng người trên Ô-Heo cách đó chừng hai hàng cây, giúp cho nó vững dạ.

Tiếng đàn bà hỏi:

– Anh hổng sợ thằng Mùi hay sao?

– Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hớt.

Cộc vẹt cỏ, lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô-Heo sợ hãi ngồi dang ra. Người đàn ông gác quốc là người quen, người đàn bà nhổ bồn-bồn thì lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị mà nó quen biết từ lâu.

Người đàn ông tự trấn tĩnh lại ngay, ngoắt nó lại mà hỏi:

– Muốn về trển hay không Cộc? Muốn thì đi theo chị hai mầy đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc mắc cỡ tía tai thì chị đàn bà hỏi anh kia:

– Ở miệt nầy có người sao anh?

– Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.

– Quen hay lạ?

– Lạ. Họ ở trên Sa-Đéc lận.

Chị đàn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chợt việc thầm lén của chị:

– Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu ở một chỗ như vầy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẹo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đàn ông kia. Mình trần của nó nổi u, nổi nần những bắp thịt rắn như nắn bằng đất sét gắn vào đó rồi nung đen và cứng.

Sự nẩy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu bâng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng chàm trầm thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vầy là xấu đến mức nào và nó phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đàn bà nắm tay nó, rị nó ngồi xuống bên cạnh, vỗ lên đầu nó dỗ ngọt:

– Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà sợ. Mày mà về trển làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rể có công, ba năm thì má chị gả con. Thôi cho mầy liền. Nói thiệt đó mà.

– Nó muốn trốn theo qua dữ lắm, người đàn ông nói, nhưng nó còn ngại.

– Ngại gì?

– Thì lo sợ cái việc xa xôi đất lạ đó mà.

– Em nè, chị đàn bà lại hỏi, nhà có mấy người?

– Bốn người.

– Ai với ai?

– Ông nội tui, tía tui, má tui với tui.

– Làm mấy công đất.

– Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.

– Gặt được bao nhiêu giạ mỗi mùa?

– Tám giạ.

Chị đàn bà cười ngất một hồi rồi day lại hỏi nhơn tình:

– Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất, chỉ gặt được có tám giạ thôi.

Người đàn ông không cười, đáp:

– Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.

– Rồi lấy gì mà ăn, em nhỏ?

– Tía tui đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.

– Đổi bằng gì?

– Bằng cá khô. Với lại cũng chẳng cần ăn cơm. Nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây, rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đón trên đầu gió một lát là chúng nó lạch cạch chạy trốn lửa, bắt không kịp lận.

Chị đàn bà tỏ vẻ ái ngại một hồi rồi nói:

- Nãy giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc là anh đây cũng được.

Chị ta với tay sau lưng, lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngước mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị uống ừng ực vài cái rồi lại nói:

– Em có được ăn chè lần nào không?

– Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường nước, không có nhà cửa ai cả, không có quán tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.

– Ở Sa-Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U Minh nầy?

– Tui cũng không biết tại sao. Nhưng ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả?

– Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh phải không?

– Gần.

– Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn?

– Tui lạy chị, đừng có nhắc chè, nhắc xoài nữa, tui thèm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trổ buồng, chắc tui được ăn ngọt đây. Úi chà! Trưa rồi, chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha, anh, chị?

– Ừ, về, mai mốt lại lên đây nữa nha?

– Xuống anh chị ở đâu?

– Dưới kia. Nhổ bồn-bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa é mà. Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không?

Chuỗi cười của hai người nhơn tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó, trong giây phút, không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng chàm râm mát, mắt Cộc bỗng dưng như đổ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy, đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.

– Mầy đi đâu mà tới đứng bóng mới về? Má Cộc hỏi.

– Tui đi lượm lông chim Long ô.

– Lông đâu?

– Mà kiếm hoài hổng có.

– Mồ tổ cha mày, nhiều chuyện. Chim Long ô đời xưa mới có chứ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, không ai nói với ai lời nào. Những người nầy, sống biệt tích ở đây lâu ngày rồi, đã gần biến thành á khẩu vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh lắm như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nẫy trên gò Ô-Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:

– Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì, tui quên rồi?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào từ năm năm rồi.

– Uống nước đọng trên lung, trên rừng, chớ uống nước gì.

– Sao mình tới đây ông nội?

– Đã nói cho mầy biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.

– Ở đây mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.

Ông nội thằng Cộc lặng thinh. Nó nhìn ông nội nó rồi chợt nhận ra rằng năm nay ông cụ già quá. Tóc râu của ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình nhớ mồ, nhớ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông nên dòm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng của bốn cái nồi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng ngọ. Bốn cái nồi bể ấy, hèn là thế mà rất nhiều công dụng đối với nhà nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, là thành bốn cái giá ba chơn tréo như gà trống của bọn đờn thổi đám ma. Trên mỗi giá, đặt một cái nồi lủng đít, và trong nồi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát dùng không được. Hành ớt, rau râm, rau mồ om, được trồng trong mấy cái vườn cao cẳng đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được, không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao cẳng và tí hon lại là chiếc đồng hồ của nhà này vào mùa khô. Cứ bằng vào bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay, và khi bóng nồi tròn vụm che mất bóng giá là đúng ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó day vô và hỏi tía nó:

– Năm nay mình gặt cỡ được bao nhiêu tía?

– Nhờ ông bà, đất nước, ít lắm cũng được hăm lăm dạ.

– Cũng chưa đủ ăn.

– Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rưỡi là số chót.

– Với lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa nàng Cụm thất gạo lắm. Năm tới ta gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hễ chuối trổ buồng thì năm tới tao trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hớn hở trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi thì cũng phải khá lâu mới có trái, trong khi đó nó tiếp tục thèm chè, thèm xưng xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhổ bồn-bồn, tức là có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái rất thường, thế mà họ còn thầm lén rủ nhau đi một ngày đường nước để ra đây gặp nhau, huống hồ gì nó chưa được nói chuyện với con gái lớn lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại thì không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chừa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo, mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy. Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như văng vẳng đâu trong không trung.

Thẫn thờ, thằng Cộc nói lại câu hồi nẫy, và giận giỗi, thêm một đoạn khiến ông nội nó giựt mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng:

– Ở đây mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn là có làng xóm, có người ta.

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lắm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chớ không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác trên đầu nọc thường.

Đó là những gốc chàm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đốn chàm cháy, tía thằng Cộc đã

trù xa, đốn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưỡi nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, hò hương thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhứt mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng nầy; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau, thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội xình tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết. Bà ta tằng hắng rồi cất tiếng hò:

Hò... ơ... tiếng anh ăn học lãu thông

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường?

Hò xong câu đối ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tía thằng Cộc cứ làm thinh mà gặt, khiến bà đâm ngượng nên cười rồi cự chồng cho đỡ mắc cỡ:

– Tía làm sao câm cái miệng lại, không bắt vậy?

– Hứ, nhiều chuyện nà! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với ghẹo. Bộ còn trai gái gì đó sao?

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây, tóc đã nhuốm hoa râm rồi, bà cũng hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhổ bồn-bồn bảo rằng nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ, nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chậc! Mà nó phải nhờ má nó dậy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

ĐẠM THẠCH

BAO GIỜ TA HẾT NGẠC NHIÊN?

Bây giờ chúng ta nhắc về Ông già Ba Tri
Không chỉ vì Ông già gân đi bộ
Mà vì Ông già Nam bộ
Đã gióng tiếng trống dân chủ
của triều đình quân chủ
Tiếng trống kêu oan cho tất cả mọi người
Đặt công khai trước tiền sảnh
Vào thời phong kiến tập quyền
Làm sao ta khỏi ngạc nhiên?

Em hỡi em – cô gái người dân tộc
Để ngực trần lúc tuổi còn xuân
Khi có chồng em hoàn toàn kín đáo
Với quan niệm: "Tốt khoe, xấu che"
(Cuộc sống người kinh bây giờ
Văn minh trái ngược
Khiến ta ngạc nhiên
Tự hỏi mình đã học được gì
Ở rừng núi thiên nhiên?)

Trước bảng cấm "đường một chiều"
Chúng ta ngạc nhiên
Sao có người còn phân vân
Muốn chui lòn ngả tắt?

Chúng ta đã biết ngạc nhiên
Hồi còn rất nhỏ
Cái ngạc nhiên của cậu bé trai
Thấy cô bé láng giềng
Có cái khác mình
Lớn lên ngạc nhiên
Về nguồn gốc, số phận chúng ta
Hay ngạc nhiên khoa học
Liệu ở hành tinh xa thẳm
có con người và sự sống?
Rõ ràng
Chúng ta ai cũng biết ngạc nhiên
Vì ngạc nhiên là điều hợp lý
Về những điều
Bất hợp lý chung quanh
Có những ngạc nhiên
Tò mò – sung sướng
Có ngạc nhiên làm ta đau xót vô cùng
Như về Tự Do – Văn Minh – Công Lý
Ở thời đại chúng ta.

Nhưng. Hỡi những con người
Còn biết ngạc nhiên
Đó là khi nào ta còn khao khát sống
Bao giờ ta hết ngạc nhiên
Là ta chẳng còn ước vọng vươn lên.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng Cộc chống xuồng lúa để ra bờ rạch, còn tía nó, má nó và nó thì lội nước sình mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ, phẳng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc càng nao nức muốn về làng.

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường.

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đố nó câu ấy chắc nó phải ngậm câm, cho dẫu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó đã quên rồi thì còn biết là mấy đường để mà đáp cho thông. Từ lâu, nó chỉ có một chiếc quần xà lỏn trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm khuya nó nhờ nóp che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gợi thèm như bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy, dùng bồ cho con cháu đổ lúa vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

– Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thinh, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ô-Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi giòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chứ.

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước nó muốn theo ghe của bọn bắt cua để đi một chuyến lắm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chơn trời xa lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nói tiếp, dặn mẹ nó:

– Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa mà về cho tiện.

Rạch Ô-Heo nhỏ xíu cho nên tràm mọc ở hai bên bờ giao nhành với nhau được và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới thấu nghĩa hai tiếng *"Hang mai"* trong câu hát của bọn đi bắt ba-khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô-rô và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chẩy xiết, xuồng trôi bon bon. Tuy vậy ông nội và tía cũng chèo cẩn thận để mau tới nơi, hầu về kịp nội buổi chiều ngày đó.

Gần giữa trưa, xuồng không đi mau nữa.

– Nước đứng rồi, ông nội nói, tức ta gần đến cửa rồi.

Họ thôi chèo, để cho xuồng trôi linh đinh, không tiến cũng không lùi, rồi lấy cơm dỡ trong mo nang ra mà ăn.

Không đi thì thôi, đã trót đi, và lúc gần tới đích, thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hối hả rồi hỏi:

– Ra đó làm gì ông nội?

– Rồi mầy sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo ngược nước cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi kia mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà chẳng thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp tục đi ra ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một vách tường xanh như da trời.

– Biển ở đâu, ông nội? Cộc hỏi.

– Đằng xa kia, xanh xanh đó.

– Sao không ra ngoài, ông nội?

– Không cần.

Tía thằng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lịnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc hỏi:

– Con có thấy gì khác lạ không?

– Không, ông nội à.

– Không thấy? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à?

– À... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây đất đã hết mà chỉ còn bùn. Tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống, nửa bùn, nửa đất, trên ấy cỏ ống rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân láng giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ốm nhom chen nhau mà vượt cao lên, cây này cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoai thoải xuống dốc, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn hãm thành hầu lập công.

– Nhìn xuống gốc cây, ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những

đóa hoa năm cánh, hai màu đen trắng đổi chọi nhau trông rất đẹp.

– Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trổ bông ngay dưới gốc?

– Bông trổ lên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là Rễ gió. Cây nầy là cây mắm. Đây là rừng mắm đây.

– Cây mắm? Sao tui không nghe nói đến cây mắm bao giờ?

– Con không nghe nói vì cây mắm không dùng được để làm gì hết, cho đến là củi chụm cũng không được.

– Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cỏ ấy?

– Bờ biển nầy mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lủn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mắm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nối ngôi mắm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy cháu nội ngơ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

– Ông với lại tía của con là cây mắm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là tràm, chơn vẫn còn lấm bùm chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đời cây mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính trên mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi? Vả lại con không thích hy sinh chút ít cho con cháu của con hưởng hay sao?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và nghe thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ bỏ mả ông cha để hì hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô-Heo.

Phải, cứ theo dự tính của gia đình thì nó sắp được hưởng, tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều. Nó nắm chặt tay ông nội nó và thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

– Ông ơi, nó than, nhưng tràm buồn quá.

– Tràm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần rồi thì ta lậm ba mươi công và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước ta, tràn tới đây mà phá rừng, vùng Ô-Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu. Tràm hết buồn vì sẽ để ra cau, dừa, xoài, quít, đầy nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuần...

– Và sẽ có chè ăn?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

– Gì chứ chè thì sẽ có lu bù.

– Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thèm tới Ô-Heo?

– Hai năm nữa người ta sẽ đồn rằng đất Ô-Heo thuần. Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây. Ông nói điều này, không biết con hiểu được không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ Bắc, Trung tràn vào đây đều chịu số phận làm cây mắm hết, từ xứ Đồng Nai nước ngọt cho tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như đàn kiến xung phong, tốp đầu chết đuối, lội qua tổ nước rọng hũ đường để làm cầu cho bọn đi sau vào đến nơi có chất ngọt. Nhiều lớp tiên phuông đã ngã gục như rừng mắm. Rồi thì ông sơ, ông cố con, ông nội đây là tràm mới kiếm được miếng ăn...

– Tía.

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm tràm như nó được không nên kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trìu mến hết sức.

– Thôi, nhổ sào để đi về cho kịp con nước, ông nội ra lịnh.

Ông nội vui vẻ quá, vì ông bỗng sực nhớ lại những câu hò của thế hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thế hệ tràm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên:

Hò... ơ... Rồng chầu ngoài Huế
Ngựa tế Đồng Nai
Nước sông trong sao cứ chẩy hoài
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

(1) Tác giả thấy rằng màu lông của loại chim nầy là màu lục. Nhưng người miền Nam cứ cho đó là màu xanh, nên tác giả viết theo đa số, để được hiểu. Vả lại, đôi khi trời trưa thì cũng có thể thấy chim ấy mang màu xanh.

(2) Tía là danh từ của người Mã Lai có nghĩa là Cha, nhưng miền Nam vay mượn của người Hoa Nam (Phúc Kiến và Triều Châu) vì người Hoa Nam gốc Mã Lai, còn dùng đến mấy trăm danh từ Mã Lai trong cái Hoa ngữ của riêng Hoa Nam, chớ không phải là vay mượn của người Mã Lai đâu. Vả lại danh từ Cha cũng do Giao Chỉ vay mượn của Hoa Nam hồi cổ thời và cũng cứ là vay mượn danh từ Tia (không có dấu sắc). Khi Tia được đọc thật nhanh thì nó hóa ra là Cha, như trong tiếng Pháp Tiare. Hai câu chú thích nầy để dành riêng cho bạn đọc gốc miền Bắc và Trung.

(3) Gác: đánh bẫy.

Nguồn: Trích trong *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta*, tập I, do cơ sở ĐẠI NAM tái bản ở Hoa Kỳ.

BẮT SẤU RỪNG U MINH HẠ

SƠN NAM

Nơi sông rạch, cá sấu là giống hung hăng nhứt. Có điều đáng chú ý là chúng không thích những chốn sông sâu nước chảy, có sóng gió. Chúng lên tận ngọn cùng, tìm nơi yên tĩnh, chật hẹp. Vùng U Minh hạ, sấu thường đi ngược sông Ông Đốc, rạch Cái Tàu vào giữa rừng tràm.

Tại sao vậy?

Tuy là thích ăn thịt người, loại sấu vẫn tìm cá làm món ăn chánh. Rừng U Minh hạ thuộc về loại trầm thủy (1) cá sanh sôi nẩy nở rất nhanh chóng; lên đó tha hồ mà ăn.

Đến mùa nắng hạn rừng khô, sấu khỏi phải trở về sông Cái. Trong rừng có sẵn nhiều ao, nhiều lung (2), sấu cứ gom vào đó mà lập căn cứ sanh con đẻ cháu, năm này qua năm khác, cứ như vậy cho tới khi người Việt Nam ta đổ tràn xuống rạch Cái Tàu mà lập nghiệp. Ban đầu, họ ngỡ rằng sấu chỉ ở dưới sông, sau khi câu được chừng năm mười con sấu ở ngọn rạch họ đinh ninh cho là sấu đã giảm bớt... Mười phần chết bảy còn ba. Mãi đến khi có người lên rừng ăn ong (3) chạy về loan báo:

- Sấu ở giữa rừng nhiều như trái mù u chín rụng!

So sánh như vậy, không phải là quá đáng! Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn (4). Sấu nổi lên, chen vào những bức tranh mầu xanh ấy những vệt đen chi chít: con thì nằm dài như chiếc xuồng lường (5), con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỏ xéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sưởi nắng, bắt cá. Duy có con sấu già trợn mắt hướng về lũ người rồi bò thối lui vào giữa lòng ao, để thủ thế. Dân làng nhìn nhau như ra lịnh rút lui. Nghi ngờ gì nữa! Con sấu nọ có đốm đỏ ngay giữa tam tinh (6). Nó là "sấu chúa" sống lâu đời, nhiều phen kịch chiến với loài người. Khi ở trên cạn, sấu không nguy hiểm bằng một con rắn hổ. Sấu chúa khôn lắm, nó toan dụ địch thủ vào hang của nó nơi nước sâu. Trong số người khi nãy, có kẻ cẩn thận mang theo mác thông (7), lao, ná lẫy, nhưng họ dư hiểu rằng mớ khí giới ấy chỉ có hiệu lực đối với cọp, heo rừng. Đằng này, sấu lại là loài ở nước, ở bùn lầy. Chống xuống vào thì ao quá cạn, còn đi bộ xuống thì lún ngập gối.

Cái ao sấu ở ngọn rạch Cái Tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đãi lần lần, thấu đến tai ông Năm Hên, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang đạo (8), tức là vùng Rạch Giá ngày nay. Ông bơi chiếc xuồng ba lá nhỏ đến địa phận làng Khánh Lâm, ngọn rạch Cái Tàu. Trong xuồng, có vỏn vẹn một lọn nhang trầm (9) và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuồng tới lui theo rạch mà hát:

Hồn ở đâu đây?
Hồn ơi! Hồn hỡi!
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đầu bãi cuối gành
Hùm tha, sấu bắt
Bởi vì thắt ngặt
Manh áo chén cơm
U Minh đỏ ngòm,
Rừng chàm xanh biếc!
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...

Giọng nghe ảo não, rùng rợn. Dân làng thấy chuyện kỳ lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kỹ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kỳ tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi.

Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo:

- Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ đường xa để tới xứ Khánh Lâm này.

- Té ra ông thợ câu sấu!

Ông Năm Hên lắc đầu:

- Thợ bắt sấu chớ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưỡi sắt, móc

mồi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đằng này tôi chuyên bắt sấu trên khô, không cần lưới.

- Vậy chớ ông bắt bằng gì?

- Tôi bắt bằng... hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười giòn:

- Bà con cô bác không tin sao?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phàm, thế gian hi hữu. Không lẽ ông Năm Hên này lại nói láo để lường gạt, ổng nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn năn nỉ ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

- Thưa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mừng? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp:

- Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao cá sấu đó. Có vậy thôi! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tin tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuống hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không mang thứ phú quới đó. Nói thiệt với bà con: cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tụi tôi. Anh tôi xuống miệt Gò Quao phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay: ảnh bị sấu ở Ngã ba Đình bắt mất. Tôi thề quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miệt Rạch Giá, Cà Mau này có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà Bơ He, đó là chỗ sấu lội nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như phá Tam Giang, truông nhà Hồ của mình ngoài Huế.

SƠN NAM

Hương rừng Cà Mau

Trong khói sông mênh mông,
Có bóng người vô danh
Từ bên này sông Tiền
Qua bên kia sông Hậu
Mang theo chiếc độc huyền
Điệu thơ Lục Vân Tiên
Với câu chữ:
Kiến nghĩa bất vi vô dõng giả,
Tới Cà Mau - Rạch Giá
Cất chòi, đốt lửa giữa rừng thiêng...

Muỗi, vắt nhiều như cỏ,
Chướng khí mù như sương.
Thân không là lính thú
Sao chưa về cố hương?

Chiều chiều nghe vượn hú,
Hoa lá rụng, buồn buồn
Tiễn đưa về cửa biển
Những giọt nước lìa nguồn,
Đôi tâm hồn cô tịch
Nghe lắng sầu cô thôn
Dưới trời mây heo hút...

Hơi Vọng Cổ nương bờ tre bay vút
Điệu Hò... ơ theo nước chảy, chan hoà
năm tháng đã trôi qua
Ray rứt mãi đời ta
Nắng mưa miền cố thổ
Phong sương mấy độ qua đường phố,
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...

*

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu dẫn đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại:

- Đi nhiều chộn rộn lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U Minh Hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chập sau, khói lụn xuống. Trong lúc đó, bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời về xế, lúc ai nấy đang

nghỉ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi:

- Bà con ơi! Ra coi sấu. Bốn mươi lăm con còn sống nhăn.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

- Diệu kế ! Diệu kế! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lội có hàng dưới sông mình nè! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhè nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc ké trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao? Người thì đứng há miệng sửng sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rối rít.

Đại khái Tư Hoạch trình bày:

- Tới ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung rượu. Kế đó ổng với tôi lấy xuổng (10) đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ông biểu tôi bứt cho ổng một nắm dây cóc kèn. Phần ổng thì lo đốn một đống cây mốp tươi (11), chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy đế, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy đế trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi táp ổng. Ổng đút vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu táp lại, dính chặt hai hàm răng: như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sau khi bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm Hên xách cây mác nhắm ngay sau lưng sấu mà xấn nhè nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

- Thực là bực thánh của xứ này rồi! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ổng đâu rồi? Sao không thấy ổng về. Xóm mình nhất định đền ơn ổng một số tiền, nuôi ổng cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao?

Tư Hoạch nói:

- Mà quên! Ổng biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ổng mắc ở lại cúng "đất đai vương trạch" (12) rồi đi bộ về sau.

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một rõ:

Hồn ở đâu đây?
Hồn ơi! Hồn hỡi!
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thắt ngặt,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc!
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai. Ghê rợn nhứt là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối nùi, mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

- Coi tướng của ổng ghê như tướng thầy pháp! Một người thốt lên như vậy

Nhưng có tiếng khóc sụt sùi đâu đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ đến tổ tiên, đến bạn bè của mình, biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đỏ rừng xanh, có thân nhân của họ đã bỏ thân vì đàn sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chớ?

Chú thích:

(1). Trầm thủy: Loại đất thấp ngậm nước.
(2). Lung: đầm nhỏ, sình lầy cạn
(3). Ăn ong: lấy mật ong trong rừng
(4). Dây cóc kèn: loại cây dây leo ở rừng nước mặn bền chắc, dùng để trói buộc rất tốt.
(5). Xuồng lường: xuồng được làm bằng một cây đục thành (xuồng độc mộc)
(6). Tam tinh: điểm ở trán, giữa hai mắt.
(7). Mác thông: mác có cán dài
(8). Kiên Giang đạo: đạo là đơn vị hành chính thời xưa tương đương một châu, một quận.
(9). Lọn nhang trần: bó (lọn) nhưng không có bao (trần). Nhà nghèo dùng loại nhang này, vì rẻ tiền.
(10). Xuổng: thuổng (dụng cụ để đào đất).
(11). Mốp tươi: loại cây như cây vông, gỗ xốp, dẻo, có thể làm nút chai hay cốt mụ Cá sấu ngậm phải khúc gỗ mốp, hai hàm răng dính chặt không há miệng ra được nữa.
(12). Cúng "đất đai vương trạch": cúng thần cai quản đất đai (vương trạch, thực ra là viên trạch, nghĩa là vườn đất, dân gian nói trệch ra là vương trạch).

Dì Mười

HUỲNH HỮU CỬU

- Cháu nói theo dì: Nghe vẻ nghe ve...

Tôi lập lại:

- Nghe vẻ nghe ve
- Nghe vè nói ngược
- Nghe vè nói ngược
- Ngựa đua dưới nước
- Ngựa đua dưới nước.

Hình ảnh những con ngựa chạy trên mặt nước thoáng qua trong trí tưởng tượng của tôi làm tôi thấy là lạ, hay hay. Tôi hỏi dì Mười:

- Mà sao ngựa đua dưới nước được hả dì?

- Vậy mới là nói ngược chớ! Ngộ lắm mà hay lắm, để rồi cháu coi. Nè, câu tiếp theo là: Tàu chạy trên bờ. Cháu nói đi!

- Tàu chạy trên bờ
- Lên núi đặt lờ
- Lên núi đặt lờ
- Xuống sông đốn củi ...

Mỗi buổi chiều hai dì cháu chúng tôi trải chiếu trước sân nhà để nói vè hay kể các chuyện đời xưa. Sân rộng, nền đất bằng phẳng, được quét sạch tươm tất. Chiếc chiếu nằm sát mặt đất, mềm mại, trơn tru. Hơi ấm từ dưới đất ngấm lên cho một cảm giác rất dễ chịu.

Kế sân là bờ sông, nước lớn đầy tới bờ. Mặt sông bị khuấy động nhè nhẹ bởi những con vịt đang lội về chuồng, thỉnh thoảng có con vỗ cánh kêu "cạp cạp."

Buổi chiều ở chợ Phong Điền thật là êm ả.

Dì Mười là người con út trong gia đình ông bà ngoại tôi, má tôi thứ hai. Cả nhà mấy dì, mấy cậu khác của tôi ai nấy đều có tên riêng, và có những cái tên rất đẹp, chỉ có dì Mười là lấy thứ mười làm tên. Nhưng hình như không ai để ý đến điều ấy, và dì Mười lúc nào cũng ca hát như một con chim trong lúc làm những công việc nhà quét dọn, nấu cơm, xắt chuối cho heo ăn, chiều tối đóng cửa chuồng gà chuồng vịt..

Ba tôi dạy học ở xa, mỗi kỳ bãi trường mới dẫn tôi về ở chơi với ông bà ngoại và mấy dì, mấy cậu tôi. Tôi là đứa trẻ duy nhứt trong nhà nên ai nấy đều tranh lấy tôi để ẵm bồng, nựng nịu, nhưng rồi sau cùng lúc nào tôi cũng đòi về dì Mười.

Dì Mười có cái quán nhỏ bán mía ở đầu cầu Kinh. Hai bên đường từ nhà ra quán có một hàng cây sao thật cao, trên những ngọn cây sao ấy, gió lùa vào cành lá kêu rì rào như chuyện trò không lúc nào nghỉ. Mặt đường trải đá xanh lởm chởm, gồ ghề, có những hòn đá đã làm đau bàn chân tôi nhiều bận nên tôi tránh, chỉ đi vào con đường mòn nhỏ ở một bên, trên ấy lá sao rụng xếp từng lớp, những cái lá màu nâu, xinh xắn bóng láng, bước lên thấy mát mát, êm êm và nghe thành tiếng tiếng xào xạc nho nhỏ.

Cái quán mía nằm trên dốc cầu. Dốc đã cao mà quán còn cao hơn, bốn bề không có vách. Trong quán chỉ có một cái sạp tre nhỏ nhu là một cái chõng, cũng cao lêu khêu, dựa vào những cây cột quán đã hơi xiêu vẹo.

Có một lần tôi té từ cái sạp xuống đất, bị u trán, trầy da. Dì Mười rối tít bồng tôi lên và dỗ cho tôi nín khóc:

- Dì Mười thương cháu lắm. Dì Mười lỡ làm cháu té, dì Mười xin lỗi cháu nghen.

Tôi chỉ khóc vì hoảng hồn, chẳng có mảy may nào giận dì Mười cả, nhưng tôi cứ khóc thêm một lát lâu, khóc một cách rất thỏa thích.

- Tội nghiệp cháu quá, dì Mười lấy mía cho cháu ăn rồi dì nói chuyện Tấm Cám cho cháu nghe nghen!

Rồi dì kể lúc Cám gạt chị là Tấm rằng cha đang đau nặng, mỗi lần trở mình xương sống kêu răng rắc, để cho Tấm trèo lên cây cau hái cau cho cha ăn trầu.

Những tiếng kêu ấy thật ra là do những cái bánh tráng mới nướng giòn, bị nứt bể, những cái bánh mà Cám đã lót sẵn dưới lưng cha! Tôi nghe đến đó liền bật cười. Và như thế là xong: tôi đã hết khóc!

Tôi phải nhắc tới kỷ niệm khác với dì Mười lúc ở Phong Điền, đó là kỷ niệm những buổi trưa nắng, đi theo dì đem cơm cho một nhà bảo sanh bên kia sông.

Dì Mười thật là có nhiều công việc, bận rộn

suốt ngày mà còn dở cơm cho các bà nằm ở nhà bảo sanh nữa. Nồi cơm vừa chín là dì đã sửa soạn xong. Dì mặc quần đen, áo bà ba trắng mới tinh, đầu đội nón lá, tay bưng rổ đựng một nồi cơm bằng gang thật lớn, mới từ bếp nhắc xuống. Cái nồi có một cái nắp đè nặng lên một tấm lá chuối lót trên miệng để giữ hơi nóng. Trong rổ dì có đem theo một chai muối tiêu và một tô cá lóc kho khô, loại cá lóc còn nhỏ, chỉ bằng ngón chân cái. Tôi thích đi theo dì là vì được đi chơi bên kia sông, và biết thế nào dì cũng cho tôi ăn cơm lấy ra từ trong cái nồi gang ấy. Những hột cơm trắng nuột, mềm mại, còn nóng hổi được xới ra trên tấm lá chuối tươi xanh, ăn với một chút muối tiêu rang thơm phức thì thật là ngon tuyệt, nhất là được ăn lúc chờ đợi ở bến đò, bụng đã thấy đói. Rồi chúng tôi xuống đò. Chiếc đò là một chiếc tam bản lớn và dài, không mui. Chúng tôi ngồi chen chúc với những hành khách khác đang nói chuyện ồn ào, vui vẻ. Trời nắng chan hòa. Dì Mười lấy nón lá che mát cho tôi,thỉnh thoảng lại lấy cái nón quạt cho tôi nữa, còn tôi thì ngồi ôm giữ cái rổ đựng nồi cơm, sung sướng nhìn ra mặt sông lấp lánh ánh nắng.

Những ngày thơ ấu của tôi với những kỷ niệm giản dị như vậy cứ êm đềm trôi qua. Hết kỳ bãi trường, tôi lại đi theo ba má tôi, còn dì Mười trở lại học ở một ngôi trường gần nhà.

Ít lâu sau ông ngoại tôi qua đời, má tôi bèn dời nhà, đem bà ngoại cùng các dì, các cậu tôi ra ở Xóm Giá, gần chợ Cái Răng. Ba tôi lúc ấy dạy học tại Bà Vèn, một ngôi làng ở sâu trong rạch Cái Răng, vài ngày ba tôi và má tôi về nhà Xóm Giá một lần. Thế rồi các dì, các cậu tôi lần lượt có gia đình hoặc đi làm ăn nơi xa, và một thời gian sau nữa, bà ngoại tôi mất. Còn lại trong nhà chỉ có dì Mười và tôi. Lúc ấy, dì Mười đã thôi học, chỉ ở nhà lãnh quần áo về may, vừa may vừa giữ một cái nhà rộng lớn, và vừa trông nom cho tôi đi học ở Cái Răng.

Dì Mười trở nên đằm thắm hơn, không ca hát líu lo như hồi còn ở Phong Điền, nhưng lúc nào dì cũng dọn dẹp, quét tước, trong nhà ngoài vườn chỗ nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ. Buổi chiều, khi mặt trời còn cao, dì Mười đã đóng và gài cửa sau cẩn thận. Tối đến, trước khi đi ngủ, dì cầm một cây đèn dầu lửa đi xem xét khắp nhà một lượt. Tôi còn nhớ, dì rọi đèn luôn cả dưới sàn giường để coi có ăn trộm hay ai ngồi núp dưới đó hay không. Mỗi lần đi rọi như vậy, dì Mười rủ tôi đi theo cho đỡ sợ, mặc dầu tôi chỉ là một đứa bé hơn mười tuổi, hãy còn rất sợ ma! Có lần tôi tự hỏi nếu rọi dưới sàn giường mà thấy một người núp dưới đó thì sẽ làm sao. Chắc là cả hai dì cháu quăng đèn bỏ chạy và la thất thanh lên mà thôi, mà chưa chắc gì đã chạy được, vì lúc ấy hai chân đã ríu lại cả rồi!

Dì Mười có một cô bạn gái mà tôi gọi là chị Sương ở cạnh nhà. Chị Sương thường qua chơi, chuyện trò với dì Mười, và đem theo những xấp

TRANG THẾ HY

LỜI DẠY CỦA MẸ VỀ THỜI GIAN VÀ VĂN MINH

Đứa trẻ thơ ôm cổ ông nội
hôn lên đôi má nhăn nheo, lởm chởm râu
Ra đường mẹ hỏi:
"Con và ông nội nói nhỏ gì với nhau?"
"Ông nội nói miệng con thơm bánh sữa,
Con nói râu ông nội hôi thuốc rê."
Mẹ dạy :
"Có một thời ông nội cũng thơm bánh sữa như con hôm nay
Đó là món quà thời gian tặng ông nội cách nay bảy mươi năm."
"Thời gian như trẻ con hả mẹ,
Vui thì cho, giận thì đòi lại?"
"Thời gian không có trái tim để thương giận,
Không có trí nhớ để đòi nợ
Năm hai ngàn bảy mươi, con sẽ hôi thuốc rê như ông nội bây giờ
Còn mùi thơm bánh sữa con trả lại cho thời gian hồi nào con không nhớ."
"Như vậy buồn quá mẹ!"
"Không có gì để buồn; chừng đó đứa cháu nội của con – văn minh hơn con hôm nay –
Không nói ông nội hôi thuốc rê
mà nói ông nội thơm mùi thơm của tuổi già."
(7/1990)

hàng lụa để may áo. Một hôm có một chuyện vui xảy đến, là có một ông thầy coi chỉ tay đoán tương lai vận mạng đi ngang nhà, vào mời dì Mười và chị Sương coi. Buổi chiều khi ngồi ăn cơm với dì Mười, tôi hỏi:

- Dì Mười à, bữa nay dì coi bói có hay không?

- Ông thầy bói nói hay lắm cháu à, nhưng mà không trúng cho dì đâu!

- Tại sao vậy dì?

- Tại...Tại dì không có nói tuổi thật của dì cho ông thầy ấy biết!

Rồi dì tâm sự:

Cháu biết không, dì lớn hơn chị Sương một tuổi, nhưng dì muốn cho chị Sương vui và không muốn làm vai chị, nên dì nói là bằng tuổi chị Sương đó! Ông thầy bói hỏi tuổi bất ngờ quá và có chị Sương ngồi đó nên dì không biết làm sao!

- Hèn gì cháu thấy dì cứ mượn chị Sương ra sau bếp lấy cái gì đó mà hai ba lần chị Sương không chịu đi!

Dì Mười gật đầu cười:

- Mà cháu đừng nói cho chị Sương biết nghen!

Thế là dì Mười đã cho tôi biết một bí mật của dì, một cái bí mật rất là vô hại nhưng rất ngộ nghĩnh dễ thương làm tôi nhớ mãi!

Dì Mười và chị Sương càng ngày càng chơi thân với nhau. Có khi hai người ngừng may, ngồi mơ mộng, hay nói nhỏ cho nhau nghe những câu chuyện gì.

Không biết ngoài những cuốn tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh và những cuốn truyện Tàu, dì Mười và chị Sương còn mượn được ở đâu những quyển " Phổ Thông Bán Nguyệt San" và những tờ "Trung Bắc Chủ Nhật" nữa. Các sách báo này lần lượt dì Mười cho tôi đọc hết. Trong tờ "Trung Bắc Chủ Nhật" tôi thích hơn cả là mục "Để Cười Khi Chung Bóng" và mục "Ngày Buồn Nhất Đời Tôi." Dì Mười nói:

- Dì cũng thích hai mục này nhất, nhưng dì thích mục "Ngày Buồn Nhất Đời Tôi" hơn.

Tôi đồng ý với dì về điểm này. Những câu chuyện trong mục ấy đem đến cho tôi một cái buồn nhè nhẹ, lâng lâng, không phải cái buồn làm cho người ta chán chường. Lần nào đọc xong các chuyện vui, thế nào tôi cũng đọc qua đến các câu chuyện buồn. Tôi chưa hiểu hết nỗi buồn trong các câu chuyện ấy, nhưng có lẽ tôi đã cảm thấy những chuyện buồn bao giờ cũng thấm thía, sâu đậm hơn, và những câu chuyện buồn ấy, từ lúc đó, đã trở thành những món ăn cần thiết cho tâm hồn tôi.

Trong kỳ bãi trường năm đó, dì Mười đi theo tôi về chơi tại nhà ba má tôi ở làng Tân Bình. Lúc ấy ba tôi đã về dạy học ở đó và nhà ba má tôi ở ngay tại trường học cạnh đình làng. Đó là một nơi thật tĩnh mịch với những cây cổ thụ đầy bóng mát. Ngồi bên cửa sổ ở hông nhà trông ra là một khu vườn trồng chuối. Những tàu chuối xanh um, cong cong, ngả đầu nhìn xuống mặt đất hơi ẩm ướt và có chỗ tối tối. Đàng cuối vườn là những cây bàng to lớn, vương thẳng lên cao khỏi mái đình lợp ngói đã phủ đầy rêu, cũ kỹ.

Một buổi trưa, dì Mười và tôi ngồi ăn cơm bên cửa sổ. Ngoài vườn các cây chuối đứng im lìm, không một chút cử động. Trên cao, một chiếc lá bàng bỗng tách mình khỏi nhánh, bay lượn một vòng trên các ngọn chuối, rồi nhẹ nhàng đáp xuống mặt đất. Một chiếc khác nặng nề hơn, lao mình thẳng vào một tàu lá chuối để kêu lên một tiếng "bộp" thật lớn. Vài con chim nhỏ giựt mình vụt bay lên. Dì Mười bất giác nói:

- Lá rụng đẹp quá hả cháu. Dì thấy chỉ hai tiếng "lá rụng" không thôi cũng đã đẹp và thơ mộng rồi.

Ăn cơm xong, dì Mười rủ tôi ra vườn lượm lá bàng. Dì Mười và tôi đã nhiều lần lượm lá bàng, nhưng hôm ấy tuy không nói ra cho dì Mười biết, mấy tiếng "lượm lá bàng" cứ vang lên trong lòng tôi và làm tôi thấy nao nao.

Những chiếc lá bàng đẹp quá, lớn bằng cái quạt, dày và rất mịn. Những chiếc lá màu xanh đã loang lổ trở qua màu vàng, màu của trái chanh chín, trong đó những đốm màu nâu sậm, buồn buồn như màu của rỉ sét, vẽ thành những hình thể kỳ lạ. Tôi sung sướng chạy tung tăng bên dì Mười, lượm những chiếc lá bàng rụng khắp vườn để chất thành đống. Sao mà lá nhiều và đẹp quá! Chúng tôi lựa vài cái to và đẹp nhất để ngắm nghía một lát lâu ở ngoài vườn.

Độ một năm sau, dì Mười lấy chồng. Chính dì Mười và dượng Mười đã gặp nhau trong kỳ bãi trường năm ấy, qua sự trung gian của má tôi và những người bên nhà trai. Đám cưới cử hành ở hai nơi Cái Răng và Tân Bình. Và khi đưa dâu từ Cái Răng về nhà chồng, tôi có đi theo. Dượng Mười là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh, tháo vát. Dượng Mười và tôi trở nên rất tương đắc sau đó, và dượng là người đã chỉ cho tôi biết những công việc cùng những thú vui nơi đồng áng. Không biết dì Mười có gặp được mẫu người dì mơ ước hay không, nhưng có điều tôi tin là dì đã sống rất hạnh phúc, và vẫn còn hạnh phúc mãi cho đến lúc tôi viết những dòng chữ này, mấy mươi năm sau...

Lý con sáo sang sông

NGUYỄN NGỌC TƯ

Bấc về. Như thể trong đời này chỉ còn gió. Gió lạnh căm căm mà khô nẻ môi người ta. Da tôi mốc cời. Tàu chạy lừ lừ dọc theo sông, những quãng không có nhà, sậy mọc thành rừng. Những bông sậy chín mềm, trắng phau phau. Đã nhiều bông lìa cành, trùng trình bay. Nước mặn rin rít da. Nghe gió này là mùa cưới đến.

Nét chữ không bay bướm trong tấm thiệp mộc của út Thà mang cho tôi một cảm giác lạ lùng. Vui, buồn, chua xót lẫn lộn. Má tôi bảo: "Con về sớm mấy ngày cho thằng Phi đỡ buồn." Tôi lật lịch khẽ cười, má à, có những nỗi buồn không ai trị được đâu. Nó day dứt tháng năm, nó dài dăng dẳng. Người yêu đi lấy chồng mà, biết bao người tự tử.

Cái lần gần đây nhất tôi đi Tân Thuận có ghé qua nhà, Phi đang lui cui đóng giường, Thà cũng qua chơi, vo gạo ngoài sàn lãn, dì Tư - má Phi lột bông súng nấu canh chua, Phi nói nửa đùa nửa thật: "Đóng giường mới cưới vợ chơi." "Cưới ai?" "Út Thà." Nghe tiếng kêu cùng tiếng cười giòn trong bếp. Tôi ở lại ăn cơm chiều. Một bữa cơm ấp tiếng cười rộn rã. Khói ấm bừng nở trên những tia nắng xuyên qua khe lá. Họ làm tôi vui quá.

Vậy thì làm sao đến nông nỗi này?

Phi cười cười, từ từ rồi nói. Nhưng dì Tư thì chắt lưỡi hít hà lúc tôi bước chân vô nhà. Dì có vẻ giận Thà lắm. Phi nhún vai thì thầm: "Má tao cằn nhằn nhức mình muốn chết."

Tôi hiểu dì Tư như hiểu má tôi. Trong lòng mọi người thằng Phi tội nghiệp lẽ ra phải được hạnh phúc. Nó hy sinh quá nhiều rồi. Với má tôi, bà thương Phi như con ruột. Phi từng trọ học ở nhà tôi gần tròn năm. Có lần nó về thăm nhà, rồi không trở lên học nữa. Dì Tư kể, lần đó nó đem cây cúp móng tay về, nằng nặc đòi cắt cho ba má. Khi nâng cái chân của dượng lên, nó rớt nước mắt. Những móng chân thúi sạm, kẽ chân nước ăn lở đến tận xương. "Con thấy ba má con cực khổ con chịu không nổi, dì Hai à", Phi trở lên lấy đồ, từ giã bạn học, từ giã cả nhà chúng tôi, má tôi khóc.

Rồi dượng Tư chết, thằng Phi là trụ cột trong nhà chống đỡ cho người mẹ với hai đứa em gái. Mùa mưa nó xoay trần với mười tám công ruộng. Trở bấc là nó lang bạt kỳ hồ. Nó sắm dàn nhạc cũ đi hát phục vụ đám tiệc. Ban nhạc nhỏ, gồm sáu bảy người trong xóm, già có, trẻ có, vừa đờn vừa ca. Phi có giọng ca hay nức tiếng nên ban nhạc của nó khá đắt khách. Nói Phi ai cũng buột miệng khen "Thằng đó ca mùi rụng rún." Trăm ngã sông, ngàn ngõ xóm, Phi rành đất này như ông thổ địa. Có lần nó rủ tôi đi chơi cho biết, dặn "về đừng viết báo nghe cha nội!" nhưng tôi không kìm được, viết ngay về loại hình sinh hoạt văn hóa nông thôn này. Lần ấy, tôi phát hiện ra, Phi càng uống say càng ca thần sầu. Lời ca rõ tiếng vành vành, làn hơi ấm áp. Giọng ca của nó không giống út Trà Ôn, Minh Cảnh hay Minh Vương, chỉ là của Phi thôi. Nó thuộc nhiều bài nhạc, bài cải lương, nhiều vô kể. Tôi ngạc nhiên về một thằng Phi mặc áo phèn đi cắm câu với một thằng Phi nghệ sĩ mặc cái quần kaki mười hai túi trên sân khấu lót bằng bộ ván ngựa. Khuya, Phi rủ tôi xuống ghe nó nằm, nó gác chân lên bụng tôi, kê tay làm đầu gối.

- Mày hát hay vậy sao không kiếm dịp đi thi?

Nó cười:

- Thôi, giọng ca tao, thiếu sông, thiếu nước, coi như hết hay rồi.

Tôi ngó sao trời, lan man một nỗi sợ hãi mơ hồ, có người thợ xây không xây nổi cho mình ngôi nhà, có người thợ mộc nằm đất ngủ lạnh, Phi chuyên hát phục vụ đám cưới cho người ta, bao giờ mới hát cưới mình đây?

- Chừng nào mày cưới út Thà? Quen người ta ba năm rồi, ngâm tới chừng nào?

- Không biết, lo cho con Minh, con Thúy trước đã. Ba năm nữa tụi nó mới ra trường. Tụi nó học ở thành phố mới một năm mà về chê dàn nhạc tao là đồ dỏm, đồ cũ. Tao giận tụi nó, thì nhờ mấy món đồ cổ đó mà tao mới nuôi nổi

tụi nó học đại học. Cũng tội nghiệp, hai đứa nó biết lỡ lời nên buồn hiu. Tao thương tụi nó quá.

- Vậy không thương út Thà sao?

- Thương. Thương thiệt.

Thương mà sao không biết tính làm sao.

Nhà út Thà ngó xéo bên sông. Hôm nay là nhóm họ, qua đám dừa nước thưa, thấy đằng trước rạp đã lùm xùm những tàu dừa bẻ vòng nguyệt, lá đùng đình vắt xòa quanh mấy cây cột rạp ốp bẹ chuối non. Phi ngượng nghịu:

- Lẽ ra tao phải qua bển phụ một tay.

- Sao vậy?

- Bữa trước gặp ngoài chợ huyện tao lỡ nói dóc là kẹt không về. Lúc đó tao tưởng là không chịu nổi?

- Bây giờ chịu nổi rồi à.

- Ừ!

Phi nói có vẻ nhẹ nhàng như thể nó đã chuẩn bị điều này từ lâu lắm rồi. Hai đứa nằm trên cái võng giăng ngoài chái dựa hàng lu nước. Tôi nghe rất rõ gió cuộn thành lọn, lăn miết trên da mình. Có nỗi buồn nào đó đang thở rất mạnh. Dì Tư buồn tình chèo xuồng về bên ngoại chắc chiều mới về. Một chút ai ngờ út Thà qua. Cô mang cho chúng tôi một tiếng cười giòn.

- Em biết anh Kiên bữa nay về mà.

Phi nạt:

- Ở bên nhà đang lu bu...

- Thiếu gì người làm. Còn em, qua đây lâu lắm mới qua nữa. Mà, biết đâu là... lần cuối.

Chữ "lần cuối" Thà buông xuống, lạnh như bấc cuộn gai ốc trên tay tôi. Thà chợt cười (lại cười... giòn):

- Hai người nằm làm gì, đi nhậu đi.

Tôi với Phi trợn mắt nhìn nhau, nghe tiếng chân Thà lẹp xẹp vào bếp. Thà rành từng ngóc ngách nhà Phi nên không lâu lôi ra từ bộ vạc tre chai rượu trắng với đĩa mắm lóc xé trộn gừng. Một chút bổ sung thêm chén khế chua xắt lát. Chúng tôi kéo lại ngồi với nhau. Và với gió. Thà là con gái nhưng uống rượu khá mạnh. Phi nãy giờ không nói gì, ngó Thà lom lom:

- Làm gì ngộ vậy Thà...?

- Uống rượu cho dễ nói chuyện.

- Chuyện gì?

- Chuyện anh Phi nói gạt, ảnh tránh em. Đám em mà ảnh còn không qua vậy mà nói thương em. Tụi mình là bạn bè, anh Kiên coi phải không?

Tôi cười cười, chịu Thà thôi. Khi chúng tôi còn nhỏ, thật tình có dạo tôi tranh Thà với Phi. Bởi vì Thà có đôi mắt một mí nhưng đen, mái tóc đen, khuôn mặt xinh xinh duyên dáng và cũng bởi vì cô nói chuyện rất cuốn hút, thuyết phục người ta, điều này với các cô gái quê là rất hiếm hoi.

- Nghe nói Thà lấy chồng về Cái Nước?

- Dạ, xa lắm, chắc lâu nữa mới về một lần. Anh Kiên đi công tác ngang chợ Rau Dừa, nhớ ghé nhà máy Phú Phong thăm em. Anh Phi cũng vậy nghen!

Phi "ừ", nâng ly uống "chóc".

- Sanh con cứ lấy tên anh mà đặt.

- Dạ. Nhưng vái trời cho nó đừng ca hay như anh. Có nhiều cô mê lắm.

Thà cười. Tôi ngơ ngác giữa đôi bạn thân. Họ đang đứng ở bên bờ chia xa mà thanh thản vậy sao? Tôi đùa:

- Uổng công anh nhường em cho thằng Phi, nghe tin Thà lấy chồng như trời sập. Quả tình anh giận em lắm...

Thà bảo không uống nữa, trở bộ duỗi chân.

Em biết, ai không hiểu chuyện thì giận em lắm. Lần đó, bên chồng em qua hỏi, ba má em hẹn ba ngày trả lời. Trước đó em đã từ chối bốn mối rồi. Một mình em chạy máy đi lòng vòng kiếm anh Phi. Cực khổ lắm. Kiếm được rồi hỏi ảnh tính sao? Ảnh kêu em về. Song ảnh chạy xuồng tắt qua Rau Dừa, dò hỏi kỹ bên chồng em. Hỏi từ ông già, bà già cho tới đứa con nít xong ảnh về kêu em ra nói một câu: "Em lấy chồng đi". Hai đứa ngồi ngoài bực tính kỹ lắm. Em thấy chắc không chờ được nữa rồi. Con gái xóm em mười bảy, mười tám tuổi có chồng, em đã hai bốn rồi, ba má em như ngồi trên đống lửa. Nói cho kỹ chuyến này là anh Phi gả em. Ảnh nói bên chồng em khá giả, lại đàng hoàng, xứ đó ai cũng biết tiếng chịu khó làm ăn. Xét cho cùng, em cũng có lỗi, em không chắc lòng chắc dạ với anh Phi. Mỗi khi ảnh đi, em nhớ ảnh lắm, em nhớ giọng ca của ảnh. Rồi tưởng tượng ra biết bao cô cũng ngồi nhớ ảnh như em. Ảnh đi hoài, mai mốt biết ảnh có về cưới em không? Có câu "Bậu lỡ thời như giấy trôi sông..." anh Kiên nghe chưa? Đó, lỗi của em là nhiêu đó đó. Nghĩ lại cuối cùng em không xứng với cái tình của anh Phi. Tụi em thương nhau không lấy được nhau thì không có thù hằn đâm chém đâu anh Kiên à. Khổ cái, đám em ảnh trốn không qua coi như không tha thứ cho em rồi.

Phi phì cười:

- Thôi mà, anh lỡ lần này thôi, Thà ơi.

Thà nói xong, má đã ửng hồng. Đôi mắt cô

Chợ nổi Cà Mau - chút tình sông nước

NGUYỄN NGỌC TƯ

Không biết bây giờ bạn đang lang thang ở đâu, lên Sa Pa đi chợ tình hay đã xuôi chợ Viềng Nam Định, không biết đang sì sụp ăn ốc nóng ở chợ Âm Phủ — Đà Lạt hay về miền tây Nam Bộ xuôi thuyền thăm các chợ đồng bằng. Được du khảo qua các chợ, đó là niềm đam mê không dễ gì dứt bỏ, có lần bạn đã nói thế, phải không. Vậy thì sao bạn không về thăm chợ nổi Cà Mau quê tôi?

Nằm giữa lòng thành phố Cà Mau, quãng cuối sông Gành Hào, đứng trên cầu nhìn về phía mặt trời mọc, người ta có thể nhìn thấy một dãy ghe rập rờn xao động cả mặt sông, những cái chân vịt gác chỏng lên loang loáng dưới mặt trời. Không biết chợ đã hình thành từ khi nào, phải chăng từ những chiếc ghe thương hồ xuôi ngược một hôm neo đậu gần nhau để mồi xin chút lửa, trao đổi cho nhau nắm gạo lứt, tấm vải bố tời, trái bầu, trái bí... mà nên một xóm chợ trên sông đông đúc, sung túc nhất đồng bằng như bây giờ ?

Sao bạn lại không thể cùng tôi dạo chợ trên sông, đi từ buổi sớm mai trong lành để ngắm xóm chợ tươi tắn, nhiều màu sắc và lạ lùng trong con mắt người xứ khác. Mà, sao lại là buổi mai? Vì chợ lúc bình minh lên như thời thơ ấu của một đời người, đẹp đẽ, tinh khiết, trong ngần. Sương đọng trên chiếc mùng giăng trên mui ghe của đám trẻ con ngủ vùi, ngủ nướng rồi bảng lảng tan cho một ngày buôn bán bận rộn bắt đầu. Hàng trăm chiếc ghe to, nhỏ khẩm lừ, đậu sát vào nhau thành một dãy dài, người bán, người mua trùng trình trên sóng nước. Buổi sớm mai, đó là buổi của những chiếc xuồng con với các chị, các dì bán hàng ăn sáng, mùi thơm của các loại bánh lan tỏa xa hơn cả tiếng

---

đen và trong lắm. Đôi mắt Phi cũng đen và trong lắm. Trong lòng tôi tự nhiên muốn ôm choàng hai đứa bạn vào lòng. Ba chúng tôi ngồi với nhau như ngày xưa, lúc nhà tôi còn ở đây, chưa ngụp mặt dưới dòng sông lở. Trước nhà tôi có giàn mướp vàng hoa. Những đứa trẻ lấy đó làm nhà, sống đầm ấm, và chúng yêu thương nhau cho tới bây giờ. Phi giục:

- Thôi nói bao nhiêu đó đủ rồi, Thà về đi...

- Dạ.

- Đừng buồn anh.

- Không buồn đâu. Mai mốt em có con, tối ngày nựng nịu nó, thời gian đâu mà buồn. Em mê con nít lắm.

- Nhớ sanh hai đứa thôi, đúng chính sách. Sanh nhiều mau già, dễ chết - Phi dặn thêm.

Chúng tôi đều cười. Cái mất mất rồi, cái còn hình như vẫn còn đó. Tôi cảm thấy hơi ấm từ lòng mình ấm phừng đến mặt. Chắc tại rượu ngon. Thà về, xuống tới bến còn quay lại phân trần:

Sao tự nhiên em qua đây lãng xẹt vậy không biết?

Cô cười giòn. Tôi có cảm giác cái cười níu chặt vật làn nước mắt chực rơi ra. Thì là người mà, có phải cây cỏ đâu. Phi không tiễn Thà mà ngồi trên nhà gõ chén ca, giọng ca thêm rượu thần sầu.

"Ở ở... Ai xui mà con sáo nò sang sông cái nò sang sông. Cho nên mà con sáo ở ở sổ lồng cái kìa bay xa cái kìa bay xa, cái lý em ở, cái lý chàng đi...".

Tôi xin thề với thiên thần thổ địa rằng chưa bao giờ được nghe một bài Lý con sáo sang sông điệu Bạc Liêu đứt ruột như vậy. Nó mênh mang, sâu rứt những nỗi nhớ thương từ tim, từ máu. Tôi buột miệng: "Thì mày đưa con sáo của mày sang sông chớ ai". Phi ngưng hát, miệng lầm bầm: "Chớ bắt người ta chờ mình tới chừng nào".

Dì Tư về. Có vẻ như dì về đã lâu. Bà hỏi: "Sao tự nhiên tụi bây nhậu vậy?" mà không đợi chúng tôi trả lời, ngồi thừ rất lâu. Rồi bà kể chuyện thằng em họ xa của Phi vì ghen tuông đâm chết người bị bắt lên trên huyện. Bà chắt lưỡi: "Sao tụi trẻ bây giờ coi trọng chuyện trai gái vậy không biết". Phi quạt mạnh tay cho những bụi than hồng trong bàn ủi bay lên, tủm tỉm cười: "Bà già muốn nhắn gởi tao đó".

Chạng vạng, chúng tôi xuống xuồng qua sông. Dì Tư biết chúng tôi đi đâu nhưng hỏi cho có:

- Con đi đâu vậy Phi?

Phi trả lời, giọng cố nghiêm túc:

- Con đi ca, má à!

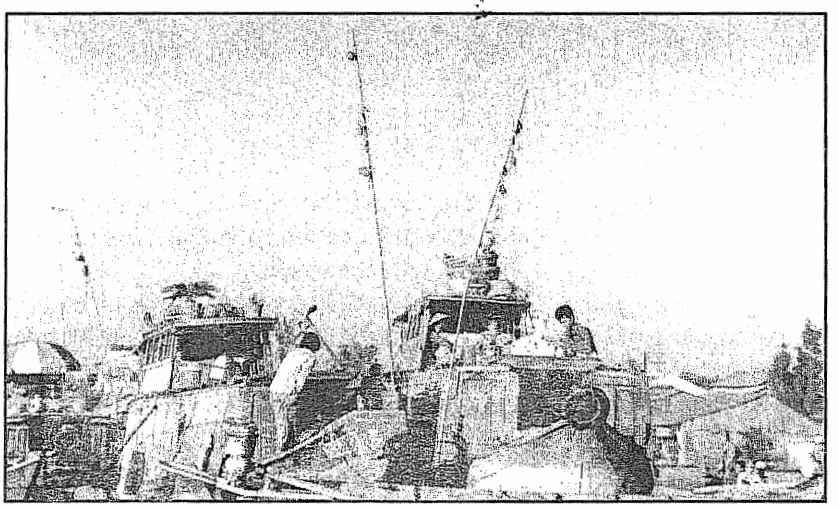

rao hàng, là buổi của những chiếc ghe hàng bông đổ ra từ trăm ngàn con sông, rạch để bổ hàng rồi trở về theo trăm ngàn lối sông rạch cho chuyến buôn xa. Buổi của những chủ ghe tất bật bày biện sao cho mớ hàng hóa của mình mới mẻ, tươi tắn và tinh tươm nhất.

Ngày trước, chợ trên sông Cà Mau cũng giống như nhiều chợ nổi đồng bằng khác buôn bán rất nhiều mặt hàng từ nhu yếu phẩm đến thực phẩm, nghe kể, chợ bán cả bàn ghế, giường ngủ, tủ thờ... Bây giờ, cách buôn bán ấy chỉ còn ở những ghe hàng bông lưu động đến tận nhà người dân, riêng chợ nổi Cà Mau chỉ tập trung bán sỉ hàng hóa nông sản tươi, những thứ rau, trái miệt vườn. Với khách đường xa, đi chợ trên sông là để xem, để khám phá cái nguyên khí một miền quê lạ. Bạn không cần ghé vào từng ghe để xem hàng họ bán những gì, bạn chỉ cần biểu em gái chèo đò chèo chậm thôi, thong thả thôi ngang qua chợ. Bạn cứ nhìn cái nhánh cây thon, dài buộc ở đầu ghe kia, trên cây treo gì thì ghe bán thức ấy, lúc la lúc lỉu trông lạ vậy, nhưng đó là tiếng chào mời không lời. Chẳng cần rao bán, chèo kéo nhưng khách cầm lòng nào mà bỏ đi. Cầm lòng được sao với cái màu đỏ thanh thao của trái đu đủ chín cây, đỏ au au của chùm chôm chôm, vàng ươm của khóm, xoài, xanh riết của cóc, ổi, tím của cà... Giữa chợ nổi Cà Mau, cảm giác như gặp được những khu vườn của miệt sông Tiền, sông Hậu, như nhìn thấy những rẫy khóm, rẫy mía miên man dọc triền sông Trẹm quê mình.

Mỗi chiếc ghe neo đậu ở đây là một ngôi nhà, ngang hai mét, dài năm bảy mét. Nhỏ bé, chật hẹp là vậy, nhưng khách thương hồ lại có tâm hồn hiếu khách, hào sảng, rộng rãi. Bạn đến, họ sẽ chẳng hẹp lòng gì mà không mời bạn nếm thử miếng dưa gang thanh thao, cái thơm ngọt lạ lùng của trái dừa nước, thử cái vị chua chua của trái dâu, trái khế quê nhà. Nếu bạn lỡ phải lòng cô bán hàng duyên dáng nào đó thì xin hẹn ước mau mau, để chần chừ về nhà rồi quay trở lại, sợ rằng sẽ đứng trên chiếc đò nhỏ chao trên sóng (hay lòng của ta chao) nhìn cây cọc buộc ghe vắng một sợi dây quen, có buồn lắm thì cũng đành hát "người đã đi rồi khôn níu lại." Biết làm sao được, bản chất của xóm chợ này là vậy, hợp rồi tan như lục bình trôi, như bèo giạt.

Tôi luôn nuôi một niềm hy vọng sẽ cùng bạn lênh đênh trên chợ nổi quê mình. Khoe cái sầm uất, rộn ràng của chợ buổi sáng, buổi trưa, cho bạn cảm nhận cái man mác buổi chiều. Cái man mác buồn đúng là của một chiều phố núi nào đó, một xóm nhỏ heo hút nào đó nhưng ở trên sông này vẫn có nét riêng. Những chiều tà, chợ nổi đìu hiu bập bềnh đậu hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, đỏ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xới nồi cơm nghi ngút khói, những người đàn ông xếp bằng ngồi trên mui ghe vấn những điếu thuốc to đùng bằng đầu ngón chân cái, phì phà nhả khói lên trời. Những đứa trẻ con ngồi tênh hênh trên mũi ghe câu cá chốt, cá mè. Những cô con gái sau một ngày bán hàng mệt mỏi tìm niềm vui bằng việc nựng nịu chăm nom cho mấy bụi hẹ, chòm rau húng lủi, vài cây ớt ốm nhom trong cái khạp bể để trên mui ghe mà nghe phảng phất niềm thương nhớ đất.

Bình dị vậy mà chợ nổi quê tôi đã đi vào nhạc, vào thơ, vào những bức tranh, bức ảnh. Những văn nghệ sỹ đến, làm nên tác phẩm rồi đi mà vẫn hẹn lòng quay lại bởi niềm hứng khởi trước những vẻ đẹp lạ lùng, đặc trưng của miền sông nước mãi mãi không bao giờ cạn. Vậy sao bạn còn chưa đến với đất quê tôi?

Nước sông Gành Hào ngày ngày ra biển rồi lại quay về há không phải vì không nỡ xa, không phải vì thương nhớ chợ nổi Cà Mau đó sao? Sông còn vậy, huống chi người?

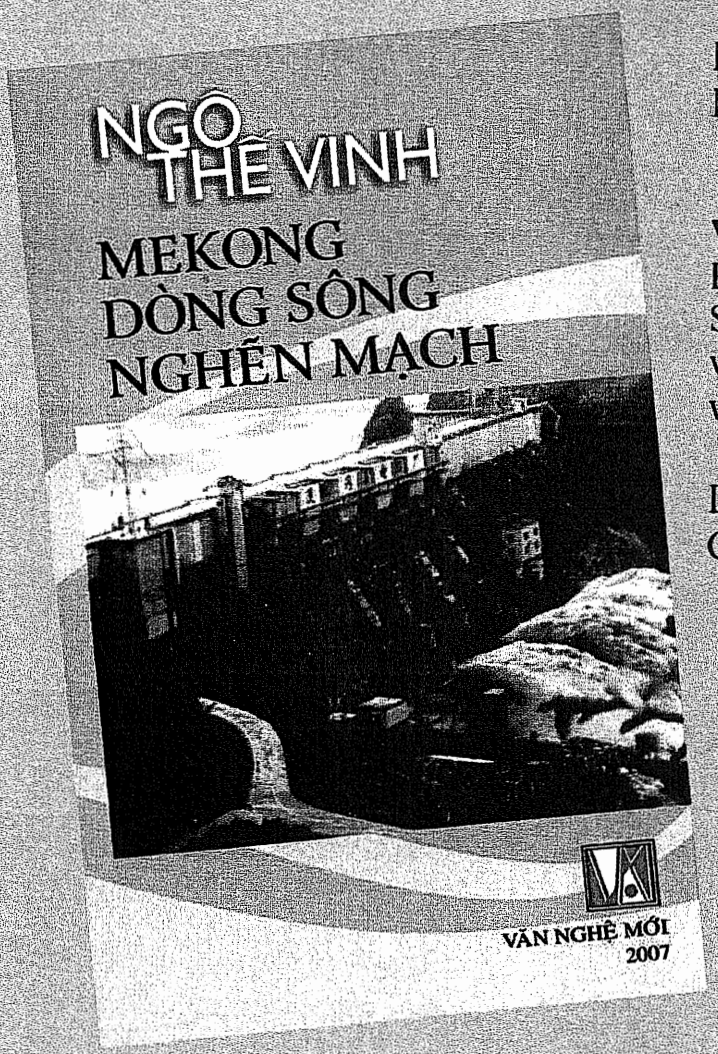

MEKONG DÒNG SÔNG NGHẼN MẠCH

VĂN NGHỆ MỚI
P.O. Box 3123
Seal Beach, CA 90740
vannghemoi@gmail.com
www.ngothevinh.com

ISBN 978-0-9793097-0-0
Giá: **$16.00**

Tác phẩm mới nhất của Ngô Thế Vinh với những trang bút ký và nhiều hình ảnh sống động của tác giả qua những chuyến đi thăm các khúc sông thượng nguồn từ Vân Nam, Lào Thái, Cam Bốt xuống tới ĐBSCL; cũng để thấy rằng những bước suy thoái của dòng sông đã và đang diễn ra nhanh hơn dự kiến của nhiều người khi mà ngoài chuỗi đập thủy điện bậc thềm khổng lồ Vân Nam chắn ngang dòng chính, từ tháng 12 / 2006 sông Mekong đang là thủy lộ chở dầu hỏa từ Trung Đông vào Trung Quốc qua ngả Thái Lan thay vì phải đi qua eo biển Malacca.

Tháng 7 năm 2007 nhà xuất bản VĂN MỚI ấn hành cuốn ĐỈNH GIÓ-HÚ, tác phẩm dịch thuật duy nhất của văn hào NHẤT LINH.

*

Dịch Giả NHẤT LINH trong cuốn biên *khảo Viết và đọc tiểu thuyết* của ông đã viết: "Trong cuốn sách lạ lùng của nữ văn hào Anh quốc Emily Brontë, cuốn Đỉnh Gió-Hú (Wuthering Heights), xuất bản năm 1847, tác giả đã để một người vú già kể chuyện lại. Một vú già kể chuyện thì còn làm gì có những chỗ giảng giải về tâm hồn, ý nghĩ nhân vật nữa, tuyệt nhiên không có, tuyệt nhiên vú già chỉ là người đứng ngoài thôi. Thế mà chỉ bằng một giọng kể chuyện rất thường, bằng những chi tiết, vú già đó đã cho người ta thấy tất cả cái sâu xa của tâm hồn người trong truyện".

Nhà văn W. SOMERSET MAUGHAM đã chọn Đỉnh Gió-Hú là một trong mười cuốn tiểu thuyết ông cho là hay nhất thế giới. Ông viết: "Đỉnh Gió-Hú không phải là một cuốn sách để chúng ta đàm luận, nó là một cuốn sách để chúng ta đọc... Nó chứa đựng một thứ mà rất ít tiểu thuyết gia có thể cho chúng ta, ấy là Năng-Lực. Tôi chưa thấy một cuốn tiểu thuyết nào mà nỗi buồn rầu thống khổ, niềm vui sướng điên cuồng, tính độc ác vô tình, sự ám ảnh của ái tình được diễn tả một cách kỳ diệu như trong Đỉnh Gió-Hú".

Nhà nghiên cứu và phê bình văn học THỤY KHUÊ trong bài *Thế hệ bắc cầu* đã viết: "Tôi còn nhớ, trong *Viết và đọc tiểu thuyết* Nhất Linh khen cuốn Wuthering Heights là cuốn tiểu thuyết hay nhất của mọi thời. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về nhận định này, bởi vì ông rất khâm phục Tolstoï, kỹ thuật viết của ông dựa trên kỹ thuật của Tolstoï, vậy tại sao ông lại chọn Brontë là tác giả tiểu thuyết hay nhất của mọi thời? Và trước khi mất, ông "ngồi cạnh" Brontë chứ không phải Tolstoï.
Bây giờ thì tôi hiểu: cái bí mật trong tiểu thuyết của Brontë đã lôi cuốn ông. Brontë đã biết được "cái bí mật" trong con người, con người còn sống và đã chết, trong đó có ông. Brontë với ông là kẻ "đồng hội đồng thuyền". Cho nên, trước khi xuống "dưới ấy", ông đã đọc lại Brontë, để gặp nhau "đào sâu" thêm những nghi vấn bí mật giữa sống và chết chưa giải mã được.

Giá Bán 7 Mỹ Kim